ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH KHOA HỌC MÁY TÍNH
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Cần Thơ, tháng 12 năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH KHOA HỌC MÁY TÍNH
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Cần Thơ, tháng 12 năm 2023

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KHOA HỌC MÁY TÍNH
(Kèm theo Quyết định số 338/QĐ-ĐHKTCN ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Ký tên
1	Ông Huỳnh Thanh Nhã	PGS. TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Ông Trương Minh Nhật Quang	TS, Phó Hiệu trưởng, Trưởng khoa Công nghệ thông tin	Phó chủ tịch	
3	Ông Lê Anh Tuấn	ThS, Trưởng phòng Thanh tra - Pháp chế - Khảo thí - Đảm bảo chất lượng	Thư ký	
4	Ông Nguyễn Minh Tuấn	TS, Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên	
5	Ông Nguyễn Đăng Hoa Nghiêm	TS, Phó Trưởng phòng Quản lý khoa học - Hợp tác quốc tế	Thành viên	
6	Ông Nguyễn Chí Hiếu	ThS, Trưởng phòng Công tác chính trị và Quản lý sinh viên	Thành viên	
7	Ông Lê Anh Xuân	TS, Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính	Thành viên	
8	Ông Võ Khắc Tâm	ThS, Trưởng phòng Quản trị - Thiết bị	Thành viên	
9	Ông Trần Long Hải	ThS, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán	Thành viên	
10	Ông Nguyễn Hoàng Viện	ThS, Thư ký Hội đồng Trường	Thành viên	
11	Bà Hà Lê Ngọc Dung	ThS, Phó Trưởng khoa Công nghệ thông tin	Thành viên	
12	Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	TS, Trưởng bộ môn Hệ thống thông tin	Thành viên	
13	Ông Đinh Thành Nhân	ThS, Phó Trưởng Bộ môn Kỹ thuật phần mềm	Thành viên	
14	Ông Nguyễn Trung Kiên	ThS, Phó Trưởng Bộ môn Khoa học máy tính	Thành viên	
15	Ông Hồng Thanh Luận	ThS, Giảng viên	Thành viên	
16	Bà Đặng Thị Dung	ThS, Giảng viên	Thành viên	
17	Bà Trần Thị Hồng Nga	ThS, Giảng viên	Thành viên	
18	Bà Lê Anh Nhã Uyên	ThS, Giảng viên	Thành viên	
19	Ông Nguyễn Văn Chí	ThS, Giảng viên	Thành viên	
20	Ông Lâm Thanh Toàn	ThS, Giảng viên	Thành viên	
21	Ông Phan Nguyễn Thanh Hùng	Sinh viên lớp KHMT0121	Thành viên	

(Danh sách có 21 thành viên)

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT 1

PHẦN I. KHÁI QUÁT 4

1. Đặt vấn đề 4

2. Tổng quan chung 6

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ 11

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo 11

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo 24

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung CTDH 30

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học 41

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học 48

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ GV, nghiên cứu viên 59

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên 83

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học 99

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị 113

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng 128

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra 146

PHẦN III. KẾT LUẬN 163

1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT 163

2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT 175

3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT 179

4. Tổng hợp kết quả TĐG CTĐT 185

PHẦN IV. PHỤ LỤC 189

Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo 189

Phụ lục 2. Các tư liệu, tài liệu liên quan 214

Phụ lục 3. Danh mục minh chứng 223

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

TỪ VIẾT TẮT	TỪ VIẾT ĐẦY ĐỦ
BGH	Ban Giám hiệu
BCN	Ban Chủ nhiệm
CB	Cán bộ
CBQL	Cán bộ quản lý
CĐR	Chuẩn đầu ra
CLB	Câu lạc bộ
CNTT	Công nghệ thông tin
CSGD	Cơ sở giáo dục
CSVC	Cơ sở vật chất
CTCT&QLSV	Công tác chính trị và Quản lý sinh viên
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
CTSV	Công tác sinh viên
CVHT	Cố vấn học tập
DVSV	Dịch vụ sinh viên
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐCCT	Đề cương chi tiết
ĐCMH	Đề cương môn học
ĐH	Đại học
ĐHKTCNCT	Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ
ĐT	Đào tạo
GDĐH	Giáo dục đại học

GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
GS	Giáo sư
GV	Giảng viên
HTNH	Hỗ trợ người học
HTTT	Hệ thống thông tin
HTQT	Hợp tác quốc tế
KĐCL	Kiểm định chất lượng
KH&HTQT	Khoa học và Hợp tác quốc tế
KHCL	Kế hoạch chiến lược
KHCN	Khoa học công nghệ
KH&CN	Khoa học và công nghệ
KHMT	Khoa học máy tính
KPIs	Key Performance Indicator (chỉ số đánh giá năng lực thực hiện công việc)
KQHT	Kết quả học tập
KTĐG	Kiểm tra đánh giá
KTPM	Kỹ thuật phần mềm
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NTD	Nhà tuyển dụng
NH	Người học
NV	Nhân viên
PPGD	Phương pháp giảng dạy
PGS	Phó Giáo sư
PVCĐ	Phục vụ cộng đồng

QL	Quản lý
QLCL	Quản lý chất lượng
QLKH-HTQT	Quản lý khoa học - Hợp tác quốc tế
QLSV	Quản lý sinh viên
QT-TB	Quản trị - Thiết bị
SĐH	Sau đại học
SHTT	Sở hữu trí tuệ
SM	Sứ mạng
SV	Sinh viên
TC-HC	Tổ chức - Hành chính
TC-KT	Tài chính - Kế toán
TĐG	Tự đánh giá
ThS	Thạc sĩ
THPT	Trung học phổ thông
TLGD	Triết lý giáo dục
TN	Tầm nhìn
TS	Tiến sĩ
TS&TT	Tuyển sinh và truyền thông
TT-PC-KT-ĐBCL	Thanh tra - Pháp chế - Khảo thí - Đảm bảo chất lượng
TW	Trung ương
UBND	Ủy ban nhân dân
VCGV	Viên chức, giảng viên

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Năm 2020, Trường đã tiến hành kiểm định chất lượng CSGD và được Trung tâm Kiểm định CLGD - Đại học Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục cho Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ (Quyết định số 26/QĐ-CEA.UD ngày 19/01/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng). Nhà trường tích cực triển khai nhiều hoạt động như: cải tiến, nâng cao chất lượng cơ sở giáo dục trên các lĩnh vực đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng và tập trung triển khai tự đánh giá các CTĐT có sinh viên tốt nghiệp theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT; Hướng dẫn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng; Hướng dẫn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng. Trên cơ sở đó, Nhà trường quyết định chọn CTĐT ngành Khoa học máy tính để đăng ký kiểm định chất lượng.

Trong quá trình triển khai tự đánh giá CTĐT ngành Khoa học máy tính, Hội đồng tự đánh giá căn cứ vào các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ GD&ĐT để tiến hành xem xét, tự đánh giá và báo cáo về thực trạng chất lượng CTĐT; đánh giá hiệu quả các hoạt động đào tạo, NCKH, chỉ ra những mặt mạnh và mặt yếu cần khắc phục, từ đó đề ra các biện pháp điều chỉnh nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo đã đề ra.

Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo ngành KHMT trình độ đại học là sản phẩm của quá trình tự đánh giá khách quan, trung thực, công khai, minh bạch. Báo cáo tự đánh giá dựa trên bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hàn. Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành KHMT bao gồm 4 phần:

+ Phần I: Khái quát, mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin và bối cảnh của hoạt động tự đánh giá nhằm giúp người đọc hiểu rõ hơn về nội dung của bản báo cáo tự đánh giá. Phần này đồng thời cũng mô tả sự tham gia của khoa, phòng, ban, giảng viên, nhân viên, người học… , cách thức tổ chức các thành phần này tham gia hoạt động tự đánh giá CTĐT.

+ Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiểu mục lần lượt là: (1) Mô tả - phân tích chung về toàn bộ tiêu chuẩn và chỉ ra các minh chứng cụ thể; (2) Điểm mạnh - nêu những điểm mạnh của CTĐT; (3) Điểm tồn tại; (4) Kế hoạch hành động; (5) Tự đánh giá.

+ Phần III: Kết luận về những điểm mạnh, những điểm cần phát huy của CTĐT, được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn; tóm tắt những điểm tồn tại và vấn đề cần cải tiến chất lượng; kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT và tổng hợp kết quả tự đánh giá.

+ Phần IV: Phụ lục theo Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD của Cục QLCL - Bộ GD&ĐT, bao gồm cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng giáo dục CTĐT, các quyết định văn

bản liên quan khác và các danh mục minh chứng.

Nội dung chính của Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành KHMT dựa theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành. CTĐT ngành KHMT được đánh giá dựa trên 11 tiêu chuẩn, với 50 tiêu chí. Trong đó, các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 tập trung vào mục tiêu, chuẩn đầu ra, bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung chương trình dạy học và phương pháp tiếp cận trong dạy và học; tiêu chuẩn 5 đánh giá về kết quả học tập của người học; tiêu chuẩn 6, 7 đánh giá về đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên; tiêu chuẩn 8 đánh giá các yếu tố liên quan đến người học và hoạt động hỗ trợ người học; tiêu chuẩn 9 gắn với các vấn đề về cơ sở vật chất và trang thiết bị; tiêu chuẩn 10 tập trung đưa ra các nhận định về việc nâng cao chất lượng CTĐT và nghiên cứu khoa học; tiêu chuẩn 11 nêu đánh giá về kết quả đầu ra của cả CTĐT ngành KHMT.

1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá

Mục đích tự đánh giá:

Đánh giá tổng thể các hoạt động của ngành KHMT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT là một khâu quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng CTĐT của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ.

Quá trình tự đánh giá giúp Nhà trường nói chung và Khoa CNTT nói riêng tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT ngành KHMT, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT; xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT; từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng đào tạo, tiệm cận tiêu chuẩn quốc tế của khu vực và các nước trên thế giới.

Tự đánh giá là cơ sở để đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT ngành KHMT.

Hoạt động tự đánh giá cũng thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Khoa CNTT trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với triết lý giáo dục, tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của Nhà trường và của Khoa.

Quy trình tự đánh giá được thực hiện gồm các bước sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá;

Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá;

Bước 3: Thu thập, phân tích và xử lý thông tin và minh chứng;

Bước 4: Viết báo cáo tự đánh giá;

Bước 5: Lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá;

Bước 6: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Phương pháp tự đánh giá chủ yếu là thu thập thông tin, minh chứng từ các nguồn ở trong và ngoài trường giai đoạn 2018 - 2023, trên cơ sở đó phân tích, đánh giá theo từng

tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng.

Phương pháp mã hóa minh chứng được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD của Cục QLCL - Bộ GD&ĐT. Mã thông tin và minh chứng (Mã MC) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: **Hn.ab.cd.ef**

Trong đó:

- H: viết tắt "Hộp minh chứng" (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)
- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp n ≥ 10 thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)
- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...)

Ví dụ:

H1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1;

H3.03.02.15: là MC thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3;

H4.04.03.25: là MC thứ 25 của tiêu chí 03 thuộc tiêu chuẩn 4, được đặt ở hộp 4;

H8.10.02.04: là MC thứ 4 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 8;

H10.10.02.04: là MC thứ 4 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 10.

Công cụ TĐG: Bản "*Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Khoa học máy tính"* là sản phẩm của một quá trình tự đánh giá khách quan, trung thực, dân chủ, minh bạch và công khai CTĐT ngành Khoa học máy tính - Khoa Công nghệ thông tin theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT).

2. Tổng quan chung

2.1. Khái quát về lịch sử phát triển

Ngày 29 tháng 01 năm 2013, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 249/QĐ-TTg thành lập Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ (tên viết tắt CTUT, sau đây gọi là Trường) trên cơ sở nguồn nhân lực, cơ sở vật chất của Trung tâm Đại học Tại chức Cần Thơ.

2.2. Tầm nhìn, sứ mạng và các giá trị của Trường

Sứ mạng: Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực có đạo đức tốt, có chuyên môn cao, có khả năng tiếp cận nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, đáp ứng nhu cầu phát triển của TP Cần Thơ, vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

Tầm nhìn: Đến năm 2030, Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ trở thành

trường đại học theo định hướng ứng dụng, quản lý liên ngành kỹ thuật công nghệ phù hợp với xu thế phát triển trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Giá trị cốt lõi: " Chất lượng - Sáng tạo - Năng động - Phát triển ".

Triết lý giáo dục: " Đức trí - Kỹ năng - Sáng tạo - Hội nhập".

2.3. Đội ngũ cán bộ, giảng viên, sinh viên và các hoạt động của Trường

- Đội ngũ cán bộ giảng viên

Tính đến tháng 12 năm 2023, Trường có 07 phòng, 07 khoa và 03 trung tâm trực thuộc. Tổng số cán bộ, giảng viên và nhân viên của trường 266 người, trong đó giảng viên cơ hữu 246 người, viên chức quản lý hành chính 20 người. Phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, Trường có 04 PGS, 47 TS, 189 ThS và 06 ĐH. Trường có thỉnh giảng 45 giảng viên hỗ trợ công tác giảng dạy, trong đó có 02 PGS, 17 TS, 36 ThS. Trong đó, Khoa CNTT hiện có 01 PGS, 16 TS, 40 ThS và 01 Đại học.

- Hoạt động đào tạo

Tổng số sinh viên của trường là 5184 sinh viên thuộc 22 ngành đào tạo trình độ đại học chính quy. Khoa CNTT chịu trách nhiệm đào tạo 05 ngành (Khoa học máy tính, Hệ thống thông tin, Kỹ thuật phần mềm, Khoa học dữ liệu, Công nghệ thông tin) với 1563 sinh viên đang học, trong đó ngành Khoa học máy tính có 282 sinh viên đang học.

- Hoạt động nghiên cứu khoa học

Trường rất chú trọng công tác NCKH và xem hoạt động NCKH là biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo của Trường. Từ năm 2018 đến năm 2023, Trường có 98 đề tài NCKH cấp cơ sở được nghiệm thu, đưa vào ứng dụng; 02 đề tài NCKH cấp Thành phố đã nghiệm thu, đăng ký giải pháp hữu ích; 01 đề tài NCKH cấp huyện đã hoàn tất. Trong năm 2023, Trường có 23 đề tài NCKH cấp cơ sở đã được Hiệu trưởng ra quyết định công nhận kết quả thực hiện. Tính tháng 12 năm 2023, Trường đã có 200 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế, 240 bài báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước có phản biện và 01 sách chuyên khảo xuất bản quốc tế. Bên cạnh đó, NCKH trong SV cũng được quan tâm, có 35 đề tài sinh viên được nghiệm thu, 13 bài báo sinh viên tham gia xuất bản và một số đề tài đã đạt được thành tích cao trong các cuộc thi khoa học và công nghệ.

Hằng năm, Trường tổ chức các buổi báo cáo khoa học cấp khoa và cấp trường thu hút sự quan tâm của giảng viên, cán bộ viên chức và sinh viên. Tính đến tháng 12 năm 2023, Trường có 261 báo cáo khoa học cấp khoa, 59 báo cáo khoa học cấp trường. Năm 2023, Trường đã tổ chức được 12 Báo cáo khoa học cấp Khoa và 07 Báo cáo khoa học cấp Trường.

- Hoạt động phục vụ cộng đồng

Trường chú trọng tổ chức các buổi hội thảo, chuyên đề hướng nghiệp và ngày hội việc làm. Các tập đoàn, doanh nghiệp trong và ngoài nước được mời để trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm và kiến thức thực tiễn. Những hoạt động này cùng với những hỗ trợ/hợp tác

khác đã giúp hàng trăm sinh viên có cơ hội thực tập và được tuyển dụng ngay khi tốt nghiệp.

Góp phần phục vụ và phát triển cộng đồng, các hoạt động hợp tác nghiên cứu phát triển, chuyển giao công nghệ và đào tạo nhân lực với các chính quyền địa phương đã được đẩy mạnh trong thời gian qua. Theo đó, Trường đã ký kết hợp tác với nhiều địa phương. Nhiều hội thảo và kết quả nghiên cứu về phát triển kinh tế - xã hội đã được triển khai tại các địa phương và đem lại kết quả tích cực, đóng góp vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội tại các địa phương.

Hằng năm, Đoàn Thanh niên tổ chức sinh viên tham gia chiến dịch mùa hè xanh giúp đỡ những địa phương còn khó khăn về vật chất cũng như tinh thần, bên cạnh hoạt động mùa hè xanh Nhà trường còn tổ chức nhiều hoạt động khác như: chiến dịch tình nguyện hiến máu nhân đạo mỗi năm trên 100 đơn vị máu, tổ chức làm lồng đèn (gần 1000 chiếc) tặng cho các cháu thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn. Bên cạnh đó, Nhà trường còn thường xuyên hưởng ứng và tham gia các chương trình nhân đạo khác do Công đoàn cấp trên phát động.

- Hoạt động quan hệ hợp tác, đối tác

Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ luôn tìm kiếm cơ hội hợp tác với các đối tác là các trường đại học, các công ty trong và ngoài nước. Tính đến năm 2023, Trường đã ký kết được 15 Thỏa ước khung và Biên bản ghi nhớ hợp tác với các trường đại học và công ty nước ngoài như: Trường Đại học Ruse (Bulgaria), Trường Đại học Soonchunhyang (Hàn Quốc), Đại học Victoria Wellington (New Zealand), Trường Đại học California Baptist (Hoa Kỳ), Trường Đại học Rajabhat Rajanagarindra (Thái Lan), Trường Đại học Khoa Học và Công Nghệ Quốc Gia Cao Hùng (Đài Loan), Công ty TNHH LinQ (New Zealand), Trường Đại học Chodang (Hàn Quốc), Học viện Máy tính Kobe (Nhật Bản) và Học viện Ngoại ngữ Okayama (Nhật Bản), Trường Đại học Kỹ thuật Hải Dương, Đài Bắc, Đài Loan (Trung Quốc); Các trường đại học, cao đẳng tại Đài Loan (Trung Quốc), Trường Đại học Khoa học kỹ thuật Long Hoa, Đài Loan (Trung Quốc); Trường Đại học Công nghệ HungKuo Delin, Đài Loan (Trung Quốc), Trường đại học Yuan Ze, Đài Loan (Trung Quốc). Trường hợp tác với Học viện Ngoại ngữ Okayama để mở trung tâm đào tạo Tiếng Nhật tại Trường trong năm 2019, triển khai thực hiện chương trình tiếp nhận, trao đổi tình nguyện viên với các tổ chức quốc tế như chương trình Fulbright (Hoa Kỳ), Đại học Rajabhat Rajanagarindra (Thái Lan), chương trình KIV (Hàn Quốc).

Trường đã tổ chức 32 Hội thảo trong nước và quốc tế tại Trường. Trong năm 2016, Trường phối hợp với Trường Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức thành công Hội nghị Quốc tế ACOMP & FDSE 2016 thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu, các giáo sư, phó giáo sư, chuyên gia, giảng viên, nghiên cứu sinh trong và ngoài nước tham dự; tổ chức thành công Hội thảo Gắn kết Trường với Doanh nghiệp. Năm

2017, Trường phối hợp với Trung tâm Động lực học thủy khí môi trường Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức thành công Hội nghị Khoa học Cơ học thủy khí toàn quốc lần thứ 20 tại Cần Thơ. Năm 2018, Trường phối hợp với Trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức Hội nghị quốc tế về Logistics và Kỹ thuật công nghiệp tại Trường Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh. Trong năm 2019, có 7 Hội thảo được tổ chức, Trường đã phối hợp với Công ty TNHH đào tạo và tư vấn du học Minh Tú tổ chức thành công Hội thảo quốc tế "Học tiếng Nhật và cơ hội việc làm cho sinh viên CTUT" và phối hợp với các doanh nghiệp, công ty tổ chức "Tọa đàm Kết nối doanh nghiệp - Sinh viên" năm 2019. Trong năm 2020, Trường tổ chức 04 Hội thảo trong đó, Trường đã phối hợp với các doanh nghiệp, công ty tổ chức "Tọa đàm Kết nối doanh nghiệp - Sinh viên" năm 2020. Trong năm 2022, Trường tổ chức 06 Hội thảo, với các chuyên đề về: (1) Ứng dụng Khoa học và Công nghệ trong xây dựng - Định hướng sáng tạo khởi nghiệp; (2) Cơ điện tử và Tự động hóa lần thứ 1; (3) Ứng dụng Công nghệ thông tin trong nghiên cứu và định hướng việc làm sinh viên; (4) Giải pháp tự động hóa, số hóa cho các doanh nghiệp của Siemens và các vấn đề về khởi nghiệp; (5) Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo tại Khoa; (6) Nâng cao năng lực chuyển đổi số, tự động hóa và quản lý hiệu quả năng lượng trong sản xuất công nghiệp. Và tổ chức chương trình tọa đàm "Kết nối doanh nghiệp với sinh viên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng". Trong năm 2023, Trường tổ chức 06 Hội thảo, chủ đề: (1) Việc làm và kỹ năng mềm theo xu hướng của thị trường lao động; (2) Vấn đề chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng tại thành phố cần thơ năm 2023; (3) Ứng dụng Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số trong ngành xây dựng; (4) Hội thảo "Công nghệ số và chuyển đổi năng lượng xanh cho sản xuất thông minh"; (5) Làm việc - Học tập sau tốt nghiệp đại học; (6) Giới thiệu sản phẩm khoa học công nghệ; (6) Hội thảo về Cơ điện tử và Tự động hoá lần thứ 2.

Trong quá trình thành lập và phát triển Trường, tập thể VCGV và các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội của Trường đã nhận được nhiều bằng khen, giấy khen của UBND thành phố Cần Thơ, Đảng ủy Khối cơ quan Dân chính Đảng, Trung ương Đoàn và Thành đoàn Cần Thơ, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Liên đoàn Lao động thành phố Cần Thơ.

2.4. Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ

2.4.1. Cơ cấu tổ chức của Trường

Cơ cấu tổ chức Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ gồm Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu (01 Hiệu trưởng, 02 Phó hiệu trưởng), 07 phòng chức năng, 07 Khoa chuyên môn, 03 Trung tâm, đơn vị phục vụ đào tạo, nghiên cứu, các Hội đồng chuyên môn và các Chi bộ, Đoàn thể, Hội (Hình 1).

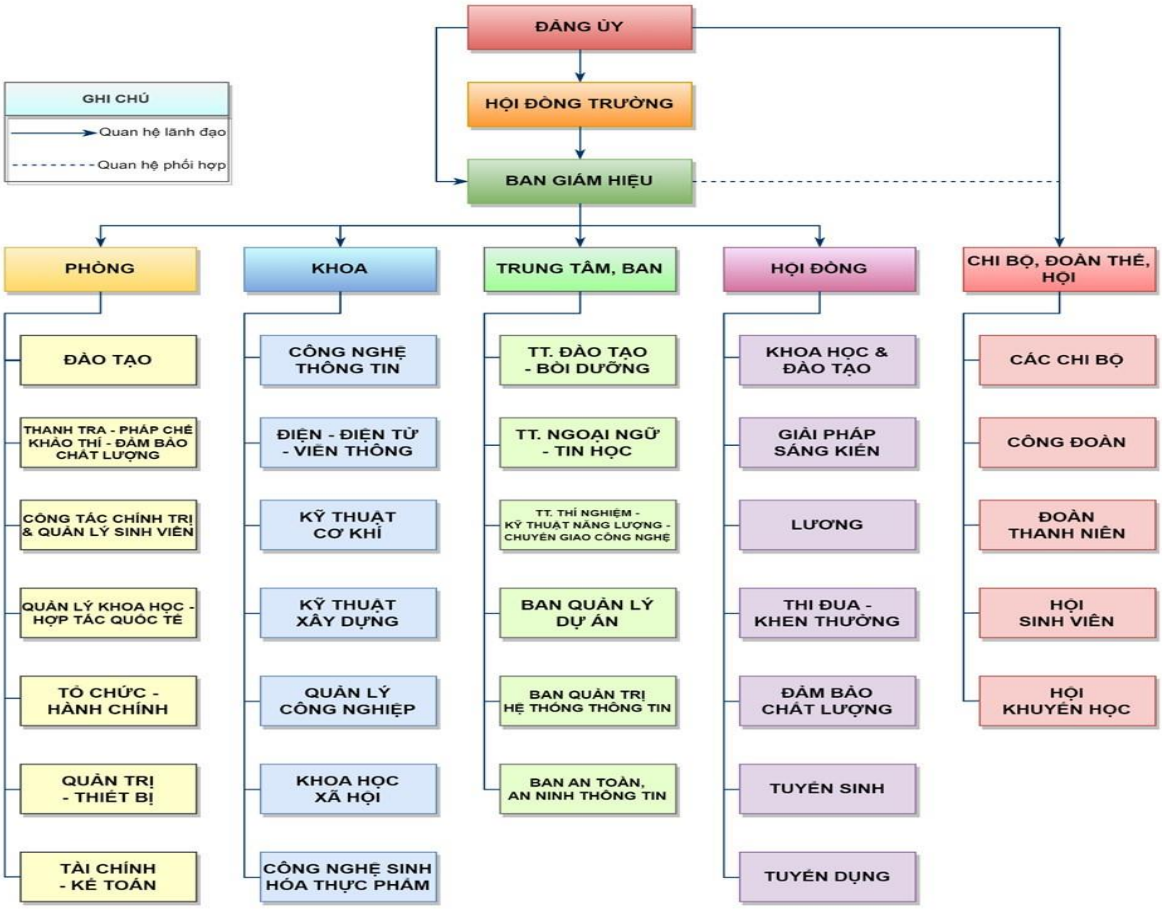

Hình 1. Cơ cấu tổ chức của Trường

2.4.2. Cơ cấu tổ chức của Khoa CNTT

Khoa CNTT được thành lập theo Quyết định số 66/QĐ-ĐHKTCN ngày 11 tháng 4 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ. Tổng số VCGV của Khoa tính đến thời điểm tháng 12 năm 2023 là 58 người, trong đó có 35 VCGV nam và 23 VCGV nữ. Cơ cấu tổ chức của Khoa gồm Ban Chủ nhiệm Khoa có 01 VCGV giữ nhiệm vụ Trưởng Khoa, 01 VCGV giữ chức vụ Phó trưởng khoa và 01 VCGV được giao kiêm nhiệm công tác Trợ lý Khoa. Khoa có 04 Bộ môn là Bộ môn Hệ thống thông tin, Bộ môn Khoa học máy tính, Bộ môn Kỹ thuật phần mềm (theo các quyết định số 29/QĐ-ĐHKTCNCT, 28/QĐ-ĐHKTCNCT, 27/QĐ-ĐHKTCNCT ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ) và Bộ môn Toán – Tin học ứng dụng (theo Quyết định số 359/QĐ-ĐHKTCNCT ngày 31 tháng 7 năm 2021 của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ). Mỗi bộ môn đều có VCGV giữ nhiệm vụ Trưởng bộ môn/ Phó trưởng bộ môn. Tổ chức Đoàn Khoa CNTT gồm 01 Chi đoàn CBGV và 22 Chi đoàn sinh viên, 01 Liên chi hội sinh viên Khoa CNTT, 01 Tổ Công đoàn Khoa (Hình 2).

Về trình độ chuyên môn: 01 VCGV có trình độ Phó Giáo Sư, 16 VCGV có trình độ Tiến sĩ, 40 VCGV có trình độ Thạc sĩ; 01 VCGV có trình độ Đại học. Về cơ sở vật chất, Khoa được trang bị Văn phòng Khoa và các phòng máy tính thực hành đáp ứng yêu cầu công tác giảng dạy và NCKH.

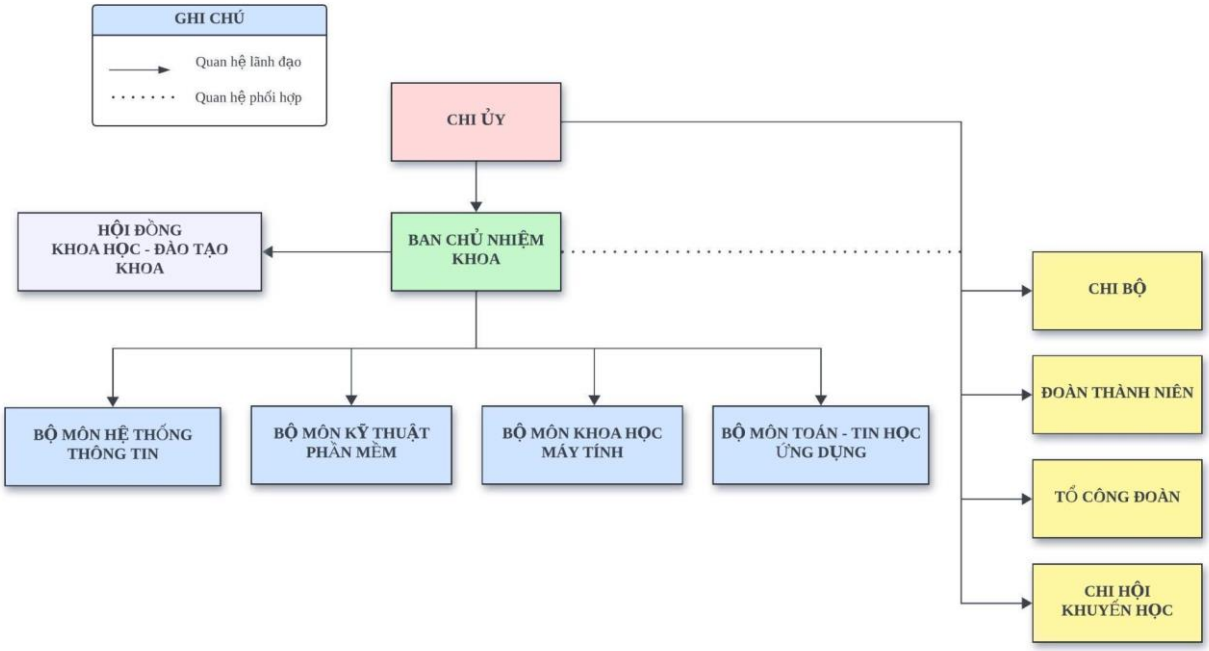

Hình 2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Khoa CNTT

Khoa CNTT đang phụ trách đào tạo 05 ngành trình độ đại học: Khoa học máy tính, Hệ thống thông tin, Kỹ thuật phần mềm, Khoa học dữ liệu, Công nghệ thông tin. Hiện nay, tổng số quy mô sinh viên của khoa là 1563, trong đó có 267 SV ngành Khoa học máy tính.

Khoa CNTT thường xuyên thực hiện khẩu hiệu "Tất cả vì Sinh viên thân yêu!", hàng năm Khoa tổ chức cho các sinh viên đi thực tập tốt nghiệp tại các cơ quan, công ty, doanh nghiệp. Từ năm 2018 đến năm 2023, Khoa có khoảng 603 sinh viên đi thực tập tốt nghiệp ở nhiều cơ quan, doanh nghiệp. Sinh viên của Khoa nhận được sự hài lòng của đơn vị thực tập cả về kiến thức chuyên môn lẫn đạo đức, tác phong trong công việc. Công tác gắn kết doanh nghiệp, giới thiệu việc làm cho sinh viên được đặc biệt quan tâm. Trong các buổi chào đón tân sinh viên hằng năm, Khoa đều mời các doanh nghiệp, các cựu sinh viên đến chia sẻ kinh nghiệm, giới thiệu các xu hướng công nghệ cũng như có những phần thưởng, học bổng nhằm khuyến khích, động viên sinh viên của các ngành đào tạo do Khoa quản lý.

Tính đến tháng 12 năm 2023, Khoa CNTT đã có 148 sinh viên ngành Khoa học máy tính đã tốt nghiệp.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu: Mục tiêu và CĐR của một CTĐT là một trong các yếu tố quan trọng thể hiện sự gắn kết trường đại học, ngành đào tạo với nhu cầu về nguồn nhân lực lao động của XH. Do đó, mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành được xây dựng dựa trên sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục, chiến lược dài hạn của Trường và Khoa, cùng mục tiêu chung của GDĐH đã quy định tại Luật GDĐH, và nhu cầu của các BLQ. Các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ mà người học phải đạt được sau khi ra Trường được xác

định rõ ràng, bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt; phản ánh được yêu cầu của các BLQ trong CĐR này. Mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả hiện trạng

Năm 2015, Bộ GD&ĐT ban hành Quyết định số 2469/QĐ-BGDĐT ngày 14/7/2015 cho phép Trường đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành KHMT. Kể từ thời điểm được mở ngành, CTĐT ngành KHMT thường xuyên được rà soát cập nhật. Mục tiêu của CTĐT ngành KHMT được xác định rõ ràng, cụ thể trong Quyết định ban hành CTĐT của Hiệu trưởng Trường ĐHKTCNCT, Bản mô tả CTĐT và Đề cương chi tiết học phần các phiên bản năm 2018, 2020 và 2022 [H1.01.01.01], [H1.01.01.02]. Trong đó, mục tiêu của CTĐT ngành KHMT (được điều chỉnh năm 2022 và không đổi cho tới hiện nay) bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể như sau:

Về mục tiêu chung: CTĐT chuyên ngành KHMT được xây dựng và triển khai nhằm mục tiêu đào tạo các kỹ sư có phẩm chất chính trị vững vàng, có ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp. Đến với ngành, sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về lĩnh vực Công nghệ thông tin, kiến thức chuyên sâu ngành Khoa học máy tính; luôn được cập nhật các vấn đề mới và hiện đại liên quan đến nghiên cứu phát triển các hệ thống học máy, gia công hay ứng dụng các hệ thống phần mềm; kiến thức về phân tích thiết kế khai thác cơ sở dữ liệu, có khả năng tự học tập nâng cao, đáp ứng các yêu cầu nhân lực cho địa phương, khu vực ĐBSCL và cả nước, phù hợp với xu hướng hội nhập quốc tế.

Về mục tiêu cụ thể:

i) Về kiến thức: PO1: Có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và khoa học tự nhiên để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ; PO2: Có kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành về công nghệ thông tin và truyền thông như tư duy logic về lập trình, cơ sở dữ liệu, phân tích thiết kế khai thác cơ sở dữ liệu là tiền đề cho nghiên cứu, học tập chuyên sâu, xây dựng, triển khai và vận hành hệ thống học máy phục vụ cho các lĩnh vực trong xã hội.

ii) Về kỹ năng: PO3: Có kỹ năng vận dụng kiến thức ngành nghề để tổng hợp thông tin, đánh giá, phân tích hệ thống, kỹ năng lựa chọn, phản biện và giải quyết các vấn đề thực tế; PO4: Có kỹ năng thiết kế, xây dựng, triển khai và quản trị một hệ thống học máy trong thực tiễn, phát triển các ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các tổ chức kinh tế, xã hội; PO5: Có kỹ năng tổng hợp, đánh giá, phân tích, lựa chọn và đánh giá các vấn đề thuộc kiến thức ngành nghề, kỹ năng trình bày báo cáo rõ ràng, chính xác, khả năng đọc hiểu và viết được tài liệu chuyên môn bằng tiếng Anh.

iii) Về mức độ tự chủ và trách nhiệm: PO6: Có hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh. Có lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, nhận thức về đạo đức, trách nhiệm, nghĩa vụ và bản lĩnh nghề nghiệp. Có kỷ luật lao động, tác phong chuyên nghiệp, ý thức rèn luyện sức khỏe để phục vụ ngành nghề; PO7: Có khả năng tự học tập, nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, vận dụng linh hoạt kiến thức, kỹ năng để xử lý các tình huống nghề nghiệp. Có khả năng sử dụng các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông để trao đổi, quản lý điều hành; PO8: Có khả năng tự định hướng, tự phát triển công nghệ theo nhu cầu của xã hội, theo xu hướng của thế giới và theo yêu cầu hội nhập.

Nhằm định hướng rõ ràng sứ mạng đã đề ra, mục tiêu đào tạo của Khoa CNTT được thiết kế phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của CSGD. Trong quá trình xây dựng và hoàn thiện mục tiêu của CTĐT ngành KHMT, Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa, Trường đã bám sát vào tầm nhìn, sứ mạng của Trường và của Khoa để đảm bảo hiệu quả việc thực hiện mục tiêu của CTĐT [H1.01.01.03]. Mục tiêu đào tạo được bổ sung từ năm 2018 và cập nhật và chỉnh sửa năm 2020, 2022 nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường lao động liên quan đến CTĐT ngành KHMT. CTĐT cũng được tiến hành khảo sát ý kiến của các BLQ (GV, NH, nhà tuyển dụng) để hoàn thiện mục tiêu đào tạo và xây dựng định hướng đúng đắn cho quá trình dạy và học của Khoa CNTT. Kết quả khảo sát cho thấy hơn 90% đối tượng tham gia khảo sát đều đồng ý và rất đồng ý mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học [H1.01.01.04], [H1.01.01.05]. Mục tiêu của CTĐT cũng được đối sánh với các trường ĐH uy tín trong nước (Trường ĐH Cần Thơ, Trường ĐH Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh) và ngoài nước (ĐH Utah Valley) [H1.01.01.06]. Qua đó, mục tiêu của CTĐT được cập nhật và điều chỉnh qua các năm để phù hợp với tình hình thực tế [H1.01.01.07], được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và Khoa [H1.01.01.08].

Bảng 1.1.1. Tính kết nối giữa Tầm nhìn, sứ mạng của Trường và tầm nhìn, sứ mạng của Khoa và Mục tiêu đào tạo của ngành KHMT

	Trường ĐHKTCNCT	**Khoa CNTT**	**Mục tiêu đào tạo ngành KHMT** *(Áp dụng từ năm 2022)*
Tầm nhìn	Đến năm 2030, Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần	Đến năm 2030, phấn đấu xây dựng Khoa Công nghệ thông tin trở thành Khoa phát triển	Sau khi tốt nghiệp ngành KHMT: Chương trình đào tạo

	Thơ trở thành trường đại học theo định hướng ứng dụng, quản lý liên ngành kỹ thuật công nghệ phù hợp với xu thế phát triển trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.	bền vững với thế mạnh đào tạo theo định hướng ứng dụng nhằm phát triển năng lực sinh viên và cung ứng dịch vụ về lĩnh vực công nghệ thông tin có chất lượng, uy tín. Xây dựng và khẳng định thương hiệu của Khoa Công nghệ thông tin trong khu vực ĐBSCL và trên cả nước. Bên cạnh đó lấy nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ làm nền tảng cho hướng phát triển tiếp theo để khẳng định thương hiệu trong môi trường cả nước và quốc tế.	ngành KHMT nhằm mục tiêu: đào tạo các kỹ sư có phẩm chất chính trị vững vàng, có ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp. Đến với ngành, sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về lĩnh vực Công nghệ thông tin, kiến thức chuyên sâu ngành Khoa học máy tính; luôn được cập nhật các vấn đề mới và hiện đại liên quan đến nghiên cứu phát triển các hệ thống học máy, gia công hay ứng dụng các hệ thống phần mềm; kiến thức về phân tích thiết kế khai thác cơ sở dữ liệu, có khả năng tự học tập nâng cao, đáp ứng các yêu cầu nhân lực cho địa phương, khu vực ĐBSCL và cả nước, phù hợp với xu hướng hội nhập quốc tế.
Sứ mạng	Đào tạo nguồn nhân lực có đạo đức tốt, có chuyên môn cao, có khả năng tiếp cận nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, đáp ứng nhu cầu phát triển của TP Cần Thơ, vùng ĐBSCL và cả nước.	Đào tạo nguồn nhân lực trình độ chuyên môn cao có khả năng tiếp cận, nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các kỹ thuật, công nghệ mới trong lĩnh vực Công nghệ thông tin, có năng lực tự chủ và trách nhiệm, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Cần Thơ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.	

Sự phù hợp giữa mục tiêu của CTĐT ngành KHMT với mục tiêu GDĐH của Luật GDĐH được thể hiện ở cả mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể: Đối với mục tiêu chung trong luật GDĐH là "*Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân.*" thì mục tiêu chung trong CTĐT ngành KHMT là *"đào tạo các*

kỹ sư có phẩm chất chính trị vững vàng, có ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp. Đến với ngành, sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về lĩnh vực Công nghệ thông tin, kiến thức chuyên sâu ngành Khoa học máy tính; luôn được cập nhật các vấn đề mới và hiện đại liên quan đến nghiên cứu phát triển các hệ thống học máy, gia công hay ứng dụng các hệ thống phần mềm; kiến thức về phân tích thiết kế khai thác cơ sở dữ liệu, có khả năng tự học tập nâng cao, đáp ứng các yêu cầu nhân lực cho địa phương, khu vực ĐBSCL và cả nước, phù hợp với xu hướng hội nhập quốc tế".

Đối với mục tiêu cụ thể theo luật GDĐH là *"Đào tạo trình độ đại học để SV có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo"*. Điều này được cụ thể hóa thành 8 mục tiêu cụ thể trong CTĐT ngành KHMT từ PO1 đến PO8 gồm: PO1.Có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và khoa học tự nhiên để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ; PO2. Có kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành về công nghệ thông tin và truyền thông như tư duy logic về lập trình, cơ sở dữ liệu, phân tích thiết kế khai thác cơ sở dữ liệu, làm tiền đề cho nghiên cứu, học tập chuyên sâu, xây dựng, triển khai và vận hành hệ thống học máy phục vụ cho các lĩnh vực trong xã hội; PO3. Có kỹ năng vận dụng kiến thức ngành nghề để tổng hợp thông tin, đánh giá, phân tích hệ thống, kỹ năng lựa chọn, phản biện và giải quyết các vấn đề thực tế; PO4. Có kỹ năng thiết kế, xây dựng, triển khai và quản trị một hệ thống học máy trong thực tiễn, phát triển các ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các tổ chức kinh tế, xã hội; PO5. Có kỹ năng tổng hợp, đánh giá, phân tích, lựa chọn và đánh giá các vấn đề thuộc kiến thức ngành nghề, kỹ năng trình bày và trình bày báo cáo rõ ràng, chính xác, khả năng đọc hiểu và viết được tài liệu chuyên môn bằng tiếng Anh; PO6. Có hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh. Có lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, nhận thức về đạo đức, trách nhiệm, nghĩa vụ và bản lĩnh nghề nghiệp. Có kỷ luật lao động, tác phong chuyên nghiệp, ý thức rèn luyện sức khỏe để phục vụ ngành nghề; PO7. Có khả năng tự học tập, nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, vận dụng linh hoạt kiến thức, kỹ năng để xử lý các tình huống nghề nghiệp. Có khả năng sử dụng các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông để trao đổi, quản lý điều hành; PO8. Có khả năng tự định hướng, tự phát triển công nghệ theo nhu cầu của xã hội, theo xu hướng của thế giới và theo yêu cầu hội nhập.

Mục tiêu của CTĐT ngành KHMT được rà soát và điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu xã hội, chiến lược phát triển của trường và luật GDĐH. Theo quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CĐR và CTĐT, trên cơ sở kế hoạch rà soát, điều chỉnh CĐR và CTĐT của Trường, Khoa CNTT xây dựng kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT, họp phân công cụ

thể cho đội ngũ tham gia là các giảng viên có chuyên môn và kinh nghiệm [H1.01.01.09], [H1.01.01.10], [H1.01.01.11]. Bên cạnh đó, CTĐT được rà soát, cập nhật, điều chỉnh dựa trên việc tham khảo nhu cầu của thị trường lao động đối với ngành KHMT [H1.01.01.12]. CTĐT được góp ý từ các chuyên gia đến từ các trường đại học có uy tín, các tổ chức kinh doanh, nghề nghiệp ở Việt Nam và thẩm định, thông qua bởi Hội đồng KH&ĐT của Khoa, của Trường. Sau khi CTĐT được Hội đồng KH&ĐT thẩm định, Hiệu trưởng Trường ký quyết định ban hành để triển khai vào thực tiễn.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT KHMT được xây dựng rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn đã được tuyên bố; phù hợp với mục tiêu của giáo dục ĐH quy định tại Luật Giáo dục ĐH hiện hành và Khung trình độ quốc gia Việt Nam; Mục tiêu của CTĐT KHMT được thông báo, phổ biến bằng nhiều hình thức khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến các bên liên quan đối với mục tiêu của CTĐT đảm bảo đầy đủ các đối tượng, tuy nhiên đối tượng người sử dụng lao động chủ yếu tập trung ở Cần Thơ và một số tỉnh lân cận.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Trường và Khoa CNTT tiếp tục tiếp thu ý kiến của các bên liên quan trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTĐT, đồng thời phổ biến mục tiêu CTĐT bằng nhiều hình thức đa dạng.

Khắc phục tồn tại:

Năm học 2024 - 2025, Khoa CNTT phối hợp Phòng TT-PC-KT-ĐBCL mở rộng phạm vi khảo sát; phối hợp Phòng CTCT&QLSV, Phòng QLKH-HTQT đẩy mạnh hoạt động nối kết doanh nghiệp, nhà tuyển dụng thông qua hội thảo khoa học, ngày hội việc làm để nắm bắt nhu cầu thị trường lao động và góp ý về CTĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

1. Mô tả hiện trạng

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành KHMT được xác định rõ ràng kể từ thời điểm mở ngành đào tạo [H1.01.02.01]. CĐR được xây dựng, rà soát, cập nhật theo quy định của Bộ GD&ĐT và Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường ban hành [H1.01.02.02]. Từ năm 2018 đến năm 2023, CĐR ngành KHMT được rà soát, cập nhật vào các năm 2018, 2020 và 2022 [H1.01.02.03]. CĐR được thiết kế có tính hệ thống với mục tiêu cụ thể của CTĐT, bao gồm: CĐR cấp độ CTĐT (kiến thức; kỹ năng; năng lực tự

chủ và trách nhiệm) và CĐR cấp độ học phần (HP).

Đối với phiên bản năm 2022, CĐR của CTĐT ngành KHMT được xác định và công bố rõ ràng theo các mục tiêu cụ thể: (1) Về kiến thức gồm 6 CĐR, K1: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội - nhân văn, khoa học chính trị và pháp luật, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng làm nền tảng cho việc tiếp thu kiến thức chuyên ngành Khoa học máy tính; K2: Vận dụng kiến thức nền tảng về toán học, logic lập trình, cơ sở dữ liệu, kiến trúc và hạ tầng công nghệ thông tin để triển khai hệ thống phần mềm; K3: Vận dụng kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành về phân tích, thiết kế và quản trị hệ thống nhằm đảm bảo an toàn cho các hệ thống máy tính tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo; K4: Vận dụng kiến thức về thu thập dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu, phát triển các hệ thống học máy an toàn, hiệu quả, phục vụ cho nhiều lĩnh vực khác nhau; K5: Áp dụng kiến thức chuyên ngành Khoa học máy tính cải tiến các hệ thống học máy đáp ứng yêu cầu cập nhật xu hướng công nghệ; K6: Phân tích, thiết kế và phát triển hệ thống thông minh trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo; (2) Về kỹ năng gồm 5 CĐR: S1: Đạt được trình độ ngoại ngữ: tiếng Anh TOEIC 450 hoặc khung trình độ ngoại ngữ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc các trình độ tương đương theo quy định Chuẩn đầu ra về ngoại ngữ; S2: Vận dụng kỹ năng khái quát hóa và lập luận kỹ thuật để phân tích các vấn đề cụ thể, nhận diện, xác định các yêu cầu và đề xuất giải pháp phù hợp với bài toán thực tiễn; S3: Thực hiện kỹ năng chuẩn bị và trình bày nội dung một cách hiệu quả, đồng thời thuyết trình trước đám đông một cách tự tin và thuyết phục; S4: Vận dụng các kỹ thuật tổng hợp thông tin để đánh giá, phân tích và quản trị các hệ thống một cách an toàn và hiệu quả; S5: Áp dụng các kỹ năng thu thập dữ liệu, thiết kế, xây dựng, triển khai và quản trị hệ thống học máy trong thực tiễn tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo.; (3) Về mức độ tự chủ và trách nhiệm gồm 3 CĐR, C1: Hiểu rõ ý nghĩa và tầm quan trọng của lòng yêu nước, đạo đức nghề nghiệp, kỷ luật lao động, tác phong chuyên nghiệp, và việc rèn luyện sức khỏe đối với sự phát triển cá nhân và nghề nghiệp; C2: Áp dụng các kỹ năng tự học để tiếp thu kiến thức mới, nâng cao trình độ chuyên môn trong môi trường làm việc độc lập và làm việc nhóm; C3: Thực hiện các bước trong quy trình lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá và cải tiến hệ thống nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo. Nhìn chung, CĐR ngành KHMT gồm 3 mục (14 chuẩn đầu ra) được thiết kế trong CĐR đã khái quát và đáp ứng toàn bộ yêu cầu mà mục tiêu cụ thể trong CTĐT đã xác định.

CĐR của CTĐT ngành KHMT được xây dựng và ban hành theo đúng quy định và nêu cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp và cơ hội việc làm trong tương lai. CĐR được thể hiện chi tiết trong Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP [H1.01.02.04]. Trong đó, mỗi CĐR của các HP được thiết kế phải đóng góp vào việc đạt được một trong các CĐR của CTĐT. CĐR của CTĐT KHMT được xác định

tương thích với yêu cầu của thị trường lao động, căn cứ vào ma trận giữa mục tiêu - CĐR [H1.01.02.05]. Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành KHMT thể hiện được các yếu tố cốt lõi mà NH cần đạt được sau khi tốt nghiệp. Ngoài ra, NH còn có khả năng theo học tiếp tục ở bậc học cao hơn là thạc sĩ ngành KHMT và các ngành liên quan khác như: KTPM, HTTT, CNTT, KHDL.

Khoa CNTT đã xây dựng kế hoạch khảo sát và lấy ý kiến của các bên liên quan về CĐR khi xây dựng CTĐT [H1.01.02.06]. Thông qua các biên bản đóng góp ý kiến, Khoa đã tiến hành rà soát, cập nhật CTĐT để đáp ứng CĐR phù hợp. Qua đó giúp GV, NH và các DN hiểu rõ hơn, đánh giá đúng chất lượng đào tạo kỹ sư ngành KHMT của trường ĐHKTCNCT [H1.01.02.07].

2. Điểm mạnh

Chuẩn đầu ra của CTĐT kỹ sư ngành KHMT được xác định rõ ràng, đảm bảo khối lượng kiến thức và kỹ năng NH học cần đạt sau khi hoàn thành CTĐT; CĐR phản ánh được mục tiêu giáo dục của Khoa, của Trường; chỉ rõ được triển vọng việc làm trong tương lai của SV sau khi tốt nghiệp; được xây dựng nghiêm túc, đảm bảo đúng quy định của BGD&ĐT.

Trường, Khoa CNTT có lấy ý kiến của các bên liên quan về CĐR của CTĐT và tham khảo trong quá trình rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT ngành KHMT.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến các BLQ đối với CĐR của CTĐT tập trung chủ yếu dựa trên 5 mức độ nên tỷ lệ không có ý kiến nhiều và chưa thu thập được nhiều ý kiến điều chỉnh cụ thể.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Định kỳ hằng năm Trường và Khoa CNTT tiếp tục rà soát CĐR của CTĐT ngành KHMT phản ánh được mục tiêu của CTĐT; xác định cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa CNTT phối hợp Phòng TT-PC-KT-ĐBCL cải tiến mẫu phiếu khảo sát các BLQ về CĐR của CTĐT ngành KHMT.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 1.3: CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Mô tả hiện trạng

CĐR của CTĐT ngành KHMT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan. Trong văn bản Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, Trường yêu cầu phải có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan [H1.01.03.01]. Trường phân công Phòng TT-PC-KT-ĐBCL là đơn vị chủ trì và phối hợp với các phòng, khoa thực hiện việc tổ chức lấy ý

kiến các BLQ khi xây dựng, điều chỉnh CĐR của CTĐT [H1.01.03.02]. Bên cạnh đó, Khoa CNTT lấy ý kiến của GV, NH, cựu NH, doanh nghiệp, nhà tuyển dụng về CĐR của CTĐT bằng nhiều hình thức như đóng góp trực tiếp tại các cuộc họp Khoa và họp HĐ KH&ĐT của Khoa hoặc bằng phiếu khảo sát [H1.01.03.03].

CĐR của CTĐT ngành KHMT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan. Tất cả các ý kiến, nhu cầu nhân lực của thị trường lao động liên quan đến ngành KHMT, kết quả phản hồi của các BLQ được sử dụng tham khảo cho quá trình rà soát, cập nhật CĐR của CTĐT [H1.01.03.04]. Trong kế hoạch khảo sát ý kiến các BLQ khi cập nhật CTĐT ngành KHMT, Khoa CNTT chú ý tập trung về việc lấy ý kiến các chuyên gia về CĐR của CTĐT và việc thiết kế các HP trong CTDH để đảm bảo tính phù hợp trong mối liên hệ giữa CĐR của các học phần với CĐR của CTĐT hướng tới đáp ứng được CĐR của ngành đào tạo, phù hợp với mục tiêu của CTĐT. Đó là sự cam kết của Khoa, Trường với xã hội về chất lượng đào tạo đối với NH về các kiến thức chuyên môn, các kỹ năng gắn với yêu cầu của thị trường lao động [H1.01.03.05]. CĐR sau khi rà soát, cập nhật được gửi về Phòng Đào tạo, trình qua HĐ KH&ĐT Trường để họp thông qua và trình Hiệu trưởng ký ban hành [H1.01.03.06]. CĐR được xây dựng, rà soát, cập nhật dựa trên các văn bản này đảm bảo bao gồm ba mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm phù hợp với nhu cầu thực tế của đơn vị sử dụng lao động [H1.01.03.07].

CĐR ngành KHMT được rà soát theo kế hoạch định kỳ của Trường, lần gần nhất vào năm 2018, 2020 và 2022 [H1.01.03.08]. Quá trình rà soát, cập nhật có thể thay đổi hoặc giữ nguyên nội dung cơ bản theo CĐR đã ban hành.

Bảng 1.3.1 Đối sánh phiên bản chuẩn đầu ra của CTĐT ngành KHMT qua các năm 2022 và năm 2020

2022	2020	2018
Kiến thức		
K1. Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội - nhân văn, khoa học chính trị và pháp luật, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng làm nền tảng cho việc tiếp thu kiến thức chuyên ngành Khoa học máy tính.	PLO1: Hiểu các kiến thức giáo dục đại cương về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội – nhân văn; vận dụng các kiến thức này vào chuyên ngành Khoa học máy tính.	PLO1: Nắm vững các kiến thức giáo dục đại cương về Lý luận chính trị, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội - nhân văn.
K2: Vận dụng kiến thức nền tảng về toán học, logic lập trình, cơ sở dữ liệu, kiến trúc và hạ tầng công nghệ thông tin để triển khai hệ thống phần mềm.	PLO2: Hiểu, nắm vững kiến thức cơ sở ngành về Khoa học máy tính và vận dụng những kiến thức nền tảng về logic lập trình, cơ sở dữ liệu, kiến trúc và hạ tầng công nghệ thông tin vào quá trình triển khai các phần mềm hệ thống, hỗ trợ tổ chức và doanh nghiệp.	PLO2: Trang bị kiến thức nền trong ngành Khoa học máy tính bao gồm kiến trúc máy tính, hệ điều hành, ngôn ngữ lập trình, cấu trúc dữ liệu và giải thuật…
K3: Vận dụng kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành về phân tích, thiết kế và quản trị hệ thống nhằm đảm bảo an toàn cho các hệ thống máy tính tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo.	PLO3: Vận dụng kiến thức về phân tích, thiết kế, an toàn và bảo mật thông tin, quản trị hệ thống nhằm xây dựng hệ thống học máy thống nhất, an toàn, hiệu quả phục vụ nhiều lĩnh vực khác nhau.	PLO3: Nghiên cứu và thực hành các hướng chuyên sâu trong chuyên ngành Khoa học máy tính thuộc lĩnh vực kỹ thuật máy tính, an toàn bảo mật hệ thống, xử lý ảnh và đồ họa máy tính.
K4: Vận dụng kiến thức về thu thập dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu, phát triển các hệ thống học máy an toàn, hiệu quả, phục vụ cho nhiều lĩnh vực khác nhau.	PLO4: Vận dụng những kiến thức về thu thập dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu, phát triển các hệ thống học máy hiện đại, thông minh cải tiến dịch vụ bắt kịp xu hướng công nghệ.	
K5: Áp dụng kiến thức chuyên ngành Khoa học máy tính cải tiến các hệ thống học máy đáp ứng yêu		

cầu cập nhật xu hướng công nghệ.		
K6: Phân tích, thiết kế và phát triển hệ thống thông minh trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo.		
Kỹ năng		
S1: Đạt được trình độ ngoại ngữ: tiếng Anh TOEIC 450 hoặc khung trình độ ngoại ngữ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc các trình độ tương đương theo quy định Chuẩn đầu ra về ngoại ngữ.	PLO5: Có kỹ năng kết nối các kiến thức đã học, áp dụng vào thực tế của ngành.	PLO4: Có khả năng áp dụng các kiến thức công nghệ thông tin phù hợp với ngành.
S2: Vận dụng kỹ năng khái quát hóa và lập luận kỹ thuật để phân tích các vấn đề cụ thể, nhận diện, xác định các yêu cầu và đề xuất giải pháp phù hợp với bài toán thực tiễn.	PLO6: Có kỹ năng khái quát hóa, lập luận kỹ thuật, phân tích một vấn đề, nhận diện và xác định các yêu cầu, đề xuất giải pháp tương ứng với bài toán thực tiễn.	PLO5: Có khả năng phân tích một vấn đề, nhận diện và xác định các yêu cầu, tính toán giải pháp tương ứng cho nó.
S3: Thực hiện kỹ năng chuẩn bị và trình bày nội dung một cách hiệu quả, đồng thời thuyết trình trước đám đông một cách tự tin và thuyết phục.	PLO7: Có kỹ năng chuẩn bị, trình bày nội dung và thuyết trình trước đám đông.	PLO6: Có khả năng thiết kế, hiện thực hóa và đánh giá một hệ thống dựa trên máy tính để đáp ứng các nhu cầu mong muốn.
S4: Vận dụng các kỹ thuật tổng hợp thông tin để đánh giá, phân tích và quản trị các hệ thống một cách an toàn và hiệu quả.	PLO8: Có khả năng giao tiếp hiệu quả, trình độ tiếng Anh đạt chuẩn đầu ra của Nhà trường.	PLO7: Có khả năng hoạt động hiệu quả khi làm việc độc lập hoặc theo nhóm.
S5: Áp dụng các kỹ năng thu thập dữ liệu, thiết kế, xây dựng, triển khai và quản trị hệ thống học máy trong thực tiễn tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo.	PLO9: Có kỹ năng tổng hợp thông tin, đánh giá, phân tích, quản trị hệ thống được an toàn và hiệu quả.	PLO8: Có khả năng trình bày, kỹ năng chuẩn bị thuyết trình và thuyết trình trước đám đông. Có khả năng giao tiếp hiệu quả, trình độ tiếng Anh tối thiểu TOEIC 350.

	PLO10: Có khả năng thu thập dữ liệu, thiết kế, hiện thực hóa và đánh giá một hệ thống dựa trên máy tính để đáp ứng các nhu cầu mong muốn, phát triển các ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các tổ chức kinh tế, xã hội.	
Mức tự chủ và trách nhiệm		
C1: Hiểu rõ ý nghĩa và tầm quan trọng của lòng yêu nước, đạo đức nghề nghiệp, kỷ luật lao động, tác phong chuyên nghiệp, và việc rèn luyện sức khỏe đối với sự phát triển cá nhân và nghề nghiệp.	PLO11: Có lòng yêu nước, nhận thức về đạo đức, kỷ luật lao động, tác phong chuyên nghiệp, ý thức rèn luyện sức khỏe để phục vụ ngành nghề.	PLO9: Có hiểu biết về luật pháp, an ninh và xã hội.
C2: Áp dụng các kỹ năng tự học để tiếp thu kiến thức mới, nâng cao trình độ chuyên môn trong môi trường làm việc độc lập và làm việc nhóm.	PLO12: Có khả năng tự học tập, nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp.	PLO10: Có đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động, tôn trọng nội quy của cơ quan, doanh nghiệp, có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp.
C3: Thực hiện các bước trong quy trình lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá và cải tiến hệ thống nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo.	PLO13: Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.	
	PLO14: Có năng lực lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá, cải tiến hoạt động, quản lý điều hành.	
	PLO15: Có khả năng tự phát triển ít nhất một công nghệ phổ biến trên thế giới để giải quyết bài toán giúp tăng hiệu quả hoạt động của đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp trong thực tế.	

Bảng 1.3.1 thể hiện sự thay đổi CĐR ngành KHMT qua 03 lần rà soát, cập nhật giữa các phiên bản như sau [H1.01.03.09]:

- So với CĐR được ban hành lần đầu năm 2015, CĐR phiên bản năm 2018 cơ bản giữ nguyên về mặt nội dung, chỉ thay đổi về mặt thể thức và chuẩn đầu ra ngoại ngữ.

- Phiên bản năm 2020 có sự điều chỉnh, bổ sung về mặt nội dung và số lượng CĐR cụ thể so với năm 2018 (từ 10 CĐR sang 15 CĐR).

- Phiên bản năm 2022 có sự điều chỉnh về mặt nội dung và số lượng CĐR cụ thể so với năm 2020 (từ 15 CĐR sang 14 CĐR).

CĐR của CTĐT KHMT được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường, của Khoa để NH biết được các yêu cầu kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức và giải quyết vấn đề, cũng như vị trí việc làm mà NH có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp. Việc công khai CĐR là cam kết của Trường với xã hội về chất lượng đào tạo, đồng thời cũng là để các BQL, GV và NH nỗ lực đổi mới phương pháp và cập nhật các vấn đề mới vào công tác giảng dạy và học tập, đổi mới công tác quản lý đào tạo, đổi mới PPGD, phương pháp kiểm tra đánh giá và đổi mới phương pháp học tập của NH tương ứng với bậc học cao hơn [H1.01.03.10].

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành KHMT đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan do có tham khảo các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, SV, cựu SV và nhu cầu của thị trường lao động. CĐR được định kỳ rà soát, cập nhật ít nhất 2 năm một lần theo kế hoạch của trường dựa trên quy định của Bộ GD&ĐT. CĐR của CTĐT ngành KHMT các khóa đã ban hành được công bố công khai cho các bên liên quan trên các phương tiện thông tin và luôn được thể hiện trong CTĐT, ĐCCT học phần.

3. Điểm tồn tại

Số lượng các nhà tuyển dụng tham gia khảo sát, đóng góp ý kiến trong việc rà soát, cập nhật CĐR của CTĐT tập trung chủ yếu ở Cần Thơ và các tỉnh lân cận.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Định kỳ hằng năm, Trường và Khoa CNTT tiếp tục rà soát cập nhật CĐR của CTĐT đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan, có tham khảo các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, SV, cựu SV và nhu cầu của thị trường lao động, đồng thời công bố công khai cho các bên liên quan trên các phương tiện thông tin và luôn được thể hiện trong CTĐT, trong đề cương học phần theo hướng tiếp cận của Bộ GD&ĐT.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Trường mở rộng quan hệ hợp tác, đối tác với doanh nghiệp, nhà tuyển dụng trên phạm vi cả nước. Trên cơ sở đó, Khoa CNTT tăng cường ký

kết hợp tác với các nhà tuyển dụng hàng đầu trong ngành KHMT.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn của tiêu chuẩn:

Mục tiêu của CTĐT ngành KHMT được xác định rõ ràng; phù hợp với SM và TN của Nhà trường; phù hợp với mục tiêu của Luật GDĐH. Mục tiêu của CTĐT ngành KHMT tiếp thu ý kiến của các bên liên quan trong quá trình rà soát, điều chỉnh và thông báo, phổ biến bằng nhiều hình thức khác nhau. CĐR của CTĐT ngành KHMT được xác định rõ ràng, phản ánh được mục tiêu của CTĐT. CĐR của CTĐT ngành KHMT xác định cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp. CĐR của CTĐT ngành KHMT được xây dựng, rà soát, cập nhật đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan, có tham khảo các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, SV, cựu SV và nhu cầu của thị trường lao động. CĐR của CTĐT ngành KHMT được định kỳ rà soát, cập nhật ít nhất 2 năm một lần theo kế hoạch của trường. CĐR của CTĐT ngành KHMT được công bố công khai cho các bên liên quan trên các phương tiện thông tin và luôn được thể hiện trong CTĐT, trong ĐCCT học phần

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Việc lấy ý kiến các BLQ đối với mục tiêu, CĐR của CTĐT đảm bảo đầy đủ các đối tượng, tuy nhiên đối tượng người sử dụng lao động chủ yếu tập trung ở Cần Thơ và một số tỉnh lân cận. Hình thức khảo sát ý kiến tập trung chủ yếu dựa trên 5 mức độ nên tỷ lệ không có ý kiến nhiều và chưa thu thập được nhiều ý kiến điều chỉnh cụ thể.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 1:

Có 3/3 tiêu chí đạt điểm 5. Mức trung bình: 5,0; Số tiêu chí đạt: 3/3; Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%): 100%

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu: Bản mô tả CTĐT ngành KHMT được xây dựng trên cơ sở đảm bảo các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Trường và của Khoa CNTT gắn với nhu cầu của người học, nhu cầu XH. Bản mô tả CTĐT thể hiện đầy đủ thông tin và được cập nhật qua các năm 2020, 2022 bao gồm: tên CSGD; tên gọi của văn bằng; tên CTĐT; thời gian đào tạo; mục tiêu, CĐR của CTĐT; tiêu chí tuyển sinh; cấu trúc CTDH; ma trận kỹ năng (thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR); đề cương các môn học/học phần; thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh bản mô tả CTĐT. Đề cương các học phần của ngành KHMT đầy đủ thông tin và được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh, cập nhật theo kế hoạch của Trường. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần của ngành KHMT được công bố công khai cho các BLQ dễ dàng tiếp cận.

Tiêu chí 2.1: Bản mô tả CTĐT có đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT ngành KHMT có đầy đủ các nội dung. Năm 2015, ngành KHMT được Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo theo Quyết định số 2469/QĐ-BGDĐT ngày 14/7/2015 của Bộ GD&ĐT [H2.02.01.01]. Bản mô tả CTĐT bao gồm các nội dung chính như sau: Tên CTĐT; Tên gọi của văn bằng; Cơ sở đào tạo; Chuẩn đầu ra của CTĐT; Cấu trúc CTĐT; Thời gian đào tạo và các vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp; Ma trận kỹ năng; Nội dung tóm tắt các học phần; Thời điểm điều chỉnh bản mô tả CTĐT [H2.02.01.02].

Bản mô tả CTĐT được công bố trên các tài liệu tuyển sinh, video truyền thông tuyển sinh và trang thông tin điện tử của Khoa, Trường để thuận tiện cho NH tiếp cận các thông tin cần thiết về CTĐT và được phổ biến cho NH ngay từ đầu năm học [H2.02.01.03], [H2.02.01.04]. Qua đó, các bên liên quan (GV, NH, nhà tuyển dụng) có thể tiếp cận và đóng góp các ý kiến mang tính xây dựng một cách thiết thực [H2.02.01.05].

Từ năm 2015 đến năm 2019, CTĐT ngành KHMT được xây dựng và áp dụng đào tạo nhưng chưa có bản mô tả thể hiện dưới dạng một văn bản riêng, tuy nhiên CTĐT đã được ban hành cũng thể hiện đầy đủ các nội dung như yêu cầu của bản mô tả CTĐT, bao gồm: (i) Mục tiêu đào tạo; (ii) CĐR; (iii) Kế hoạch giảng dạy, (iv) ĐCCT các học phần. Năm 2020 và 2022, Trường triển khai rà soát, điều chỉnh CĐR, CTĐT [H2.02.01.06]. Trên cơ sở đó, Khoa CNTT triển khai rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, Bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần ngành KHMT [H2.02.01.07]. Trong quá trình điều chỉnh, Khoa CNTT tiếp thu ý kiến góp ý; kết quả khảo sát ý kiến của các BLQ; đồng thời tham khảo đối sánh với CTĐT ngành KHMT của Trường ĐH Công nghiệp TP. HCM, Trường Đại học Cần Thơ, Trường ĐH Utah Valley (Mỹ) [H2.02.01.08], [H2.02.01.09]. Kết quả khảo sát phiên bản năm 2020 để làm cơ sở điều chỉnh cho năm 2022 cho thấy, hơn 87% đối tượng tham gia khảo sát đều đồng ý và rất đồng ý Bản mô tả CTĐT được tiếp cận dễ dàng, đảm bảo nội dung (thời gian đào tạo; mục tiêu, CĐR của CTĐT; tiêu chí tuyển sinh; cấu trúc CTDH; ma trận kỹ năng), 7% không có ý kiến [H2.02.01.10]. Dựa trên kết quả rà soát và các ý kiến góp ý có liên quan, Khoa đã triển khai cập nhật, điều chỉnh theo hướng quốc tế hoá mục tiêu đào tạo và CĐR cụ thể thông qua ma trận các kỹ năng và các học phần trong CTĐT, PP đánh giá hiệu quả, cùng với nhiều học phần mới gắn liền với sự phát triển của ngành, phù hợp với điều kiện CSVC của Trường và phù hợp với tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục và bắt đầu xây dựng bản mô tả vào thời gian này. Trên cơ sở đó, Bản mô tả CTĐT ngành KHMT được ban hành, cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan; được rà soát và cập nhật các nội dung mới nhất về mục tiêu đào tạo, CĐR, cấu trúc CTĐT và ma trận kỹ năng [H2.02.01.11]. Bản mô tả CTĐT phiên bản năm 2022 có một số cập nhật chính so với năm 2020 như sau:

- Cập nhật Tầm nhìn của Trường theo phiên bản mới, trình bày bổ sung Tầm nhìn – Sứ mạng của Khoa.

- Thay đổi ký hiệu chuẩn đầu ra PLO thành các ký hiệu K, S và C tương ứng với Kiến thức, Kỹ năng, Mức tự chủ và trách nhiệm, sử dụng các động từ thể hiện thang mức độ Bloom nhằm phân biệt, xác định rõ ràng, dễ hiểu, dễ đo lường hơn, đảm bảo tính toàn diện và logic của chương trình, tăng cường khả năng đánh giá kết quả học tập.

- Thay đổi về số lượng và nội dung các chuẩn đầu ra dựa trên sự phản hồi từ thị trường lao động và các BLQ giúp chương trình đào tạo ngành KHMT bắt kịp với các yêu cầu thực tiễn.

- Một số học phần có sự thay đổi, bổ sung chuẩn đầu ra (Xử lý ảnh và thị giác máy tính, Tính toán lượng tử, Tính toán song song và phân tán, …) hướng đến trang bị kiến thức nền tảng mở rộng nhằm tăng cường khả năng tự học, tự nghiên cứu các lĩnh vực gần với chuyên ngành KHMT của người học sau khi hoàn thành chương trình học.

- Thay đổi, cập nhật các giáo trình, tài liệu tham khảo mới theo thời gian, đáp ứng chuẩn đầu ra đã thay đổi.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành KHMT thể hiện đầy đủ nội dung và thông tin cần thiết theo quy định, được ban hành chính thức. Bản mô tả CTĐT được điều chỉnh, cập nhật định kỳ theo kết quả rà soát định kỳ và ý kiến phản hồi của các BLQ một cách rõ ràng thông qua nhiều hình thức khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Khoa CNTT chưa tham khảo nhiều Bản mô tả CTĐT của các trường ĐH trong và ngoài nước đào tạo cùng chuyên ngành để điều chỉnh Bản mô tả CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Định kỳ Nhà trường và Khoa CNTT rà soát, cập nhật, ban hành Bản mô tả CTĐT ngành KHMT và thông báo đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài trường bằng nhiều hình thức khác nhau.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Trường mở rộng quan hệ hợp tác, đối tác với các cơ sở đào tạo cùng chuyên ngành trong và ngoài nước. Trên cơ sở đó, Khoa CNTT tham khảo Bản mô tả CTĐT của các trường để điều chỉnh Bản mô tả CTĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 2.2: Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Trường đã ban hành hướng dẫn về mẫu ĐCCT HP, theo đó tất cả (100%) ĐCCT HP cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan: Tên đơn vị phụ trách; Tên giảng viên đảm nhận giảng dạy; Tên HP; Số tín chỉ; Mục tiêu, CĐR của HP; Ma trận liên kết nội dung

chương mục với CĐR; Các yêu cầu của HP; Cấu trúc HP; Phương pháp dạy-học; Phương pháp kiểm tra, đánh giá; Tài liệu chính và tài liệu tham khảo... [H2.02.02.01].

Tất cả ĐCCT các HP trong CTĐT được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật theo kế hoạch của Trường. Trong chu kỳ đánh giá, điều chỉnh ĐCCT HP của CTĐT ngành KHMT được rà soát, điều chỉnh 03 lần và vào các năm 2018, 2020, 2022 [H2.02.02.02]. Trường ban hành Quy trình biên soạn, hiệu chỉnh, thẩm định ĐCCT HP (Quyết định số 218/QĐ-ĐHKTCN ngày 10/6/2019), Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ năm 2020 (Quyết định số 396/QĐ-ĐHKTCN ngày 10/09/2020) và năm 2022 (Quyết định số 642/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/12/2021) [H2.02.02.03].

Các lần rà soát điều chỉnh năm 2018, 2020, 2022 đã có nhiều thay đổi: tập trung thực hiện đối với CĐR; bổ sung ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR HP và ma trận giữa CĐR của HP với CĐR của CTĐT; điều chỉnh HP, tiến trình đào tạo các HP; chỉnh sửa về hình thức trình bày; xác định rõ HP tiên quyết, học trước, học song hành cho từng HP; PP giảng dạy – học tập; điều chỉnh nguồn học liệu (tài liệu chính, tài liệu tham khảo); làm rõ, cụ thể hơn về cách thức KTĐG HP (hình thức kiểm tra; nội dung; thời điểm; chỉ báo thực hiện; tỷ trọng điểm, …); bổ sung thêm một số mục đảm bảo quy định của Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng- Bộ GD&ĐT [H2.02.02.04], [H2.02.02.05].

Việc điều chỉnh và cập nhật ĐCCT HP yêu cầu GV phải thường xuyên nghiên cứu nắm bắt những yêu cầu mới của HP, cập nhật những kiến thức, giáo trình mới, và tạo điều kiện cho NH được học những kiến thức mới, đáp ứng yêu cầu của công việc [H2.02.02.06].

Tất cả CTĐT, các ĐCCT HP, các kế hoạch giảng dạy được Hiệu trưởng phê duyệt, ký ban hành và được công bố trên trang thông tin điện tử của Trường và của Khoa; qua tuần sinh hoạt công dân đầu khoá của NH và gửi trực tiếp cho NH qua Sổ tay CTĐT [H2.02.02.07], [H2.02.02.08].

2. Điểm mạnh

ĐCCT HP có đầy đủ các thông tin được yêu cầu, trong đó thể hiện rõ CĐR môn học gắn kết với CĐR của CTĐT. Các đề cương học phần được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các học phần, danh mục tài liệu tham khảo, đáp ứng xu thế hiện nay về lĩnh vực ngành KHMT. Mọi thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá... của học phần đều được cung cấp đầy đủ để NH đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa học.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến của các BLQ đối với ĐCCT HP tập trung chủ yếu vào đối tượng GV và NH, đối với Cựu NH, Nhà tuyển dụng chưa có nhiều góp ý dạng đề xuất, kiến nghị

tập trung vào mức độ đồng ý.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Định kỳ Trường và Khoa CNTT tiếp tục rà soát, ban hành hành đầy đủ ĐCCT HP ngành KHMT và đảm bảo đầy đủ thông tin theo quy định.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 – 2025, Khoa CNTT phối hợp Phòng TT-PC-KT-ĐBCL cải tiến mẫu phiếu khảo sát các BLQ để tổ chức khảo sát lấy ý kiến các nội dung liên quan đến ĐCCT các HP.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 2.3: Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT năm 2020 và 2022 được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau đến các BLQ. Bản mô tả CTĐT ngành KHMT được Khoa CNTT triển khai rà soát, cập nhật, được HĐ KH&ĐT của Trường thông qua và được Trường phê duyệt chính thức áp dụng [H2.02.03.01].

Bản mô tả CTĐT được công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Toàn văn Bản mô tả CTĐT năm 2020 và 2022 được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Phòng Đào tạo và của Khoa CNTT để NH có thể tự tham khảo trong quá trình học tập [H2.02.03.02]. Trong các buổi sinh hoạt lớp, CVHT giới thiệu về cách truy cập, những nội dung chính và các điểm cần lưu ý về bản mô tả CTĐT. Những nội dung chính của Bản mô tả CTĐT như CĐR và khung CTĐT được công khai đến các BLQ bằng nhiều hình thức và phương tiện như tài liệu sinh hoạt NH đầu khóa, sinh hoạt lớp thường kỳ, tài liệu tuyển sinh. Trong tuần lễ sinh hoạt công dân học sinh SV đầu khóa, các nội dung của bản mô tả CTĐT cũng được hướng dẫn cụ thể để SV dễ tra cứu và tìm hiểu [H2.02.03.03]. Các BLQ cũng dễ dàng tiếp cận với Bản mô tả CTĐT qua quá trình tham gia khảo sát, lấy ý kiến về CTĐT dưới dạng tài liệu đính kèm phiếu khảo sát [H2.02.03.04].

ĐCCT năm 2018, 2020 và 2022 cũng được HĐ KH&ĐT của Trường thông qua và được Trường phê duyệt chính thức trước khi áp dụng [H2.02.03.01]. Bản mô tả CTĐT và ĐCCT được đăng tải trên trang thông tin điện tử phòng Đào tạo và Khoa CNTT giúp các BLQ, đặc biệt là các BLQ ngoài trường (cơ quản quản lý, nhà sử dụng lao động) dễ dàng tiếp cận [H2.02.03.02]. NH có thể dễ dàng tham khảo về nội dung của học phần để lựa chọn học phần phù hợp và chuẩn bị các tài liệu cần thiết cho môn học. Đồng thời, ĐCCT học phần được giới thiệu trực tiếp cho NH ngay buổi đầu tiên của mỗi HP để NH dễ dàng tiếp cận và định hướng học tập cho từng HP cụ thể.

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT tất cả học phần ngành KHMT đều được lưu trữ tại Khoa tại vị trí dễ dàng tiếp cận để GV và NH thuận tiện theo dõi từ đó có thể chủ động xây dựng phương pháp giảng dạy và phương pháp tự học phù hợp.

Hằng năm, Trường và Khoa thực hiện khảo sát ý kiến của các BLQ về CTĐT, hoạt động giảng dạy,... Kết quả khảo sát thể hiện các BLQ dễ dàng tiếp cận bản mô tả CTĐT. Trên 95% GV được hỏi đồng ý với nhận định "Bản mô tả CTĐT phổ biến công khai cho các BLQ"; hơn 97% NH được hỏi đều đồng ý với nhận định "GV giới thiệu đề cương học phần và kết quả học tập mong đợi ngay từ buổi học đầu tiên" [H2.02.03.04].

2. Điểm mạnh

Trường, Khoa CNTT xây dựng và ban hành Bản mô tả CTĐT ngành KHMT với đầy đủ các thông tin theo đúng quy định và được công bố, công khai bằng nhiều hình thức khác nhau, thông báo trực tiếp đến SV ngay tại buổi học đầu tiên. Các BLQ dễ dàng tiếp cận giúp cho NH nắm được các học phần để xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học.

Hằng năm, Trường, Khoa CNTT khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát về CTĐT với kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan thể hiện các bên liên quan dễ dàng tiếp cận Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần.

3. Điểm tồn tại

Khoa và Trường chưa đánh giá tính hiệu quả của các hình thức phổ biến Bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần ngành KHMT đến các bên liên quan.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Trường và Khoa CNTT tiếp tục rà soát Bản Mô tả hiện trạng CTĐT, ĐCCT học phần ngành KHMT và công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau.

Khắc phục tồn tại:

Hằng năm, từ năm học 2024 - 2025 trở đi, Khoa CNTT phối hợp với các đơn vị liên quan đánh giá tính hiệu quả của các hình thức phổ biến Bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần ngành KHMT đến các bên liên quan.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Trường ban hành Bản mô tả CTĐT ngành KHMT và thông báo đến các BLQ bên trong và bên ngoài trường bằng nhiều hình thức khác nhau. Khoa CNTT thực hiện điều chỉnh, cập nhật Bản mô tả CTĐT ngành KHMT với đầy đủ các thông tin cần thiết theo quy định của tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH do Cục QLCL, Bộ GD&ĐT ban hành. Trường ban hành đầy đủ ĐCCT học phần ngành KHMT và đảm bảo đầy đủ thông tin theo quy định. ĐCCT học phần ngành KHMT được rà soát, điều

chỉnh vào năm 2018, 2020 và 2022. Bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần ngành KHMT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. ĐCCT học phần ngành KHMT được thông báo đến SV ngay tại buổi học đầu tiên. Hằng năm, Nhà trường khảo sát sát ý kiến phản hồi của các BLQ, trong đó có nội dung khảo sát về CTĐT với kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ thể hiện các bên liên quan dễ dàng tiếp cận Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Khoa CNTT chưa tham khảo nhiều Bản mô tả CTĐT của các trường ĐH trong và ngoài nước đào tạo cùng chuyên ngành để điều chỉnh Bản mô tả CTĐT. Việc lấy ý kiến của các BLQ đối với ĐCCT HP tập trung chủ yếu vào đối tượng GV và NH, đối với Cựu NH, Nhà tuyển dụng chưa có nhiều góp ý dạng đề xuất, kiến nghị tập trung vào mức độ đồng ý. Khoa và Trường chưa đánh giá tính hiệu quả của các hình thức phổ biến Bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần ngành KHMT đến các BLQ.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 2:

Có 3/3 tiêu chí đạt điểm 5. Mức trung bình: 5,0; Số tiêu chí đạt: 3/3; Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%): 100%

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung CTDH

Mở đầu: Chương trình dạy học trình độ đại học ngành KHMT đầy đủ thông tin và cập nhật qua các năm 2020, 2022 được cấu trúc hợp lý và hệ thống, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTDH của Bộ GD&ĐT và của Trường chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của ngành KHMT trình độ ĐH, đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. CTDH ngành KHMT được thiết kế dựa trên CĐR thông qua bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần, trong đó đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR thể hiện rõ ràng qua các phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá NH được sử dụng để nhằm đảm bảo đạt các CĐR chung của CTDH và các mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của từng HP và đặc biệt ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Chủ đề và nội dung các HP được cấu trúc logic, có trình tự và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTDH. Đồng thời, CTDH của ngành KHMT được rà soát định kỳ qua các năm 2020, 2022, được đối sánh với CTDH các trường trong nước và quốc tế nhằm đảm bảo tính thích hợp, cập nhật ở từng HP cụ thể và ở CTDH tổng thể.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Trường căn cứ vào các văn bản quy định về đào tạo trình độ đại học để xây dựng Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT ban hành năm 2020 và điều chỉnh năm 2021 [H3.03.01.01]. Theo các quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường, CTDH được thiết kế, rà soát, cập nhật dựa trên các yêu cầu về CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ

và trách nhiệm, phù hợp với TN, SM, TLGD của Trường và TN, SM của Khoa. Trong giai đoạn đánh giá, CTDH được ban hành với các phiên bản 2020 và 2022. CTDH được xây dựng nhằm giúp NH đạt được các CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm khi tốt nghiệp ngành KHMT. Tương ứng với từng yêu cầu của CĐR, CTDH được phân bổ thành các khối kiến thức cụ thể bao gồm kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành [H3.03.01.02]. Tỷ lệ các khối kiến thức được cân đối trên cơ sở CĐR. Theo đó, CTDH gồm 150 tín chỉ (không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng), trong đó:

- Kiến thức giáo dục đại cương : 35 tín chỉ Tỉ lệ: 23.3 %
- Kiến thức cơ sở ngành : 43 tín chỉ Tỉ lệ: 28.7 %
- Kiến thức chuyên ngành : 72 tín chỉ Tỉ lệ: 48.0 %

Sự liên kết giữa các khối kiến thức và các CĐR được thể hiện cụ thể như trong bảng 3.1.1.

Bảng 3.1.1. Ma trận liên kết giữa các khối kiến thức và CĐR (Năm 2022)

Khối kiến thức	**Chuẩn đầu ra**													
	Kiến thức						**Kỹ năng**					**Mức tự chủ và trách nhiệm**		
	K1	**K2**	**K3**	**K4**	**K5**	**K6**	**S1**	**S2**	**S3**	**S4**	**S5**	**C1**	**C2**	**C3**
Kiến thức đại cương	X	X					X	X	X			X	X	
Kiến thức cơ sở ngành			X	X				X	X	X		X	X	X
Kiến thức chuyên ngành			X	X	X	X		X		X	X	X	X	X

Trong CTDH, mỗi học phần có vai trò nhất định để góp phần đạt được CĐR CTĐT KHMT. Sự đóng góp thể hiện cụ thể theo ma trận kỹ năng [H3.03.01.03].

CTDH được xây dựng theo hướng phát triển năng lực của người học, nhằm đào tạo đội ngũ NH có kiến thức vững vàng và năng lực thực hành nghề nghiệp tốt có chất lượng và uy tín. Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập và phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH của 100% các học phần trong CTDH phù hợp, góp phần đạt

được CĐR. Căn cứ vào Hướng dẫn xác định các phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ [H3.03.01.04], CTDH ngành KHMT xác định phương pháp giảng dạy và học tập 100% các học phần [H3.03.01.02] góp phần đạt CĐR thể hiện trong bảng 3.1.2.

Bảng 3.1.2. Ma trận liên kết giữa phương pháp dạy, học và CĐR (Năm 2022)

Chiến lược, phương pháp dạy và học	**Chuẩn đầu ra**													
	Kiến thức						**Kỹ năng**					**Mức tự chủ và trách nhiệm**		
	K1	**K2**	**K3**	**K4**	**K5**	**K6**	**S1**	**S2**	**S3**	**S4**	**S5**	**C1**	**C2**	**C3**
PP nghiên cứu trường hợp	X			X	X	X	X		X	X	X	X	X	
PP phát vấn	X	X	X	X	X		X	X	X	X		X	X	
PP thuyết trình tích cực	X	X		X	X	X	X	X			X	X	X	X
PP giải quyết vấn đề			X	X	X	X			X	X	X		X	X
Tự học	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thuyết trình			X	X	X				X	X	X	X	X	X
Làm việc nhóm			X	X	X	X			X	X	X		X	X
Thực tập			X	X	X	X				X	X		X	X
Bài luận			X	X	X	X				X	X		X	X

Việc giảng dạy và học tập của ngành KHMT được thực hiện kết hợp các phương pháp giảng dạy, học tập trực tiếp trên lớp và các phương pháp giảng dạy theo định hướng thực hành. Tỷ lệ học phần có thực hành trong CTĐT là: 62%. Đối với các học phần cơ sở ngành, phương pháp giảng dạy chủ yếu sử dụng thuyết giảng kết hợp với thảo luận nhóm, thuyết trình. Đặc biệt, NH ngành KHMT cần đạt được yêu cầu về kỹ năng nghề nghiệp như kỹ năng thiết kế, xây dựng, triển khai và quản trị một hệ thống học máy trong thực tiễn. Do đó, CTDH được thiết kế có các tiết thực hành, thực tập tại Trường và tại cơ quan,

đơn vị, doanh nghiệp định hướng theo nghề nghiệp ứng dụng. Mối liên hệ giữa các PP dạy, học và các khối kiến thức được thể hiện trong bảng 3.1.3.

Bảng 3.1.3. Mối liên hệ giữa các PP dạy, học và các khối kiến thức (năm 2022)

Phương pháp dạy và học	Khối kiến thức		
	Kiến thức đại cương	Kiến thức cơ sở ngành	Kiến thức chuyên ngành
PP nghiên cứu trường hợp	X	X	X
PP phát vấn	X	X	X
PP thuyết trình tích cực	X	X	X
PP giải quyết vấn đề			X
Tự học	X	X	X
Thuyết trình	X	X	X
Làm việc nhóm	X	X	X
Thực tập			X
Bài luận			X

Dựa trên Hướng dẫn xác định các phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ, CTDH cũng xác định các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập NH và thể hiện cụ thể trong mỗi ĐCCT học phần [H3.03.01.02]. Phương thức kiểm tra, đánh giá của 81% học phần sẽ bao gồm đánh giá quá trình và thi cuối kỳ trong đó đánh giá quá trình chiếm tỷ lệ từ 40% đến 50% và thi cuối kỳ chiếm tỷ lệ từ 50% đến 60%. Phương thức kiểm tra, đánh giá của 9% học phần sẽ chỉ gồm đánh giá cuối tập trung ở các học phần Đồ án KHMT, Khóa luận tốt nghiệp và thực tập tốt nghiệp. Các phương pháp kiểm tra đánh giá được xác định cho 100% học phần góp phần đạt CĐR CTĐT năm 2022 ngành KHMT thể hiện qua bảng 3.1.4.

Bảng 3.1.4. Ma trận liên kết giữa các PP KTĐG và CĐR (năm 2022)

Chiến lược, phương pháp KTĐG	Chuẩn đầu ra													
	Kiến thức						Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm		
	K1	K2	K3	K4	K5	K6	S1	S2	S3	S4	S5	C1	C2	C3
Chuyên cần	X			X			X		X	X		X	X	
Bài tập trên lớp	X	X	X	X			X	X	X	X		X	X	
Bài tiểu luận	X	X		X	X	X	X	X			X	X	X	X

Thuyết trình			X	X	X	X			X	X	X		X	X
Kiểm tra trắc nghiệm	X	X	X	X			X	X	X	X		X	X	
Kiểm tra tự luận			X	X	X				X	X		X	X	
Đánh giá làm việc nhóm			X	X	X	X			X	X	X		X	X
Đánh giá khóa luận tốt nghiệp			X	X	X	X				X	X		X	X
Đánh giá thực tập			X	X	X	X				X	X		X	X

Hằng năm, dựa trên kế hoạch công tác năm học và kế hoạch đào tạo trình độ đại học của Trường, Khoa CNTT triển khai thực hiện CTDH cụ thể qua kế hoạch hoạt động của Khoa và phân công nguồn lực phù hợp với từng học phần [H3.03.01.05]. NH phải thực hiện theo kế hoạch thực hiện CTDH này đối với từng khối kiến thức cụ thể để đạt được các CĐR cần thiết của CTĐT ngành KHMT. Quá trình thực hiện giảng dạy, học tập và kiểm tra đánh giá theo CTDH được ghi nhận, theo dõi thông qua Hồ sơ giảng dạy của GV [H3.03.01.06].

Hằng năm, Khoa CNTT tiến hành lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về quá trình thực hiện CTDH để tổng hợp và phân tích kết quả nhằm đưa ra các định hướng hoàn thiện CTDH ngành KHMT. Trong năm 2022, kết quả khảo sát cho thấy 91% người tham gia khảo sát hài lòng với phương pháp giảng dạy, 89% hài lòng với phương pháp KTĐG [H3.03.03.07].

2. Điểm mạnh

Chương trình dạy học ngành KHMT được thiết kế với cấu trúc phù hợp, cân đối giữa các khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo thực hiện các CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm. Mỗi HP trong CTDH đều được xác định đạt CĐR. Việc xác định tổ hợp các PPGD, học tập, phương pháp KTĐG kết quả học tập của NH được quy định rõ nhằm hỗ trợ cho việc đạt được CĐR của NH.

3. Điểm tồn tại

Các phương pháp giảng dạy hiện đại được GV Khoa CNTT xác định trong ĐCCT học phần chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Trường và Khoa CNTT tiếp tục triển khai xây dựng, rà soát, cập nhật CTDH theo văn bản của Bộ GD&ĐT. Chương trình dạy học ngành KHMT được thiết kế với cấu trúc phù hợp, cân đối giữa các khối kiến thức, đảm bảo thực hiện các CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa CNTT triển khai để GV tăng cường xác định các PPGD hiện đại trong ĐCCT HP để từ đó áp dụng trong quá trình giảng dạy nhằm đạt CĐR.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.

1. Mô tả hiện trạng

Để đảm bảo các HP hướng đến đạt CĐR của CTĐT, 100% các HP trong CTDH năm 2020 và 2022 được xây dựng theo hướng tương thích với các yêu cầu của CĐR kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của NH thông qua việc xác định mục tiêu của HP nhằm đạt CĐR được phân nhiệm với trình độ năng lực cụ thể, sau đó xác định CĐR HP để đạt mục tiêu, từ đó mới xây dựng nội dung học phần, phương pháp giảng dạy và học tập, cách thức kiểm tra đánh giá nhằm đạt CĐR HP. Tất cả ĐCCT đều có phần mục tiêu và CĐR được thể hiện rõ ràng, cụ thể nội dung cần đạt được khi kết thúc học phần về mặt kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm của SV [H3.03.02.01]. Sự đóng góp của các HP nhằm đạt được CĐR thể hiện rõ nét trong Ma trận mối quan hệ giữa các HP và CĐR của CTĐT [H3.03.02.02]. Các học phần có liên hệ với nhau về nội dung đều được xác định rõ học phần tiên quyết, học phần học trước và học phần song hành. Các học phần được sắp xếp theo trình tự logic và khoa học, đảm bảo được tính kế thừa và bổ sung, nâng cao và chuyên sâu nhằm đáp ứng được CĐR. Trình tự sắp xếp trong 9 học kỳ của các học phần trong CTDH năm 2022 được mô tả ở hình 3.2.1. như sau:

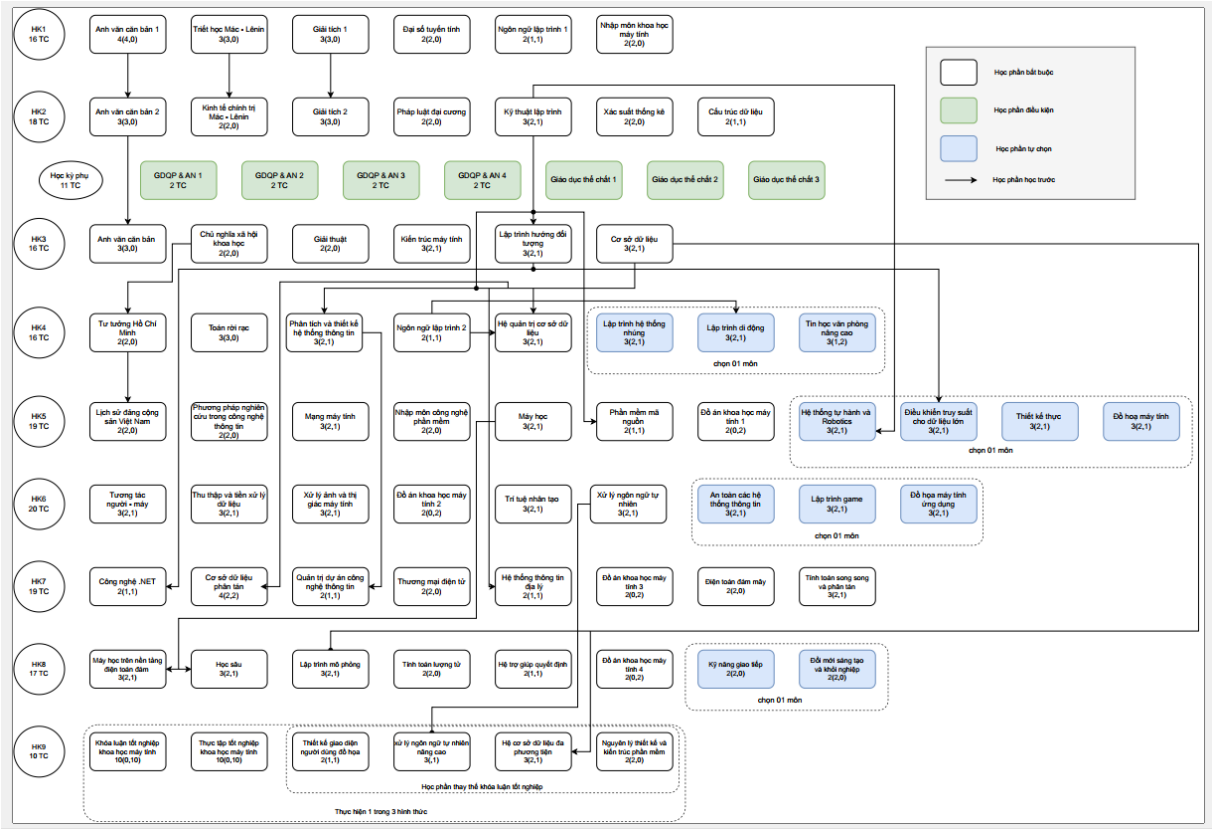

Hình 3.2.1. Sơ đồ tiến trình đào tạo ngành KHMT

Các HP tự chọn được thiết kế nằm giúp NH tự chọn những HP phù hợp với nguyện vọng, sở trường, cũng như định hướng công việc của bản thân. Tỷ lệ tín chỉ học phần tự chọn chiếm khoảng 14% trong CTĐT. Mỗi HP tự chọn đều có ĐCCT HP được xây dựng theo hướng giúp NH đáp ứng những yêu cầu của CĐR, đảm bảo 100% các yêu cầu của kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của CĐR [H3.03.02.03].

Các học phần trong CTDH xác định rõ tổ hợp các PP dạy và học, PP KTĐG phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt CĐR. Điều này được thể hiện cụ thể trong Ma trận mối liên kết giữa các HP, phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá và các CĐR của CTĐT ngành KHMT (khóa 2022) [H3.03.02.04]. Các PP giảng dạy phù hợp với từng học phần được quy định rõ trong ĐCCT của từng học phần. Ngoài ra, để đảm bảo việc đạt CĐR trong mỗi học phần, ngoài kỳ thi kết thúc học phần, kết quả đánh giá người học còn được thể hiện qua đánh giá quá trình bao gồm đánh giá chuyên cần và kiểm tra giữa kỳ của các học phần. Hình thức đánh giá học phần được thể hiện cụ thể trong ĐCCT HP và được GV thông báo cho NH ngay buổi học đầu tiên. Trong CTDH 2022, mỗi PP đánh giá được xác định rõ đáp ứng với CĐR nào của học phần [H3.03.02.05]. Trong giai đoạn 2018 – 2023, CTDH được rà soát, cập nhật vào các năm 2020, 2022 trong đó CĐR, PP dạy và học, PP KTĐT đối với mỗi học phần được yêu cầu phải đảm bảo sự đóng góp của các HP hướng đến đạt CĐR CTĐT. Các phiên bản CTDH được thông qua trong cuộc họp của Khoa CNTT và của Hội đồng KH&ĐT Trường để được ban hành chính thức [H3.03.03.06], [H3.03.03.07].

Trước mỗi học kỳ Khoa tổ chức họp mặt toàn thể GV của Khoa có tham gia giảng dạy thông qua kế hoạch phân công giảng dạy, lưu ý về việc thực hiện giảng dạy và KTĐG theo đúng ĐCCT HP đã ban hành. Dựa vào Quy định thực hiện Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp, Thực tập tốt nghiệp của Trường [H3.03.02.05], Khoa CNTT triển khai kế hoạch cụ thể thực hiện Khóa luận tốt nghiệp, Thực tập tốt nghiệp, nhằm thực hiện PP đào tạo kết hợp lý thuyết với thực tiễn [H3.03.02.08].

Sau mỗi học phần, NH tham gia khảo sát, đóng góp ý kiến đối với học phần đó. Hằng năm, phòng TT-PC-KT-ĐBCL tổng hợp các góp ý, các đánh giá của các học phần trong mỗi năm học, chất lượng của các lớp học phần [H3.03.02.09]. Các báo cáo này là cơ sở để Khoa đánh giá quá trình giảng dạy và học tập của GV và NH ở các học phần từ đó có phương án, kế hoạch cập nhật CTDH. Trong giai đoạn 2018 – 2023, Khoa CNTT triển khai khảo sát lấy ý kiến các BLQ về hoạt động giảng dạy, đánh giá tính phù hợp của các HP, các PP KTĐG [H3.03.02.10]. Qua đó, Khoa tiến hành cập nhật, điều chỉnh nội dung CTDH, đáp ứng CĐR ngày càng phù hợp với nhu cầu XH hơn và công bố rộng rãi đến các bên có liên quan thông qua website của Trường, Khoa [H3.03.02.11], [H3.03.02.12].

2. Điểm mạnh:

Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng. 100% các học phần có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR. ĐCCT của mỗi học phần trong khối kiến thức đều thể hiện tính gắn kết giữa hoạt động dạy, học và PP KTĐG để đạt được CĐR.

Các học phần trong CTDH ngành KHMT được xây dựng và điều chỉnh dựa trên việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ.

3. Điểm tồn tại

Số lượng các góp ý về PP dạy và học, PP KTĐG trong CTDH ngành KHMT tại các hội nghị, hội thảo do Khoa CNTT tổ chức chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Trường và Khoa CNTT tiếp tục rà soát CTDH, trong đó bảo đảm tất cả ĐCCT học phần trong CTDH ngành KHMT xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp KTĐG phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa CNTT tiếp tục tổ chức hội nghị, hội thảo và tăng cường số lượng các bên tham gia tại các hội nghị, hội thảo do Khoa tổ chức nhằm tăng số lượng nhà tuyển dụng và cựu SV góp ý về CTDH ngành KHMT, đặc biệt có những chuyên đề thảo luận về cải tiến PP dạy và học, PP kiểm tra đánh giá.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và

có tính tích hợp.

1. Mô tả hiện trạng

Tất cả các học phần trong CTDH năm 2020 và 2022 được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liền mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. Qua đó, cấu trúc CTDH ngành KHMT được thiết kế cân đối với sự phân bổ phù hợp giữa các khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành để NH được trang bị đầy đủ những kiến thức chuyên môn và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho công việc trong lĩnh vực CNTT.

CTDH ngành KHMT năm 2020 và 2022 được xây dựng phân bổ trên các khối kiến thức: kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành và học phần tốt nghiệp gắn kết chặt chẽ với nhau.

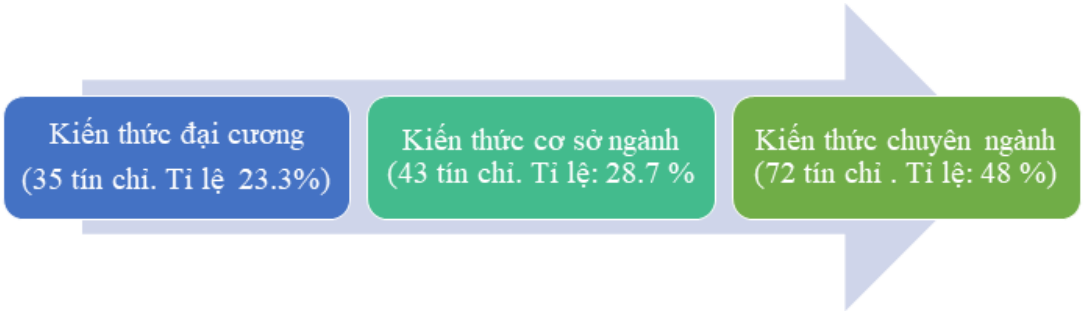

Hình 3.3.2. Phân bố tỷ lệ tín chỉ giữa các khối kiến thức

100% các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý. Quá trình xây dựng CTDH được thực hiện theo quy định của Trường và của Khoa nhằm đảm bảo tính hợp lý và minh bạch. CTDH ngành KHMT có 150 tín chỉ (không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng), được chia thành 09 học kỳ, thực hiện theo trình tự từ cơ bản đến phát triển nâng cao kiến thức và kỹ năng cho NH [H3.03.03.01]. Nhằm đảm bảo NH tiếp thu kiến thức theo trình tự nhất định, các HP được sắp xếp logic, có quy định cụ thể về HP tiên quyết, HP học trước và HP song hành nhằm phù hợp với khả năng tiếp thu và tích lũy kiến thức của NH trong suốt thời gian đào tạo là 4,5 năm. Trình tự các học phần trong CTDH được bố trí theo trình tự từ kiến thức đại cương đến kiến thức cơ sở ngành và tiếp theo là kiến thức chuyên ngành. Các học phần ở học kỳ trước là nền tảng cho các học phần ở học kỳ tiếp theo. Theo lộ trình dạy và học, trong năm học đầu tiên, NH phải có kiến thức cơ bản nhất định của khối kiến thức đại cương. Những năm học tiếp theo, NH có thể tích lũy dần các kiến thức cơ sở ngành và dần dần đến các kiến thức chuyên ngành. 80% các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành đều có nội dung thực hành giúp NH có thể vận dụng được lý thuyết trong quá trình học. Học kỳ cuối cùng sẽ là thời gian để NH lựa chọn thực tập tại các cơ quan, doanh nghiệp có các hoạt động ngành nghề liên quan đến lĩnh vực CNTT, thực hiện khóa luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế. NH có thể rút ngắn lộ trình học tập nhưng phải đảm bảo thực hiện đúng thời lượng của từng HP và yêu cầu

tiên quyết hoặc học phần học trước. Thông qua đó, kết quả đánh giá NH được phản ánh trung thực và thể hiện được năng lực nghề nghiệp của NH qua quá trình tích lũy kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện các công việc về lĩnh vực KHMT trong tương lai.

Các HP thuộc khối kiến thức đại cương được giảng dạy ở các học kỳ của 2,5 năm học đầu tiên (từ học kỳ 1 đến học kỳ 5) trong đó phần lớn các học phần về kiến thức tự nhiên tập trung giảng dạy trong năm đầu tiên. Các môn học cơ sở ngành được bố trí bắt đầu từ năm đầu tiên để thiết lập nền tảng kiến thức cho NH, ví dụ: trong học kỳ đầu tiên, NH được giới thiệu về KHMT cũng như định hướng phát triển của ngành thông qua học phần Nhập môn KHMT, làm quen với các nguyên tắc lập trình thông qua học phần Ngôn ngữ lập trình 1. Đến năm học thứ ba (học kỳ 6 đến học kỳ 9), NH tập trung học các học phần chuyên ngành để rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết và thực hiện các đề tài thực tập, khóa luận tốt nghiệp vào những học kỳ cuối của CTĐT. Các học phần chuyên ngành được bố trí theo trình tự từ các học phần nền tảng đến chuyên sâu như Máy học, Trí tuệ nhân tạo cho đến các học phần Học sâu và Máy học trên nền tảng điện toán đám mây. CTDH có thiết kế các môn học tự chọn để đảm bảo tính linh hoạt của quá trình dạy học. Theo đó, NH có thể lựa chọn các học phần phù hợp với năng lực cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp như: Lập trình hệ thống nhúng, Lập trình di động, Hệ thống tự hành và Robotics, Điều khiển truy xuất cho dữ liệu lớn, An toàn các hệ thống thông tin, Lập trình game,... Tỷ lệ các môn học tự chọn được thiết kế cân đối trong tổng số tín chỉ của CTDH (chiếm 14%). Tại học kỳ cuối của CTDH, NH có thể lựa chọn Khóa luận tốt nghiệp (nếu đủ điều kiện), Thực tập tốt nghiệp hoặc học các HP thay thế. CTDH được thiết kế giúp NH có thể tích lũy được kiến thức chuyên môn và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cần thiết để đáp ứng được CĐR theo mức độ đóng góp của các HP [H3.03.03.01]. Theo lộ trình đào tạo được xác định trong CTDH và căn cứ theo kế hoạch đào tạo hằng năm của Trường, Khoa CNTT xây dựng kế hoạch phân công giảng dạy nhằm đảm bảo tiến độ thực hiện CTDH [H3.03.03.02], [H3.03.03.03].

Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường ban hành các kế hoạch, hướng dẫn, quy trình thiết kế, xây dựng, cập nhật CTĐT và CTDH và thông báo đến Khoa để triển khai xây dựng, rà soát, cập nhật các CTĐT, CTDH [H3.03.03.04]. Trên cơ sở văn bản hướng dẫn và kế hoạch của Trường, Khoa CNTT tiến hành thực hiện xây dựng CTDH năm 2020 và rà soát, điều chỉnh cập nhật năm 2022 [H3.03.03.05]. Các phiên bản CTDH được thông qua trong cuộc họp của Khoa CNTT và của Hội đồng KH&ĐT Trường trước khi được ban hành chính thức vào các năm 2020 và 2022 [H3.03.03.06], [H3.03.03.07].

Trong quá trình xây dựng và hoàn thiện CTDH, Khoa CNTT đã tiến hành phân tích, đối sánh với CTĐT của một số CSGD uy tín [H3.03.03.08] trong nước như Trường ĐH Công nghiệp TP. HCM [H3.03.03.09], Trường ĐH CầnThơ [H3.03.03.10] và CSGD ngoài nước như Trường ĐH Utah Valley (Mỹ) [H3.03.03.11]. Điều này giúp đảm bảo CTĐT

ngành KHMT Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ phù hợp với trình độ chung của nguồn nhân lực ngành KHMT ở Việt Nam hiện nay.

2. Điểm mạnh:

Các HP trong CTDH ngành KHMT được thiết kế có 3 khối kiến thức: Khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành đảm bảo sự gắn kết và liền mạch tạo thành một khối thống nhất. CTDH được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật ít nhất 2 năm 1 lần. CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước.

3. Điểm tồn tại:

Số lượng CTĐT của các trường ĐH quốc tế được Khoa CNTT tham khảo để điều chỉnh CTDH ngành KHMT chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động:

Phát huy điểm mạnh:

Định kỳ, Trường và Khoa CNTT tiếp tục rà soát CTDH ngành KHMT đảm bảo sự gắn kết và liền mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất, trong đó tham khảo CTĐT của các trường ĐH trong nước và quốc tế để điều chỉnh CTDH đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa CNTT tăng cường tham khảo CTĐT của các trường ĐH quốc tế để điều chỉnh CTDH ngành KHMT.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về tiêu chuẩn 3

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ, Khoa CNTT đã chú trọng xây dựng CTDH một cách bài bản nghiêm túc, đồng thời trong quá trình rà soát điều chỉnh có sự tham khảo chương trình dạy học của các trường ĐH có uy tín trong nước và quốc tế đồng thời khảo sát các bên có liên quan nhằm kịp thời đáp ứng nhu cầu xã hội. Ngành KHMT được tổ chức đào tạo theo tín chỉ và có mục tiêu rõ ràng, CTDH có cấu trúc logic và chặt chẽ. Chương trình sau khi xây dựng đã được rà soát điều chỉnh theo đúng mục tiêu đặt ra là đáp ứng nhu cầu của xã hội do có sự đóng góp của các chuyên gia, các nhà quản lý và các DN sử dụng các NH của Trường sau khi tốt nghiệp.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Các PPGD hiện đại được GV Khoa CNTT xác định trong ĐCCT học phần chưa nhiều. Số lượng các góp ý về PP dạy và học, PP KTĐG trong CTDH ngành KHMT tại các hội nghị, hội thảo do Khoa CNTT tổ chức chưa nhiều. Số lượng CTĐT của các trường ĐH quốc tế được Khoa CNTT tham khảo để điều chỉnh CTDH ngành KHMT chưa nhiều.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 3:

Có 3/3 tiêu chí đạt điểm 5; Mức trung bình: 5,00; Số tiêu chí đạt: 3/3; Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%): 100%.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu: Trong đào tạo đại học, phương pháp tiếp cận dạy và học có vai trò quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu giáo dục hay triết lý giáo dục là học tập chủ động, làm việc sáng tạo. Việc lựa chọn phương pháp tiếp cận đúng sẽ giúp cơ sở đào tạo xây dựng và thực hiện CTĐT, với các tiêu chí dạy và học phù hợp với triết lý hoặc mục tiêu giáo dục, Khoa CNTT, cũng như nhiều khoa khác trong Trường chọn cách tiếp cận lấy NH làm trung tâm, tổ chức các hoạt động dạy học và các hoạt động ngoại khóa nhằm đạt được CĐR đã tuyên bố trong CTĐT, sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, nhằm phát triển tính chủ động sáng tạo trong học tập cho NH. Để làm được điều này, CTĐT xác định rõ mục tiêu và CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Cách tiếp cận này được cụ thể hóa ở việc thiết kế chương trình với các HP được phân bổ liên tiếp và logic, môn cơ sở là môn học trước cho những môn học chuyên sâu, các hoạt động dạy và học đều phải cùng hướng đến đạt CĐR CTĐT. Thông điệp về cách tiếp cận, các hoạt động dạy học và CĐR của chương trình cần được mỗi GV và NH hiểu rõ để thực hiện tốt, đồng thời thể hiện sự chủ động, làm việc sáng tạo theo triết lý giáo dục.

Tiêu chí 4.1: Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.

1. Mô tả hiện trạng

Năm 2015 Trường ban hành quyết định số 16/QĐ-ĐHKTCN tuyên bố chính thức về TN, SM của Trường và sau đó được điều chỉnh bổ sung vào năm 2017. TLGD của Trường năm 2017 là "Lý thuyết đi đôi với ứng dụng thực tiễn" được được thể hiện trong thông tin quảng bá tuyển sinh của Trường. Trong các năm 2020 và 2021, Trường tiếp tục triển khai rà soát TN, SM, GTCL, TLGD và thông báo đến các đơn vị đóng góp ý kiến về TLGD của Trường. Căn cứ các ý kiến góp ý của các đơn vị và xu thế phát triển, TLGD của Trường được xác định là "Đức trí - Kỹ năng - Sáng tạo - Hội nhập" và ban hành theo Quyết định số 331/QĐ-ĐHKTCN ngày 14/07/2021 về việc điều chỉnh, bổ sung SM, TN của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ. TLGD của Trường được xác định dựa trên SM, TN và Chiến lược phát triển của Trường "hướng đến năm 2030 là trường đại học phát triển bền vững, đào tạo có chất lượng theo định hướng ứng dụng liên ngành kỹ thuật công nghệ phù hợp với xu thế phát triển trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư". Khoa CNTT thống nhất sử dụng TLGD của Trường và truyền tải TLGD này vào Chiến lược phát triển Khoa CNTT giai đoạn 2020 – 2025, định hướng đến năm 2030, trong các hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu [H4.04.01.01].

TLGD được tất cả VC, GV, NH của Trường và Khoa hiểu rõ và thực hiện. TLGD của Trường được phổ biến tới các BLQ với nhiều hình thức khác nhau. TLGD của Trường

được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Trường và của Khoa [H4.04.01.02]. Ngoài ra, TLGD của Trường được treo tại các sảnh, phòng họp trong Trường để phổ biến đến VC, GV, NH, doanh nghiệp, khách đến thăm và làm việc với Trường. NH còn được phổ biến TLGD thông qua các tờ rơi và sổ tay SV. GV cũng thường xuyên được phổ biến về TLGD tại các buổi họp chuyên môn để có thể hiểu rõ và truyền tải TLGD vào trong hoạt động dạy và học. Ngoài ra, tại các cuộc họp giao ban của các đơn vị cũng như tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học, lãnh đạo các đơn vị phổ biến, giải thích để VC, GV, NH biết và hiểu về TLGD của Trường. CVHT cũng thường xuyên phổ biến về TLGD của Trường trong các buổi sinh hoạt lớp [H4.04.01.03].

Khoa đã khảo sát, lấy ý kiến các BLQ về việc hiểu biết và thực hiện các hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH phù hợp với TLGD của Trường. Kết quả khảo sát, lấy ý kiến cho thấy: VC, GV và NH đều tiếp cận những thông tin về TN, SM, GTCL và TLGD của Trường nhiều thông qua trang thông tin điện tử của Trường, các bảng thông báo và được đặt tại những nơi dễ nhìn thấy trong khuôn viên Trường cũng như in ấn trên tờ rơi của Trường, sổ tay SV. Đối với các ý kiến về TN, SM, GTCL và TLGD của Trường đã được thu thập và tổng hợp, kết quả khảo sát có 90,3% đồng thuận về về TN, SM, GTCL và TLGD của Trường. [H4.04.01.04].

2. Điểm mạnh

TLGD của Trường được thảo luận, thống nhất để phù hợp và đặc trưng với môi trường, GV, NH của Trường, được công bố công khai đến các BLQ bằng nhiều hình thức. Hằng năm, trong nội dung khảo sát ý kiến của các bên liên quan về hoạt động của Nhà trường có khảo sát về TLGD của Trường.

3. Điểm tồn tại

TLGD cần có nhiều thời gian hơn để hiểu và chuyển tải đồng bộ đối với các bên liên quan. Số lượng doanh nghiệp và nhà tuyển dụng tham gia khảo sát về TLGD của Trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Khoa và Trường tiếp tục thực hiện theo đúng những nội dung đã tuyên bố với người học và tăng cường tổ chức hội thảo, tọa đàm, báo cáo chuyên đề để tiếp nhận ý kiến của nhà khoa học, chuyên gia, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, giảng viên về mục tiêu giáo dục.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 – 2025, hằng năm, Trường tăng cường mời số lượng doanh nghiệp, nhà tuyển dụng tham gia các hội thảo, hội nghị, các ngày hội việc làm. Trên cơ sở đó, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp các đơn vị trong trường tiến hành khảo sát ý kiến của các nhà tuyển dụng về các lĩnh vực hoạt động của Trường, trong đó có nội dung khảo

sát về TLGD của Trường. Trường và Khoa sẽ thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng, doanh nghiệp, NH trong việc xây dựng và hoàn thiện TLGD.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR.

1. Mô tả hiện trạng

Đối với CTĐT ngành KHMT được thiết kế theo định hướng ứng dụng, Khoa đã chỉ đạo, hướng dẫn và có nhiều thảo luận với Bộ môn, GV để xây dựng hoạt động dạy học, PP KĐGD phù hợp bám sát mục tiêu, TLGD để đạt CĐR CTĐT. Trong quá trình giảng dạy, GV đã lựa chọn hoạt động giảng dạy và học tập thích hợp với đặc thù của từng HP, hướng dẫn NH sử dụng tổ hợp các phương pháp nghiên cứu, học tập hiệu quả, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. Kế hoạch năm học của Trường và của Khoa luôn chú trọng tạo dựng môi trường học tập đa dạng, tạo thuận lợi cho việc đạt CĐR đã xác định. GV Khoa CNTT áp dụng các hoạt động dạy học khác nhau như học tập theo tình huống, học tập theo giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm hiệu quả... được thể hiện trong các ĐCCT HP. Trường và Khoa còn tổ chức các buổi hội thảo, seminar, workshop và các sự kiện chia sẻ kinh nghiệm giữa NH và DN, tạo cơ hội cho NH kết nối với ngành học và hiểu rõ hơn về các yêu cầu công việc thực tế. Trường hợp tác với nhiều DN nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho NH trong việc thực tập tốt nghiệp tại các DN phù hợp với ngành nghề đào tạo. Tại quyết định số 407/QĐ-ĐHKTCN ngày 06/9/2021 của Trường về các quy định về Thực tập tốt nghiệp, văn bản xác định các điều kiện để tham gia thực hiện, tính khả thi của đề tài, quy trình thực hiện, quy cách trình bày, quy trình nộp và thực hiện báo cáo, đánh giá và chấm phúc tra. Văn bản được ban hành với mục tiêu hỗ trợ cho công tác dạy và học của giảng viên và người học để đạt được kết quả tốt nhất và phù hợp với CĐR học phần. Danh sách người học tham gia thực tập, danh sách đề tài và phiếu nhận xét của đơn vị thực tập được Khoa lưu trữ phục vụ cho công tác đánh giá HP [H4.04.02.01]. Từ kết quả đánh giá của đơn vị thực tập và từ hội đồng đánh giá học phần cho thấy hơn 90% số người học đạt được kết quả khá/giỏi, cho thấy sự hiệu quả của các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

PPGD được mô tả rõ ràng trong ĐCCT các HP của các năm 2020 và 2022. Với mỗi ĐCCT các HP đều thể hiện rõ số tiết đối với lý thuyết, thực hành và tự học phù hợp với điều kiện thực tế của Trường, Khoa và các nội dung HP [H4.04.02.02]. Trường đã xác định đổi mới phương pháp dạy và học là một trong những khâu đột phá nâng cao chất lượng đào tạo. Trường, Khoa đã tổ chức những hội nghị tập huấn về đổi mới phương pháp giảng dạy với sự tham gia của lãnh đạo các bộ môn, khoa, các GV, VC các đơn vị trong toàn Trường. Ngoài ra, BCN Khoa CNTT tổ chức hướng dẫn, thảo luận với GV về việc xác định các hoạt động dạy học và các PPGD phù hợp để đạt CĐR [H4.04.02.03].

Vào mỗi buổi học đầu tiên của HP, GV giới thiệu nội dung, CĐR HP, các phương pháp học tập, phương pháp KTĐG, tài liệu học tập, tài liệu tham khảo cho NH. Phương pháp học tập chủ động và tiếp cận giải quyết vấn đề của NH cũng thay đổi từ việc học tập, nghiên cứu độc lập sang phối hợp nhóm, chia sẻ thông tin; từ tham gia thụ động sang chủ động vào các hoạt động học tập. Thay vì GV đóng vai trò giảng bài thì NH thay thế bằng cách thuyết trình các phần bài học, các trường hợp cụ thể trong thực tế, qua đó NH tự tìm hiểu, nắm vững kiến thức và chủ động học tập. Tùy theo đặc thù của mỗi HP, ngoài việc thay đổi phương pháp giảng dạy, GV đã tích cực ứng dụng CNTT để soạn bài điện tử, soạn bài giảng online, tương tác với NH thông qua hệ thống elearning của Nhà trường [H4.04.02.04]. Trong các cuộc họp giao ban, BGH thường xuyên chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho NH học tập, nghiên cứu một cách hiệu quả; yêu cầu các phòng, khoa cần chú trọng đổi mới phương pháp dạy và học, tăng cường ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, nâng cao chất lượng đào tạo của Trường [H4.04.02.05].

Việc đánh giá hoạt động giảng dạy của GV được Trường, Khoa tiến hành thường xuyên và định kỳ với nhiều hình thức khác nhau như: giám sát, kiểm tra hoạt động giảng dạy, khảo sát NH về hoạt động dạy học. Trong nội dung khảo sát ý kiến của GV, NH có nội dung khảo sát về hoạt động dạy và học, các PPGD được GV sử dụng trong CTĐT. Bên cạnh đó, trong nội dung khảo sát ý kiến phản hồi từ NH về hoạt động giảng dạy của GV có khảo sát về hoạt động dạy và học, các PPGD được GV sử dụng trong học phần. Kết quả khảo sát thể hiện sự hài lòng của GV, SV về hoạt động dạy và học, các PPGD được GV Khoa CNTT sử dụng trong CTĐT ngành KHMT. Phân tích kết quả khảo sát cho thấy hơn 90% hài lòng. Ngoài ra, Trường và Khoa CNTT tiếp thu ý kiến của NH về hoạt động dạy và học, các PPGD được GV sử dụng trong CTĐT thông qua Diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hằng năm và tại các buổi sinh hoạt lớp [H4.04.02.06].

2. Điểm mạnh

GV Khoa CNTT xác định hoạt động dạy học, PPGD phù hợp để đạt được CĐR ngành KHMT và được thể hiện trong các ĐCCT HP. Trường tạo điều kiện để GV Khoa CNTT tham dự các khóa tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học và trên cơ sở đó, GV áp dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại. GV Khoa CNTT tích cực hướng dẫn NH sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. GV, NH Khoa CNTT hài lòng với các hoạt động dạy và học, các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT ngành KHMT.

3. Điểm tồn tại

Một số SV năm thứ nhất chưa thật sự thích nghi với phương pháp học ở bậc đại học.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Định kỳ hằng năm Trường và Khoa CNTT tiếp tục tạo điều kiện để GV Khoa CNTT tham dự các khóa tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học và chính sách khuyến khích GV áp dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR. Trường và Khoa tiếp tục tăng cường tạo môi trường chia sẻ tri thức giữa các GV trong và ngoài khoa, ngoài trường thông qua các hội thảo chuyên đề của Khoa và mời các chuyên gia, DN tham gia giảng dạy, đánh giá kết quả học tập và Khóa luận/Đồ án tốt nghiệp.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 – 2025, Trường và Khoa CNTT tăng cường bồi dưỡng, tập huấn cho SV, đặc biệt SV năm thứ nhất về phương pháp học ở bậc đại học.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH.

1. Mô tả hiện trạng

Trường từng bước nâng cao chất lượng của các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học thông qua ban hành các quy định chế độ làm việc đối với giảng viên của Trường để tác động gián tiếp đến người học. Trường ban hành các Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên qua các quyết định số 369/QĐ-ĐHKTCN ngày 01/12/2016, quyết định số 31/QĐ-ĐHKTCN ngày 22/01/2021, quyết định số 160/QĐ-ĐHKTCN ngày 08/3/2022, quyết định số 49/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/01/2023 xác định các định mức giờ chuẩn đối với các hoạt động giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác như CVHT, hướng dẫn NCKH cho sinh viên. Các quy định về chế độ giảng viên được cập nhật theo xu hướng gia tăng các giờ chuẩn đối với các hoạt động của GV [H4.04.03.01]. Qua đó, thúc đẩy GV từng bước thay đổi PPGD để đạt hiệu quả trong công tác giảng dạy, hướng dẫn sinh viên nhằm thực hiện tốt các quy định chế độ làm việc đối với GV của Trường. Từ đó, đạt được các mục tiêu GV là người hướng dẫn, giải đáp thắc mắc, giúp NH xây dựng ý thức tự học, tự nghiên cứu trước khi đến lớp như thể hiện trong ĐCCT HP. GV sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các PPGD nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Các hoạt động tác động trực tiếp đến NH trong việc thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH đã được Trường và Khoa CNTT thể hiện qua các ĐCCT các học phần trong CTĐT. Trong nội dung CĐR CTĐT ngành KHMT nêu rõ về khả năng tiếp tục học tập lên những bậc học cao hơn trong chuyên ngành KHMT nhằm tạo động lực để NH đạt CĐR và học tập suốt đời. ĐCCT được thiết kế, rà soát, cập nhật định kỳ theo quy định, đảm bảo việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu và kỹ năng mềm cho sinh viên. 100% ĐCCT các HP trong CTĐT đều mô tả phương pháp dạy/học phù hợp nhằm thúc đẩy rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho NH. Tất cả ĐCCT HP của ngành KHMT đều chú trọng đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc

nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV. Các hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV trong ĐCCT HP được thể hiện rõ thông qua việc xác định các PPGD, phương pháp học tập nhằm trang bị cho NH khả năng học tập suốt đời [H4.04.03.02]. Một số PPGD được áp dụng như: thuyết giảng tại lớp, hướng dẫn sinh viên làm bài tập trên lớp, hướng dẫn sinh viên làm bài tập thực hành, tổ chức thảo luận và hỏi đáp. Một số PP học tập được áp dụng như: nghe giảng tại lớp và tại phòng thực hành, làm bài tập tại lớp và bài tập thực hành, thực hiện bài tập và bài tập thực hành tại nhà, tham gia thảo luận và trả lời câu hỏi. Ngoài ra, Quy chế đào tạo trình độ đại học theo Quyết định số 400/QĐ-ĐHKTCN ngày 01/9/2021 cũng quy định rõ thời lượng NH phải sử dụng cho việc tự học, tự nghiên cứu, ôn tập, củng cố và chuẩn bị bài [H4.04.03.03]. Bên cạnh đó, Trường còn tổ chức các câu lạc bộ học thuật như Câu lạc bộ tiếng Anh, Tin học… nhằm động viên, khuyến khích NH rèn luyện kỹ năng học tập suốt đời cũng như tích cực học tập. Trường cũng phối hợp với Khoa CNTT tổ chức chuyên đề, workshop, các cuộc thi nhằm tạo điều kiện để NH có cơ hội thực hiện, báo cáo sản phẩm NCKH, khuyến khích khả năng tự học, tự nghiên cứu của NH.

Trong quá trình dạy học, GV sử dụng các hoạt động dạy học/phương pháp giáo dục lấy NH làm trung tâm, dạy NH tự học, tự nghiên cứu ĐCCT, tài liệu học tập và sử dụng các PPDH như thuyết giảng, nêu vấn đề và giải quyết vấn đề, thảo luận,… đối với HP lý thuyết; làm bài tập tình huống, bài tập nhóm, bài tập lớn, trình bày, thuyết trình … để rèn luyện các kỹ năng cho các HP thực hành; sử dụng phần mềm học tập trực tuyến để nâng cao kết quả học tập tại nhà. Trong suốt khóa học, NH được tư vấn, hỗ trợ trong hoạt động học tập bởi GV, CVHT về đăng ký HP, NCKH; tư vấn cho NH tham gia các hoạt động học thuật, NCKH, rèn luyện kỹ năng thu thập, xử lý thông tin, phương pháp học tập theo hình thức tín chỉ giúp NH chủ động trong quá trình học tập. Ngoài ra, GV Khoa CNTT sử dụng đa dạng các nguồn tư liệu, sách báo, phim ảnh phục vụ hoạt động dạy và học [H4.04.03.04].

Nhà trường định kỳ tiến hành khảo sát của NH và cựu NH về việc sử dụng PPGD và phương pháp KTĐG của GV. Kết quả khảo sát cho thấy trên 90% NH và cựu NH đều hài lòng về tổ chức hoạt động dạy và học của GV [H4.04.03.05].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học tạo điều kiện cho NH ngành KHMT rèn luyện các kỹ năng mềm, kỹ năng cần thiết và nâng cao khả năng học tập suốt đời. GV sử dụng các PPGD phù hợp để đạt CĐR. Môi trường học tập được tổ chức đa dạng, khuyến khích tinh thần tự học, tự nghiên cứu của NH. Tất cả ĐCCT HP ngành KHMT mô tả và nhấn mạnh đến hoạt động tự học nhằm hướng đến nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH. Bên cạnh đó, với việc không ngừng nâng cao chất lượng công tác giảng dạy và NCKH, GV cũng đã tác động tích cực trong việc phát triển NCKH trong NH. Từ đó góp phần nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu và học tập suốt đời của NH.

3. Điểm tồn tại

Số lượng các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học do Khoa CNTT tổ chức chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Phát huy điểm mạnh, định kỳ hằng năm Trường và Khoa CNTT tiếp tục rà soát ĐCCT HP bảo đảm mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy và học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho NH, đồng thời tăng cường ký kết hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước và triển khai nhiều hoạt động đào tạo nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Bên cạnh đó, Trường cũng tiến hành rà soát bổ sung, chỉnh sửa và ban hành mới các văn bản quy định về chế độ làm việc đối với GV để góp phần tác động gián tiếp đến các hoạt động nâng cao việc thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Để thực hiện các vấn đề trên, Khoa CNTT tiếp tục phối hợp với các phòng QLKH-HTQT, phòng CTCT-QLSV và phòng QTTB trong duy trì môi trường học tập sinh hoạt, các hoạt động hỗ trợ NH nhất là trong các vấn đề NCKH, tự học, tự nghiên cứu và học tập suốt đời.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, hằng năm, Khoa CNTT tổ chức hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy học.

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

TLGD của Trường được thảo luận, thống nhất để phù hợp và đặc trưng với môi trường, GV, NH của Trường, được công bố công khai đến các BLQ bằng nhiều hình thức. Hằng năm, trong nội dung khảo sát ý kiến của các bên liên quan về hoạt động của Nhà trường có khảo sát về TLGD của Trường.

GV Khoa CNTT xác định hoạt động dạy học, PPGD phù hợp để đạt được CĐR ngành KHMT và được thể hiện trong các ĐCCT HP. Trường tạo điều kiện để GV Khoa CNTT tham dự các khóa tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học và trên cơ sở đó, GV áp dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại. GV Khoa CNTT tích cực hướng dẫn NH sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. GV, NH Khoa CNTT hài lòng với các hoạt động dạy và học, các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT ngành KHMT.

Các hoạt động dạy và học tạo điều kiện cho NH ngành KHMT rèn luyện các kỹ năng mềm, kỹ năng cần thiết và nâng cao khả năng học tập suốt đời. GV sử dụng các PPGD phù hợp để đạt CĐR. Môi trường học tập được tổ chức đa dạng, khuyến khích tinh thần tự

học, tự nghiên cứu của NH. Tất cả ĐCCT HP ngành KHMT mô tả và nhấn mạnh đến hoạt động tự học nhằm hướng đến nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH. Bên cạnh đó, với việc không ngừng nâng cao chất lượng công tác giảng dạy và NCKH, GV cũng đã tác động tích cực trong việc phát triển NCKH trong NH. Từ đó góp phần nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu và học tập suốt đời của NH.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

TLGD cần có nhiều thời gian hơn để hiểu và chuyển tải đồng bộ đối với các bên liên quan. Số lượng doanh nghiệp và nhà tuyển dụng tham gia khảo sát về TLGD của Trường còn hạn chế. Một số SV năm thứ nhất chưa thật sự thích nghi với phương pháp học ở bậc đại học. Số lượng các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học do Khoa CNTT tổ chức chưa nhiều.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 4:

Có 2 tiêu chí đạt 5/7 điểm và 1 tiêu chí đạt 4/7 điểm. Mức trung bình của tiêu chuẩn đạt: 4,67 điểm; Số tiêu chí đạt: 3/3; Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu: Việc đo lường kết quả học tập của NH được thực hiện bằng hoạt động đánh giá. Kết quả đánh giá chỉ có giá trị khi việc đánh giá được thực hiện một cách đầy đủ, toàn diện, công bằng, đúng với năng lực thực sự của NH. Việc học tập của NH là một quá trình nỗ lực phấn đấu lâu dài. Do đó, Trường và Khoa có kế hoạch đánh giá rõ ràng, GV phải có phương pháp đánh giá phù hợp. Việc đánh giá kết quả học tập của người học ngành KHMT được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học. Phương pháp đánh giá KQHT ngành KHMT đa dạng, đảm bảo giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH chủ động lập kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp. NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Hoạt động kiểm tra đánh giá KQHT của người học cần được thiết kế theo hướng gắn liền với CĐR và đo lường mức độ đạt được CĐR của người học. Việc đánh giá KQHT của NH trong suốt quá trình học tập được cụ thể hóa trong từng giai đoạn qua các kế hoạch, quy trình đáng giá NH kèm các biểu mẫu rõ ràng nhằm đạt CĐR của CTĐT. Các quy định, hướng dẫn được công bố công khai, rộng rãi đến các BLQ trong và ngoài trường.

Căn cứ các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Trường ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học trong đó quy định hình thức KTĐG và chọn lựa các hình thức đánh giá

người học vào năm 2017 tại quyết định số 493/QĐ-ĐHKTCN được bắt đầu áp dụng cho năm học 2017 - 2018, đến năm 2019 Trường ban hành quyết định số 400/QĐ-ĐHKTCN áp dụng cho năm học 2019 - 2020 cho đến hiện nay [H5.05.01.01]. Trường cũng ban hành các Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần – hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ, Quy định thực hiện luận văn tốt nghiệp, tiểu luận tốt nghiệp đại học chính quy và Quy định thực hiện Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp, Thực tập tốt nghiệp trong CTĐT trình độ đại học, phổ biến đến các đơn vị, GV, NH biết và thực hiện. Trong quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần, Trường cũng phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị thực hiện [H5.05.01.02].

Để đáp ứng các CĐR CTĐT, các quy định nêu trên có mô tả cụ thể về quy trình thực hiện việc KTĐG. Trường cũng ban hành các hướng dẫn xác định các phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra, đánh giá giá kết quả học tập vào năm 2020 và năm 2023 trong đó bao gồm các tiêu chí, thang đánh giá (Rubric) đánh giá các CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của NH [H5.05.01.02]. Các hướng dẫn này là cơ sở giúp Khoa xác định các PP KTĐG phù hợp với các HP trong Bản mô tả CTĐT và ĐCCT HP. Trong quá trình xây dựng, rà soát, cập nhật Bản mô tả CTĐT và ĐCCT HP, các phương pháp KTĐG được xác định đều gắn với CĐR của HP và CĐR của CTĐT [H5.05.01.03].

Các thức đánh giá được áp dụng phù hợp với từng mục đích đánh giá:

i) Đối với các CĐR kiến thức: bao gồm kiến thức chung (lý luận chính trị, thể dục thể thao, quốc phòng an ninh, chuyên môn...), kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, việc kiểm tra mức độ đạt được các CĐR kiến thức này được thông qua bài thi kết thúc học phần và điểm quá trình (bao gồm đánh giá chuyên cần và kiểm tra giữa kỳ) để tính điểm thành phần.

ii) Đối với các CĐR kỹ năng: được đánh giá thông qua lựa chọn giải pháp cho bài toán thực tiễn; phân tích, thiết hệ thống thông minh; vận dụng hiệu quả kiến thức trong giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực khoa học máy tính; thu thập dữ liệu và hiện thực hóa mô hình hệ thống thông minh.

iii) Đối với các CĐR mức tự chủ và trách nhiệm: việc đánh giá được thực hiện thông qua các nhiệm vụ NH được giao trong quá trình học tập một HP, thái độ khi tham gia quá trình thi cử, đặc biệt là thái độ làm việc nhóm, thái độ ứng xử khi tham gia thực tập tốt nghiệp, bảo vệ Khóa luận tốt nghiệp…

Tính kết nối giữa phương pháp KTĐG để đạt được CĐR CTĐT thể hiện rõ trong Bản mô tả CTĐT và ĐCCT của HP [H5.05.01.03].

Tổ hợp các phương pháp KTĐG của Trường gồm đánh giá quá trình lên lớp, tham gia vào quá trình chuẩn bị, thảo luận, đến việc thi kết thúc HP, thực hiện khoá luận /đồ án tốt nghiệp. Hình thức đánh giá quá trình tùy thuộc vào đặc thù HP và được quy định cụ thể trong ĐCCT HP. Mức độ đánh giá bao gồm kiểm tra tại lớp, thi kết thúc HP phù hợp với

quá trình học tập, tiếp thu kiến thức của NH cả về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của NH. Các hoạt động/phương pháp KTĐG KQHT của NH được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CĐR [H5.05.01.04]. Việc thực hiện Đồ án/Khóa luận và Thực tập TN giúp NH hình thành và phát triển khả năng tự nghiên cứu, tự học tập, tự chủ và có trách nhiệm. Trường đã ban hành quyết định số 407/QĐ-ĐHKTCN quy định về thực hiện Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp, Thực tập tốt nghiệp trong CTĐT trình độ đại học trong đó quy định rõ các cách thức đánh giá và phương thức tổ chức thực hiện Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp, Thực tập tốt nghiệp. Căn cứ vào Quy định chung của Trường, Khoa CNTT xây dựng các hướng dẫn thực hiện Đồ án tốt nghiệp/Thực tập tốt nghiệp và thông báo đến cho NH thực hiện. NH cũng được CVHT triển khai các công việc liên quan, được phổ biến các quy trình xét duyệt đề tài, phân công GV hướng dẫn, quy trình và quy định về bảo vệ Khóa luận/Đồ án tốt nghiệp, Thực tập tốt nghiệp [H5.05.01.04].

Các nội dung về KTĐG KQHT, hình thức đánh giá để đáp ứng CĐR đều được công bố công khai, thông tin đến NH qua các tài liệu sinh hoạt đầu khóa, trong các buổi học đầu tiên và trong sổ tay sinh viên. Các kế hoạch KTĐG cũng được thông báo đến sinh viên thông qua kế hoạch năm học hàng năm. Bên cạnh đó, NH cũng được cung cấp đầy đủ thông tin về điều kiện tốt nghiệp, quy trình xét tốt nghiệp cũng như kế hoạch tổ chức xét công nhận và trao bằng tốt nghiệp [H5.05.01.05].

2. Điểm mạnh

Trường ban hành đầy đủ quy định về việc tổ chức thi, kiểm tra nhằm đánh giá KQHT. Các quy định về kiểm tra, đánh giá được thông báo rộng rãi đến VC, GV, NH để thực hiện. Trường tổ chức tập huấn các nội dung về xác định loại hình, phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp CĐR và Khoa tổ chức triển khai thực hiện. ĐCCT thể hiện rõ các hình thức thi, KTĐG và được GV giảng dạy thông báo đến SV trong các buổi học đầu tiên.

3. Điểm tồn tại

Các phương pháp KTĐG được xác định phù hợp và đo lường mức độ đạt CĐR nhưng số lượng các phương pháp KTĐG chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Từ năm học 2024-2025, hằng năm, Trường và Khoa CNTT tiếp tục áp dụng các hình thức thi, KTĐG học phần phù hợp và đo lường mức độ đạt CĐR, tiếp tục rà soát Quy định về tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường phù hợp với quy định hiện hành.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024-2025, Trường và Khoa CNTT triển khai để GV tiếp tục rà soát các phương pháp KTĐG, bổ sung các phương pháp KTĐG phù hợp và đo lường CĐR.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1. Mô tả hiện trạng

Trong Quy định tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường ban hành có phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị thực hiện, trong đó Phòng TT-PC-KT-ĐBCL là đơn vị xây dựng kế hoạch thi kết thúc học phần của toàn Trường. Căn cứ kế hoạch đào tạo trình độ đại học hằng năm, vào khoảng thời gian giữa mỗi học kỳ, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL dự thảo lịch thi kết thúc học phần, gửi đến các đơn vị để góp ý và trên cơ sở đó điều chỉnh, tổng hợp và trình Hiệu trưởng phê duyệt lịch thi chính thức, gửi đến các đơn vị để thông báo, phổ biến đến toàn thể VC, GV, NH biết và thực hiện theo kế hoạch. Theo Quy định tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ, chậm nhất trước 07 ngày của ngày thi kết thúc học phần, GV phải hoàn thành công tác chuẩn bị đề thi gốc, đáp án, in sao đề thi đủ số lượng, niêm phong bảo mật và bàn giao về Phòng TT-PC-KT-ĐBCL theo quy định. Bên cạnh đó, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL là đơn vị tổ chức thi, chấm thi và quản lý kết quả chấm thi, lưu trữ bài thi theo quy định. Các Khoa phân công cán bộ coi thi, chấm thi, nhập điểm lên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo đúng theo thời gian quy định; cụ thể chậm nhất 10 ngày kể từ ngày thi kết thúc HP, các cán bộ chấm thi phải hoàn thành công tác chấm thi và nhập điểm kết thúc học phần hoàn chỉnh lên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo [H5.05.02.01]. Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm xử lý dữ liệu, đánh giá KQHT của người học trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo. Trong Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ban hành có quy định cụ thể về trọng số đánh giá học phần có tổ chức thi kết thúc học phần, cụ thể: đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành; tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành, điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần, điểm tiểu luận, điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50%; đối với các học phần thực hành, NH phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành; đối với học phần thực hành phải thi kết thúc học phần, cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do GV đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định trong ĐC học phần. Ngoài ra, việc chọn các hình thức đánh giá bộ phận, phương pháp thi, KTĐG học phần được thể hiện trong ĐCCT HP được thông qua Khoa, Hội đồng KH&ĐT Trường và được Hiệu trưởng phê duyệt [H5.05.02.01], [H5.05.02.02].

Căn cứ Quy định về đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ, Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT cũng như Quy trình biên soạn, hiệu chỉnh, thẩm định ĐCCT học phần, Khoa CNTT triển khai xây dựng ĐCCT HP, trong đó có nội dung xác định các phương pháp KTĐG phù hợp để đạt CĐR. Khi thông qua ĐCCT HP được GV biên soạn, Khoa CNTT và Hội đồng KH&ĐT Trường luôn chú trọng sự tương thích của các phương pháp KTĐG để đạt CĐR học phần. Tiêu chí cụ thể để đánh giá các học phần được xác định cụ thể trong ĐCCT HP và Bản mô tả CTĐT. [H5.05.02.03], [H5.05.02.04].

Trong nội dung sinh hoạt tuần công dân đầu khóa học và các buổi sinh hoạt lớp, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL, Khoa CNTT, CVHT phổ biến, lưu ý NH thực hiện các nội dung của Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường. Ngay buổi học đầu tiên, GV giảng dạy thông báo đến SV các phương pháp KTĐG học phần đã được xác định trong ĐCCT HP. Trường cũng thông báo Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần – hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ đã được điều chỉnh đến toàn thể các đơn vị VC, GV thông qua trang hành chính điện tử nội bộ. Ngoài ra, Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường ban hành được niêm yết trong Sổ tay sinh viên và trên trang thông tin điện tử của Trường [H5.05.02.05].

Điểm quá trình được GV giảng dạy đánh giá trong suốt quá trình giảng dạy. Căn cứ kế hoạch đào tạo trình độ đại học hằng năm, GV giảng dạy nhập điểm quá trình vào hệ thống phần mềm quản lý đào tạo và thực hiện xét điều kiện dự thi kết thúc. Cuối mỗi học kỳ, Trường chỉ tổ chức duy nhất một lần thi kết thúc HP. Phòng TT-PC-KT-ĐBCL căn cứ vào kế hoạch được Hiệu trưởng phê duyệt sẽ tổ chức thi kết thúc học phần tập trung, GV thực hiện chấm điểm, nhập điểm vào hệ thống quản lý đào tạo và nộp bản điểm về Phòng TT-PC-KT-ĐBCL và Phòng Đào tạo theo thời gian quy định [H5.05.02.06].

Tất cả thông tin về việc KTĐG đều được thông tin đến NH. Trong quá trình giảng dạy, GV thường xuyên nhắc nhở NH quy định KTĐG KQHT, đồng thời các quy định này được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Trường [H5.05.02.07].

Điểm quá trình và điểm cuối kỳ đều được cập nhật trên cổng thông tin sinh viên https://sinhvien.ctuet.edu.vn/ cho phép NH có thể xem kết quả thông qua Cổng thông tin này [H5.05.02.08]. Kết quả khảo sát cho thấy, 100% NH hiểu và nắm rõ các quy định về KTĐG và 100% NH Khoa CNTT cho rằng NH được thông báo đầy đủ về tiêu chí đánh giá từng môn học [H5.05.02.09].

2. Điểm mạnh

Trường ban hành Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ, trong đó xác định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp,

tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và KQHT của người học. Trong Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ do Trường ban hành có quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và KQHT của người học.

Trường tổ chức tập huấn về nội dung xác định loại hình, phương pháp KTĐG phù hợp CĐR và yêu cầu Khoa CNTT triển khai thực hiện. Áp dụng nhiều hình thức thông báo, phổ biến đến SV Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ do Trường ban hành.

3. Điểm tồn tại

Khoa CNTT chưa đánh giá mức độ hiểu biết của NH đối với các văn bản quy định về KTĐG KQHT của Trường.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Hằng năm, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp các Khoa tiến hành rà soát Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ do Trường ban hành và phổ biến đến SV bằng nhiều hình thức khác nhau. CVHT tăng cường tiếp xúc, quan tâm đến những NH cá biệt, nhắc nhỡ, tư vấn các HP điểm thấp để NH có kế hoạch học tập tốt hơn, tốt nghiệp đúng tiến độ.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 -2025, Khoa CNTT triển khai khảo sát, đánh giá mức độ hiểu biết của NH Khoa CNTT đối với các văn bản quy định về KTĐG KQHT của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ban hành các Quy định về đào tạo trình độ ĐH theo hệ thống tín chỉ Quy định về việc thi kiểm tra trong đó có quy định rõ việc KTĐG KQHT của NH [H5.05.03.01]. Trong đó, các phương pháp KTĐG của CTĐT được GV thực hiện tương đối đa dạng đảm bảo đo lường được CĐR; việc đánh giá được áp dụng phù hợp với từng mục đích đánh giá. Tùy thuộc nội hàm của mỗi HP là lý thuyết thuần túy, có thực hành hay có ứng dụng thực tế mà các PPĐG được thực hiện phù hợp với HP đó. PPĐG được lựa chọn có thể là thuyết trình đề tài theo nhóm, thực hiện tiểu luận nhóm hoặc cá nhân áp dụng giải quyết vấn đề thực tế, vấn đáp, hoặc làm bài thi viết, trắc nghiệm, tự luận, trắc nghiệm-tự luận, thực hành. Ngoài ra, các bảng tiêu chí đánh giá và thang điểm tương ứng và PPĐG được thể hiện cụ thể trong ĐCCT HP, được sử dụng cũng góp phần đảm bảo tính tin cậy và công bằng trong đánh giá KQHT [H5.05.03.02].

Để đảm bảo sự công bằng và độ tin cậy trong đánh giá KQHT, công tác tổ chức thi luôn đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, đúng quy định. Hệ thống ngân hàng đề thi kết thúc HP được xây dựng để phục vụ công tác kiểm tra, đánh giá theo đúng quy định và hướng dẫn của Trường [H5.05.03.03]. Quy trình ra đề thi đảm bảo được độ bảo mật cao của đề. Các bộ môn đã trao đổi, thống nhất về hình thức thi, cấu trúc đề thi đảm bảo đo lường được đúng mục đích, yêu cầu về kiến thức, kĩ năng, mức tự chủ và trách nhiệm hướng tới CĐR HP, sau đó phân công cho các GV biên soạn đề thi. Các đề thi sau khi GV biên soạn được thông qua Bộ môn và Khoa, sau đó được nộp về Phòng TT-PC-KT-ĐBCL để quản lý và sử dụng [H5.05.03.04].

Trường đã ban hành văn bản hướng dẫn, quy định và yêu cầu cụ thể về nội dung, hình thức, quy trình thực hiện Khóa luận/Đồ án tốt nghiệp. Khi chấm Khóa luận/Đồ án tốt nghiệp, Trường đều thành lập Hội đồng và có các tiêu chí chấm điểm cụ thể về hình thức; nội dung (bao gồm tính cấp thiết của đề tài, phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu, kết luận, kiến nghị phù hợp với nội dung nghiên cứu) và việc trả lời câu hỏi của NH; Các tiêu chí này đảm bảo độ giá trị và công bằng trong đánh giá Khóa luận/Đồ án tốt nghiệp. Điểm chấm Khóa luận/Đồ án tốt nghiệp được các hội đồng xem xét, đánh giá công bằng và khách quan [H5.05.03.05].

Hằng năm, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL tổ chức khảo sát ý kiến các BLQ về các phương pháp và Quy trình KTĐG, độ chính xác và độ tin cậy của kết quả đánh giá, sự hài lòng về nội dung công tác thi và kiểm tra, đánh giá. Trong giai đoạn đánh giá, không có tình trạng khiếu nại của NH về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các PP đánh giá KQHT, nội dung được khảo sát cho thấy NH khá hài lòng với PP KTĐG và kết quả đánh giá từ GV: các hoạt động/phương pháp KTĐG KQHT của SV được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt yêu cầu CĐR, NH được phản hồi kết quả đánh giá kịp thời, Trường sử dụng các phương pháp khác nhau để kiểm tra/đánh giá KQHT [H5.05.03.06].

2. Điểm mạnh

Trường ban hành Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường, trong đó có quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp KTĐG người học, quy trình xây dựng đề thi, đánh giá đề thi. GV Khoa CNTT sử dụng đa dạng các phương pháp KTĐG khác nhau để kiểm tra, đánh giá KQHT của SV. Kết thúc mỗi học kỳ, Trường tiến hành nghiên cứu, đánh giá phổ điểm của các học phần cũng như sự phù hợp về trọng số điểm trong KTĐG KQHT của người học. Các phương pháp KTĐG KQHT được sử dụng đảm bảo đo lường được các yêu cầu, CĐR; đảm bảo độ tin cậy và có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng. Tiêu chí KTĐG KQHT của NH được xác định rõ và có phân định mức độ/không đạt qua đánh giá liên tục của GV. Tất cả các hình thức thi đều được bố trí 02 cán bộ coi thi đảm bảo tính công bằng và độ tin cậy về kết quả thi của NH.

3. Điểm tồn tại

Ngân hàng đề thi được triển khai từ năm 2019 và chưa có nhiều ngân hàng đề thi cho tất cả các học phần của ngành KHMT.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Hằng năm, Khoa CNTT tiếp tục sử dụng đa dạng các phương pháp KTĐG khác nhau để kiểm tra, đánh giá KQHT của NH.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Trường chỉ đạo các khoa tăng cường xây dựng ngân hành đề thi cho các học phần trong CTĐT, đồng thời chỉ đạo Phòng QLKH-HTQT phối hợp Khoa CNTT tiến hành triển khai nghiệm thu ngân hàng đề thi cho các học phần.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

1. Mô tả hiện trạng

Trường đã ban hành các quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH, được thể hiện trong quy chế đào tạo và quy định đảm bảo bảo chất lượng công tác KTĐG KQHT [H5.05.04.01]. Trong Quy định về tổ chức thi kết thúc học phần – hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ, điểm học phần được công bố chậm nhất 10 ngày kể từ ngày thi kết thúc học phần, được cập nhật lên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo và cổng thông tin sinh viên của Trường. Mỗi NH được cấp 01 tài khoản và sử dụng để xem kết quả thi, KTĐG các học phần. Đối với việc phúc khảo bài thi kết thúc học phần, NH nộp đơn xin phúc khảo về Phòng TT-PC-KT-ĐBCL trong thời gian 03 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi kết thúc HP. Trong vòng 2 ngày, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL tập hơn Đơn xin phúc khảo và gửi về Khoa quản lý học phần. Trong vòng 3 ngày, Khoa quản lý học phần cử 2 GV chấm phúc khảo và thời gian kể từ khi GV nhận bài chấm phúc khảo đến lúc công bố điểm không vượt quá 7 ngày. Các Khoa phân công 02 GV chấm phúc khảo là GV có kinh nghiệm giảng dạy HP đó ít nhất 2 lượt, không phải là GV chấm thi lần đầu tiên và thực hiện chấm phúc khảo dưới sự giám sát của cán bộ giám sát. Nếu kết quả chấm phúc khảo có chênh lệch từ 0,25 điểm so với điểm số được ghi trong lần chấm trước thì ghi điểm thi mới cho NH. Quá trình chấm phúc khảo được ghi nhận thông qua biên bản ghi nhận thông tin của quá trình chấm phúc khảo và kết quả điểm số sau khi chấm phúc khảo được ghi nhận vào danh sách điểm [H5.05.04.02].

Các quy định về phản hồi kết quả đánh giá được phổ biến kịp thời đến GV trong các buổi họp chuyên môn, được phổ biến đến NH ngay từ học kỳ đầu tiên trong tuần sinh hoạt công dân đầu khoá, được GV khoa CNTT phổ biến cho NH vào buổi đầu tiên của mỗi HP, hay công bố trên website của Phòng ĐT, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL của Trường. Việc công

khai các quy định phản hồi đánh giá rộng rãi nhằm giúp NH nắm được quy trình, thời gian phản hồi kết quả đánh giá học tập, từ đó NH chủ động trong xây dựng kế hoạch học tập để đạt được KQHT khả quan cho HP. Trong các cuộc họp Khoa CNTT, BCN Khoa luôn nhắc nhở GV về việc thực hiện đúng tiến độ giảng dạy, nhập điểm, nộp đề, chấm thi và nhập điểm đúng thời hạn. GV Khoa đảm bảo việc phản hồi điểm quá trình chậm nhất là ở buổi kết thúc của mỗi HP, thực hiện quy trình chấm thi đúng thời hạn và phản hồi các thắc mắc về KQHT nhanh chóng tới NH [H5.05.04.02].

NH được phản hồi kết quả đánh giá kịp thời. Kết quả đánh giá của NH được phản hồi thông qua GV trực tiếp giảng dạy trong suốt quá trình học qua điểm chuyên cần, thực hiện kiểm tra giữa kỳ với các hình thức đa dạng như bài tự luận, thuyết trình, tiểu luận, kiểm tra thực hành... Trước khi kết thúc HP, GV phải thông báo điểm chuyên cần và điểm giữa kỳ đến NH. Mỗi NH có tài khoản cá nhân để theo dõi kết quả HP trên cổng thông tin sinh viên https://sinhvien.ctuet.edu.vn/. Hồ sơ và KQHT của NH được lưu giữ đầy đủ theo đúng tiến trình của NH một cách rõ ràng, dễ dàng tiếp cận, tra cứu.

Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá được sử dụng để cải thiện việc học tập. NH nhận được phản hồi của GV trong suốt quá trình học, thể hiện qua việc đánh giá quá trình. GV đánh giá NH về thái độ thông qua điểm chuyên cần, thực hiện kiểm tra giữa kỳ và phản hồi kết quả đến NH. Như vậy, ngay trong quá trình học tập, thông qua các hình thức đánh giá HP, NH đã nhận biết được điểm mạnh của bản thân để tạo tự tin trong học tập, thúc đẩy NH nâng cao thành tích học tập. Bên cạnh đó, NH cũng nhận biết được điểm yếu của bản thân để khắc phục. Việc phản hồi sớm cũng giúp NH nhận thức rõ hơn về yêu cầu của HP, từ đó NH có thể kịp thời điều chỉnh việc học tập nhằm cải thiện kết quả ở các bài kiểm tra, bài thi tiếp theo [H5.05.04.03].

Kết thúc mỗi học kỳ, phòng CTCT&QLSV sẽ gửi danh sách bị cảnh báo học vụ, thôi học đến Khoa CNTT đối với các trường hợp NH bị cảnh báo theo quy chế đào tạo trình độ đại học, NH bị cảnh báo 2 lần liên tiếp, NH vượt quá thời gian được phép học tại trường, NH không đăng ký học trong 2 học kỳ chính liên tiếp. NH có KQHT từ khá trở lên được Trường xem xét học bổng khuyến khích học tập và được tặng giấy khen của Hiệu trưởng đối với những trường hợp có thành tích học tập, nghiên cứu nổi bật [H5.05.04.04]. Sau khi nhận kết quả học tập, NH có thể phản hồi về KQHT bằng việc phúc khảo, đánh giá HP, đánh giá PP KTĐG được áp dụng đối với HP [H5.05.04.05].

2. Điểm mạnh

Trường đã ban hành Quy chế đào tạo, các quy trình liên quan đến các công tác đào tạo, trong đó nêu rõ quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH. Các quy chế quy định này được công bố công khai trên các phương tiện truyền thông của Khoa/Trường. Các thông tin phản hồi kết quả đánh giá kịp thời đã giúp NH biết để cải thiện việc học tập của mình. Trong giai đoạn đánh giá, tất cả các trường hợp NH phản hồi về kết quả đánh giá

được Trường và Khoa giải quyết kịp thời. NH hài lòng về cách thức, thời gian phản hồi KQHT.

3. Điểm tồn tại

Khoa CNTT chưa đánh giá mức độ NH sử dụng thông tin phản hồi về kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Từ năm học 2024 – 2025, Trường và Khoa CNTT tiếp tục triển khai hiệu quả hơn việc phản hồi kết quả đánh giá của người học, nhằm góp phần cải thiện việc học tập của NH; tiếp tục cập nhật, rà soát bổ sung Quy chế thi kết thúc HP theo Quy chế đào tạo của Bộ.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 – 2025, Khoa CNTT phối hợp với Phòng TT-PC-KT-ĐBCL khảo sát đánh giá mức độ NH sử dụng thông tin phản hồi về kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

1. Mô tả hiện trạng

Quy trình khiếu nại về KQHT của NH được quy định trong Quy chế đào tạo trình độ ĐH và Quy định tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Trường gửi các văn bản liên quan đến quy định khiếu nại KQHT được gửi đến các Khoa để phổ biến đến GV và NH [H5.05.05.01]. Quy chế đào tạo trình độ ĐH và Quy định tổ chức thi kết thúc học phần được phổ biến đến NH thông qua Sổ tay SV và được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Trường, Phòng Đào tạo và Phòng TT-PC-KT-ĐBCL. Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường được phổ biến đến NH tại tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học. Bên cạnh đó, CVHT thông báo, phổ biến cụ thể và chuyển đến NH các quy định khiếu nại về KQHT tại các buổi sinh hoạt lớp [H5.05.05.02], [H5.05.05.03].

Trường thường xuyên thực hiện khảo sát về mức độ hài lòng của NH đối với việc tiếp cận quy trình cũng như thời hạn và kết quả giải quyết khiếu nại của Trường. Kết quả khảo sát ý kiến của NH thể hiện sự hài lòng về việc giải quyết khiếu nại về KQHT của Trường [H5.05.05.04].

Trường chú trọng đến việc giải quyết khiếu nại của NH đối với kết quả thi, KTĐG và phân công trách nhiệm cụ thể cho Phòng ĐT, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL và các khoa trong việc giải quyết khiếu nại, phản ánh của NH về kết quả thi, KTĐG. Trong giai đoạn đánh giá, Khoa CNTT không có trường hợp khiếu nại về KQHT [H5.05.05.05].

2. Điểm mạnh

Trường có đầy đủ các quy định, quy trình khiếu nại về KQHT và công bố công khai để NH dễ dàng tiếp cận. NH được Khoa, Trường phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình khiếu nại về KQHT trước mỗi khóa học, mỗi học kỳ. Trong giai đoạn đánh giá không có trường hợp khiếu nại về KQHT.

3. Điểm tồn tại

Một số học phần công bố điểm kết thúc học phần còn chậm so với kế hoạch, quy định của Trường.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Từ năm học 2024 – 2025, Trường và Khoa CNTT tiếp tục tuyên truyền, phổ biến các quy định, quy trình về khiếu nại KQHT đến SV thông qua nhiều hình thức khác nhau; giải quyết kịp thời và hợp lý các trường hợp phúc khảo về kết quả thi, KTĐG KQHT của NH.

Khắc phục tồn tại:

Trong năm học 2024 - 2025, Khoa CNTT có kế hoạch giám sát, kiểm tra GV nhập điểm giữa kỳ, cuối kỳ đúng theo kế hoạch và quy định của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Những điểm mạnh nổi bật:

Trường ban hành đầy đủ quy định về việc tổ chức thi, kiểm tra nhằm đánh giá KQHT. Các quy định về kiểm tra, đánh giá được thông báo rộng rãi đến VC, GV, NH để thực hiện. Trường tổ chức tập huấn các nội dung về xác định loại hình, phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp CĐR và Khoa tổ chức triển khai thực hiện. ĐCCT thể hiện rõ các hình thức thi, KTĐG và được GV giảng dạy thông báo đến SV trong các buổi học đầu tiên.

Trường ban hành Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ, trong đó xác định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và KQHT của người học. Trong Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ do Trường ban hành có quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và KQHT của người học. Trường tổ chức tập huấn về nội dung xác định loại hình, phương pháp KTĐG phù hợp CĐR và yêu cầu Khoa CNTT triển khai thực hiện. Áp dụng nhiều hình thức thông báo, phổ biến đến SV Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ do Trường ban hành.

Trường ban hành Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường, trong đó có quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp KTĐG người học, quy trình xây dựng đề thi,

đánh giá đề thi. GV Khoa CNTT sử dụng đa dạng các phương pháp KTĐG khác nhau để kiểm tra, đánh giá KQHT của SV. Kết thúc mỗi học kỳ, Trường tiến hành nghiên cứu, đánh giá phổ điểm của các học phần cũng như sự phù hợp về trọng số điểm trong KTĐG KQHT của người học. Các phương pháp KTĐG KQHT được sử dụng đảm bảo đo lường được các yêu cầu, CĐR; đảm bảo độ tin cậy và có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng. Tiêu chí KTĐG KQHT của NH được xác định rõ và có phân định mức độ/không đạt qua đánh giá liên tục của GV. Tất cả các hình thức thi đều được bố trí 02 cán bộ coi thi đảm bảo tính công bằng và độ tin cậy về kết quả thi của NH.

Trường đã ban hành Quy chế đào tạo, các quy trình liên quan đến các công tác đào tạo, trong đó nêu rõ quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH. Các quy chế quy định này được công bố công khai trên các phương tiện truyền thông của Khoa/Trường. Các thông tin phản hồi kết quả đánh giá kịp thời đã giúp NH biết để cải thiện việc học tập của mình. Trong giai đoạn đánh giá, tất cả các trường hợp NH phản hồi về kết quả đánh giá được Trường và Khoa giải quyết kịp thời. NH hài lòng về cách thức, thời gian phản hồi KQHT.

Trường có đầy đủ các quy định, quy trình khiếu nại về KQHT và công bố công khai để NH dễ dàng tiếp cận. NH được Khoa, Trường phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình khiếu nại về KQHT trước mỗi khóa học, mỗi học kỳ. Trong giai đoạn đánh giá không có trường hợp khiếu nại về KQHT.

Những tồn tại cơ bản:

Các phương pháp KTĐG được xác định phù hợp và đo lường mức độ đạt CĐR nhưng số lượng các phương pháp KTĐG chưa nhiều. Khoa CNTT chưa đánh giá mức độ hiểu biết của NH đối với các văn bản quy định về KTĐG KQHT của Trường. Ngân hàng đề thi được triển khai từ năm 2019 và chưa có nhiều ngân hàng đề thi cho tất cả các học phần của ngành KHMT. Khoa CNTT chưa đánh giá mức độ NH sử dụng thông tin phản hồi về kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập. Một số học phần công bố điểm kết thúc học phần còn chậm so với kế hoạch, quy định của Trường.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn:

Có 5/5 tiêu chí đạt điểm 5,0. Mức trung bình của tiêu chuẩn đạt: 5,00 điểm; Số tiêu chí đạt: 5/5; Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ GV, nghiên cứu viên

Mở đầu: Khoa CNTT có một đội ngũ GV giàu kinh nghiệm, với trình độ TS, ThS, có làm việc thực tế tại các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin. Đội ngũ GV trong khoa trẻ trung, năng động, nhiệt tình, ham học hỏi, trau dồi kiến thức, đam mê nghiên cứu khoa học, có thành tích xuất sắc trong hoạt động giảng dạy. Đội ngũ GV được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ GV của Khoa có năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia vào các loại hình

nghiên cứu khoa học như: Đề tài NCKH cơ sở, viết giáo trình, bài giảng, Seminar, bài báo, kỷ yếu, bản tin, … Việc tuyển dụng, đề cử cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của GV. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Chỉ tiêu phát triển GV của Trường/Khoa được xây dựng dựa trên Kế hoạch chiến lược trong giai đoạn đánh giá, với mục tiêu đảm bảo đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Khoa có kế hoạch phát triển đội ngũ GV một cách toàn diện, bao gồm các hoạt động thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu. Các hoạt động này được thực hiện dựa trên nhu cầu thực tế về đào tạo và NCKH cũng như các yêu cầu từ các hoạt động phục vụ cộng đồng. Kế hoạch này cũng căn cứ vào Chiến lược phát triển của Trường và Khoa giai đoạn 2022 - 2025, với tầm nhìn đến năm 2030 [H6.06.01.01]. Kế hoạch phát triển nhân sự của Khoa được cụ thể hóa định kỳ hàng năm, dựa trên bảng mô tả công việc cá nhân và quy định về chỉ tiêu, số lượng, chất lượng và tiêu chuẩn nghề nghiệp của đội ngũ GV, để đáp ứng nhu cầu đào tạo của Trường và Khoa. Việc này đảm bảo rằng đội ngũ GV không chỉ đủ về số lượng mà còn đạt chuẩn về chất lượng, sẵn sàng thực hiện tốt các nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng [H6.06.01.02].

Trong Đề án vị trí, việc làm của Trường và các Khoa/bộ môn đào tạo, số lượng vị trí việc làm của (GV) được xác định rõ ràng và cụ thể. Đề án này được xây dựng để đảm bảo rằng các vị trí này đáp ứng được yêu cầu về số lượng và chất lượng, phục vụ mục tiêu đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và các hoạt động phục vụ cộng đồng của Trường. Hiện tại, 100% GV của Khoa đều có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, có 98.27% có trình độ Thạc sĩ trở lên thể hiện trong Bảng 6.1, một số GV được đào tạo ở nước ngoài, có khả năng tham gia giảng dạy bằng ngoại ngữ về công tác tại Khoa. GV của Khoa được bố trí theo chuyên ngành phù hợp nhằm phát huy hiệu quả năng lực của GV; Trường cũng có kế hoạch nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực tiếng anh, lý luận chính trị của đội ngũ GV, NV thông qua bằng cấp chứng chỉ và có kế hoạch hỗ trợ, đào tạo. Định kỳ nhà trường tổ chức các hoạt động học tập, bồi dưỡng để nâng cao trình độ và kỹ năng nghề nghiệp cho GV. Độ tuổi trung bình của GV khoa CNTT tính đến năm 2023 là 38 tuổi; Điều này cho thấy đội ngũ GV có sự kết hợp giữa kinh nghiệm và năng lực trẻ, tạo điều kiện cho

sự phát triển lâu dài và đổi mới trong công tác giảng dạy. Cơ cấu giới tính của GV có sự phân bổ đa dạng, đến năm học 2022-2023, Khoa có 35 nam và 23 nữ [H6.06.01.03].

Bảng 6.1. Bảng thống kê số lượng GV Khoa CNTT theo trình độ 5 năm gần đây

Năm học	Số lượng GV	Giới tính		GS	PGS	TS	ThS	Kỹ sư/ Cử nhân
		Nam	Nữ					
2018-2019	29	19	10			5	16	8
2019-2020	58	35	23			12	38	8
2020-2021	52	29	23			13	37	2
2021-2022	54	35	19			13	40	01
2022-2023	58	35	23		1	16	40	01

Nguồn: Tổng hợp số liệu từ phòng Tổ chức - Hành chính Trường ĐH KTCN CT

Trường ban hành quy định tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, chấm dứt hợp đồng, nghỉ hưu. Các thông báo, kế hoạch, bổ sung quy hoạch cán bộ quản lý luôn được rà soát định kỳ trong từng năm, từng giai đoạn. Trường có chính sách hợp lý để thu hút những GV có trình độ tiến sĩ, có khả năng NCKH và tham gia hoạt động cộng đồng. Trong các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, Khoa cũng chú trọng đến việc GV có kết quả NCKH đáp ứng tiêu chuẩn của GV theo năm học. Ngoài những kinh nghiệm thực tiễn, khả năng phục vụ cộng đồng của GV được thể hiện cụ thể qua việc phối hợp với GV thực hiện các phần việc theo đúng chuyên môn và theo kế hoạch của khoa và hỗ trợ các hoạt động Đoàn, Hội của Khoa. Trong kỳ tuyển dụng gần đây, Khoa CNTT đã tuyển dụng và bổ nhiệm số lượng GV theo nhu cầu đào tạo. Cụ thể, số lượng GV được bổ nhiệm sẽ được thông báo chi tiết trong báo cáo thường niên hoặc báo cáo kết quả tuyển dụng, bổ nhiệm. [H6.06.01.04].

Việc quy hoạch đội ngũ GV được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Việc quy hoạch đội ngũ GV được Khoa chú trọng từ khâu tuyển dụng: Khoa có kế hoạch tuyển dụng được thực hiện dựa trên quy định tuyển dụng nhân sự được công khai trên Website trường, bản mô tả công việc, khung năng lực theo vị trí việc làm với các tiêu chí rõ ràng về trình độ chuyên môn, tin học, ngoại ngữ và kinh nghiệm giảng dạy, làm việc cho từng vị trí một cách phù hợp; Quá trình tuyển dụng được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo lựa chọn những ứng viên có năng lực phù hợp với các chuyên ngành mà Khoa đang giảng dạy. GV được lựa chọn không chỉ đáp ứng các tiêu chuẩn về chuyên môn mà còn được phân công giảng dạy theo đúng chuyên ngành để phát huy tối đa năng lực GV, NCV. Nhà trường căn cứ vào các luật, các nghị định ban hành để có các chính sách phù hợp thu hút nhân tài [H6.06.01.05],

Trường có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ GV-CBNV, Hiện tại, Khoa có 04 Bộ môn bao gồm Bộ môn HTTT, Bộ môn KTPM, Bộ môn KHMT và bộ

môn KHDL –Toán ứng dụng. Việc bố trí GV trong các bộ môn có kế hoạch tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng được thực hiện dựa trên chuyên ngành cụ thể của từng người. Điều này đảm bảo rằng GV có thể giảng dạy hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn của mình, đồng thời tạo điều kiện cho việc phát triển nghiên cứu và các hoạt động khác liên quan đến lĩnh vực giảng dạy của họ. Bên cạnh đó, Khoa cũng chú trọng bổ sung đội ngũ GV đến từ cơ quan, tổ chức các ngành nghề có liên quan đến kinh tế, kỹ thuật và công nghệ. Đây là một chiến lược quan trọng nhằm phát triển đào tạo sinh viên có khả năng ứng dụng, thực hành cao. Sự tham gia của các GV từ thực tiễn không chỉ giúp nâng cao chất lượng giảng dạy mà còn mang lại cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng thực tế, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động [H6.06.01.06].

Nhu cầu đào tạo và bồi dưỡng của đội ngũ GV và NCV, được thể hiện bằng việc báo cáo các kết quả đào tạo bồi dưỡng thông qua các kế hoạch đã được xây dựng. Khoa và Trường có kế hoạch rõ ràng về nhu cầu bồi dưỡng và phát triển đội ngũ GV. Tất cả các hoạt động này được thực hiện theo kế hoạch và quy định của Trường, công tác đào tạo, bồi dưỡng GV, NCV được báo cáo năm trước và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức năm kế tiếp minh bạch, rõ ràng, được sự đồng thuận của toàn bộ GV-CBNV trong nhà trường nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân sự, đồng thời đáp ứng được chiến lược phát triển dài hạn của Trường [H6.06.01.07].

Trong giai đoạn 5 năm tới, Khoa CNTT cần xác định rõ nhu cầu đào tạo giảng viên thông qua các bước sau: đánh giá số lượng và trình độ giảng viên hiện tại, dự đoán sự gia tăng sinh viên và xu hướng công nghệ mới, cũng như cải tiến chương trình đào tạo. Khoa cần tập trung vào việc đào tạo nâng cao cho giảng viên hiện tại, tuyển dụng chuyên gia mới và khuyến khích nghiên cứu. Việc này sẽ giúp nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu, đáp ứng nhu cầu của thị trường, phù hợp với chiến lược phát triển Khoa CNTT giai đoạn 2020-2025, định hướng đến 2030 [H6.06.01.08].

2. Điểm mạnh

Trường ban hành đầy đủ quy chế, quy định về phát triển đội ngũ GV và thông báo, phổ biến đến toàn thể GV biết và thực hiện. Trường thực hiện quy hoạch phát triển đội ngũ GV công khai, minh bạch, theo đúng quy định và đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH, PVCĐ. Đội ngũ GV Khoa CNTT có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng các yêu cầu giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác. Bộ môn KHMT có đủ GV cơ hữu có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng các yêu cầu giảng dạy, NCKH.

3. Điểm tồn tại

Tiến sĩ chuyên ngành KHMT chưa nhiều, những việc nâng cao trình độ tiến sĩ trong lĩnh vực KTMT đang dần được cải thiện để đảm bảo chất lượng. Chính sách bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học đã ban hành, nhưng cần nâng cao hiệu quả hơn.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Trường và Khoa CNTT tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV cơ hữu có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng các yêu cầu giảng dạy, NCKH và PVCĐ.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Trường và Khoa tăng cường các hình thức hỗ trợ GV học tập nâng cao trình độ và đẩy mạnh kế hoạch sắp xếp GV đăng ký ngành học TS đúng với các chuyên ngành đang đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.2. Tỉ lệ GV/NH và khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Tỉ lệ GV/SV của CTĐT đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành. Tổng số GV của Khoa là 58 người, gồm 1 PGS và 16 TS (chiếm tỷ lệ 29.3% so với tổng số GV của Khoa), 40 ThS (69 %), 01 cử nhân (1.7 %). Hiện Khoa CNTT có 03 GV đang theo học NCS ở trong nước, 01 GV đang theo học NCS ở nước ngoài. Tính đến thời điểm này, tỷ lệ GV/SV chính quy được quy đổi là 0.058 SV/GV, đảm bảo với tỷ lệ quy định của Bộ GD&ĐT. SV được đảm bảo khả năng tương tác, học tập kiến thức khoa học và thực tiễn từ GV, đảm bảo chất lượng đào tạo theo mục tiêu của Khoa theo tỉ lệ [H6.06.02.01]. Bảng 6.2.1 mô tả tỉ lệ SV/GV qua từng năm học.

Bảng 6.2.1. Tỷ lệ GV/NH của Khoa từ NH 2018-2019 đến NH 2022-2023

Năm học	Tổng số FTEs của GV	Tổng số FTEs của NH	Tỷ lệ GV/NH
2018 - 2019	28.4	825	**0.03**
2019 - 2020	64.4	1006	**0.06**
2020 - 2021	63.6	623	**0.10**
2021 - 2022	66.3	1130	**0.06**
2022 - 2023	76.3	1288	**0.06**

Nguồn: Tổng hợp số liệu từ phòng Tổ chức - Hành chính Trường ĐH KTCN CT.

(1) Năm học 2015-2017, tỷ lệ GV/SV được đảm bảo theo quy định tại Thông tư 32/2015/TT-BGDĐT. (2) Đến năm học 2018-2019, tỷ lệ GV/SV được đảm bảo theo quy định tại Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT.

Nhà trường dựa vào luật, nghị định, các chính sách nhân sự nhằm hút nhân tài đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Khoa chú trọng từ khâu tuyển dụng, thực hiện theo kế hoạch công khai trên Website trường với các tiêu chí rõ ràng về trình độ, tin học, ngoại ngữ, và kinh nghiệm. Tuyển dụng được thực hiện nghiêm túc, chọn ứng viên phù hợp với chuyên ngành giảng dạy. Tiêu chuẩn tuyển dụng GV, NCV đáp

ứng theo quy định của Bộ GD&ĐT và tình hình thực tế của nhà trường. Ngoài đội ngũ cơ hữu, Khoa CNTT còn có 15 GV thỉnh giảng đến từ cơ quan, tổ chức, công ty doanh nghiệp lĩnh vực kỹ thuật, kinh tế tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực hành, đánh giá kết quả học tập của SV theo thỏa ước gắn kết đào tạo giữa Trường với doanh nghiệp [H6.06.02.02], [H6.06.02.03].

Nhu cầu đào tạo và bồi dưỡng của đội ngũ GV, NCV được thể hiện rõ ràng thông qua các báo cáo kết quả đào tạo và bồi dưỡng, dựa trên các kế hoạch đã được khoa và trường xây dựng chi tiết nhằm phát triển và nâng cao năng lực cho đội ngũ. Tất cả các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đều tuân theo kế hoạch và quy định của trường với quy trình báo cáo kết quả năm trước và xây dựng kế hoạch cho năm tiếp theo một cách minh bạch, rõ ràng. Các kế hoạch này được sự đồng thuận của toàn bộ giảng viên và cán bộ nhân viên, nhằm không chỉ nâng cao năng lực chuyên môn mà còn đảm bảo đáp ứng chiến lược phát triển dài hạn của nhà trường [H6.06.02.04], [H6.06.02.05].

Việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV theo giờ chuẩn được hướng dẫn chi tiết như Bảng 6.2.2 và được triển khai thực hiện. Trường ban hành văn bản quy định chi tiết về qui định tiêu chuẩn, chế độ làm việc và nghỉ ngơi đối với viên chức và người lao động, khối lượng công việc của đội ngũ GV bao gồm: Các hoạt động giảng dạy, NCKH và công tác khác như phụ trách cố vấn học tập, coi thi, chấm bài, tuyển sinh. Các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV trong phạm vi toàn trường [H6.06.02.06].

Trường có quy định về khối lượng công việc tối thiểu của đội ngũ GV. Qua đó, GV có nghĩa vụ thực hiện giờ giảng dạy, NCKH và công tác khác theo định mức cụ thể mỗi năm: Giảng dạy: 300 giờ; NCKH: 150 giờ; Công tác khác (cố vấn học tập, coi thi kết thúc học phần, tham gia hoạt động tuyển sinh…) theo Quy định chế độ làm việc của GV hiện hành. Ngoài ra, Khoa đã tham gia vào các hoạt động cộng đồng khác như: Các hoạt động giao lưu, hỗ trợ cho cộng đồng, tư vấn hướng dẫn về kỹ thuật CNTT [H6.06.02.06], [H6.06.02.07].

Kế hoạch phát triển nhân sự của Khoa được cụ thể hóa định kỳ hàng năm, dựa trên bảng mô tả công việc cá nhân và quy định về chỉ tiêu, số lượng, chất lượng và tiêu chuẩn nghề nghiệp của đội ngũ GV, để đáp ứng nhu cầu đào tạo của Trường và Khoa. Việc này đảm bảo rằng đội ngũ GV không chỉ đủ về số lượng mà còn đạt chuẩn về chất lượng, sẵn sàng thực hiện tốt các nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng [H6.06.02.08].

Bảng 6.2.2. Định mức giờ giảng của theo chức danh, trình độ và hệ số lương

Chức danh	Định mức giờ chuẩn giảng dạy	Định mức giờ chuẩn NCKH và thực hiện nhiệm vụ khác	Định mức giờ chuẩn phục vụ cộng đồng

GV cao cấp có chức danh GS	200	250	-
GV cao cấp có chức danh PGS	200	250	-
GV cao cấp không có chức danh GS, PGS	200	250	-
GV chính có hệ số lương ≥ 5,76	240	210	-
GV chính hệ số lương ≥ 4,40	240	210	-
GV (hạng III) có bằng Tiến sĩ	280	170	
GV (hạng III) có hệ số lương ≥ 4,32	300	150	-
GV (hạng III) có hệ số lương ≥ 3,33	300	150	-
GV (hạng III) có hệ số lương < 3,00	300	150	-
GV (hạng III) trong thời gian tập sự	150	75	-
Trợ giảng	80	40	-
Trợ giảng trong thời gian tập sự	60	0	-

Nguồn: Tổng hợp số liệu từ phòng Tổ chức - Hành chính Trường ĐH KTCN CT

Trong quy chế chi tiêu nội bộ, nhà trường luôn đảm bảo quản lý tài chính minh bạch, hiệu quả và tuân thủ quy định. Các khoản chi cho giảng dạy, nghiên cứu khoa học, và hoạt động phong trào, …đều được quy định rõ ràng, cụ thể, nhằm đảm bảo việc sử dụng nguồn lực hợp lý, phù hợp với nhu cầu của từng năm học [H6.06.02.09]. Khối lượng công việc đối với đội ngũ GV, NCV được giám sát để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Kết thúc mỗi học kỳ, Khoa tiến hành tổ chức họp để tổng kết khối lượng giảng dạy, NCKH trên cơ sở đối chiếu với kết quả thống kê khối lượng giảng dạy của các Phòng Đào tạo, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL, Phòng QLKH-HTQT. Qua đó, xác định được tỷ lệ vượt giờ của GV và có kế hoạch phân công khối lượng giảng dạy, nhiệm vụ NCKH và công tác khác (coi thi, cố vấn học tập, hướng dẫn thực tập, hướng dẫn khóa luận,…) công việc cụ thể cho GV ở học kỳ tiếp theo. Việc đánh giá GV được thực hiện định kỳ hàng tháng qua thông qua bảng tự đánh giá kết quả xếp loại chất lượng công việc.

Sau khi GV tự đánh giá thì Trưởng Khoa sẽ đánh giá lại, xác nhận vào Phiếu đánh giá xếp loại kết loại kết quả lao động. Kết quả đánh giá được chuyển về Phòng TC-HC để xếp loại thi đua khen thưởng cho GV. Cuối mỗi năm học, Hội đồng thi đua khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét kết quả thi đua cho các cá nhân và tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ mục tiêu của năm Cuối năm thanh quyết toán theo đúng quy chế chi tiêu nội bộ trong nhà trường [H6.06.02.10], [H6.06.02.11].

2. Điểm mạnh

Chương trình đào tạo ngành KHMT duy trì tỷ lệ giảng viên/sinh viên theo đúng quy định, đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn về chỉ tiêu đào tạo đại học hiện hành. Trường đã ban hành văn bản liên quan quy định cụ thể việc quy đổi khối lượng công việc của giảng viên theo giờ chuẩn, đồng thời triển khai cơ chế giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ GV, NCV. Các tiêu chí đánh giá rõ ràng, giúp GV, NCV điều chỉnh công việc và nâng cao chuyên môn. Giảng viên Khoa CNTT không ngừng cải tiến chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng và đã nhận được phản hồi tích cực từ người học về chất lượng giảng dạy.

3. Điểm tồn tại

Số lượng giảng viên ngành KHMT có học vị cao chưa nhiều. Việc bổ sung thêm giảng viên trình độ cao sẽ được thường xuyên thực hiện.

4. Kế hoạch hành động

4.1 Phát huy điểm mạnh:

Trường và Khoa CNTT tiếp tục giám sát chặt chẽ khối lượng công việc của giảng viên để nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và PVCĐ. Từ năm học 2024 - 2025, Trường sẽ tăng cường các chính sách khuyến khích để thu hút và duy trì giảng viên có học hàm, học vị cao. Đồng thời, Khoa sẽ xây dựng các tiêu chí đánh giá định lượng cho việc thực hiện nhiệm vụ phục vụ cộng đồng và chuyên môn của giảng viên.

Khắc phục tồn tại:

Nhà trường và Khoa sẽ có kế hoạch bổ sung đội ngũ GV cả về số lượng và chất lượng. Hằng năm, Khoa CNTT sẽ rà soát và phân tích sâu về việc cải tiến chất lượng hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ trên cơ sở đánh giá chất lượng công việc của đội ngũ GV.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Trường có các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển bằng văn bản quy định có các tiêu chí rõ ràng, cụ thể, trong đó chú trọng các tiêu chí trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức, thâm niên giảng dạy, khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giảng dạy và NCKH. Quy chế tuyển dụng

trường ĐHKTCNCT đã quy định rõ các tiêu chuẩn chung và tiêu chí, yêu cầu cụ thể đối với từng vị trí tuyển dụng và lựa chọn GV [H6.06.03.01].

Trường đã xây dựng chi tiết các kế hoạch phát triển chuyên môn và đội ngũ kế thừa bao gồm đạo đức và học thuật với các quy định rõ ràng được công bố công khai, minh bạch. Các kế hoạch này nhận được sự đồng thuận từ GV, NCV, đảm bảo nâng cao năng lực chuyên môn và đáp ứng chiến lược phát triển dài hạn của nhà trường [H6.06.03.02]. Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV được phổ biến công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và Khoa; gửi thông báo bằng văn bản về các đơn vị trong Trường, được đăng tải trên báo chí và Website nội bộ trường khi có các đợt tuyển dụng tập trung [H6.06.03.03]. Bên cạnh đó, Trường cũng có những chính sách ưu tiên tuyển dụng đối với nhân lực có trình độ cao cho ngành KHMT. Tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV được cập nhật, điều chỉnh theo từng thời kỳ phát triển của Trường, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ và phù hợp với quy định chung của Nhà nước. Để thực hiện việc tuyển dụng, lựa chọn GV, Trường thành lập Hội đồng tuyển dụng để đảm bảo việc tuyển dụng được chính xác khách quan và có sự đồng thuận tập thể. Trong thành phần Hội đồng luôn có thành viên là các khoa chuyên môn có liên quan. Ngoài ra, Trường còn có chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng nhân sự nhằm nâng cao hiệu quả tuyển dụng. Căn cứ quy mô TS hằng năm, các HP trong CTĐT ngành KHMT, nhu cầu đào tạo bồi dưỡng đội ngũ, Khoa CNTT có kế hoạch tuyển dụng, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng một số vị trí nhân sự của Khoa trình BGH phê duyệt và thông báo rộng rãi [H6.06.03.04]. Trong các thông báo kế hoạch tuyển dụng hằng năm từ 2018 - 2023 của Trường đã ghi chi tiết về tiêu chuẩn đối với từng vị trí tuyển dụng và quy trình tuyển dụng. Đối với tuyển dụng GV, ứng viên phải trải qua phần các câu hỏi về Luật viên chức, quy định, quy chế, …; thực hành giảng thử và trả lời các câu hỏi về chuyên môn của Hội đồng sát hạch. Sau khi trúng tuyển, các GV được giao nhiệm vụ biên soạn đề cương bài giảng, thông qua bài giảng ở bộ môn và tiến hành giảng thử tại bộ môn rồi mới được lên lớp chính thức. Trong 01 năm tập sự, khoa sẽ cử 01 GV hướng dẫn trực tiếp cho GV tập sự. Kết quả tuyển dụng được công bố công khai [H6.06.03.05].

Việc bổ nhiệm, điều chuyển GV của ngành KHMT được thực hiện theo Quy định nêu trên; việc bổ nhiệm các chức danh nghề nghiệp cho GV vào các ngạch bậc GV chính, GV cao cấp có được thực hiện theo quy định của Thông tư 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập và các quy định khác của Bộ chủ quản và của Trường. Việc bổ nhiệm viên chức lãnh đạo và quản lý được thực hiện dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế và kế hoạch quy hoạch cán bộ đã được phê duyệt cho từng giai đoạn [H6.06.03.06]. Danh sách giáo viên, NCV được bổ nhiệm, điều chuyển trong 05 năm của chu kỳ đánh giá được niêm yết, công khai rộng rãi, cụ thể, khoa Công nghệ Thông tin có 1 trưởng khoa và

1 phó khoa. Mỗi bộ môn có 1 trưởng bộ môn và 1 phó bộ môn. Riêng bộ môn Khoa học Máy tính và Kỹ thuật Phần mềm chỉ có phó trưởng bộ môn mà chưa có trưởng bộ môn. [H6.06.03.07].

2. Điểm mạnh

Trường ban hành đầy đủ các tài liệu, văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm, điều chuyển. Việc tuyển dụng GV hằng năm được tổ chức đúng theo quy định, nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật để bổ nhiệm, điều chuyển được phổ biến và thông báo công khai thông qua trang thông tin nội bộ, Website của Trường và của Phòng TC-HC.

3. Điểm tồn tại

Dù có tiêu chí tuyển dụng rõ ràng và chính sách ưu tiên cho nhân lực chất lượng cao, việc thu hút và giữ chân giảng viên có trình độ cao vẫn gặp khó khăn. Trường chưa tuyển được nhiều giảng viên có học hàm, học vị cao do chính sách thu hút và đãi ngộ chưa đủ hấp dẫn.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Trường và Khoa CNTT rà soát văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV của Trường để bổ nhiệm, điều chuyển đúng theo quy định, nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Trường tăng cường chế độ chính sách nhằm tuyển dụng, thu hút GV có học hàm, học vị cao. Khoa CNTT rà soát, đổi mới các phương thức, hình thức thông báo tuyển dụng nhằm tăng số lượng ứng tuyển. Mặt khác, sẽ cụ thể hóa tiêu chí tuyển dụng GV đảm bảo đúng yêu cầu tuyển dụng về chuyên ngành được đào tạo để đáp ứng ngay được yêu cầu của CTĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

GV là nguồn lực rất quan trọng trong việc tạo ra chất lượng đào tạo. Trong định hướng phát triển CTĐT ngành KHMT, việc đầu tư, tăng cường đội ngũ GV cả về số lượng và đặc biệt về chất lượng luôn là một trong những mục tiêu then chốt. Tiêu chí đánh giá năng lực đội ngũ GV, NCV còn gọi là KPIs, bao gồm các năng lực thực hiện các nhiệm vụ của GV: Năng lực NCKH; năng lực phát triển CTĐT; năng lực giảng dạy; năng lực giám sát và TĐG chất lượng công việc; năng lực nghiên cứu và đóng góp cho cộng đồng… Trường có quy định rõ năng lực của GV trong quy chế làm việc, NCV trong Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường; Quy chế tuyển dụng và Bản mô tả công việc của vị trí việc

làm CB, GV, NV; Quy định tiêu chuẩn về chế độ làm việc, nghỉ ngơi đối với VC, NLĐ thuộc Trường; Quy chế hoạt động KHCN [H6.06.04.01].

Năng lực của GV được xác định qua chỉ báo về năng lực chuyên môn (kiến thức, kỹ năng giảng dạy); năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện CTDH (ĐCCT HP và viết giáo trình); năng lực lựa chọn và áp dụng các phương pháp giáo dục, kiểm tra đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu CĐR; năng lực ứng dụng và sử dụng CNTT trong dạy học; sáng kiến cải tiến, áp dụng vào trong giảng dạy; năng lực dạy NH tự học, tự nghiên cứu; năng lực hướng dẫn và đánh giá luận văn; năng lực hoạt động xã hội, PVCĐ. Năng lực NCKH được xác định thông qua việc viết báo cáo khoa học, giáo trình, sách, tạp chí; công bố các kết quả NC, chuyển giao các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn; khả năng hướng dẫn NH thực tập, hoàn thành luận văn tốt nghiệp. Đội ngũ GV cũng rất tích cực tham gia NCKH và có nhiều công trình khoa học có chất lượng. Như vậy, về cơ bản, trình độ chuyên môn của GV luôn được xác định rõ ràng và đáp ứng được yêu cầu của công việc [H6.06.04.02].

Việc đánh giá năng lực đội ngũ GV trong công tác giảng dạy và NCKH, được Nhà trường xác định rõ trong Quy định tiêu chuẩn, chế độ làm việc, nghỉ ngơi đối với viên chức, người lao động thuộc Trường. Hằng năm, Trường đều ban hành Bộ tiêu chuẩn đánh giá kết quả thực hiện công việc, trong đó, nêu rõ quy trình đánh giá, hình thức đánh giá; sử dụng kết quả đánh giá [H6.06.04.03].

Việc đánh giá năng lực của GV được căn cứ trên kết quả công việc được giao như khối lượng, chất lượng giảng dạy, NCKH, tiến độ và hiệu quả của công việc trong từng năm học; thực hiện và hướng dẫn thực hiện hoạt động xã hội, PVCĐ. Bảng 6.4 được Phòng Tổ chức - Hành chính đối sánh, phân loại GV giữa các Khoa trên cơ sở các tiêu chí được thể hiện cụ thể, rõ ràng và minh bạch.

Bảng 6.4. Bảng đối sánh (tỷ lệ %) phân loại GV giữa các Khoa thuộc Trường

Khoa	2018-2019		2019-2020		2020-2021		2021-2022		2022-2023	
	HTX SNV	HTT NV	HTX SNV	HTT NV	HTX SNV	HTT NV	HTX SNV	HTT NV	HTX SNV	HTT NV
Công nghệ Sinh Hóa - Thực phẩm	14.8	85.2	35.0	65.0	31.8	68.2	26.1	73.9	32.0	68.0
Công nghệ thông tin	57.1	42.9	26.1	73.9	23.1	76.9	21.1	78.9	23.1	76.9

Điện - Điện tử - Viễn thông	10.0	90.0	20.0	80.0	5.9	94.1	25.0	75.0	21.1	78.9
Khoa học xã hội	-	-	-	-	50.0	50.0	31.3	68.8	41.2	58.8
Kỹ thuật cơ khí	16.7	83.3	16.7	83.3	25.0	75.0	10.5	89.5	21.1	78.9
Kỹ thuật xây dựng	7.1	92.9	27.8	72.2	6.3	93.8	5.9	94.1	16.7	83.3
Kinh tế - Quản lý công nghiệp	47.1	52.9	22.6	77.4	20.0	80.0	25.7	74.3	29.5	70.5

Nguồn: Tổng hợp số liệu từ phòng Tổ chức - Hành chính Trường ĐH KTCN CT

Năng lực của đội ngũ GV và NCV được xác định dựa trên bản mô tả vị trí công việc, bao gồm trình độ chuyên môn, kỹ năng giảng dạy, khả năng NCKH và PVCĐ, …. Việc đáp ứng các quy định này không chỉ đảm bảo rằng GV và NCV đạt chuẩn về chất lượng, khuyến khích sự phát triển chuyên môn liên tục, đảm bảo rằng đội ngũ luôn đáp ứng được các yêu cầu ngày càng cao trong lĩnh vực giáo dục và khoa học [H6.06.04.04].

Hằng năm, Trường/Khoa thực hiện đánh giá năng lực của GV, NCV qua các hình thức: Đánh giá CLGD của GV, NCV qua quá trình DH của GV, dự giờ theo từng học kỳ và kiểm tra hồ sơ chuyên môn của GV, qua phản hồi của NH, cựu NH, NTD và kết quả thanh tra KL và CL công việc; đánh giá hoạt động NCKH của GV qua kết quả số lượng và chất lượng sản phẩm NCKH như: Các bài báo quốc tế, trong nước, kết quả đánh giá các đề tài NCKH của Hội đồng nghiệm thu, đánh giá các sách chuyên khảo, giáo trình, các sản phẩm khoa học được ứng dụng của GV; các công bố khoa học; qua kết quả hướng dẫn luận văn… Bên cạnh việc đánh giá năng lực của GV, cuối mỗi năm học, tất cả GV đều được đánh giá, xếp loại. Kết quả đánh giá năng lực được xem xét để có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng; khen thương hoặc phân loại; cân nhắc bổ nhiệm… [H6.06.04.05].

Kết thúc mỗi học kỳ, P.TT-PC-KT-ĐBCL lấy ý kiến phản hồi của NH về môn học thông qua phiếu đánh giá chất lượng giảng dạy. Trong những năm vừa qua, kết quả đánh giá của NH đều cho thấy các hoạt động giảng dạy của Khoa đã đáp ứng được nhu cầu học tập của NH, và NH hài lòng về hoạt động giảng dạy của GV. [H6.06.04.06].

Quy trình đánh giá năng lực giảng dạy, nghiên cứu khoa học (NCKH) và các hoạt động chuyên môn khác của được thực hiện theo các tiêu chí cụ thể và rõ ràng được quy định trong quy chế làm việc của GV. Đối với năng lực giảng dạy, các tiêu chí bao gồm chất lượng bài giảng, tương tác với sinh viên, kết quả học tập và tài liệu giảng dạy. Năng lực NCKH được đánh giá dựa trên số lượng và chất lượng công trình nghiên cứu, tham gia hội thảo, hướng dẫn đề tài. Các hoạt động chuyên môn khác được đánh giá qua tham gia hội đồng thẩm định, biên soạn giáo trình, và hợp tác với các tổ chức. Các tiêu chí và quy trình này được quy định trong quy chế làm việc và chi tiêu nội bộ của trường. Kết quả đánh giá phân loại hàng năm theo các mức: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Hoàn thành tốt nhiệm vụ, Hoàn thành nhiệm vụ, Không hoàn thành nhiệm vụ. Quy định phân loại xét thi đua khen được quy định trong quy đinh thi đua khen thưởng của trường, đảm bảo tính minh bạch, công bằng và khuyến khích nâng cao năng lực chuyên môn.

2. Điểm mạnh

Trường ban hành đầy đủ văn bản, quy định về quản lý nhân sự, trong đó thể hiện rõ về tiêu chuẩn, năng lực của đội ngũ GV. Hằng năm, Trường luôn triển khai đánh giá năng lực của GV để xem xét đề cử, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ kế thừa. Kết quả đánh giá hiệu quả công việc của GV được thông báo đến GV và lưu trữ trong dữ liệu về kết quả đánh giá hiệu quả công việc của GV hằng năm.

3. Điểm tồn tại

Năng lực ngoại ngữ của một số GV Khoa CNTT còn hạn chế nhất định. Việc đánh giá GV có nhiều tiêu chí tương tự đánh giá NV, chưa xây dựng hoàn chỉnh bộ tiêu chí đánh giá đặc thù cho GV.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Trường và Khoa CNTT tiếp tục nâng cao hiệu quả đánh giá năng lực của GV để xem xét đề bạt, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ kế thừa.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Trường tăng cường chế độ hỗ trợ GV học ngoại ngữ và chỉ đạo Trung tâm NNTH thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng ngoại ngữ nhằm nâng cao năng lực ngoại ngữ cho GV Khoa CNTT. Khoa đang tiến hành rà soát, đánh giá lại năng lực của GV. Đồng thời, Khoa sẽ kết hợp nhiều hình thức khảo sát để đạt hiệu quả cao trong việc đánh giá GV.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Hằng năm, Trường có xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ CB, GV, NV để nâng cao trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ cho GV [H6.06.05.01]. Qua đó, thông qua các buổi họp tổng kết năm, khoa CNTT đã quan tâm đến việc xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển chuyên môn cho GV [H6.06.05.02].

Trường đã lên kế hoạch và thực hiện việc cử giảng viên tham gia các khóa bồi dưỡng chuyên môn nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giảng dạy. Trường đã lập kế hoạch tổ chức các lớp tập huấn với nhiều nội dung, chủ đề khác nhau nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV. Đặc biệt nội dung trọng tâm bao gồm: xây dựng chuẩn đầu ra, xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo (CTĐT); thiết kế Rubrics và ban hành ngân hàng câu hỏi. Các hoạt động này nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu của chuẩn đầu ra trong giảng dạy [H6.06.05.03].

Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ GV của Khoa luôn bám sát quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của Trường. Hằng năm, Khoa CNTT tiến hành họp/tổng kết, đánh giá năng lực GV, căn cứ vào KH ĐTBD; tiêu chí về trình độ, năng lực đội ngũ, GV tự nguyện đăng ký nhu cầu ĐTBD hoặc Khoa chỉ định CB, GV phải đi ĐTBD đáp ứng yêu cầu CTĐT, NCKH; sau đó, Khoa lập kế hoạch ĐTBD của đơn vị chuyển cho P.TC-HC tổng hợp thành KH ĐTBD chung của Trường. Dựa trên kết quả ĐTBD từ giai đoạn 2018 - 2023, nhận định cho thấy việc đảm bảo ít nhất 75% GV được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ so với kế hoạch ĐTBD của trường đã được thực hiện tốt. Tổng hợp giai đoạn 2018 - 2023, 100 % GV của ngành KHMT có chứng chỉ BD chuyên môn, nghiệp vụ; văn bằng; 100% GV đi bồi dưỡng về công tác KĐCL, có 100% số GV, NCV được ĐTBD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của Trường và kinh phí dành cho ĐTBD mỗi năm theo quy chế chi tiêu nội bộ [H6.06.05.04]. [H6.06.05.05].

Bảng 6.5: Thống kê số lượng VC được cử đi học và đang theo học các CTĐT sau ĐH

	GV được cử đi học				**GV đang học**			
Năm học	**Tiến sĩ**		**Thạc sĩ**		**Tiến sĩ**		**Thạc sĩ**	
	Trong nước	**Ngoài nước**	**Trong nước**	**Ngoài nước**	**Trong nước**	**Ngoài nước**	**Trong nước**	**Ngoài nước**
2017-2018					1			

2018-2019					1			
2019-2020			1		1		1	
2020-2021			1		1		2	
2021-2022	1				2		2	
2022-2023	1		1		3		1	

Nguồn: Tổng hợp số liệu từ phòng Tổ chức - Hành chính Trường ĐH KTCN CT

Căn cứ vào bảng mô tả công việc của GV, NCV, Trường và Khoa CNTT có các chính sách và biện pháp cụ thể nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ quản lý và giảng viên, NCV tham gia các hoạt động chuyên môn cả trong nước và quốc tế. Để mở rộng cơ hội phát triển, Trường và Khoa CNTT thường xuyên công khai thông báo các chương trình học bổng trong nước và quốc tế, tạo điều kiện cho cán bộ và giảng viên tham gia dự tuyển. Trong chương trình đào tạo ngành KHMT, giảng viên được khuyến khích tích cực hợp tác và liên kết nghiên cứu với giảng viên từ các trường đại học uy tín trong và ngoài nước, nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu và chất lượng giảng dạy. Giảng viên của chương trình thường xuyên hợp tác nghiên cứu với các nhà khoa học từ các trường đại học trong và ngoài khu vực, góp phần nâng cao trình độ chuyên môn và chất lượng đào tạo [H6.06.05.06], [H6.06.05.07].

Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV, NCV được giám sát, đánh giá hằng năm. Phòng TCHC giám sát, đánh giá thực hiện KH ĐTBD, theo dõi quá trình thực hiện công tác ĐTBD từ việc xây dựng và ban hành các quy định, lập kế hoạch, thực hiện báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức hàng năm và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức cho năm kế tiếp. Báo cáo phân tích nhu cầu đào tạo và bồi dưỡng giai đoạn 2020-2025 cung cấp chi tiết về các kỹ năng, kiến thức và năng lực cần thiết để đội ngũ GV và NCV của trường đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về đào tạo, NCKH và PVCĐ. Dựa trên kết quả khảo sát giai đoạn này, nhà trường đã thu thập thông tin từ đội ngũ GV và NCV để xác định các lĩnh vực chuyên môn ưu tiên bồi dưỡng. Kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng viên chức giai đoạn 2025-2030 tập trung vào nâng cao chất lượng nguồn nhân lực theo định hướng phát triển dài hạn của trường. Kế hoạch bao gồm các chương trình đào tạo và bồi dưỡng nhằm duy trì và phát triển đội ngũ GV và NCV có đủ năng lực, sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của Trường [H6.06.05.08].

Khảo sát nhu cầu và đánh giá kết quả đào tạo và bồi dưỡng là hai tiêu chí quan trọng trong việc đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của GV, NCV. Hai tiêu chí này không chỉ làm cơ sở để đánh giá hoàn thành nhiệm vụ mà còn là căn cứ để xét thi đua và khen thưởng hàng năm, khuyến khích GV, NCV nỗ lực nâng cao trình độ chuyên môn và hiệu suất làm việc [H6.06.05.09].

2. Điểm mạnh

Trường triển khai khảo sát, đánh giá nhu cầu ĐT, BD chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV. Hằng năm, Trường xây dựng kế hoạch về ĐT, BD và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV dựa trên yêu cầu của CTĐT. Kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được triển khai thực hiện theo kế hoạch hằng năm. Kết quả thực hiện kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được Trường giám sát, đánh giá hằng năm thông qua báo cáo tổng kết năm học, báo cáo hội nghị CB, CC, VC.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động đánh giá hiệu quả sau mỗi khóa/ đợt tập huấn/ đào tạo hoặc sau mỗi đợt cử người đi tập huấn/đào tạo tuy có thực hiện nhưng chưa có chiều sâu, chi tiết.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Trường và Khoa CNTT tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Trường, Khoa CNTT tăng cường chính sách khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện kết hợp chế tài để các GV học tập nghiên cứu sinh kết hợp công tác thu hút, tuyển dụng GV có học hàm, học vị cao đúng chuyên ngành đào tạo. Khoa tiến hành đánh giá hiệu quả sau mỗi khóa/đợt tập huấn/đào tạo hoặc sau mỗi đợt cử người đi tập huấn/đào tạo và sử dụng kết quả này để hoạch định và triển khai kế hoạch tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Hằng năm, Trường có kế hoạch công tác cụ thể đối với GV, NCV. Việc triển khai công việc của GV, NCV trong hoạt động giảng dạy, NCKH cũng như các công việc liên quan được Khoa CNTT và Trường xác định rõ ràng bởi các tiêu chí cụ thể, chức năng, nhiệm vụ của GV, NCV phải đáp ứng mức tối thiểu theo quy định, tiêu chuẩn, chế độ làm việc đối với viên chức và người lao động thuộc Trường [H6.06.06.01]. Từ đó, Khoa phân công công việc cụ thể cho từng GV theo năm học.

Trường đã áp dụng một hệ thống quản trị công việc có cấu trúc và rõ ràng, trong đó việc đánh giá hiệu quả làm việc của nhân viên được căn cứ trên các tiêu chuẩn cụ thể cho từng vị trí. Điều này giúp nâng cao tính minh bạch, công bằng trong quản lý, đồng thời tạo điều kiện để nhân viên phát triển và cải thiện năng lực theo yêu cầu công việc. Bảng mô tả công việc là công cụ giúp xác định rõ ràng các nhiệm vụ, trách nhiệm, và yêu cầu của từng vị trí công việc. Nó đóng vai trò là nền tảng cho việc đánh giá kết quả công việc của các cá nhân [H6.06.06.02].

Theo Quy chế thi đua khen thưởng của Trường việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai theo hệ thống văn bản đánh giá thi đua khen thưởng rõ ràng, cụ thể. Quy chế thi đua khen thưởng của Trường công khai, minh bạch, tạo niềm tin, động lực cho toàn thể GV, NCV hỗ trợ công tác đào tạo [H6.06.06.03], [H6.06.06.04]. Việc đánh giá công việc của GV được thực hiện theo các bước: Định kỳ hàng tháng GV thực hiện báo cáo công việc và đưa ra kế hoạch làm việc cho tháng tiếp theo để Trưởng/Phó Bộ môn, Lãnh đạo Khoa theo dõi, quản lý công việc, GV tự đánh giá kết quả lao động hằng tháng và làm cơ sở để đánh giá theo năm và Lãnh đạo Khoa xác nhận [H6.06.06.05].

Kết quả công việc của GV, NCV được triển khai để tạo động lực hỗ trợ NCKH: Khối lượng giờ dạy, NCKH và công tác khác mỗi học kỳ của GV được thống kê. Qua đó, Khoa CNTT tiến hành đánh giá năng lực thông qua hoạt động dự giờ, kiểm tra chuyên môn định kỳ và theo dõi phản hồi của người học liên quan đến phương pháp giảng dạy của GV. Dữ liệu NCKH và PVCĐ được các phòng ban chuyên trách tổng hợp, thống kê với số liệu rõ ràng, minh bạch [H6.06.06.06]. Hằng năm, Bộ môn, Khoa CNTT tiến hành họp với toàn bộ GV để thống nhất lấy ý kiến bình xét thi đua theo đúng quy định của Trường và gửi kết quả cho Hội đồng thi đua - khen thưởng cấp trường để bình xét kết quả thi đua cuối năm. Bên cạnh đó, việc đánh giá chuyên môn, phương pháp sư phạm của GV qua các hoạt động dự giờ, khảo sát ý kiến sinh viên, kiểm tra chuyên môn định kỳ cũng góp phần thúc đẩy GV nâng cao chuyên môn nghiệp vụ. Đối với GV có tham gia các hoạt động cộng đồng sẽ được Khoa và Trường hỗ trợ kinh phí, khen thưởng khuyến khích [H6.06.06.07], [H6.06.06.08].

GV, NCV hài lòng về kết quả đánh giá đặc biệt là việc thi đua, khen thưởng và công nhận của CSGD và các cấp có thẩm quyền. Khi xây dựng các tiêu chí, quy trình đánh giá hiệu quả công việc, Trường và Khoa CNTT đều lấy ý kiến đóng góp của GV để việc đánh giá được khách quan, dân chủ và phản ánh đúng năng lực, hiệu quả công việc của GV. Việc phản hồi, đóng góp ý kiến được thực hiện thông qua Egov của Trường. Do đó, các GV hài lòng về kết quả đánh giá. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV đang được triển khai tại Trường và Khoa phù hợp với từng nhiệm vụ cụ thể của GV, NCV, giúp

tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H6.06.06.08], [H6.06.06.09].

Trường đã thực hiện việc khen thưởng theo đúng quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo công bằng và minh bạch trong quá trình xét duyệt và trao thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên các tiêu chí rõ ràng, minh bạch, và công khai, phù hợp với quy định đã được thiết lập, tạo động lực hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và PVCĐ. Quy chế này không chỉ giúp động viên và khích lệ tinh thần làm việc của cán bộ, giảng viên, và nhân viên, mà còn góp phần tạo nên môi trường làm việc chuyên nghiệp và hiệu quả trong toàn trường [H6.06.06.10].

2. Điểm mạnh

Trường ban hành đầy đủ hệ thống văn bản quản lý nhân sự và triển khai quản trị theo công việc. Hằng năm, GV Khoa CNTT thực hiện đăng ký thi đua vào đầu năm học. Trường phân công Phòng TC-HC là đơn vị tham mưu và giúp việc cho BGH triển khai công tác đánh giá hằng năm của GV. Hằng năm, Trường triển khai đánh giá kết quả công việc của GV và thông báo đến các đơn vị để thực hiện. GV Khoa CNTT hài lòng về kết quả đánh giá đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền. Trong giai đoạn 2018 - 2023, đội ngũ GV của Trường và của Khoa CNTT đạt được nhiều hình thức, danh hiệu khen thưởng các cấp.

3. Điểm tồn tại

Các hình thức khen thưởng cao của GV Khoa CNTT còn chưa nhiều, chưa nổi bật. Lực lượng GV, NCV kiêm nhiệm chiếm số lượng nhiều trong Khoa, chưa có đội ngũ GV, NCV chuyên trách.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Trường và Khoa CNTT phát động phong trào thi đua dạy tốt, học tốt trong toàn thể viên chức, GV. Nhiều chính sách khen thưởng, động viên kịp thời, tạo động lực cho GV hoàn thành khối lượng công việc theo quy định.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Trường tiếp tục duy trì các chính sách về chế độ thi đua khen thưởng để tạo động lực cho GV tích cực tham gia NCKH và các hoạt động PVCĐ. Cần có chính sách về cơ chế phối hợp nghiên cứu, đăng tải công trình nghiên cứu giữa các tổ bộ môn và các GV của khoa CNTT. Trường, Phòng TC-HC, Khoa CNTT tăng cường động viên, khuyến khích GV mạnh dạn tham gia các hình thức khen thưởng cao.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và NCV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Trường đã ban hành văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV phải thực hiện theo năm học. Theo đó, số giờ nghĩa vụ NCKH của GV được thể hiện cụ thể trong Quy chế GV, được tính trên các hoạt động nghiên cứu trong trường và ngoài trường. Nếu số giờ NCKH vượt trên mức tối thiểu quy định, GV sẽ được thanh toán phần vượt trên [H6.06.07.01].

Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV được quy định và hướng dẫn cụ thể trong các văn bản của Trường ĐHKTCNCT [H6.06.07.02]. Hoạt động NCKH được quản lý bởi Phòng QLKH-HTQT. Ngoài ra, Hội đồng KH&ĐT Khoa CNTT được thành lập bao gồm 06 thành viên và 01 thư ký Hội đồng, có nhiệm vụ định hướng và triển khai các hoạt động NCKH của Khoa CNTT [H6.06.07.03]. Nhằm đa dạng hóa hoạt động nghiên cứu khoa học và thúc đẩy trao đổi học thuật, Khoa CNTT tích cực quan tâm và khuyến khích giảng viên tham gia các hội thảo nghiên cứu khoa học, cũng như viết và công bố các bài nghiên cứu tại các trường đại học khác có chương trình đào tạo ngành Khoa học Máy tính.

Việc giám sát và đối sánh hằng năm nhằm cải tiến chất lượng hoạt động NCKH của giảng viên Khoa CNTT được thực hiện đều đặn dựa trên dữ liệu thu thập từ Phòng Nghiên cứu Khoa học và hợp tác quốc tế. Thông qua bảng so sánh kết quả hoạt động NCKH giữa các khoa như Bảng 6.7.1, Trường đánh giá được mức độ đáp ứng về số lượng và chất lượng các đề tài, giáo trình, bài báo và báo cáo khoa học của giảng viên. Trong giai đoạn 2018 - 2022, Khoa CNTT có sự dao động về số lượng các đề tài giảng viên, bài báo khoa học và các hoạt động NCKH khác. Năm 2020, khoa CNTT đạt 08 đề tài của giảng viên và 01 giáo trình. Trong khi đó, các năm khác có sự phân bổ không đều nhưng vẫn duy trì được hoạt động NCKH. Qua đối sánh với các khoa khác như Khoa Điện - Điện tử - Viễn thông, Khoa Kỹ thuật Cơ khí và Khoa Xây dựng, Khoa CNTT luôn nằm trong nhóm dẫn đầu về số lượng đề tài giảng viên và bài báo khoa học. Nhằm cải tiến chất lượng hoạt động NCKH của GV, Trường luôn quan tâm, giám sát và đối sánh hằng năm, từ đó có những điều chỉnh kịp thời định mức thời lượng hoạt động NKCH cũng như các chính sách khen thưởng cho GV [H6.06.07.04].

Bảng 6.7.1. Bảng đối sánh NCKH của Khoa CNTT với các Khoa khác hằng năm.

	Năm	**Đề tài GV**	**Đề tài SV**	**Giáo trình**	**Bài báo**	**Báo cáo KH**
Khoa Công nghệ thông tin	2018	3	-	1	9	-
	2019	2	5	-	4	2
	2020	8	-	1	3	-
	2021	4	2	-	-	6
	2022	3	4	4	1	3

	2023	4	-	2	10	5
Khoa Công nghệ Sinh hoá – Thực phẩm	2018	0	-	-	2	-
	2019	1	1	-	4	1
	2020	2	1	-	3	3
	2021	4	-	-	6	-
	2022	7	-	2	2	4
	2023	8	13	1	10	3
Khoa Kỹ thuật cơ khí	2018	0	-	3	1	-
	2019	0	-	-	3	-
	2020	1	-	-	3	-
	2021	2	-	-	6	4
	2022	3	-	2	2	2
	2023	2		-	3	1
Khoa xây dựng	2018	0	-	-	2	1
	2019	0	-	-	2	4
	2020	2	-	-	5	2
	2021	0	-	-	6	-
	2022	4	-	2	7	-
	2023	2	-	-	4	-

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu Phòng NCKH và hợp tác quốc tế.

Hằng năm, Khoa CNTT tổ chức các hội thảo chuyên ngành cấp Khoa và cấp Trường để các GV có điều kiện trao đổi lẫn nhau về chuyên môn và nâng cao chất lượng NCKH [H6.06.07.05]. Khoa cũng đã phát hành Kỷ yếu hội thảo, trong đó có 42 công trình nghiên cứu của GV cơ hữu của Khoa. Bên cạnh đó, Khoa thường xuyên phối hợp với Trường tổ chức các buổi tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực NCKH [H6.06.07.06] phù hợp với xu hướng nghiên cứu mới và các định hướng phát triển KHCN trong tương lai. Việc quản lý đề tài NCKH được thực hiện theo quy định chung của Trường [H6.06.07.07].

Kết quả NCKH của GV có sự cải tiến về chất lượng và số lượng qua từng năm. Bên cạnh các công trình nghiên cứu được công bố trong nước, từ năm 2019 GV trong Khoa đã có những bài nghiên cứu được đăng trên các tạp chí quốc tế. Đến năm học 2022-2023 có 25 đề tài NCKH, nhiều bài nghiên cứu được đăng trên các tạp chí chuyên ngành ở quốc tế và trong nước. Bên cạnh đó, mỗi GV tự trang bị tài liệu hướng dẫn học tập như giáo trình, sách hướng dẫn trong công tác giảng dạy. Nhiều GV của Khoa có tham gia viết bài gửi tạp

chí hoặc tham luận hội thảo trong và ngoài trường, nhiều bài tham luận được lựa chọn đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế được thể hiện cụ thể trong bảng 6.7.2 và bảng 6.7.3.

Bảng 6.7.2. Thống kê số lượng đề tài NCKH qua các năm

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng						
			2018	2019	2020	2021	2022	2023	Tổng (đã quy đổi)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Đề tài cấp NN	2	0	0	0	0	0	0	**0**
2	Đề tài cấp Bộ*	1	1	0	0	0	0	0	**1**
3	Đề tài cấp trường	0.5	3	2	8	4	3	4	**12**
	Tổng		**4**	**2**	**8**	**4**	**3**	**4**	**13**

(Nguồn: Khoa CNTT, 2023)

** Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.*

***Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).*

Bảng 6.7.3. Số lượng bài báo của GV qua từng năm

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng						
			2018	2019	2020	2021	2022	2023	Tổng (đã quy đổi)
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1.5	9	5	4	0	0	4	**33**
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1	1	3	5	1	4	6	**20**
	Tổng		**10**	**8**	**9**	**1**	**4**	**10**	**53**

(Nguồn: Khoa CNTT, 2023)

***Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh)*

Đoàn trường kết hợp Đoàn khoa CNTT thường xuyên tổ chức các hoạt động phục vụ cộng đồng gồm nhiều chương trình thiết thực như: Tổ chức các lớp học hè, lớp học 0 đồng miễn phí cho các trẻ ở vùng sâu, vùng xa; Thực hiện các khóa học hoặc buổi hướng dẫn về kiến thức cơ bản về tin học cho người dân nhằm nâng cao kỹ năng tin học. Đặc biệt trong năm 2019, 2023 phổ cập tin học cho bí thư - trưởng ấp tại xã Đông Thắng, Huyện Cờ Đỏ, TPCT. Hỗ trợ nhập liệu cho phần mềm VNeID tại Công an Thành phố Cần Thơ, hỗ trợ nhập thông tin tiêm vacxin Covid-19 tại các trạm y tế và trung tâm tiêm phòng VNVC thành phố Cần Thơ. Bên cạnh đó cung cấp dịch vụ vệ sinh và bảo trì máy tính cho SV trong trường và cộng đồng giúp cải thiện hiệu suất hoạt động của thiết bị. Những hoạt động này không chỉ giúp cải thiện kỹ năng và đóng góp vào cộng đồng mà còn giúp sinh viên có thêm kinh nghiệm thực tế, phát triển tinh thần trách nhiệm và phục vụ xã hội [H6.06.07.08].

2. Điểm mạnh

Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV Khoa CNTT được cải tiến hàng năm. Hoạt động NCKH của GV đa dạng về nội dung và hình thức, Trường có chính sách để thu hút GV tiếp tục tham gia viết bài trên các tạp chí quốc tế.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay, số lượng giảng viên Khoa CNTT có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học, tuy nhiên cấp thành phố, cấp Bộ, cấp Nhà nước còn hạn chế. GV, NCV sẽ tiếp tục phấn đấu và nỗ lực.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Trường và Khoa CNTT luôn cải tiến các chính sách về tài chính nhằm động viên, khuyến khích GV tham gia NCKH, đầu tư CSVC trang thiết bị phục vụ hoạt động NCKH của GV.

Khắc phục tồn tại

Từ năm học 2024 - 2025, Trường có chính sách động viên, khuyến khích GV thực hiện các đề tài NCKH cấp Bộ, cấp thành phố và tương đương, đồng thời tăng cường các đề tài NCKH từ các cấp với sự tham gia thực hiện của SV và tăng cường đăng tải kết quả các công trình khoa học lên các tạp chí trong nước và quốc tế có chỉ số cao. Đồng thời kiến nghị Trường có thêm các chính sách hỗ trợ cho các GV có nhiều công trình NCKH.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Những điểm mạnh nổi bật

Công tác quy hoạch đội ngũ được thực hiện đồng bộ từ Trường đến Khoa. Đã xây dựng đầy đủ kế hoạch phát triển nhân sự của Trường và của Khoa qua các giai đoạn. Các kế hoạch tuyển dụng được xây dựng, căn cứ vào báo cáo đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực của từng đơn vị để đáp ứng tốt các yêu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ. Có chính sách nhân sự trong đó thể hiện rõ các quyền lợi về thu nhập, cơ hội thăng tiến và phúc lợi khác cho GV. Tỷ lệ GV/người học của CTĐT đáp ứng yêu cầu về xác định chỉ tiêu ĐT trình độ ĐH theo quy định. Việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV được hướng dẫn chi tiết và triển khai thực hiện. Có quy định về chất lượng công việc đối với đội ngũ GV hướng tới việc cải tiến chất lượng hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ. Có đầy đủ quy định về tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm, điều chuyển. Các quy định này được lấy ý kiến của toàn thể CB-GV-NV và được thông báo công khai. Có quy định xác định năng lực của GV thông qua các tiêu chí đánh giá chất lượng công tác bên cạnh yêu cầu về khối lượng công việc. Chất lượng công việc được đánh giá thông qua các tiêu chí về hoạt động giảng dạy, NCKH và PVCĐ. Công tác đánh giá chất lượng công việc của đội ngũ GV được thực hiện định kỳ hàng năm. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ , nghiên cứu viên được xác định thông qua khảo sát hàng năm và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó. Đội ngũ GV tích cực tham gia các hoạt động ĐT, bồi dưỡng do Trường triển khai và cũng chủ động tự học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ. Có hệ thống quy định, quy trình để đánh giá chất lượng hoàn thành công việc của GV. Các quy định này được bổ sung, hiệu chỉnh theo từng giai đoạn cụ thể, đáp ứng được các yêu cầu, nguyện vọng của CB-GV-NV trong toàn Trường. Công tác đánh giá hiệu quả công việc của GV, NCV triển khai rất nghiêm túc, hiệu quả, tạo động lực hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Trong giai đoạn 2018 - 2023, GV Khoa CNTT được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và hầu hết các ý kiến của SV ngành KHMT hài lòng về hoạt động giảng dạy của GV.

Trường ban hành đầy đủ các tài liệu, văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm, điều chuyển. Việc tuyển dụng GV hằng năm được tổ chức đúng theo quy định, nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật để bổ nhiệm, điều chuyển được phổ biến và thông báo công khai thông qua trang thông tin nội bộ, Website của Trường và của Phòng TC-HC.

Trường ban hành đầy đủ văn bản, quy định về quản lý nhân sự, trong đó thể hiện rõ về tiêu chuẩn, năng lực của đội ngũ GV. Hằng năm, Trường luôn triển khai đánh giá năng lực của giảng viên để xem xét thăng tiến, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ kế thừa. Kết quả đánh giá hiệu quả công việc của giảng viên được thông báo đến từng người và lưu trữ trong dữ liệu về kết quả đánh giá hiệu quả công việc của giảng viên hàng năm.

Trường triển khai khảo sát, đánh giá nhu cầu ĐT, BD chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV. Hằng năm, Trường xây dựng kế hoạch về ĐT, BD và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV dựa trên yêu cầu của CTĐT. Kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được triển khai thực hiện theo kế hoạch hằng năm, trong đó gần 100% GV của Trường được ĐT, BD và phát triển chuyên môn, trong đó có khoảng 200 GV được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn từ 2 lần trở lên, đạt tỷ lệ 82%. Kết quả thực hiện kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được Trường giám sát, đánh giá hằng năm thông qua báo cáo tổng kết năm học, báo cáo hội nghị CB, CC, VC.

Trường ban hành đầy đủ hệ thống văn bản quản lý nhân sự và triển khai quản trị theo công việc. Hằng năm, GV Khoa CNTT thực hiện đăng ký thi đua năm học. Trường phân công Phòng TC-HC là đơn vị tham mưu và giúp việc cho BGH triển khai công tác đánh giá hằng năm của GV. Hằng năm, Trường triển khai đánh giá kết quả công việc của GV và thông báo đến các đơn vị để thực hiện. GV Khoa CNTT hài lòng về kết quả đánh giá đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền. Trong giai đoạn 2018 - 2023, đội ngũ GV của Trường và của Khoa CNTT đạt được nhiều hình thức, danh hiệu khen thưởng các cấp.

Trường ban hành đầy đủ văn bản quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV phải thực hiện. Hoạt động NCKH của đội ngũ GV Trường, Khoa CNTT tăng lên qua từng năm về loại hình, số lượng, chất lượng nghiên cứu. đồng thời các đề tài NCKH của GV ngày càng có nhiều SV cùng tham gia thực hiện. Trường luôn cải tiến các chính sách về tài chính nhằm động viên, khuyến khích GV tham gia NCKH, đầu tư CSVC trang thiết bị phục vụ hoạt động NCKH của GV. Kết quả đánh giá về mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV, NCV được giám sát, đối sánh hằng năm nhằm cải tiến hoạt động NCKH.

Những tồn tại cơ bản

Việc nâng cao trình độ tiến sĩ đảm bảo theo quy định đối với một số chuyên ngành còn gặp nhiều khó khăn nhất định. Số lượng GV có học hàm, học vị cao của Khoa CNTT chưa nhiều. Do những khó khăn về chính sách thu hút nên Trường chưa tuyển được nhiều GV có học hàm, học vị cao. Năng lực ngoại ngữ của GV Khoa CNTT còn những hạn chế nhất định. Các hình thức khen cao của GV Khoa CNTT chưa nhiều. Khoa CNTT chưa có nhiều đề tài NCKH cấp thành phố.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn

Có 6/6 tiêu chí đạt điểm 5,0. Mức trung bình của tiêu chuẩn đạt: 5,00 điểm; Số tiêu chí đạt: 7/7; Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Mở đầu: Đội ngũ NV giữ vị trí và vai trò quan trọng trong nhiều hoạt động của Trường và Khoa CNTT. Đội ngũ NV của Khoa bao gồm: Trợ lý Khoa và NV các phòng

ban liên quan như thư viện, phòng QT-TB, phòng thực hành…., hệ thống công nghệ thông tin, các dịch vụ hỗ trợ khác; đội ngũ này có nhiệm vụ góp phần hỗ trợ cho công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV và SV. Nhận thức được điều đó, Trường luôn chú trọng xây dựng và hoàn thiện các chính sách về tuyển dụng, lựa chọn và quy hoạch đội ngũ NV của Trường và Khoa. Hằng năm, chất lượng đội ngũ NV của Trường không ngừng được nâng cao thông qua các chương trình, kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng và thông qua việc tổ chức thường xuyên những hoạt động đánh giá khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan nhằm kịp thời điều chỉnh, hướng đến mục tiêu đạt được chất lượng hỗ trợ tốt nhất. Ngoài ra, Trường cũng ban hành nhiều chính sách khen thưởng và công nhận những tập thể và cá nhân hoàn thành tốt công việc được giao nhằm tạo động lực cho đội ngũ NV làm việc tích cực, hiệu quả hơn.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ tại các đơn vị như thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ khác được thực hiện một cách cụ thể và chi tiết nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ. Đội ngũ nhân viên được trang bị kiến thức chuyên môn vững vàng và kỹ năng phù hợp để hỗ trợ hiệu quả cho giảng viên và sinh viên. Cụ thể, nhân viên thư viện cần am hiểu về việc tìm kiếm và quản lý tài liệu học thuật; nhân viên phòng thực hành cần nắm rõ các thiết bị và công nghệ mà sinh viên sử dụng và nhân viên công nghệ thông tin cần có kỹ năng quản lý và hỗ trợ hệ thống công nghệ phục vụ cho hoạt động học tập và nghiên cứu.

Chiến lược phát triển của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030 theo QĐ số 14/QĐ-HĐT ngày 20/4/2020 và Chiến lược phát triển Khoa CNTT giai đoạn 2020-2025, định hướng đến 2030 theo QĐ số 630/QĐ-ĐHKTCN ngày 31/12/2020 đã xây dựng Quy hoạch phát triển đội ngũ cán bộ, nhân viên là cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Trường [H7.07.01.01]. Đây là cơ sở để phân tích nhu cầu về đội ngũ nhân viên nhằm đẩy mạnh và phát triển các hoạt động hỗ trợ nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

Để làm tốt công tác quy hoạch, Hằng năm, Trường đưa ra kế hoạch tuyển dụng để lựa chọn ra đội ngũ hỗ trợ phục vụ công tác đào tạo, NCKH cũng như hoàn thành nhiệm vụ chung của Trường [H7.07.01.02]. Công tác tuyển dụng được cụ thể hóa trong Quy chế Tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc, lao động, tập sự, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp [H7.07.01.03]. Năng lực của đội ngũ NV được xác định dựa trên bản mô tả vị trí công việc, bao gồm năng lực của đội ngũ nhân viên được đánh giá dựa trên bản mô tả vị trí công việc,

trong đó nêu rõ các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, và kinh nghiệm cần có. Bản mô tả này không chỉ giúp xác định tiêu chuẩn năng lực cho từng vị trí mà còn là cơ sở để đánh giá hiệu suất làm việc, từ đó hỗ trợ việc phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong tổ chức [H7.07.01.04].

Khoa CNTT đã xây dựng đội ngũ GV kiêm nhiệm hỗ trợ gồm các công tác như: đội ngũ CVHT, công tác Đoàn, phong trào thanh niên và sinh viên (02 GV, Công đoàn Khoa (01 GV). Khoa CNTT phân công 02 GV trực khoa hằng ngày (01 GV/buổi) để đảm bảo giải đáp được thắc mắc, kịp thời hỗ trợ người học các công tác liên quan đến thủ tục hành chính. Phòng Đào tạo và Phòng CTCT&QLSV phân công cán bộ chuyên trách hỗ trợ người học các công tác liên quan đến học tập, NCKH và các hoạt động phong trào, rèn luyện của NH. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Khoa CNTT và cán bộ chuyên trách của Phòng Đào tạo làm việc giờ hành chính, thậm chí ngoài giờ, tăng ca để hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao nhằm hỗ trợ tốt nhất việc học tập, rèn luyện và NCKH của người học. Khoa CNTT có 01 cán bộ phụ trách công tác giáo vụ Khoa, Phòng Đào tạo có cán bộ chuyên trách công tác quản lý học tập và tổ chức lớp học cùng hỗ trợ đắc lực cho Trường và BCN Khoa, GV và người học trong các công tác hành chính liên quan đến việc quản lý cũng như việc dạy và học. Giáo vụ Khoa và cán bộ chuyên trách có đủ năng lực và trình độ chuyên môn để hoàn thành tốt các hoạt động hỗ trợ này. Trường đã thực hiện xây dựng Đề án vị trí việc làm, có kế hoạch triển khai nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Đề án vị trí việc làm được phê duyệt, Trường đã xây dựng đội ngũ nhân viên hỗ trợ đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và hội nhập quốc tế nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ [H7.07.01.05], [H7.07.01.06].

Bên cạnh đội ngũ cán bộ hỗ trợ, các GV giảng dạy của Khoa CNTT và người học còn được hỗ trợ về tài liệu, thông tin về các lĩnh vực cũng như chuyên môn thông qua đội ngũ nhân viên kỹ thuật của Trung tâm thông tin Thư viện, NV hỗ trợ từ các phòng ban khác như: Phòng CTCT&QLSV, Phòng QLKH-HTQT, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, Trung tâm Đào tạo Bồi dưỡng, Trung tâm TN-KTNL-CGCN. Các phòng ban và trung tâm được bố trí đủ số lượng cán bộ, đáp ứng được nhu cầu về năng lực và phẩm chất công tác trong các hoạt động hỗ trợ NH trong học tập và nghiên cứu [H7.07.01.07].

Số lượng nhân viên Thư viện của Trường là 02 người. Đội ngũ nhân viên thư viện của Trường có trình độ, chuyên môn nghiệp vụ và trình độ tin học, ngoại ngữ đáp ứng tốt nhu cầu khai thác tài liệu sách báo của bạn đọc. Thư viện Trường bố trí tại tòa nhà có 2 tầng, với diện tích hơn 900m^2. Tầng trệt gồm kho sách, phòng đọc được trang bị máy lạnh, khu vực tra cứu OPAC được trang bị 10 máy vi tính, khu vực để báo, tạp chí và luận văn, tiểu luận tốt nghiệp của sinh viên chính quy. Tầng một có 01 phòng máy tính với 40 máy, 01 phòng hội thảo và 01 phòng thảo luận. Thư viện đơn vị tham mưu giúp lãnh đạo Trường

thực hiện công tác quản lý thư viện, triển khai ứng dụng KHCN tổ chức các hoạt động thu thập, khai thác, lưu trữ cung cấp thông tin tư liệu phục vụ giảng dạy, học tập, đào tạo, NCKH của Trường. Các đơn vị phòng ban hỗ trợ trong Trường có đội ngũ cán bộ đủ trình độ chuyên môn nghiệp vụ và có sự phân công công việc cho từng chuyên viên/nhân viên một cách rõ ràng và chi tiết theo chuyên môn và nghiệp vụ của từng chuyên viên/nhân viên được thể hiện trong bảng 7.1.1. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Trường đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và đáp ứng được nhu cầu của cộng đồng [H7.07.01.07].

Bảng 7.1.1. Số lượng NV cấp trường tính đến tháng 12/2023.

Nhân viên	Trình độ cao nhất đạt được				Tổng số
	Khác	Cao đẳng - ĐH	Thạc sĩ	Tiến sĩ	
NV thư viện	0	2	0	0	**2**
NV phòng thí nghiệm	0	1	23	1	**25**
NV công nghệ thông tin	0	0	7	0	**7**
NV hành chính	0	13	29	1	**43**
NV hỗ trợ	5	3	0	0	**8**
Tổng số	**5**	**19**	**59**	**2**	**85**

Nguồn: Tổng hợp số liệu từ phòng Tổ chức - Hành chính Trường ĐH KTCN CT

Để đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu của đội ngũ cán bộ hỗ trợ, hằng năm, Trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến đánh giá hoạt động hỗ trợ của đội ngũ cán bộ, nhân viên từ GV và NH. Kết quả khảo sát sự hài lòng của GV và NH về các dịch vụ hỗ trợ sinh viên thể hiện trong bảng 7.1.2.

Bảng 7.1.2. Kết quả khảo sát sự hài lòng của GV và NH về các dịch vụ hỗ trợ sinh viên năm 2022-2023

TT	Tiêu chí đánh giá	Hài lòng và Rất hài lòng (%)	
		Đánh giá của GV	Đánh giá của NH
1	Các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ	76	59
2	Số lượng nhân viên làm việc tại thư viện đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ	69	60,6

3	Số lượng nhân viên làm việc tại phòng thí nghiệm đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ	75	63,9
4	Số lượng nhân viên làm việc tại hệ thống công nghệ thông tin đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ	73	63,1
5	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng đảm bảo đầy đủ trang thiết bị, hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn và phù hợp hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT	82	62,2
6	Thư viện, phòng đọc phục vụ tốt hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT	75	62,4
7	Thư viện, phòng đọc được trang bị các trang thiết bị để hoạt động	69	61,9
8	Học liệu của thư viện *(giáo trình, tài liệu, sách tham khảo bản cứng/bản mềm)* bảo đảm quy định về sở hữu trí tuệ và phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	69	62,7
9	Phòng thực hành, thí nghiệm đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ	78	62,5
10	Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được triển khai đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan	85	67,1

Nguồn: Tổng hợp số liệu từ phòng Tổ chức - Hành chính Trường ĐH KTCN CT

Dịch vụ được đánh giá cao nhất là các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được triển khai đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan. Kết quả khảo sát NH và GV về các dịch vụ hỗ trợ từ NV đều đạt tỷ lệ hài lòng từ 60% trở lên: NV làm việc tại thư viện (GV: 69%, NH 60,6%), NV làm việc tại phòng thí nghiệm GV: 75%, NH: 63,9%), NV CNTT GV: 73%, NH: 63,1%) [H7.07.01.08].

Báo cáo phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng giai đoạn 2020-2025 cung cấp cái nhìn chi tiết về những kỹ năng, kiến thức và năng lực mà đội ngũ viên chức của trường cần phát triển để đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao về đào tạo, NCKH và PVCĐ. Dựa trên kết quả khảo sát từ giai đoạn này, nhà trường đã thu thập thông tin từ các phòng ban và cá nhân để xác định rõ các lĩnh vực chuyên môn cần được ưu tiên bồi dưỡng. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức giai đoạn 2025-2030, được xây dựng dựa trên báo cáo phân tích này, tập trung vào việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực theo định hướng phát triển dài

hạn của trường. Kế hoạch bao gồm các chương trình đào tạo và bồi dưỡng. Mục tiêu là không chỉ duy trì mà còn phát triển đội ngũ viên chức có đủ năng lực, sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu phát triển của trường trong thời gian tới [H7.07.01.09].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ NV cấp Trường có trình độ và kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu của từng chức danh và vị trí công việc tại các phòng ban. Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của NV không ngừng được hoàn thiện nhờ công tác tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên. Việc giải đáp thắc mắc của SV được thực hiện tích cực bởi đội ngũ NV, giúp SV học tập và rèn luyện tốt hơn.

3. Điểm tồn tại

Trường đã có chính sách tuyển dụng và quy hoạch nhân sự, nhưng chưa đảm bảo sự ổn định dài hạn. Chính sách thiếu tính cạnh tranh, gây khó khăn trong việc thu hút và giữ chân nhân tài.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh đội ngũ CB thư viện, CNTT và các bộ phận dịch vụ hỗ trợ NH thành thạo nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT ngành.

Khắc phục tồn tại:

Trường thực hiện rà soát định kỳ việc quy hoạch đội ngũ NV tại các đơn vị, phòng ban để có kế hoạch phân bổ, cơ cấu NV đảm bảo tính hợp lý và hiệu quả của công việc hỗ trợ. Từ năm học 2024 - 2025, Khoa sẽ phối hợp với Phòng TT-PC-KT-ĐBCL đề xuất Trường triển khai các kế hoạch khảo sát nhu cầu của thị trường lao động nhằm đề ra những giải pháp, chính sách thu hút, tuyển dụng nhân sự trình độ cao; tiến tới mục tiêu đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Trường có quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV. Nhằm đảm bảo chất lượng của công tác tuyển dụng, Trường ban hành nhiều văn bản cụ thể, chi tiết quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ NV. Theo đó, đội ngũ NV của Trường phải đáp ứng được các tiêu chí về phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhiệm công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ [H7.07.02.01].

Năng lực của đội ngũ nhân viên trong Trường được xác định thông qua bản mô tả vị trí công việc, trong đó liệt kê các tiêu chí về kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm cần thiết. Đây là công cụ quan trọng giúp đánh giá hiệu suất làm việc, đảm bảo nhân viên đáp ứng đúng yêu cầu của từng vị trí, đồng thời hỗ trợ cho quá trình phát triển và nâng cao chất

lượng nhân sự trong nhà Trường. Đối với từng nhóm NV, các tiêu chí tuyển dụng được quy định cụ thể trong bản mô tả công việc như sau [H7.07.02.02].

i) Chức danh thuộc Khối cán bộ quản lý cao cấp (trừ chức danh Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng), Khối cán bộ quản lý học vụ, đào tạo, Khối GV: Có phẩm chất đạo đức tốt, có chuyên môn phù hợp nhu cầu từng vị trí (có giới hạn về độ tuổi), có trình độ tiếng Anh, vi tính, sức khỏe đáp ứng yêu cầu công việc.

ii) Chức danh cán bộ, NV các phòng, ban khác thuộc khối hành chính: Có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn phù hợp với vị trí công việc, trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc, kinh nghiệm quản lý, thái độ tích cực và cầu tiến …

iii) Chức danh NV giáo vụ, hỗ trợ của Khoa: Có trình độ từ ĐH trở lên, có kiến thức, siêng năng cần cù, vui vẻ hòa nhã, biết lắng nghe, có lập trường về chính trị, thái độ tích cực và cầu tiến…

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được xác định rõ ràng, cụ thể, theo Quyết định 418/QĐ-ĐHKTCN ngày 31 tháng 12 năm 2016 ban hành Quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ quy định điều kiện chung của người đăng ký dự tuyển bao gồm các tiêu chí như sau: Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam; từ đủ 18 tuổi trở lên; có đơn đăng ký dự tuyển; có lý lịch rõ ràng; có văn bằng, chứng chỉ đào tạo, chứng chỉ hành nghề hoặc có năng khiếu, kỹ năng phù hợp với vị trí việc làm; đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ. Đối với các chức danh cụ thể như khối cán bộ quản lý cao cấp, khối cán bộ quản lý học vụ - đào tạo, khối GV, khối cán bộ quản lý hành chính, khối trợ lý - thư ký - giáo vụ, … Trường quy định những tiêu chí tuyển dụng riêng nhằm đảm bảo tuyển dụng nguồn nhân lực phù hợp với chuyên môn và yêu cầu của vị trí, công việc. Các thông tin tuyển dụng và kết quả tuyển dụng còn được phổ biến công khai ở quy mô lớn trên trang thông tin điện tử của Trường và trên các phương tiện thông tin đại chúng như Website của Trường, Phòng TC-HC và Khoa CNTT [H7.07.02.03].

Đội ngũ NV được Nhà trường giao Phòng TC-HC tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đúng theo tiêu chí và trình tự, thủ tục được thể hiện trong những quy định đã được ban hành. Theo đó, NV Khoa CNTT thể hiện trong bảng 7.2 đáp ứng các tiêu chí trong văn bản Quy định tuyển dụng nói trên và được tuyển dụng theo quy trình chặt chẽ (quy trình tuyển dụng gồm 3 vòng như sau: Gặp gỡ phòng Đào tạo, tiếp xúc khoa chuyên môn, làm việc với phòng TC-HC).

Bảng 7.2. Số lượng NV của Khoa CNTT tính đến tháng 12/2023

Cán bộ phục vụ	Trình độ cao nhất đạt được				Tổng số
	THPT	ĐH	Thạc sĩ	Tiến sĩ	
NV thư viện	0	0	0	0	**0**
NV CNTT	0	0	5	0	**5**

NV hành chính	0	0	6	1	**7**
NV hỗ trợ NH	0	0	0	0	**0**
Tổng số	**0**	**0**	**11**	**1**	**12**

Nguồn: Tổng hợp số liệu từ phòng Tổ chức - Hành chính Trường ĐH KTCN CT

Trường ĐH KT-CN CT đã ban hành Quy định về tiêu chuẩn và quy trình công tác cán bộ, giúp nhân viên hiểu rõ quy định về tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển, cũng như trách nhiệm và quyền lợi của mình. Điều này giúp họ hoàn thành tốt nhiệm vụ hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Nhờ có quy trình chặt chẽ và tuân thủ đúng kế hoạch, đội ngũ nhân viên của Trường và Khoa được tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển phù hợp với từng vị trí công việc, đảm bảo chất lượng và tính hiệu quả trong công tác [H7.07.02.04].

Căn cứ Luật Viên chức, Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Bộ Nội vụ, Phòng TC-HC dự thảo Quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Trường, Đề án vị trí việc làm, Bản mô tả vị trí việc làm và triển khai lấy ý kiến góp ý của các đơn vị và đội ngũ NV. Trên cơ sở tiếp thu ý kiến tổng hợp của các đơn vị, Phòng TC-HC trình Hiệu trưởng ban hành Quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, Đề án vị trí việc làm, Bản mô tả vị trí việc làm của Trường. Để làm rõ tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển và lựa chọn nhân viên đáp ứng công việc, Trường đã điều chỉnh các tiêu chí dựa trên thực tế hoạt động và yêu cầu của các khoa, phòng ban. Các tiêu chí này được xây dựng dựa trên các luật và nghị định ban hành, kinh nghiệm và sự hiểu biết sâu sắc về nhu cầu nhân sự, sau đó được tích hợp vào các văn bản quy định nhằm đảm bảo tính minh bạch và công khai trong quy trình tuyển dụng [H7.07.02.05], [H7.07.02.06].

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV nói trên được xây dựng trên cơ sở phân tích, khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan nhằm đảm bảo tính thiết thực và hiệu quả của các vị trí việc làm [H7.07.02.07]. Việc tuyển dụng, điều chuyển, bổ nhiệm NV được thực hiện theo đúng nội quy lao động của Trường phù hợp với quy định pháp luật, được phổ biến tới toàn thể cán bộ, GV, NV và được công khai bằng nhiều hình thức trong đó bao gồm cả trên trang thông tin điện tử của Trường và Khoa nhằm đảm bảo quyền lợi cho NV [H7.07.02.08].

2. Điểm mạnh

Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng trong quy định, được công bố và phổ biến rộng rãi. Các tiêu chí tuyển dụng NV được điều chỉnh kịp thời, cập nhật thường xuyên để phù hợp với nhu cầu thực tế.

3. Điểm tồn tại

Các tiêu chí tuyển dụng và điều chuyển nhân viên đã được xác định và công khai rõ ràng. Tuy nhiên, vẫn thiếu thông tin chi tiết về số lượng nhân sự cần thiết.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh công tác phổ biến công khai các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển rộng rãi trên các kênh thông tin đại chúng và thời gian đăng tuyển dài hơn. Điều này giúp đảm bảo tính minh bạch và công bằng trong công tác tuyển dụng.

Các tiêu chí tuyển dụng được xác định rõ ràng và cụ thể, giúp lựa chọn đúng người phù hợp với từng vị trí công việc. Điều này đảm bảo rằng đội ngũ nhân viên đáp ứng tốt các yêu cầu về phẩm chất chính trị, đạo đức và chuyên môn.

Việc lấy ý kiến từ các bên liên quan (giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên) trong quá trình xây dựng tiêu chí tuyển dụng giúp đảm bảo rằng các tiêu chí này phù hợp với thực tế và nhu cầu của các đơn vị trong trường.

Khắc phục tồn tại:

Trong năm học 2024 - 2025, Trường cần tập trung vào những giải pháp: (1) Trong các văn bản quy định về công tác cán bộ được điều chuyển nên được lượng hóa cụ thể hơn và thường xuyên đánh giá hiệu quả của công tác bổ nhiệm, điều chuyển; (2) Cần công khai những quy định về đào tạo đối với cán bộ nằm trong quy hoạch để những cán bộ còn lại có hướng tiếp cận và tự đào tạo bản thân phù hợp với yêu cầu luân chuyển, bổ nhiệm.

Cần xây dựng và triển khai các chính sách thu hút và giữ chân nhân tài hiệu quả hơn, bao gồm các chế độ đãi ngộ, phúc lợi hấp dẫn và môi trường làm việc thuận lợi. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ thường phải làm việc ngoài giờ hành chính để hoàn thành nhiệm vụ, cần có các chính sách hỗ trợ và cân bằng công việc và cuộc sống để đảm bảo sức khỏe và tinh thần làm việc của nhân viên.

Cần có sự phối hợp chặt chẽ hơn giữa các khoa, phòng ban và trung tâm để đảm bảo sự thống nhất và hiệu quả trong công tác hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Các quy trình và chính sách cần được đồng bộ hóa để tránh sự chồng chéo và bất cập.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ NV được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Khoa CNTT và các Phòng ban xác định và đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên/cán bộ hỗ trợ theo chất lượng công việc, trình tự từ cấp Bộ môn, cấp Khoa/Trung tâm đến cấp Trường theo các thông báo hướng dẫn về việc xét thi đua khen thưởng hàng năm và Quyết định ban hành quy định tiêu chuẩn, chế độ làm việc & nghỉ ngơi đối với VC NLĐ thuộc Trường đối với công chức viên chức [H7.07.03.01].

Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá thông qua:

- Bảng phân công công việc của đội ngũ nhân viên: Quy định rõ trách nhiệm và nhiệm vụ của từng vị trí công việc [H7.07.03.02].

- Đề án và các quy định mô tả vị trí việc làm: Giúp xác định yêu cầu cụ thể về năng lực cho từng vị trí công việc [H7.07.03.03].

- Các cán bộ hỗ trợ được quản lý thông qua bằng cấp và lý lịch viên chức được cập nhật hằng năm [H7.07.03.04]. Để làm được việc đó đòi hỏi sự đáp ứng về năng lực của đội ngũ CB hỗ trợ để giúp GV và NH hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Quy trình đánh giá năng lực được thực hiện như sau:

(i) Làm báo cáo tự đánh giá kết quả công tác theo nhiệm vụ được giao;

(ii) Quyết định đánh giá, phân loại của trưởng đơn vị;

(iii) Đánh giá ở Hội đồng cấp đơn vị;

(iv) Đánh giá ở Hội đồng cấp Trường.

Phương pháp và công cụ đánh giá:

- Bảng tiêu chí năng lực của đội ngũ nhân viên: Được sử dụng để đánh giá năng lực hàng năm, bao gồm các tiêu chí về chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm và kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Biểu mẫu tự nhận xét cuối năm: Giúp nhân viên tự đánh giá quá trình công tác và quá trình tự học nâng cao trình độ [H7.07.03.05].

Tiêu chí đánh giá:

- Trình độ chuyên môn: Đánh giá dựa trên bằng cấp, chứng chỉ và kiến thức chuyên môn.

- Kỹ năng nghề nghiệp: Bao gồm kỹ năng thực hiện công việc, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và giải quyết vấn đề.

- Đạo đức và trách nhiệm: Đánh giá phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm trong công việc.

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ: Dựa trên hiệu suất công việc, đóng góp cho đơn vị và kết quả cụ thể đạt được.

Kết quả đánh giá được phổ biến cho tất cả cán bộ nhân viên được thể hiện trong bảng 7.3. Dựa vào đánh giá hàng tháng và kết quả công tác trong năm học, cán bộ hỗ trợ của Khoa CNTT được đánh giá phân loại hằng năm nhằm làm rõ ưu điểm, khuyết điểm, mặt mạnh, mặt yếu về tư tưởng, phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao. Việc đánh giá có tiêu chí rõ ràng và cụ thể, các cá nhân đạt thành tích sẽ có Quyết định công nhận các danh hiệu thi đua, khen thưởng do Hiệu trưởng tặng cho tập thể và các cá nhân [H7.07.03.06].

Bảng 7.3. Tổng hợp kết quả đánh giá NV hỗ trợ tại Trường

Năm học	Tổng số NV	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành nhiệm vụ	Không xét
2018-2019	58	10	48	0	0

2019-2020	59	9	47	1	2
2020-2021	40	9	27	0	4
2021-2022	36	8	28	0	0
2022-2023	81	16	62	0	3

Nguồn: *Tổng hợp số liệu từ phòng Tổ chức - Hành chính Trường ĐH KTCN CT*

Kế hoạch đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên (tự đánh giá, cấp trên đánh giá, đồng nghiệp đánh giá) được Trường phổ biến và công khai trước kết thúc mỗi năm học. Kết quả đánh giá của cán bộ hỗ trợ tại Khoa CNTT đều đạt mức hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ, khẳng định năng lực và khả năng đáp ứng công việc của đội ngũ này đối với các yêu cầu công việc được giao.

2. Điểm mạnh

Trường đã có quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí rõ ràng để đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên. Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ CB hỗ trợ của Khoa đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Trường.

3. Điểm tồn tại

Năng lực chuyên môn, ngoại ngữ, tin học của cán bộ hỗ trợ tại Khoa ở các đơn vị chưa đồng đều dẫn đến mức độ hài lòng chung của toàn trường chưa đạt yêu cầu.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Nhà trường tiếp tục điều chỉnh, bổ sung đầy đủ các tiêu chuẩn nhằm đánh giá, phân loại đội ngũ CB hỗ trợ, có chế độ khen thưởng CB, NV hoàn thành tốt nhiệm vụ. Chính sách đào tạo, nâng cao năng lực của đội ngũ nhân viên về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học để đáp ứng CV hỗ trợ NH tốt hơn.

Khắc phục tồn tại:

Khoa đề xuất Trường tiếp tục có các hoạt động rà soát, đánh giá năng lực của đội ngũ NV, có chính sách đào tạo bồi dưỡng, tập huấn và khuyến khích NV tự trau dồi, nâng cao năng lực.

Khuyến khích sự tham gia tích cực của nhân viên trong quá trình tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau, điều này sẽ giúp cải thiện tính toàn diện và khách quan của quy trình đánh giá.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của NV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ xác định nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên thông qua các khảo sát và đánh giá định kỳ. Kết quả khảo sát và đánh giá cho thấy nhu cầu đào tạo của đội ngũ nhân viên hỗ

trợ CTĐT được dựa trên cơ sở phân tích yêu cầu của CTĐT. Trường và Khoa CNTT khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ hỗ trợ tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, hỗ trợ về thời gian và kinh phí theo quy định cụ thể trong văn bản Quy định về đào tạo bồi dưỡng của Trường [H7.07.04.01].

Trong giai đoạn đánh giá, Trường đã tổ chức khóa bồi dưỡng, tập huấn cho toàn bộ các VC và NLĐ như nghiệp vụ soạn thảo văn bản hành chính, an toàn lao động, kiến thức Quốc phòng - An ninh, tập huấn GV dạy kỹ năng mềm, tổ chức các lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên, tổ chức các khóa tập huấn về đảm bảo chất lượng và có 25 lượt cán bộ hỗ trợ tham gia [H7.07.04.02]. NV sau khi tham gia các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn đã tổng hợp thông tin, tài liệu, nội dung có thể vận dụng vào thực tiễn trong báo cáo và chia sẻ đến toàn thể giảng viên trong Trường.

Việc đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CB hỗ trợ được Trường thực hiện có kế hoạch và được xác định rõ ràng. Kế hoạch đào tạo được xây dựng dựa trên các yếu tố như kế hoạch đào tạo từ các phòng, khoa và trung tâm [H7.07.04.03], các kết quả đào tạo và bồi dưỡng đã giúp nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ, góp phần cải thiện hiệu suất làm việc và chất lượng phục vụ các đơn vị trong trường [H7.07.04.04]. Danh sách nhân sự thuộc diện quy hoạch [H7.07.04.05]; báo cáo khảo sát nhu cầu học tập bồi dưỡng, nâng cao trình độ của CB, VC, NLĐ của Trường, báo cáo, phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng giai đoạn 2020-2025 đóng vai trò quan trọng trong việc xác định rõ những yêu cầu và mong muốn cụ thể của NV. Dựa trên chiến lược phát triển của Trường và Khoa, nhà trường đã xây dựng đề án vị trí việc làm, lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức giai đoạn 2025-2030. Kế hoạch này tập trung vào số lượng, chất lượng và kỹ năng cần thiết để đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ. Thông qua các chính sách thu hút, tuyển chọn và phát triển nguồn nhân lực kết hợp với phúc lợi, điều kiện làm việc cùng cơ hội thăng tiến, nhà trường hướng tới xây dựng một đội ngũ nhân sự ổn định và phát triển bền vững [H7.07.04.06].

Sự kết hợp của các nguồn thông tin này đảm bảo rằng kế hoạch đào tạo phản ánh chính xác nhu cầu thực tế và mục tiêu phát triển, từ đó nâng cao hiệu quả và chất lượng đào tạo.

Các bước lập kế hoạch bao gồm: Khảo sát nhu cầu đào tạo như thu thập thông tin về nhu cầu đào tạo từ các phòng, khoa và trung tâm; Phân tích nhu cầu dựa trên kết quả khảo sát, phân tích nhu cầu đào tạo cụ thể ; Lập kế hoạch xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng theo các lĩnh vực như lý luận chính trị, chuyên môn, ngoại ngữ, tin học và chuyển đổi số. Triển khai kế hoạch như thông báo, tổ chức các khóa bồi dưỡng và cử cán bộ tham gia đào tạo trong nước và quốc tế [H7.07.04.07].

Định kỳ giữa năm và cuối năm, cán bộ nhân viên được cử đi học sẽ báo cáo kết quả đào tạo cho Trường để giám sát và có biện pháp kịp thời xử lý. Cán bộ nhân viên được cử

đi học tập nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ học tập và áp dụng vào công tác hàng năm đều được Trường và Khoa thống kê thể hiện trong bảng 7.4 [H7.07.04.08].

Bảng 7.4. Thống kê số lượt NV hỗ trợ của Khoa CNTT được tập huấn, bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ

TT	Nội dung đào tạo	Số lượt CB tham dự					
		2018	2019	2020	2021	2022	2023
1	Tập huấn sáng kiến			1			
2	Bồi dưỡng giảng viên hạng III				1		
3	Nghiệp vụ công tác văn thư, lưu trữ					1	

Nguồn: Tổng hợp số liệu từ phòng Tổ chức - Hành chính Trường ĐH KTCN CT

2. Điểm mạnh

Trường có các kế hoạch để đánh giá nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV. Công tác đào tạo, bồi dưỡng NV luôn được Trường đầu tư và quan tâm. Bên cạnh cán bộ hỗ trợ của Khoa, còn có đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên của Nhà trường đảm bảo đủ về số lượng, có năng lực chuyên môn phù hợp, hỗ trợ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và NCKH tại trường.

Các khóa đào tạo được tổ chức với nhiều nội dung khác nhau, từ nghiệp vụ hành chính, an toàn lao động, kỹ năng mềm, đến bồi dưỡng chuyên môn, đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu phát triển của nhân viên.

3. Điểm tồn tại

Khảo sát việc áp dụng các nội dung đã được tập huấn vào công việc của nhân viên thực hiện chưa cụ thể. Việc hợp tác với các đơn vị đào tạo uy tín để nâng cao chất lượng khóa học và đảm bảo nhân viên tiếp cận với những kiến thức, kỹ năng tiên tiến nhất đạt hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Nhà trường tiếp tục giám sát, đánh giá hiệu quả của các loại hình đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ, các buổi tập huấn, tọa đàm, chuyên đề, phân tích, đối sánh mức độ tham dự để đánh giá, cải tiến.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm 2024 - 2025, Khoa đề xuất Trường có kế hoạch khảo sát việc áp dụng các nội dung tập huấn vào công việc của NV sau các đợt tập huấn.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Trường có quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, trong đó có các quy định về khen thưởng và công nhận nhằm đảm bảo công việc được thực hiện đúng tiến độ, hiệu quả và khuyến khích đội ngũ NV tích cực thi đua, làm việc, gồm: Nội quy lao động, quy định chi tiết về kỷ luật lao động, quy định về việc thực hiện báo cáo công việc hàng tuần, đánh giá công việc hàng tháng theo các tiêu chí để quản trị công việc của đội ngũ NV [H7.07.05.01], [H7.07.05.02].

Năng lực của đội ngũ NV được xác định dựa trên bản mô tả vị trí công việc, bao gồm năng lực của đội ngũ nhân viên được đánh giá dựa trên bản mô tả vị trí công việc, trong đó nêu rõ các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, và kinh nghiệm cần có. Bản mô tả này không chỉ giúp xác định tiêu chuẩn năng lực cho từng vị trí mà còn là cơ sở để đánh giá hiệu suất làm việc, từ đó hỗ trợ việc phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong tổ chức [H7.07.05.03].

Trường đã xây dựng hệ thống quản lý hành chính, giúp thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành và các nguồn lực cần thiết cho từng công việc. Hệ thống này giúp Phòng Tổ chức - Hành chính (TCHC) tổng hợp, giám sát và đánh giá các hoạt động công việc của đội ngũ NV. Qua đó, các cấp quản lý có thể theo dõi và điều chỉnh kịp thời, đảm bảo công việc diễn ra suôn sẻ và đúng tiến độ. Đồng thời, Trường có quy định về khen thưởng và công nhận đối với những NV hoàn thành tốt nhiệm vụ cụ thể trong Bản mô tả vị trí công việc [H7.07.05.04]. Danh sách nhân viên được khen thưởng đối với tập thể và cá nhân được thông báo cụ thể, rõ ràng, minh bạch, tạo sự tin tưởng, đồng thuận trong quá trình công tác của tập thể Trường [H7.07.05.05]. Thành tích của nhân viên hỗ trợ tại Khoa, được trình bày chi tiết trong bảng 7.5, đã đạt được kết quả đáng ghi nhận, phản ánh sự nỗ lực và hiệu quả trong công việc của đội ngũ này.

Bảng 7.5. Tổng hợp thành tích của NV hỗ trợ của Khoa CNTT

Năm	Tổng số NV	Lao động tiên tiến	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Nâng lương trước hạn	Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục
2019	5	5	1	2	0
2020	8	8	1	0	0
2021	6	5	2	0	0
2022	7	2	1	0	0
2023	12	11	2	0	0

Nguồn: Tổng hợp số liệu từ phòng Tổ chức - Hành chính Trường ĐH KTCN CT

Trường có triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV bằng nhiều biện pháp như đội ngũ thanh tra tiến hành kiểm tra, giám sát việc nghiêm túc chấp hành Nội quy lao động, việc tổ chức, thực hiện nhiệm vụ được phân công; thư ký, giáo vụ Khoa phải báo cáo hàng tuần, hàng tháng về cho Trường về tiến độ hoàn thành công việc.

Trường còn có cơ chế khen thưởng đột xuất, cụ thể như sau:

i) Thi đua - khen thưởng dành cho các cá nhân và tập thể đạt thành tích tốt trong năm học (Tập thể lao động xuất sắc/Tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen các cấp…);

ii) Khen thưởng đột xuất những cá nhân có thành tích nổi bật trong công tác và đạt thành tích tốt trong công tác thực hiện Mục tiêu chất lượng năm học [H7.07.05.05].

Tất cả NV có kế hoạch cụ thể trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết… để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Căn cứ vào những quy định của Nhà Trường về khối lượng công việc cụ thể đối với đội ngũ NV, các NV sẽ tự xây dựng kế hoạch, tiến độ hoàn thành công việc cho mình. Khi tiến độ công việc được thể hiện chi tiết, rõ ràng, NV sẽ có định hướng tốt hơn để hoàn thành công việc; ngoài ra, đó cũng là cơ sở tạo điều kiện cho cấp quản lý có thể theo dõi, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV. Từ đó, mỗi NV nghiêm túc thực hiện đúng kế hoạch theo nhiệm vụ của mình. Việc thực hiện các nhiệm vụ này được theo dõi, giám sát và đánh giá, góp ý các quy định của Nhà trường thông qua các báo cáo, biên bản [H7.07.05.06].

Để tất cả NV được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc, Nhà trường cũng ban hành Quy chế dân chủ tại Trường theo quy định của pháp luật, do đó tất cả NV và GV làm việc tại Trường đều được quyền giám sát, kiểm tra, đánh giá, phổ biến và góp ý trực tiếp (tổ chức họp lấy ý kiến) hoặc gián tiếp khi xây dựng, ban hành các quy định, tiêu chí, quy trình trước khi áp dụng tại trường; ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, thực hiện nhiệm vụ giáo dục theo mục tiêu, định hướng giáo dục đã đề ra; ngăn chặn và chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, phiền hà, sách nhiễu người học, gia đình SV và các đối tượng khác, tạo được sự hài lòng, tin tưởng trong quá trình công tác [H7.07.05.07].

Trong giai đoạn 2018 - 2023, Không có trường hợp nào khiếu nại về kết quả đánh giá hoặc xét thi đua khen thưởng. Hơn nữa, sự công nhận và khen thưởng hằng năm được triển khai chính là động lực cho cán bộ hỗ trợ tích cực hơn trong công tác. Đồng thời, các quy định/Quy chế của Nhà trường luôn được lấy ý kiến rộng rãi trong toàn bộ CB, NV , nhân viên hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền [H7.07.05.07].

2. Điểm mạnh

Các quy định của Trường về đánh giá, quản lý NV được quy định rõ ràng, công khai và có ghi nhận ý kiến đóng góp của người lao động. NV được tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng tiêu chí đánh giá của Trường.

3. Điểm tồn tại

Lịch công tác hàng tuần của đội ngũ nhân viên đã được lên kế hoạch nhưng vẫn chưa cụ thể, chi tiết. Ngoài ra, chưa có báo cáo công việc hàng tuần, dẫn đến hiệu quả công việc chưa được nâng cao như mong muốn.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Nhà trường tiếp tục nâng cao công tác quản lý cán bộ hỗ trợ có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng.

Các tiêu chí khen thưởng và công nhận được quy định rõ ràng, khuyến khích NV nỗ lực làm việc và đóng góp tích cực cho tổ chức.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Trường và Khoa nên đưa ra các yêu cầu cụ thể hơn để lịch công tác hàng tuần của đội ngũ nhân viên rõ ràng và chi tiết hơn, thuận lợi cho công tác giám sát, quản lý.

Áp dụng phương pháp đánh giá đa chiều, bao gồm đánh giá từ đồng nghiệp, cấp dưới và các bên liên quan để có cái nhìn toàn diện và chính xác hơn về hiệu quả công việc của NV.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Những điểm mạnh nổi bật

Trường có kế hoạch phát triển nhân sự và có chính sách phù hợp để thực hiện kế hoạch nâng cao chất lượng và số lượng đội ngũ nhân viên. Đội ngũ cán bộ thư viện, phòng thực nghiệm, CNTT và các bộ phận dịch vụ hỗ trợ người học đủ về số lượng, bằng cấp thích hợp và thành thạo nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT. Các tiêu chí tuyển chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng, có sự đóng góp ý kiến của CB-GV-NV và được phổ biến công khai trong toàn trường. Có quá trình, phương pháp, công cụ xác nhận và đánh giá năng lực đội ngũ NV với các tiêu chí cụ thể, minh bạch. Hoạt động đánh giá và phân loại đội NV hỗ trợ của Khoa đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Trường. Thực hiện xác định nhu cầu về đào tạo bồi dưỡng để triển khai kế hoạch và thực hiện đào tạo, bồi dưỡng hiệu quả theo nhu cầu. Có phân bổ ngân sách hoạt động, có quy định cụ thể về khối lượng công việc với NV và quy định về đánh giá mức độ hoàn thành công việc. Có triển khai đánh giá hiệu quả công việc của NV. Tất cả NV đều có bản mô tả công việc thể hiện rõ khối lượng và các nguồn lực cần thiết để thuận tiện cho việc theo dõi.

Những tồn tại cơ bản

Chưa phân tích sâu nhu cầu nhân lực dựa trên chiến lược của Trường và Khoa về mục tiêu ĐT, NCKH và hợp tác quốc tế. Chưa nhận được nhiều ý kiến đóng góp của CB-GV-NV cho quy định tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ nhân viên. Thiếu quy định để đánh giá chất lượng hoàn thành công việc của NV như đánh giá trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp,… vì thế, năng lực hiện nay của đội ngũ NV được đánh giá chỉ dựa vào khối lượng công việc hoàn thành. Công tác khảo sát nhu cầu ĐT, bồi dưỡng hiện nay đang được thực hiện chung cho các đối tượng có những nhu cầu khác nhau là CB-GV-NV nên kết quả đem lại sau khảo sát có một số nội dung chưa thực sự hợp lý. Công tác quản trị theo kết quả công việc chưa dựa trên các tiêu chí đánh giá chất lượng cụ thể, dẫn đến việc khen thưởng và công nhận chưa đảm bảo được sự công bằng giữa các nhân viên.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn

Có 5/5 tiêu chí đạt điểm 5,0. Mức trung bình của tiêu chuẩn đạt: 5,0 điểm; Số tiêu chí đạt: 5/5; Tỷ lệ tiêu chí đạt: 100%

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu: Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ nhận định chất lượng của NH là yếu tố quyết định tới sự phát triển của nhà trường và chất lượng của CTĐT. Với mục đích đào tạo ra nguồn nhân lực ngành KHMT, Khoa Công nghệ thông tin Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ luôn xác định NH và hoạt động hỗ trợ NH là trọng tâm trong việc tổ chức và thực hiện hoạt động của Khoa. Trường và Khoa đã xây dựng và từng bước cải tiến công tác tuyển sinh, nâng cao hoạt động quản lý hoạt động học tập và rèn luyện của NH, đẩy mạnh hoạt động hoạt động hỗ trợ NH, tạo môi trường học tập thân thiện, tích cực, năng động.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Hằng năm, Trường thành lập HĐTS bao gồm các trưởng/phó phụ trách phòng ban và khoa có trách nhiệm tổ chức triển khai công tác tuyển sinh của Trường [H8.08.01.01]. Theo đó, Trường cũng thành lập 01 Ban truyền thông, tư vấn và hướng nghiệp tuyển sinh để thực hiện công tác tuyển sinh theo kế hoạch [H8.08.01.02]. Dựa trên các quy định về tuyển sinh của Bộ GD&ĐT [H8.08.01.03] và thông qua biên bản các cuộc họp của HĐTS để xây dựng các chính sách tuyển sinh của Trường. Tuy nhiên, kể từ năm 2022, HĐTS Trường đã thành lập thêm Ban thư ký HĐTS có nhiệm vụ giúp việc cho HĐTS (thông qua các biên bản họp) để thực hiện công tác xây dựng chính sách tuyển sinh theo đúng quy chế hiện hành của Bộ GD&ĐT [H8.08.01.04].

Giai đoạn 2018 - 2023, Trường thực hiện chính sách tuyển sinh thông qua xây dựng các đề án tuyển sinh và được Hiệu trưởng ký ban hành. Trong đề án tuyển sinh thể hiện rõ

các nội dung như: đối tượng tuyển sinh, phạm vi tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, thời gian tuyển sinh, ... và đặc biệt là thông tin về các ngành nghề đào tạo của Trường nói chung và ngành KHMT nói riêng đều ghi rất đầy đủ và cụ thể nhằm đảm bảo cung cấp đến thí sinh và phụ huynh một cách chi tiết nhất. Bên cạnh đó, chính sách và quy định về tuyển sinh của Trường và Khoa đều được cập nhật hằng năm để phù hợp với yêu cầu của Bộ GD&ĐT và xu thế tuyển sinh chung của các trường ĐH trong cả nước. Phương thức tuyển sinh thay đổi theo từng năm, từ 01 phương thức trong năm 2018 là xét kết quả thi tốt nghiệp THPT; 02 phương thức trong năm 2019, 2020 là xét kết quả thi tốt nghiệp THPT và xét kết quả học tập cấp THPT; từ năm 2021 đến 2023 Trường xét tuyển theo 04 phương thức bao gồm các hình thức: xét kết quả thi tốt nghiệp THPT, xét kết quả học tập cấp THPT, sử dụng thi đánh giá năng lực do đơn vị khác để xét tuyển và xét tuyển thẳng [H8.08.01.05].

Qua đó, NH của ngành KHMT được xét tuyển hằng năm thông qua 3 hình thức chính là: xét kết quả thi tốt nghiệp THPT, xét kết quả học tập cấp THPT và sử dụng thi đánh giá năng lực do đơn vị khác để xét tuyển. Chế độ ưu tiên trong tuyển sinh ngành KHMT (điểm, đối tượng ưu tiên…) được thực hiện theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

Bảng 8.1.1 Hình thức xét tuyển và điểm tuyển sinh ngành KHMT qua các năm từ 2018 - 2023 [H8.08.01.05]

Phương thức tuyển sinh	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Xét kết quả học tập cấp THPT	Điểm xét từ kỳ thi đánh giá năng lực
Năm 2018 - 2019	14.5	-	-
Năm 2019 - 2020	13.5	18	-
Năm 2020 - 2021	19.7	18	-
Năm 2021 - 2022	23.25	18.5	-
Năm 2022 - 2023	24.15	23.4	738

(Nguồn: Phòng Đào tạo, 2023)

Trường và Khoa CNTT thực hiện việc công bố công khai chính sách và quy định tuyển sinh về đối tượng tuyển sinh, quy trình xét tuyển, đánh giá đầu vào, các chính sách ưu đãi trên các phương tiện thông tin đại chúng như: truyền hình, trang thông tin điện tử của Trường và Khoa, cẩm nang Tư vấn tuyển sinh của Trường, tờ rơi tuyển sinh, video tuyển sinh.... Trường thực hiện các chính sách thu hút NH thông qua các chương trình khen thưởng thủ khoa đầu vào, trao học bổng khuyến học, khuyến tài. Kết nối tham dự các chương trình giao lưu sinh viên ở các nước ASEAN; sinh viên ra trường được Nhà trường giới thiệu việc làm hoàn toàn [H8.08.01.06], [H8.08.01.07].

Nhằm tăng hiệu quả của công tác tuyển sinh, dựa trên đề án tuyển sinh của nhà trường, phòng ĐT, Ban thư ký HĐTS, phòng CTCT&QLSV và các Khoa xây dựng kế hoạch tuyển sinh, tích cực phối hợp cùng Ban truyền thông, tư vấn và hướng nghiệp tuyển

sinh của Trường để triển khai kế hoạch tư vấn vấn tuyển sinh thông qua những hoạt động cụ thể: i) Thiết lập đội ngũ tuyển sinh với thành phần đa dạng, gồm: GV cơ hữu, cán bộ, chuyên viên các phòng ban, sinh viên; ii) Xây dựng tài liệu tuyển sinh có các ngành học của Khoa Công nghệ thông tin với nội dung đa dạng, phong phú như: video giới thiệu các ngành, tờ rơi, cẩm nang tuyển sinh; iii) Tham gia hoạt động tư vấn tuyển sinh thông qua các chương trình giao lưu, hội thảo tư vấn tuyển sinh cùng các trường ĐH, Cao đẳng; trong các buổi tham quan Trường của học sinh THPT trong địa bàn thành phố và các tỉnh [H8.08.01.08].

Bảng 8.1.2 Thống kê số lượng chỉ tiêu tuyển sinh và số thí sinh trúng tuyển và số lượng NH nhập học ngành KHMT [H8.08.01.09]

Năm học	Số lượng chỉ tiêu tuyển sinh ngành KHMT	Số lượng NH nhập học chính thức
2018 - 2019	50	68
2019 - 2020	70	65
2020 - 2021	60	63
2021 - 2022	60	61
2022 - 2023	60	63

(Nguồn: Phòng Đào tạo, 2023)

Kết thúc mỗi đợt tuyển sinh, Nhà Trường đều thực hiện báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh từ việc xây dựng kế hoạch đến khi hoàn thành công tác tuyển sinh [H8.08.01.09]. Trong đó, việc xây dựng các chính sách tuyển sinh thông qua khảo sát ý kiến của tân SV trong giai đoạn năm 2015 – 2020, đặc biệt là trong năm 2020 có đa số SV hài lòng về các hoạt động của công tác tuyển sinh (83,49%) được đánh giá là kịp thời, tiện lợi, hiệu quả, góp phần tích cực vào kết quả tuyển sinh tăng trưởng tích cực qua từng năm của Trường [H8.08.01.10] và thông qua khảo sát ý kiến của cán bộ viên chức Trường – các thành viên tham gia trực tiếp công tác tuyển sinh nhằm đút kết kinh nghiệm, phát huy những mặt mạnh, khắc phục những điểm còn hạn chế để hoàn thiện công tác tuyển sinh trong những năm tiếp theo được thể hiện trong Hội nghị công tác tuyển năm 2023 và phương hướng tuyển sinh các năm 2024, 2025 [H8.08.01.11]. Bên cạnh đó, dựa trên việc khảo sát lấy ý kiến người đang làm việc tại các cơ quan doanh nghiệp, sở ban ngành trong báo cáo phân tích và dự báo nhân lực ngành nghề đào tạo của Trường, của thành phố Cần Thơ và vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2020-2025, đến 2030 với mức độ cần thiết các ngành đào tạo của Trường (22 ngành đào tạo) thì có tới 81,8% ý kiến là rất cần thiết và 18,2% là cần thiết, đây là một động lực để Nhà trường có những điều chỉnh, cải tiến, cập nhật chính sách tuyển sinh phù hợp nhằm nâng cao tuyển sinh về số lượng cũng như chất lượng [H8.08.01.12].

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng. Trường sử dụng nhiều nhiều phương thức tuyển sinh giúp cho thí sinh dễ dàng tiếp cận thông tin và có nhiều cơ hội trong việc nâng cao trình độ chuyên môn nhằm hỗ trợ trong quá trình làm việc.

Hằng năm, Nhà trường tổ chức họp tổng kết công tác tuyển sinh, trong đó tiếp thu ý kiến góp ý, trao đổi, thảo luận của các đơn vị và CB, GV tham gia công tác tuyển sinh của Trường.

3. Điểm tồn tại

Chưa khai thác triệt để kênh thông tin từ các cựu SV và NTD trong việc quảng bá rộng rãi hơn nữa thông tin tuyển sinh của Khoa/Trường.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Trường và Khoa CNTT tiếp tục cải tiến chính sách và quy định về tuyển sinh phù hợp theo quy định hiện hành.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 – 2025, ngoài việc khảo sát thêm nhu cầu nguồn nhân lực của NTD, Khoa/Trường cần quảng bá rộng rãi thông tin tuyển sinh nhằm tận dụng hiệu quả kênh truyền thông từ các đối tượng này như giới thiệu đầy đủ, chi tiết và tích cực về Khoa. Từ đó, các cựu SV và NTD có sự hiểu biết sâu sắc và ấn tượng tốt về Khoa, chuyên ngành ĐT và họ sẵn sàng truyền thông cho Khoa/Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Trường thực hiện chính sách tuyển sinh, tổ chức thi và xét tuyển người học theo quy chế tuyển sinh ĐH hằng năm của Bộ GD&ĐT [H8.08.02.01]. Các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh được xác định rõ ràng và được kiểm tra, đánh giá hằng năm để tuyển chọn người học có năng lực phù hợp với ngành nghề đào tạo. Quá trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được tuân thủ theo đề án tuyển sinh [H8.08.02.02] và Trường cũng đã xây dựng kế hoạch tuyển sinh để đảm bảo thực hiện công tác tuyển sinh theo đúng các văn bản hướng dẫn, quy định, quy chế của Bộ GD&ĐT [H8.08.02.03].

Trong giai đoạn trước năm 2019, Trường chỉ áp dụng 01 phương thức tuyển sinh dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT với mục tiêu chọn người học phù hợp với từng CTĐT và áp dụng thống nhất chung cho chương trình giảng dạy. Hiện nay, Trường thực hiện tuyển sinh theo 4 phương thức như sau: xét kết quả thi tốt nghiệp THPT, xét kết quả học tập cấp THPT, sử dụng thi đánh giá năng lực do đơn vị khác để xét tuyển và xét tuyển thẳng. Trong mỗi phương thức sẽ xét theo các tiêu chí cụ thể được quy định tại Mục 2 trong đề án tuyển sinh hằng năm [H8.08.02.02]. Các tổ hợp môn xét tuyển các ngành đào tạo của

trường được thông báo chi tiết, công khai và minh bạch trên website để các thí sinh được lựa chọn theo đúng sở trường của mình; các dữ liệu về số lượng tuyển sinh và điểm chuẩn xét tuyển hằng năm cũng được Trường cập nhật cụ thể trên website [H8.08.02.04].

Sau mỗi đợt tuyển sinh, dựa vào bảng số liệu tuyển sinh và CSDL về công tác tuyển sinh HĐTS của Trường có những buổi họp để phân tích đánh giá kết quả tuyển sinh, từ đó đề ra các giải pháp tuyển sinh tốt hơn trong các năm tiếp theo [H8.08.02.05], [H8.08.02.06]. Trong báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh hằng năm của Trường luôn có sự đối sánh kết quả so với chỉ tiêu đã xác định, phân tích số liệu tuyển sinh và nhập học, so sánh số liệu tuyển sinh của các ngành đào tạo và các CTĐT, rà soát và đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học để đề xuất các biện pháp nhằm cải tiến và nâng cao hiệu quả của công tác tuyển sinh của năm tiếp theo cũng như khắc phục các tồn tại của quá trình thực hiện công tác tuyển sinh, trong đó có tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học [H8.08.02.07]. Bên cạnh đó, Trường còn tổ chức khảo sát lấy ý kiến của SV năm nhất về công tác tuyển sinh với tỷ lệ hài lòng đều trên 70% vào các năm 2015, 2016, 2017, 2018 và đặc biệt vào năm 2019 tỷ lệ hài lòng đạt 83,49%. Ngoài công tác khảo sát lấy ý kiến SV từ năm 2023 trở đi HĐTS còn tổ chức hội nghị thảo luận lấy ý kiến của cán bộ viên chức Trường – các thành viên tham gia trực tiếp công tác tuyển sinh làm cơ sở để rà soát, đánh giá, điều chỉnh các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được phù hợp hơn, công bằng và có chất lượng hơn [H8.08.02.08].

2. Điểm mạnh

Trường xác định tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học rõ ràng, khách quan đảm bảo tuân thủ các quy định của Bộ GD&ĐT. Việc đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được tiến hành định kỳ để có những điều chỉnh nâng cao thế mạnh, đồng thời phù hợp với đặc thù của từng ngành đào tạo của Trường.

Hằng năm, Nhà trường rà soát các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn người học và trên cơ sở đó có những điều chỉnh kịp thời để nâng cao chất lượng tuyển sinh. Kết quả tuyển sinh của Nhà trường luôn đạt chỉ tiêu đề ra, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của Trường.

3. Điểm tồn tại

Điểm tuyển sinh đầu vào có cải thiện so với các năm trước, tuy nhiên điểm chất lượng đầu vào ngành KHMT vẫn chưa cao như các trường đại học danh tiếng trên địa bàn.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Hằng năm Trường và Khoa CNTT cải tiến các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn người học và trên cơ sở đó có những điều chỉnh kịp thời để nâng cao chất lượng tuyển sinh.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Nhà trường đa dạng hóa các phương thức tuyển sinh đồng thời tăng cường công tác truyền thông nhằm cải thiện điểm chuẩn đầu vào của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Trường có ban hành Quy định về công tác phục vụ, hỗ trợ, giám sát người học; tổ chức hoạt động phục vụ, hỗ trợ NH; trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong tổ chức và hoạt động phục vụ, hỗ trợ, giám sát NH của Trường. Trong đó, việc tổ chức giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH được phân công cho các phòng ban như: Phòng ĐT, Phòng CTCT&QLSV, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL, Công đoàn và đoàn thể tổ chức thực hiện. [H8.08.03.01].

Năm học đầu tiên, Phòng ĐT và Phòng CTCT&QLSV phối hợp với các Khoa tổ chức Tuần sinh hoạt công dân - HSSV để hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ thông tin cho NH trong quá trình học tập tại Trường. NH tham dự Lễ đón tân sinh viên do Trường, Khoa tổ chức và được giới thiệu tổng quan về các phòng ban hỗ trợ công tác quản lý học tập và rèn luyện của Trường, tổng quan về Khoa, đội ngũ GV cơ hữu của Khoa, CVHT của từng lớp, tổng quan về CTĐT ngành KHMT và phương pháp học tập ở môi trường ĐH, xác định được kế hoạch học tập phù hợp để hoàn thành khối lượng học tập cần thiết trong từng năm học [H8.08.03.02].

Đội ngũ CVHT tại Khoa Công nghệ thông tin được thiết lập gồm các GV cơ hữu của Khoa. Nội dung CVHT sinh hoạt lớp hàng tháng được phòng CTCT&QLSV gửi tới các Khoa trong tuần đầu tiên mỗi tháng bao gồm những vấn đề học vụ do các phòng chức năng tổng hợp. Trưởng Khoa phân công một GV phụ trách công tác CVHT triển khai thực hiện nội dung sinh hoạt CVHT. Mỗi CVHT duy trì lịch sinh hoạt CVHT với NH hàng tháng, đảm bảo thực hiện 05 buổi sinh hoạt CVHT trong một học kỳ để hỗ trợ và tư vấn về quy định và hoạt động của Trường/Khoa, tiến độ CTĐT và giải đáp thắc mắc học vụ của SV. Trường hợp có những vấn đề thắc mắc, kiến nghị của NH cần giải quyết ngay, CVHT phụ trách tại Khoa tổng hợp báo cáo và gửi tới các đơn vị liên quan để giải quyết kịp thời cho NH. CVHT thực hiện việc giám sát quá trình học tập và rèn luyện của NH để kịp thời tư vấn cho NH thực hiện đúng tiến độ của CTĐT [H8.08.03.03], [H8.08.03.04]. Bên cạnh đó, Trường đã ban hành và thông báo Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ đến các đơn vị trên cổng thông tin điện tử và website Phòng TT-PC-KT-ĐBCL để triển khai thực hiện và giáo vụ Khoa cũng tham gia hỗ trợ, tư vấn NH giải quyết học vụ và phối hợp với các phòng ban liên quan của Trường để giải quyết vấn đề học vụ cho NH [H8.08.03.05]. Trên cơ sở CTĐT và kế hoạch do phòng ĐT công bố trong đó có nội dung rõ ràng và thời gian để NH thực hiện ở mỗi học kỳ

[H8.08.03.06], các Bộ môn, giáo vụ Khoa phối hợp xây dựng kế hoạch phân công giảng viên giảng dạy phù hợp với từng chuyên môn, giúp NH đăng ký và có điều kiện tốt hoàn thành CTĐT đúng thời hạn quy định chi tiết các công tác này đều được thể hiện trong báo cáo công tác đào tạo năm học và phương hướng năm tiếp theo của phòng ĐT [H8.08.03.07]. Trong giai đoạn đánh giá, Trường xây dựng và ban hành quy trình quy định đánh giá kết quả học tập, rèn luyện cũng như theo dõi, giám sát sự tiến bộ trong học tập, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH [H8.08.03.08]. Phòng TT-PC-KT-ĐBCL tổng hợp ghi nhận của GV giảng dạy ở từng buổi giảng để thống kê SV vắng học thường xuyên, từ đó thông tin cho CVHT và phụ huynh để tìm hướng giải quyết phù hợp nhằm mục tiêu hỗ trợ nâng cao kiến thức và kết quả học tập của NH. Ngoài ra, Trường còn gửi thư cảnh báo kết quả học tập cho NH và phụ huynh nếu kết quả bị yếu kém và có thể ảnh hưởng đến việc ra trường của NH. Mục tiêu của công tác này chỉ để nhắc nhở, đôn đốc sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện tại Trường [H8.08.03.09]. Định kỳ hằng năm, BGH, Ban chủ nhiệm khoa và Phòng CTCT&QLSV tổ chức hội nghị Ban Giám hiệu gặp gỡ sinh viên để trực tiếp giải đáp các thắc mắc của NH, đề xuất các biện pháp hỗ trợ NH [H8.08.03.10].

Việc học tập và rèn luyện của NH được thực hiện nghiêm túc theo Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quy chế đào tạo của Trường. Khối lượng học tập được quy định cụ thể trong CTĐT khung của Khoa sẽ được phân bổ theo giai đoạn từng năm học, từng học kỳ, kết quả học tập, rèn luyện của từng NH có thể tra cứu trên phần mềm quản lý đào tạo được triển khai thông qua Quyết định quy định vận hành, khai thác HTTT của Trường [H8.08.03.11], [H8.08.03.12]. Theo đó, Trường cũng có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học qua hệ thống cơ sở dữ liệu trên phần mềm bao gồm: hồ sơ thông tin của NH, các thông báo của Trường, thời khoá biểu, lịch học, lịch thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, thông báo công nợ,... ngoài ra, NH có thể xác định kế hoạch học tập của từng học kỳ và theo dõi tiến độ hoàn thành khối lượng học tập và rèn luyện của bản thân theo từng giai đoạn đào tao và GV cũng có thể tham gia giám sát sự tiến bộ trong quá trình học tập của NH qua các buổi học, điểm thường kỳ, điểm giữa kỳ và điểm cuối kỳ [H8.08.03.13].

2. Điểm mạnh

Trường có phân công trách nhiệm rõ ràng cho Phòng ĐT giám sát về kết quả học tập của SV; Phòng CTCT&QLSV giám sát kết quả rèn luyện của SV; các Khoa đồng thời giám sát kết quả học tập và rèn luyện của SV do Khoa quản lý; ở lớp học, CVHT giám sát kết quả học tập và rèn luyện của SV được phân công phụ trách.

Trường có cơ chế và hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của người học. Các đơn vị, cá nhân được phân công cụ thể để hỗ trợ SV.

Cơ sở dữ liệu về sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện được quản lý đồng bộ thông qua việc áp dụng công nghệ giúp mang lại hiệu quả cao nhất và được sử dụng để cải tiến nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ.

Các biện pháp khắc phục nhằm giảm thiểu tỷ lệ bỏ học, nâng cao KQHT và rèn luyện của SV được áp dụng và điều chỉnh phù hợp. Nhờ đó, tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp của SV được cải thiện.

3. Điểm tồn tại

Việc tổ chức hội nghị CVHT toàn trường chưa được duy trì định kỳ thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Phát huy hơn nữa hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá đa dạng sao cho phản ánh đúng sự tiến bộ của NH trong rèn luyện và học tập.

Hằng năm Trường và Khoa CNTT cải tiến văn bản của Trường quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của SV; đồng thời nâng cấp phần mềm quản lý giáo dục để quản lý hiệu quả hơn kết quả học tập và rèn luyện của SV.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Trường, Phòng CTCT&QLSV thường xuyên tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng cho CVHT và dành thời gian để CVHT tăng cường giám sát, hỗ trợ NH. Hoàn thiện hơn nữa hệ thống giám sát NH.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Trường và Khoa có các bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của NH.

i) Về trách nhiệm tư vấn học tập, các phòng ban như Phòng ĐT, Phòng CTCT&QLSV được phân công quản lý việc học tập và rèn luyện của NH trong toàn trường. Khoa trực tiếp quản lý NH thông qua hoạt động của CVHT và giáo vụ khoa [H8.08.04.01].

ii) Về hoạt động ngoại khóa, thi đua, Lãnh đạo Khoa, CVHT, đội ngũ GV phối hợp với Đoàn Khoa và Đoàn Trường để tổ chức và triển khai các hoạt động ngoại khóa cho NH [H8.08.04.02].

iii) Về các dịch vụ hỗ trợ khác cho NH, Trường phân công bộ phận thư viện hỗ trợ NH trong việc tra cứu và tìm kiếm các tài liệu học tập cần thiết tại thư viện và hướng dẫn sử dụng tài liệu trang thư viện số, tài liệu điện tử liên kết với Trung tâm học liệu trường

Đại học Cần Thơ. Qua đó, NH có thể chủ động học tập và tự tích lũy các kiến thức để cải thiện quá trình học tập của mình [H8.08.04.03].

Phòng CTCT&QLSV kết hợp với đoàn Trường và các Khoa đảm trách hoạt động liên kết với các doanh nghiệp để hỗ trợ giới thiệu việc làm cho NH sau khi tốt nghiệp. Phòng CTCT&QLSV cũng là đơn vị quản lý vận hành cổng thông tin việc làm, tư vấn giới thiệu việc làm cho SV, lập kế hoạch phối hợp tổ chức tập huấn kỹ năng tìm việc cho SV [H8.08.04.04], [H8.08.04.05]. Đồng thời, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL đảm nhiệm việc tổ chức thực hiện, khảo sát đánh giá và báo cáo kết quả về tình hình việc làm của sinh viên: hợp tác đào tạo với doanh nghiệp, giới thiệu SV thực tập, kiến tập; khảo sát và báo cáo nhu cầu tìm việc và tình hình việc làm của SV; đánh giá của doanh nghiệp về chất lượng của SV thực hành, thực tập; Đánh giá của nhà tuyển dụng về chất lượng của SV sau khi tốt nghiệp. Trong báo cáo ngày 30/12/2023 về tình hình việc làm của SV tốt nghiệp ngành KHMT năm 2022 có 36/36 (đạt 100%) ý kiến SV trả lời có việc làm chiếm 32/35 (đạt 91,67%), trong đó có việc làm đúng ngành đào tạo 13/36 (đạt 36,11%); liên quan đến ngành đào tạo 12/36 (đạt 33,33%); không liên quan đến ngành đào tạo 7/36 (đạt 19,44%); tiếp tục học nâng cao trình độ 1/36 (đạt 2,78%); chưa có việc làm 3/36 (đạt 8,33%). Với kết quả này cho thấy tỷ lệ làm đúng chuyên ngành cao hơn nhiều so với năm 2021 (có việc làm 19/21 – tỷ lệ 90,48%), điều đó thể hiện các chính sách hỗ trợ NH của Trường đã có phát huy hiệu quả [H8.08.04.06], [H8.08.04.07].

Hằng năm, Trường và Khoa có kế hoạch triển khai nhiều hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khoá, hoạt động thi đua và các dịch vụ để giúp cải thiện việc học tập của NH như: tham quan nhà máy sản xuất, ngày hội việc làm, phỏng vấn tuyển dụng nhân lực, huấn luyện kỹ năng hội nhập việc làm, qua đó xây dựng thương hiệu trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ đến doanh nghiệp và cộng đồng. Trong đó, đội ngũ CVHT giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Đội ngũ CVHT là cầu nối hiệu quả giữa Trường và Khoa trong giám sát việc học tập của NH, đồng thời nắm bắt tâm tư nguyện vọng, ưu, nhược điểm của NH để định hướng NH tham gia những hoạt động phù hợp của Trường/Khoa, tạo nên tập thể lớp đoàn kết, năng động và cùng tiến bộ. Để thực hiện thống nhất trong toàn trường, hàng tháng, Trường đã ban hành Nội dung sinh hoạt CVHT bao gồm các chủ điểm quan trọng, các lưu ý về hoạt động học tập, hoạt động ngoại khoá, hoạt động thi đua và các hoạt động khác do các phòng ban chức năng cung cấp như: Phòng ĐT, Phòng CTCT&QLSV, Tổ Y tế… làm cơ sở cho CVHT sinh hoạt với NH [H8.08.04.08].

Trong giai đoạn đánh giá, Đoàn thanh niên triển khai các chương trình hỗ trợ NH nhằm cung cấp cho NH những hiểu biết về tổ chức, hoạt động và tiêu chí tuyển dụng của các cơ quan, các tổ chức ngành nghề. Qua đó, giúp NH phát huy khả năng sáng tạo, có định hướng nghề nghiệp trong tương lai, có kế hoạch phấn đấu trong quá trình học tập, cũng như tăng niềm đam mê và tình yêu đối với chuyên ngành được đào tạo, tạo động lực

trong học tập cho NH [H8.08.04.09]. Ngoài ra, Khoa kết hợp với Đoàn thành niên, các Hội sinh viên của Trường xây dựng tổ chức và triển khai nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua để cải thiện việc học, tạo sân chơi và rèn luyện cho NH, thu hút sự sự tham gia nhiệt tình và tích cực của NH ngành KHMT nói riêng và Trường nói chung. Trong đó, Liên chi hội sinh viên khoa CNTT, Đoàn Khoa CNTT, Ban cán sự lớp, Bí thư Chi đoàn lớp chính là "cánh tay nối dài" kết nối thông tin giữa Trường, Khoa với NH [H8.08.04.10], [H8.08.04.11]. Trên cơ sở tổng kết các hoạt động này, Trường có chính sách học bổng để hỗ trợ và khen thưởng, tuyên dương "sinh viên 5 tốt", Ban cán sự lớp, Bí thư Chi đoàn lớp hoàn thành tốt nhiệm vụ [H8.08.04.12]. Phòng CTCT&QLSV là đơn vị chịu trách nhiệm trong việc phối hợp với các Khoa triển khai các hoạt động hỗ trợ việc làm và tổ chức ngày hội việc làm cho SV. Bên cạnh đó, Phòng CTCT&QLSV còn phối hợp các khoa mời các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng tổ chức các buổi chuyên đề giới thiệu, tư vấn việc làm cho SV. Ngoài ra, Trường, Khoa CNTT còn triển khai nhiều hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học hiệu quả như: hội thảo tư vấn việc làm, tư vấn hướng nghiệp, tham quan thực tế nhà máy, công ty, xí nghiệp, … nhằm nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ việc làm cho người học [H8.08.04.13], [H8.08.04.14].

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường và Quy định về khảo sát các bên liên quan, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL triển khai kế hoạch khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó có nội dung khảo sát hiệu quả của hoạt động tư vấn, phục vụ, hỗ trợ người học, phục vụ cộng đồng [H8.08.04.15]. Trong Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi năm 2023 về mức độ hài lòng của SV, cựu SV về chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, với khoảng 70% ý kiến SV hài lòng đối với các hoạt động phục vụ và kết nối cộng đồng, hỗ trợ người học, công tác nghiên cứu khoa học, quản lý tài sản trí tuệ và hệ thống hợp tác của Trường và khoảng 84,4% ý kiến cựu SV hài lòng về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ, hệ thống giám sát người học. Điều đó cho thấy, các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học của Nhà trường luôn đáp ứng tốt nhu cầu của NH [H8.08.04.16]. Bên cạnh đó, Nhà Trường còn tổ chức lấy ý kiến của CB, GV, NV tại Hội nghị viên chức, công chức, người lao động hằng năm cũng như ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hằng năm đều thể hiện sự hài lòng đối với hoạt động tư vấn, phục vụ, hỗ trợ người học của Nhà trường [H8.08.04.17], [H8.08.04.18].

2. Điểm mạnh

Trường có văn bản quy định các đơn vị, bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác cũng như chịu trách nhiệm tư vấn việc làm cho NH.

Trường và Khoa có nhiều hoạt động ngoại khóa mang tính học thuật, phát triển kỹ năng giúp NH tăng trải nghiệm thực tế.

Trường và Khoa có mối quan hệ, kết nối với doanh nghiệp tốt, từ đó hỗ trợ hiệu quả NH trong việc kiến tập, thực tập và tăng cơ hội việc làm.

Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập của NH.

Khoa CNTT có kế hoạch và triển khai nhiều hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm cho NH.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn một số hoạt động phong trào chưa thu hút đông đảo NH tham gia.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Hằng năm Trường và Khoa CNTT tăng cường nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, tư vấn hỗ trợ học tập, việc làm giúp NH nâng cao thành tích học tập, nâng cao kỹ năng mềm, kỹ năng nghề, tự tin.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Phòng CTCT&QLSV phối hợp Đoàn TN, Hội SV, các Khoa đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng nhằm thu hút đông đảo SV tham gia, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của NH.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Mô tả hiện trạng

Trường và Khoa CNTT luôn tạo dựng được môi trường tâm lý xã hội thuận lợi và môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để GV, NV và NH thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Khoa CNTT có diện tích 128 m^2 được bố trí tại cơ sở I, đây cũng chính là nơi đặt các đơn vị hành chính của Trường thuộc phường An Hòa, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ. Cơ sở I được đầu tư cơ sở hạ tầng khang trang, hiện đại gồm: hội trường, thư viện với hệ thống kho mở có nhiều đầu sách, khu tự học với phòng làm việc nhóm, phòng đọc, phòng máy tính tra cứu thông tin [H8.08.05.01].

Trường đã ban hành bộ Quy tắc ứng xử cho SV, trong đó nhấn mạnh đến quy tắc ứng xử của SV đối với GV, NV và trang phục, tác phong trong môi trường sư phạm tạo nề nếp, trật tự, quy định trong Trường. Thông qua giao tiếp lịch sự, tôn trọng của Ban chủ nhiệm Khoa, GV, giáo vụ Khoa với NH tạo ra môi trường thân thiện, gần gũi với NH khiến NH thêm tin yêu và tự hào về Khoa, Trường [H8.08.05.02]. Hằng năm, Công đoàn Trường còn kết hợp với các phòng ban khác trong Trường tổ chức các hoạt động xã hội như: diễu hành, góp quỹ tấm lòng vàng, quỹ vì người nghèo, từ thiện và thu hút sự tham gia của CB,

NV, GV với mục tiêu lá lành đùm lá rách để chăm lo nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho NH, NV Trường và người dân có hoàn cảnh khó khăn [H8.08.05.03].
Đoàn Trường cùng với các Khoa thành lập các CLB ngoại khóa với những hoạt động sôi nổi để thu hút sự tham gia của NH. Thông tin về các CLB được lập kế hoạch chi tiết, rõ ràng và có báo cáo kết quả trong quá trình hoạt động để tạo môi trường lành mạnh cho NH vui chơi và rèn luyện sau các giờ học căng thẳng [H8.08.05.04].

Trường đã xây dựng các mục tiêu, chỉ tiêu đầu tư về cảnh quan môi trường, sức khỏe, an toàn và tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH được thể hiện rõ trong Đề án thành lập Trường, Chiến lược Nhà trường giai đoạn 2020-2025 định hướng đến năm 2030, trong các kế hoạch năm học của Trường và trong dự án xây dựng nhà học 01 trệt 06 lầu [H8.08.05.05], [H8.08.05.06]. Bên cạnh đó, các nội dung đầu tư về môi trường, sức khỏe, an toàn còn nhằm mục tiêu tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và được thể hiện trong Kế hoạch về CSVC của Trường giai đoạn 2020-2025 cũng như kế hoạch từng năm học của Phòng QT-TB [H8.08.05.07], [H8.08.05.08].

Hằng năm, Nhà trường đều có xem xét nhu cầu về môi trường, sức khỏe, an toàn của NH và được trình bày trong cuộc họp đầu năm học của BGH với lãnh đạo các đơn vị [H8.08.05.09]. Theo đó, Trường hợp đồng với Công ty CP ĐTPT Giáo dục TPN, công ty TNHH một thành viên XD-TM-DV Thành Đồng cung cấp dịch vụ vệ sinh cho toàn Trường để hỗ trợ vệ sinh các phòng học, nhà vệ sinh, khuôn viên Trường nhằm làm đẹp thêm cảnh quan cho Nhà trường tạo môi trường làm việc sạch sẽ, thân thiện [H8.08.05.10]. Bên cạnh đó, Trường còn lắp đặt hệ thống camera trong khuôn viên để tăng cường an ninh, an toàn tài sản cho Trường và toàn thể CB, GV, NV, SV của Trường [H8.08.05.11]. Các dãy phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng của Trường đều được trang bị hệ thống bình chữa cháy đầy đủ và lối thoát hiểm rõ ràng [H8.08.05.12]. Nhà trường có Bộ phận y tế học đường trực thuộc Phòng CTCT&CTSV phụ trách việc chăm sóc sức khỏe cho GV và NH. Nhân sự đảm nhiệm công tác y tế của Trường thường xuyên tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng nhằm nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ chăm sóc y tế cho CB, GV, NV, SV của Trường [H8.08.05.13]. Ngoài ra, Bộ phận y tế học đường còn đảm nhiệm các công tác: quản lý cấp phát thuốc, thẻ BHYT và quản lý báo cáo công tác khám sức khỏe đầu năm cho SV, tuyên truyền, giáo dục, tư vấn các vấn đề liên quan đến sức khỏe, tổ chức thực hiện vệ sinh học đường, vệ sinh môi trường, phòng chống các bệnh dịch, bệnh tật học đường, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống HIV/AIDS, các bệnh xã hội và các hoạt động khác về y tế trường học, phối hợp với cơ sở y tế địa phương và các ngành liên quan trong việc triển khai, thực hiện các hoạt động y tế trường học và các hoạt động y tế khác [H8.08.05.14]. Mỗi năm, căn cứ nhu cầu đề xuất về kinh phí của Phòng CTCT&QLSV và Phòng QT-TB về đầu tư môi trường, sức khỏe, an

toàn của người học, Nhà trường đã dành kinh phí cho công tác này và được thể hiện trong báo cáo kinh phí đầu tư giai đoạn 2015-2019, báo cáo công tác y tế giai đoạn 2017-2023 và báo cáo tổng kết năm học và phương hướng, nhiệm vụ năm tiếp theo của Trường [H8.08.05.14], [H8.08.05.15]. Ngoài ra, Trường còn ký cam kết với Công an phường An Hòa để tăng cường hỗ trợ an ninh, trật tự nhằm đảm bảo an toàn cho CB, GV, NV, SV của Trường [H8.08.05.16].

Để đánh giá sự hài lòng của NH về môi trường tâm lý, xã hội, cảnh quan… hằng năm, Khoa và Nhà trường đã lập kế hoạch khảo sát lấy ý kiến trực tiếp NH thông qua Hội nghị "Ban Giám hiệu gặp gỡ sinh viên" và các buổi sinh hoạt lớp; lấy ý trực tiếp cán bộ viên chức thông qua hội nghị công chức, viên chức, người lao động [H8.08.05.17], [H8.08.05.18]. Ngoài ra, Trường còn tiến hành khảo sát dạng phiếu để lấy ý kiến của CB, GV, NV, SV, cựu SV về môi trường học tập như: cơ sở vật chất, thư viện, trang thiết bị, phòng thí nghiệm, hạ tầng CNTT, phục vụ cộng đồng,… với kết quả khảo sát năm 2023 về tỷ lệ hài lòng của CB, GV, NV đạt trên 80%; SV đang học tại Trường đạt từ 53,4 – 66,2%; cựu SV đạt tỷ trên 84% [H8.08.05.19].

2. Điểm mạnh

Với phương châm "Tất cả vì Sinh viên thân yêu!", Trường luôn tạo môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

Đảng ủy, BGH Trường luôn quan tâm xây dựng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho người học.

Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể các đơn vị xây dựng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

Trường có hợp đồng thuê Công ty TNHH một thành viên XD-TM-DV Thành Đồng, Công ty CP ĐTPT Giáo dục TPN để chăm lo cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn Trường.

3. Điểm tồn tại

Khuôn viên chưa có nhiều cây xanh, thiếu không gian sinh hoạt chung, không gian làm việc mở đôi khi tạo ra sự bất tiện trong công việc (*không tập trung, ồn ào,…*).

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Hằng năm Trường và Khoa CNTT đẩy mạnh hơn môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Trường tích cực đề nghị UBND thành phố Cần Thơ đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng Cơ sở II tại phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

Những điểm mạnh nổi bật:

Chính sách tuyển sinh rõ ràng, phù hợp với quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, được công bố công khai, được cập nhật thường xuyên phù hợp với quy định và điều kiện thực tế của Trường. Công tác truyền thông tuyển sinh đa dạng, sử dụng nhiều hình thức, PP, phương tiện trong quá trình tuyển sinh. Tùy theo phương thức tuyển sinh, Nhà trường đã xác định các tiêu chí lựa chọn người học, hình thức thi/xét tuyển và phương pháp tuyển chọn cho từng CTĐT một cách rõ ràng. Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học không ngừng được Nhà trường rà soát, đánh giá và cải tiến. Trường có cơ chế và hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của người học. Các đơn vị, cá nhân được phân công cụ thể để hỗ trợ NH. Cơ sở dữ liệu về sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện được quản lý đồng bộ thông qua việc áp dụng công nghệ giúp mang lại hiệu quả cao nhất và được sử dụng để cải tiến nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ. Các biện pháp khắc phục nhằm giảm thiểu tỷ lệ bỏ học, nâng cao KQHT và rèn luyện của NH được áp dụng và điều chỉnh phù hợp. Nhờ đó, tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp của NH được cải thiện. Có văn bản quy định các đơn vị, bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác cũng như chịu trách nhiệm tư vấn việc làm cho NH. Có nhiều hoạt động ngoại khóa mang tính học thuật, phát triển kỹ năng giúp người học tăng trải nghiệm thực tế. Có mối quan hệ, kết nối với DN tốt, từ đó hỗ trợ hiệu quả người học trong việc kiến tập, thực tập và tăng cơ hội việc làm. Trường đã xây dựng môi trường sư phạm hiện đại, năng động, mô phạm, thân thiện, sạch đẹp và an toàn tạo không khí và tâm lý thoải mái, phục vụ hiệu quả cho hoạt động dạy và học. Khuôn viên Trường có đầy đủ các bảng nội quy, hướng dẫn, các thông điệp mang ý nghĩa tích cực giúp người học thêm năng động, sáng tạo trong học tập và rèn luyện.

Những tồn tại cơ bản:

Chưa tận dụng hiệu quả của kênh thông tin từ các cựu NH và NTD trong việc quảng bá rộng rãi thông tin tuyển sinh của Khoa/Trường.

Trường chưa lấy ý kiến các BLQ là phụ huynh học sinh khi xây dựng các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh để đánh giá được hiệu quả của công tác tuyển sinh một cách bài bản mà chỉ thông qua phỏng vấn, chưa có chính sách rõ ràng trong việc thu hút học sinh giỏi. Trường chưa chú trọng phân tích tương quan giữa các tổ hợp xét tuyển và phương

thức xét tuyển với số SV thôi học và chất lượng SV năm 1 để làm cơ sở cho điều chỉnh chính sách và cải tiến công tác tuyển sinh.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn:

Có 5/5 tiêu chí đạt điểm 5,0. Mức trung bình của tiêu chuẩn đạt: 5,00 điểm; Số tiêu chí đạt: 5/5; Tỷ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu: Cơ sở vật chất và trang thiết bị là những điều kiện cần thiết để triển khai các hoạt động đào tạo ở Trường và Khoa CNTT. Trường cần có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Bên cạnh đó, thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị cũng như hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Ngoài ra, các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Trường có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỷ lệ diện tích/NH theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT ngành KHMT theo quy định hiện hành. Trường hiện đang đào tạo nhiều ngành và bậc học với tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở I là 12.521,5 m^2, cơ sở II là 17.690 m^2. Trong đó tại cơ sở I sử dụng 5.041 m^2 để xây dựng trụ sở và các công trình phục vụ đào tạo với diện tích sàn xây dựng là 19.283 m^2, diện tích còn lại là sân chơi, công viên cây xanh. Hiện nay, Trường có 37 phòng học sức chứa gần 3.000 ghế ngồi (diện tích 4.920 m^2); 03 giảng đường, phòng học lớn (diện tích 659 m^2), sức chứa 360 ghế ngồi; 03 hội trường (diện tích 1.180 m^2), sức chứa hơn 600 ghế ngồi; 01 thư viện (diện tích 1.445 m^2) có diện tích phòng đọc 524 m^2, số chỗ ngồi 200; 08 phòng thực hành máy tính (diện tích 924 m^2); Phương tiện phục vụ giảng dạy gồm 53 hệ thống âm thanh, 37 LCD và 12 máy chiếu cho các phòng học, giảng đường, hội trường. Văn phòng làm việc và các phòng học phục vụ công việc đào tạo, giảng dạy và học tập của khoa CNTT cũng được bố trí, sắp xếp tại cơ sở I ở số 256 Nguyễn Văn Cừ, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ. Bên cạnh một số phòng được sử dụng riêng cho Khoa CNTT thì Trường còn các phòng được bố trí sử dụng chung với các ngành đào tạo khác như: hệ thống phòng học, giảng đường, phòng hội thảo, khu tự học, phòng máy tính, phòng đọc, thư viện,… Nhìn chung, tổng diện tích sử dụng hiện tại của Trường nói chung và Khoa CNTT nói riêng đều đáp ứng được tỉ lệ diện tích/NH. [H9.09.01.01], [H9.09.01.02].

Sơ đồ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng của Trường được niêm yết tại lối ra vào của trường, của khu nhà và từng tầng cụ thể. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, PCCC, thông gió, an toàn,…) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH và PVCĐ. Hầu hết trang thiết bị đều được sử dụng tối đa cho các công tác hành chính, công tác hỗ trợ sinh viên giải quyết học vụ và tiếp đón các đoàn khách đến công tác tại Khoa, Trường. Các phòng học, phòng thực hành, giảng đường trực thuộc Trường đều sử dụng chung cơ sở vật chất của Trường dưới sự điều phối chính của Phòng ĐT. Khoa CNTT sử dụng hệ thống phòng học tại cơ sở chính đảm bảo chức năng của một phòng học tiêu chuẩn; đảm bảo tốt chất lượng cho công tác dạy và học, hệ thống phòng học của Trường. Các phòng học đều được trang bị đầy đủ như hệ thống máy chiếu, âm thanh, chiếu sáng, mạng wifi,… thiết kế có nhiều cửa sổ, đảm bảo thông gió, ánh sáng tự nhiên và thiết bị PCCC đảm bảo an toàn cho quá trình dạy và học [H9.09.01.03]. Để quản lý tốt phòng thực hành máy tính, Phòng QT-TB triển khai sổ theo dõi nhật ký sử dụng mục tiêu đánh giá tình trạng của trang thiết bị dạy và học từ đó kịp thời xử lý những sự cố, hỏng hóc đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập cũng như công tác chuyên môn. Tại các dãy phòng học, phòng thực hành, cầu thang máy của Trường luôn có số điện thoại liên lạc khẩn để GV, SV liên hệ trong trường hợp cần sự hỗ trợ của cán bộ, nhân viên kỹ thuật hoặc gặp sự cố khẩn cấp [H9.09.01.04], [H9.09.01.05]. Trường xây dựng và ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản vào cuối năm trùng với kết thúc năm tài chính nhằm đảm bảo sử dụng tài sản đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ. Theo đó, Phòng QT-TB tiến hành triển khai kiểm kê số lượng, chất lượng CSVC, trang thiết bị dựa theo quyết định quản lý, thanh tra, thành lập ban kiểm kê và kế hoạch kiểm kê CSVC để đánh giá hiệu quả công tác bảo quản, bảo trì, bảo dưỡng và sử dụng tài sản, kịp thời kiến nghị, đề xuất với cấp quản lý nhằm phục vụ tốt hơn cho công tác giảng dạy, làm việc và học tập của Trường [H9.09.01.06]. Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng TC-KT, Phòng QT-TB tham mưu cho BGH thực hiện báo cáo đánh giá về hiệu quả đầu tư, cải thiện CSVC và cơ sở hạ tầng, các phương tiện dạy và học, các phòng thực hành, thí nghiệm, thiết bị để đề nghị ngân sách phù hợp với định hướng phát triển của Trường. Ngoài ra, trong báo cáo tổng kết năm học và báo cáo Hội nghị viên chức và người lao động hằng năm của Trường cũng có nội dung đánh giá về hiệu quả đầu tư, sử dụng CSVC, cơ sở hạ tầng và các trang thiết bị phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ làm căn cứ tham mưu cho BGH [H9.09.01.07]. Nhằm định hướng phát triển và mở rộng quy mô đào tạo, Trường ban hành Kế hoạch về CSVC giai đoạn 2020 - 2025 với các mục tiêu, chỉ tiêu cơ sở hạ tầng của Trường phải có quy mô đào tạo 5.000 SV, trong đó tập trung phát triển đầu tư Cơ sở II với 17.690 m^2 tại phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, điều chỉnh lại quy hoạch không gian cơ sở đúng theo quy định của Luật Giáo dục đại học, Điều lệ trường đại học và

dự kiến di dời về cơ sở mới vào năm 2026 [H9.09.01.08]. Trong kế hoạch ngân sách hằng năm của Trường luôn dành kinh phí cho đầu tư, bảo trì, nâng cấp CSVC, trang thiết bị dạy học. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường đã xây dựng mới 02 dãy nhà học 01 trệt 06 lầu, nâng cấp hệ thống wifi 100% phủ sóng toàn Trường, đầu tư bổ sung thiết bị phòng thí nghiệm, đồng thời tiến hành giải phóng mặt bằng Cơ sở II với hơn 5.700 m^2 trên tổng thể 17.690 m^2 [H9.09.01.09].

Trường dành riêng khu E để bố trí các phòng thí nghiệm, phòng thực hành máy tính, phòng thực hành cơ điện tử cho toàn thể SV Trường. Trong giai đoạn năm 2022-2023, Trường đã xây dựng và trang bị thêm 02 Phòng thực hành máy tính phục vụ cho sinh viên Trường nói chung và ngành KHMT nói riêng. Với việc trang bị thêm 02 phòng máy sẽ giúp cho SV trong ngành KHMT có điều kiện tiếp cận hơn với các phần mềm ứng dụng công nghệ hiện đại, có cơ hội thực hành với các nền tảng công nghệ số khi còn ngồi trên ghế giảng đường, dễ dàng bắt nhịp với công việc sau khi tốt nghiệp ra trường. Trong mỗi phòng thí nghiệm, phòng thực hành máy tính đều có nội quy, quy định mục đích sử dụng thiết bị rõ ràng áp dụng cho tất cả sinh viên, thực tập sinh, nhân viên, giảng viên và khách tham quan đến làm việc tại phòng thực hành để thực hiện. Ngoài ra, để kịp thời sửa chữa hoặc báo cáo tình hình sử dụng trang thiết bị phòng thực hành máy tính, Phòng QT-TB có sử dụng sổ theo dõi để ghi lại nhật ký quá trình sử dụng. Sổ nhật ký sẽ được ghi sau mỗi buổi học, buổi thực tập, kiến tập hoặc buổi thực hành môn học [H9.09.01.10].

Với phương châm lấy người học làm trung tâm, Trường rất chú trọng trong việc xây dựng CSVC phục vụ tốt cho NH. Những năm qua, Trường và khoa CNTT thường xuyên phối hợp với các phòng ban chức năng tổ chức hội nghị đối thoại với SV nhằm lấy ý kiến phản hồi trực tiếp từ NH để có giải pháp điều chỉnh, cải tiến CSVC tốt nhất cho NH [H9.09.01.11]. Ngoài ra, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL còn tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi về sự hài lòng của CB, GV, NV, NH đối với cơ sở vật chất và trang thiết bị của Trường. Kết quả khảo sát năm 2023 cho thấy có trên 80% hài lòng của CB, GV, NV; trên 84% hài lòng của cựu SV và từ 53,4% đến 66,2% hài lòng của SV đang học tại Trường. Nhìn chung theo kết quả khảo sát này đã phản ánh đúng sự đầu tư của Trường trong những năm gần đây và đây cũng là cơ sở để Khoa và Trường phấn đấu đầu tư mạnh mẽ hơn vào việc nâng cấp, cải thiện cơ sở vật chất để phục vụ NH ngày càng tốt hơn. [H9.09.01.12].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỉ lệ diện tích/người học theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT ngành KHMT theo quy định hiện hành.

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn,...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT ngành KHMT.

Hằng năm, Trường dành kinh phí cho hoạt động nâng cấp CSVC và trang thiết bị cho phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng nhằm phục vụ hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

3. Điểm tồn tại

Do những khó khăn về giải phóng mặt bằng nên việc phát triển đầu tư Cơ sở II với 17.690 m^2 tại phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ bị chậm so với tiến độ.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Trường và Khoa CNTT cải tiến hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỉ lệ diện tích/người học theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT ngành KHMT theo quy định hiện hành.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Trường tích cực làm việc với UBND thành phố Cần Thơ đẩy nhanh việc giải phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng Cơ sở II với 17.690 m^2 tại phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ liên kết đào tạo, Trung tâm Đại học Tại chức (tiền thân của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ) thành lập bộ phận Thư viện và giao nhiệm vụ quản trị nguồn lực học tập để phục vụ nhu cầu học tập của các sinh viên các trường liên kết đào tạo. Sau khi thành lập Trường, căn cứ tình hình và điều kiện hoạt động thực tế của Trường, Trường bố trí Thư viện trực thuộc Phòng ĐT từ năm 2013 - 2016; trực thuộc Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm từ 2017 - 2018 và từ 2019 đến hiện nay, Thư viện trực thuộc Phòng QLKH-HTQT. Các mục tiêu, chỉ tiêu đầu tư về thư viện và nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến được thể hiện trong Đề án thành lập Trường, Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2020 - 2025 định hướng đến năm 2030 và các kế hoạch năm học đã được ban hành. Đồng thời, các nội dung tăng cường nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến còn được thể hiện trong Kế hoạch về CSVC của Trường giai đoạn 2018 - 2020 và 2020 – 2025 [H9.09.02.01]. Thư viện Trường tọa lạc tại tòa nhà có 2 tầng, với diện tích 1.445 m^2, Tầng trệt bao gồm: kho sách, phòng đọc được trang bị máy lạnh, khu vực tra cứu OPAC được trang bị 10 máy vi tính, khu vực để báo, tạp chí và luận văn, tiểu luận tốt nghiệp của sinh viên chính quy. Tầng một có 01 phòng máy tính với 40 máy, 01 phòng hội thảo và 01 phòng thảo luận [H9.09.02.02].

Trường ban hành nội quy của Thư viện được trích từ điều 9, 11, 12, 13 của Quy định Tổ chức và hoạt động của Thư viện và gửi đến các đơn vị để thông báo, phổ biến cho CB, GV, NV, SV biết và thực hiện . Việc quản trị nguồn lực học tập, Thư viện ngoài việc đã gửi thông báo hướng dẫn sử dụng đến tất cả phòng, khoa và SV Trường, Thư viện còn đã áp dụng nhiều quy trình, phương pháp nghiệp vụ để quản trị và cũng có thông báo tới từng đơn vị của Trường. Hằng năm, Thư viện đều tiến hành kiểm kê nguồn tài liệu học tập một mặt để giải quyết tốt vấn đề về số liệu của Thư viện, mặt khác để nắm được thực trạng của kho và vốn tài liệu hiện có nhằm hỗ trợ tốt cho công tác bổ sung và bảo quản . Ngoài ra, Thư viện còn sử dụng sổ theo dõi bạn đọc, quản lý nguồn lực học tập cũng như tình hình sử dụng các dịch vụ của thư viện để kịp thời thông báo hay trích lọc khi cần. Hằng năm, Thư viện còn thực hiện báo cáo, đánh giá các nguồn lực học tập cũng như nguồn học liệu về thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến, cụ thể: Công tác bổ sung tài liệu năm 2023 Thư viện quyên góp được 106 đầu sách tương ứng 164 quyển từ viên chức, người lao động Trường, tiếp nhận 221 cuốn luận văn, tiểu luận từ các khoa. Ngoài ra, thư viện còn liên kết, chia sẻ tài liệu điện tử với trung tâm học liệu của ĐHCT với nhiều chuyên ngành và lĩnh vực mà NH đang rất cần [H9.09.02.03].

Hiện tại, Thư viện Trường có 7.132 đầu sách, đề tài khoa học, tiểu luận, luận văn tốt nghiệp với 19.738 bản; bản tin khoa học: 7.000; 5 loại báo, tạp chí, 01 CSDL trực tuyến để phục vụ và đáp ứng hoạt động động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường. Bên cạnh đó, Thư viện còn thiết lập mối quan hệ liên kết, chia sẻ tài liệu điện tử với Thư viện của Trường Đại học Cần Thơ để tiếp nhận nhiều sách và CSDL trực tuyến phục vụ thêm cho nhu cầu NH tại Trường. Theo số lượng sách, giáo trình, tài liệu tham khảo hiện có, Thư viện đảm bảo được nguồn học liệu cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành KHMT nói riêng và cho toàn Trường nói chung [H9.09.02.04], [H9.09.02.05]. Với mục tiêu chia sẻ kinh nghiệm học tập và nâng cao năng lực của cán bộ nhân viên trung tâm học liệu thư viện, hằng năm, Trường thường xuyên cử cán bộ, nhân viên tham gia các hội thảo, hội nghị về Thư viện, các lớp tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nhằm hỗ trợ tốt nhất cho NH [H9.09.02.06].

Để mở rộng nguồn tài liệu phục vụ cho công tác giảng dạy và NCKH, mỗi năm Thư viện đều gửi thông báo về việc bổ sung nguồn tài liệu phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập, NCKH đến các Khoa. Căn cứ đề xuất của các khoa về dự kiến nhu cầu nguồn tài liệu phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập, NCKH, Thư viện tổng hợp kế hoạch đầu tư, bảo trì và mua sắm các nguồn lực học tập trình Hiệu trưởng phê duyệt và triển khai thực hiện [H9.09.02.07], [H9.09.02.08]. Định kỳ hằng năm, Phòng QT-TB phối hợp với Phòng TC-KT tiến hành kiểm kê tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị, trong đó có kiểm kê nguồn lực học tập phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Thư viện và dựa trên kết quả kiểm kê, rà soát, đánh giá để đề nghị Nhà trường tăng cường, bổ sung nguồn lực học tập phục vụ

hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ. Chi phí đầu tư bổ sung nguồn lực học tập được thể hiện trong kế hoạch năm học và thống kê kinh phí đầu tư, mua sắm hằng năm của Phòng TC-KT [H9.09.02.09].

Hằng năm, Thư viện phối hợp các đơn vị phòng ban Trường triển khai kế hoạch khảo sát các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát mức độ hài lòng của CB, GV, NV, NH về các nguồn lực học tập đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Thư viện. Kết quả khảo sát năm 2023 cho thấy tỷ lệ hài lòng về nguồn lực học tập gồm học liệu thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến rất cao: đạt trên 80% theo ý kiến của CB, GV, NV; đạt trên 84% theo ý kiến cựu SV và từ 53,4% đến 66,2% theo ý kiến của SV đang học tại Trường [H9.09.02.10].

2. Điểm mạnh

Trường đầu tư nâng cấp thư viện, trang bị phòng đọc máy lạnh, phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT. Trường ban hành nội quy, quy định, hướng dẫn sử dụng thư viện, thư viện số và các trang thiết bị.

Thư viện Trường có đủ học liệu bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành KHMT. Nguồn học liệu (giấy và điện tử, CSDL trực tuyến) phù hợp, đầy đủ và được cập nhật, đảm bảo phục vụ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, định kỳ được bổ sung. Tài liệu học tập và nghiên cứu được cung cấp đầy đủ theo từng học kỳ bao gồm cả nguồn bên ngoài và nội sinh của trường.

Hằng năm, Trường dành kinh phí chi cho việc mua sắm, bổ sung nguồn học liệu của Thư viện. Thư viện Trường có đầy đủ sổ sách, dữ liệu theo dõi về hoạt động của thư viện để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại

Số lượng giáo trình, tài liệu tham khảo do GV biên soạn còn hạn chế. Công tác liên kết với các các tổ chức Thông tin - Thư viện quốc tế chưa được phát triển đúng tiềm lực.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Hằng năm Trường cải tiến đầu tư nâng cấp thư viện, bố trí phòng đọc, phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT. Thư viện tiếp tục kết nối chặt chẽ với các Khoa trong vấn đề bổ sung, cập nhật tài liệu tham khảo về chuyên ngành đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, tiếp tục đề xuất đầu tư kinh phí, trang bị hạ tầng đủ tiêu chuẩn kết nối với các trung tâm thư viện lớn trong và ngoài nước. Trường tăng cường áp dụng các chế độ động viên, khuyến khích GV biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo. Bên cạnh đó sẽ tăng cường liên kết sử dụng chung cơ sở dữ liệu; xây dựng kế hoạch tham gia

làm thành viên các tổ chức, hiệp hội lớn về thư viện, các trung tâm chuyên đào tạo ngành KHMT trong nước và quốc tế.

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường hiện có hiện có 08 phòng thực hành máy tính và 20 phòng thí nghiệm, thực hành với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, đáp ứng yêu cầu của ngành học và được quản lý bởi phòng QT-TB, Trung tâm NN-TH [H9.09.03.01], [H9.09.03.02]. Các phòng thí nghiệm, phòng thực hành máy tính được trang bị các thiết bị hiện đại phục vụ tốt cho việc học tập, giảng dạy và nghiên cứu gắn liền với thực tế thiết kế và bố trí khoa học, có sơ đồ hệ thống đáp ứng được các tiêu chuẩn về phòng thực hành phục vụ tốt cho việc thực nghiệm giảng dạy. Bên cạnh đó, Nhà trường hiện có khoảng 300 máy tính, 12 máy chiếu, 37 tivi thông minh và 53 hệ thống âm thanh để đảm bảo tốt cho việc hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của các Khoa nói chung và Khoa CNTT nói riêng. Khoa cũng được Trường giao trọng trách thực hiện các công việc giảng dạy, đào tạo và hỗ trợ hoạt động NCKH. Riêng trong năm 2023, Trường đã đầu tư và trang bị thêm 02 phòng thực hành máy tính cấu hình cao và có thể chạy được tất cả các ứng dụng phần mềm phục vụ tốt cho việc học tập và giảng dạy các ngành học của Khoa CNTT trong đó có ngành KHMT. Mỗi phòng thí nghiệm, thực hành máy tính đều được trang bị các dụng cụ, cài đặt phần mềm đầy đủ phục vụ tốt cho nhu cầu học tập thực hành và giảng dạy các môn chuyên ngành CNTT trong đó có ngành KHMT [H9.09.03.03].

Để đảm bảo cho hoạt động học tập, giảng dạy và NCKH, hàng năm Phòng QT-TB đều có thống kê tình hình sử dụng trang thiết bị trình BGH xem xét quyết định lựa chọn nhà thầu để tiến hành mua sắm, sửa chữa, nâng cấp, bảo trì bảo dưỡng. Đồng thời Trường cũng có kế hoạch dự trù kinh phí cho việc bổ sung, mua mới dụng cụ, máy móc, thiết bị phục vụ giảng dạy thực hành theo lịch dạy các môn thực hành có sử dụng phòng máy và theo đề xuất của các Khoa [H9.09.03.04], [H9.09.03.05].

Trong mỗi phòng thí nghiệm, phòng thực hành máy tính đều có bảng nội quy, quy định rõ ràng áp dụng cho tất cả sinh viên, thực tập sinh, nhân viên, giảng viên và khách tham quan đến làm việc trong phòng thực hành để thực hiện [H9.09.03.06]. Ngoài ra, để kịp thời sửa chữa hoặc báo cáo tình hình sử dụng trang thiết bị phòng thực hành máy tính, Phòng QT-TB có sử dụng sổ theo dõi để ghi lại nhật ký quá trình sử dụng. Sổ nhật ký sẽ được ghi sau mỗi buổi học, buổi thực tập, kiến tập hoặc buổi thực hành môn học [H9.09.03.07]. Bên cạnh đó, Phòng QT-TB và TT NN-TH đều có phân công cán bộ phụ trách phòng thí nghiệm, thực hành để hỗ trợ Giảng viên hướng dẫn sinh viên sử dụng dụng cụ, thiết bị, máy móc, giám sát sinh viên thực hiện đúng nội quy phòng [H9.09.03.08].

Để đánh giá mức độ đáp ứng của trang thiết bị phòng thí nghiệm, thực hành về hoạt động phục vụ công tác học tập và giảng dạy của các khoa. Hằng năm, Trường có tổ chức đối thoại SV để lắng nghe ý kiến và kịp thời cập nhật, sửa chữa để hỗ trợ tốt hơn nữa công tác học tập, giảng dạy ở các khoa nói chung và khoa CNTT nói riêng [H9.09.03.09].

Để đánh giá sự hài lòng của CB, GV, SV về CSVC và trang thiết bị của Trường trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của CSVC, trang thiết bị của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H9.09.03.10]. Trong giai đoạn 2018 - 2023, ý kiến của CB, GV, NV, SV đều hài lòng về mức độ đáp ứng CSVC, trang thiết bị phòng thực hành, thí nghiệm của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ, cụ thể kết quả khảo sát năm 2023 về tỷ lệ hài lòng của CB, GV, NV đạt trên 80%, SV đang học tại Trường đạt từ 53,4 – 66,2% và cựu SV đạt trên 84% [H9.09.03.11].

2. Điểm mạnh

Trường đầu tư, mua sắm đảm bảo có đủ phòng thực hành máy tính và trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành KHMT.

Phòng thực hành máy tính của Trường được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Hằng năm, Trường tiến hành kiểm kê tài sản, rà soát, đánh giá trang thiết bị trong phòng thực hành máy tính để có kế hoạch duy tu, bảo dưỡng và cập nhật, nâng cấp để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu.

Trường có phân công cụ thể đơn vị phụ trách thực hành máy tính và ở mỗi phòng đều có hồ sơ theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị.

Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường đầu tư, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của các CTĐT nói chung và CTĐT ngành KHMT nói riêng.

3. Điểm tồn tại

Do còn khó khăn về kinh phí nên việc mua sắm mới các trang thiết bị hiện đại còn chậm so với tiến độ. Nhiều ý kiến phản hồi của NH về CSVC chưa được kịp thời cập nhật.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Trường tăng cường kinh phí đầu tư, mua sắm đảm bảo có đủ phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu của CTĐT cho tất cả ngành đào tạo.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Trường đã có định hướng trang bị thêm phòng máy hiện đại phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành KHMT nói riêng và khoa CNTT nói chung. Ngoài ra, BGH còn có những chỉ đạo để phối hợp với các phòng chức năng tiến hành báo cáo phân tích chi tiết khảo sát hiệu quả sử dụng phòng thực hành máy

tính theo công năng và hạng mục sử dụng. Đồng thời tăng cường theo dõi tình trạng sử dụng, nghiên cứu nhu cầu sử dụng phòng thực hành và TTB để có những bổ sung, cải tiến kịp thời.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Ngay sau khi thành lập, năm 2013, Trường xây dựng hạ tầng CNTT và truyền thông phục vụ cho đào tạo của Trường, trong đó có đầu tư mua sắm hệ thống phần mềm quản lý giáo dục, máy chủ, thiết bị kết nối mạng,... và giao cho Ban Quản trị HTTT là đơn vị chuyên trách phụ trách về CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT để khai thác và vận hành máy chủ, hạ tầng mạng, các phần mềm, các trang thông tin điện tử, trang hành chính điện tử, hệ thống Email và xây dựng kế hoạch, bảo trì, kiểm soát, nâng cấp các thiết bị CNTT [H9.09.04.01]. Trong Đề án thành lập Trường, Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020 - 2025 định hướng đến năm 2030 cũng như kế hoạch năm học đã được ban hành và thực hiện đều có các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập. Theo đó, dựa trên hạ tầng CNTT sẵn có, năm học 2021 - 2022 Trường đã triển khai thành công hệ thống học tập trực tuyến Elearning phục vụ công tác giảng dạy và đánh giá kết quả học tập. Hiện tại, hệ thống công nghệ thông tin được trang bị bao gồm hệ thống máy tính, máy chủ, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử,... phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH của Trường [H9.09.04.02].

Trong giai đoạn đánh giá, Trường triển khai hệ thống phần mềm quản lý đào tạo để đánh giá một cách chính xác, khách quan về tình hình học tập, giảng dạy của giảng viên và sinh viên. Ngoài ra, Trường cũng tổ chức hoạt động học tập trực tuyến, SV sử dụng máy tính có kết nối internet và tích hợp phần mềm CNTT đáp ứng tốt nhu cầu tra cứu thông tin, xem lịch thi, điểm thi và các thông báo của Trường. Năm 2021, Khoa CNTT đã triển khai hệ thống E-Learning để giảng dạy và đánh giá kết quả các học phần trong giai đoạn dịch bệnh và đến nay hệ thống vẫn tiếp tục được duy trì [H9.09.04.03].

Hằng năm, để chuẩn bị xây dựng kế hoạch đầu tư, mua sắm trang thiết bị, Phòng QT-TB gửi thông báo đến các đơn vị về việc đề xuất nhu cầu về trang thiết bị CNTT phục vụ hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ. Sau đó, tổng hợp các đề xuất của các đơn vị và dự kiến nhu cầu thực tiễn về thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để tham mưu BGH phê duyệt đầu tư, nâng cấp [H9.09.04.04], [H9.09.04.05]. Trường luôn dành kinh phí cho hoạt động trang bị, nâng cấp, bảo trì thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập được thể hiện rõ trong dự toán thu chi tài chính hằng

năm của phòng TC-KT [H9.09.04.06]. Căn cứ chức năng và nhiệm vụ được giao, Ban Quản trị HTTT tham mưu BGH ban hành văn bản quy định về việc sử dụng hệ thống CNTT, trong đó có quy định rõ về cơ chế bảo mật và quyền truy cập. Trường thông báo Quy định về việc sử dụng CNTT đến các đơn vị để phổ biến CB, GV, NV, SV thực hiện. Trường cấp địa chỉ email công vụ cho tất cả CB, GV, NV, SV và yêu cầu sử dụng trong quá trình trao đổi công việc nhằm đảm bảo tính bảo mật của thông tin [H9.09.04.07]. Bên cạnh đó, Ban Quản trị HTTT phối hợp Phòng QT-TB và các khoa, phòng ban trong Trường thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình trạng thiết bị để đưa ra kế hoạch nâng cấp, bảo trì, sửa chữa kịp thời nhằm đảm bảo các trang thiết bị CNTT và hạ tầng CNTT tại phòng làm việc của bộ phận mình luôn luôn hoạt động với hiệu suất cao nhất. Trường trang bị ổ cứng di động để Ban Quản trị HTTT thường xuyên sao lưu dữ liệu, đồng thời máy chủ có cơ chế sao lưu dữ liệu tự động theo định kỳ. Đối với hệ thống mạng, Trường hợp đồng với công ty viễn thông VNPT, Viettel để cung cấp hệ thống mạng và phủ sóng cho toàn Trường. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường đầu tư mới hệ thống wifi sử dụng cho toàn Trường, đồng thời nâng cấp thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT. Ngoài ra, hằng năm, Trường luôn triển khai công tác bảo trì trang thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường [H9.09.04.08], [H9.09.04.09].

Kết thúc năm tài chính, Phòng QT-TB phối hợp với Ban Quản trị HTTT tiến hành triển khai kiểm kê số lượng trang thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT như máy chủ, hạ tầng mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập hạ tầng CNTT và truyền thông để thực hiện báo cáo theo dõi, đánh giá sử dụng các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ cho hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ của Trường. Bên cạnh đó, trong báo cáo, đánh giá điều chỉnh dự án đầu tư mua sắm thiết bị thí nghiệm thực hành phục vụ cho các ngành học thuộc Trường cũng có nội dung đánh giá về hiệu quả đầu tư và sử dụng các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường [H9.09.04.10].

Hằng năm, Trường ban hành kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ. Trong giai đoạn 2018 - 2023, ý kiến của CB, GV, NV đạt hơn 80% hài lòng; SV đạt từ 53,4 – 66,2 % hài lòng và cựu SV đạt hơn 84% hài lòng về mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ [H9.09.04.11]. Ngoài ra, ý kiến của GV, SV tại Hội nghị viên chức và người lao động hằng năm và ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại giữa BGH với SV hằng năm thể hiện sự hài lòng của hệ thống CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT và nghiên cứu [H9.09.04.12].

2. Điểm mạnh

Trường đầu tư hạ tầng CNTT và truyền thông (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử,...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Trường thành lập Ban Quản trị hệ thống thông tin và giao nhiệm vụ vận hành, khai thác, hướng dẫn sử dụng hệ thống CNTT và truyền thông đảm bảo hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Hằng năm, Trường luôn rà soát hệ thống CNTT và truyền thông để kịp thời sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Trường triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ.

Trong giai đoạn 2018 - 2023, ý kiến của GV, SV hài lòng về mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn trường hợp SV chưa khai thác tối đa các ứng dụng hiện có trên hệ thống quản lý giáo dục của Trường. Do số lượng người dùng lớn, khối lượng và số lượng các hoạt động nhiều nên có đôi lúc việc truy cập wifi và Internet còn chậm.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Trường tăng cường đầu tư hạ tầng CNTT và truyền thông (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử,...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Khắc phục tồn tại

Từ năm học 2024 - 2025, Trường, Khoa CNTT, CVHT tăng cường hướng dẫn để SV hiểu rõ và khai thác tối đa các ứng dụng hiện có trên hệ thống quản lý giáo dục của Trường. Thường xuyên nâng cấp hệ thống CNTT, nâng cao hơn nữa tốc độ đường truyền giúp cho việc tìm kiếm thông tin và phục vụ hoạt động dạy và học hiệu quả hơn. Tăng cường sử dụng thông tin phản hồi của các BLQ để phục vụ cho việc rà soát, điều chỉnh, cải tiến hệ thống CNTT bên trong.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường và Quyết định ban hành chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, Trường phân công Phòng TC-HC là đơn vị chịu trách nhiệm về hoạt động quản lý môi trường; Bộ phận Y tế thuộc Phòng CTCT&QLSV chịu trách

nhiệm về sức khỏe; Phòng QT-TB chịu trách nhiệm về an toàn của những người có nhu cầu đặc biệt. Các Phòng TC-HC, Phòng CTCT&QLSV, Phòng QT-TB phân công nhân sự của phòng để triển khai và phối hợp triển khai các hoạt động quản lý môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt của Trường. Hằng năm, các nhân sự quản lý môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt của Trường được cử tham dự các khóa bồi dưỡng, tập huấn, hội nghị, hội thảo về quản lý môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt. Trường đã ban hành các quy định, tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn theo quy định hiện hành. Các quy định, tiêu chuẩn được ban hành nhằm đảm bảo thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe; kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các nội dung trong công tác y tế, vệ sinh môi trường, an toàn trong trường học của các đơn vị, GV, NV và NH [H9.09.05.01].

Quy định, tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được triển khai thực hiện trong phạm vi toàn trường. Trường giao nhiệm vụ cho các phòng ban như: Phòng QT-TB, Phòng CTCT&QLSV, Bộ phận Y tế, Tổ Bảo vệ có chức năng chịu trách nhiệm về môi trường, sức khỏe và an toàn học đường, gồm:

i) Về môi trường: GV và NH có điều kiện tham gia đào tạo và nghiên cứu trong khuôn viên trường với nhiều cây xanh, cây cảnh, ghế đá, mái che nắng,… tạo cảnh quan thoáng đãng, thoải mái cho GV và NH, tạo môi trường học tập, giảng dạy hiệu quả. Trường đảm bảo vệ sinh khuôn viên trường học thông qua các hợp đồng ký kết với Trường hợp đồng với công ty TNHH một thành viên XD-TM-DV Thành Đồng, Công ty CP ĐTPT Giáo dục TPN để bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh các phòng học, nhà vệ sinh phục vụ cho toàn thể CB, GV, NV, SV của Trường như thu gom rác thải, vệ sinh phòng học và có kế hoạch cải tiến cơ sở vật chất [H9.09.05.02]. Bên cạnh đó, Trường quan tâm đến những đối tượng đặc biệt người khuyết tật như thiết kế cơ sở vật chất có khu vực dành riêng cho người khuyết tật (lối đi riêng, khu vực vệ sinh,…). Thực hiện theo quy định của Trường về việc miễn, giảm học phí cho SV hệ chính quy tại Trường. Qua đó, SV là người khuyết tật sẽ được xem xét hỗ trợ tùy theo mức độ như: miễn, giảm học phí; miễn giảm một số HP mà SV không đủ năng lực để tham gia học tập [H9.09.05.03].

ii) Về sức khỏe: Bộ phận Y tế tại trường với đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ y tế theo quy định của Bộ, các ngành liên quan để sơ cứu khi xảy ra các sự cố về an toàn và sức khỏe [H9.09.05.04].

iii) Về đảm bảo an toàn, khuôn viên: Trường có tường rào bao quanh và được lực lượng bảo vệ theo dõi thường xuyên 24/24. Đồng thời, kiểm soát an ninh thông qua các biện pháp như: lắp đặt camera an ninh, theo dõi người ra - vào. Trường phối hợp với Công an và chính quyền địa phương về việc tập huấn cho lực lượng tự vệ của Trường hằng năm nhằm bảo đảm an ninh, trật tự, đảm bảo đúng theo quy định. Liên quan hoạt động phòng

chống cháy nổ, các cơ sở được Trường trang bị trang thiết bị PCCC theo đúng tiêu chuẩn hiện hành và được kiểm tra định kỳ. Đồng thời, Trường phối với Công an PCCC tổ chức nhiều đợt tập huấn, diễn tập PCCC nhằm ứng phó khẩn cấp với các tai nạn cháy nổ [H9.09.05.05], [H9.09.05.06].

Hằng năm, Phòng CTCT&QLSV thực hiện báo cáo công tác y tế năm học để cung cấp thông tin chi tiết về tình hình y tế như: công tác khám chữa bệnh, tuyên truyền chống dịch, phát thẻ BHYT,… của CB, GV, NV và SV, cũng như các biện pháp đã được thực hiện để duy trì và nâng cao sức khỏe trong cộng đồng học đường. Đồng thời, cũng tham mưu Trường thực hiện tốt công tác y tế trường học nhằm tạo môi trường, sức khỏe, an toàn của NH và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt [H9.09.05.07]. Ngoài ra, việc đánh giá về môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thể hiện trong báo cáo Hội nghị viên chức, người lao động và Hội nghị đối thoại và gặp gỡ giữa Ban Giám hiệu và sinh viên hàng năm [H9.09.05.08], [H9.09.05.09]. Hiện tại, Phòng CTCT&QLSV là đơn vị thực hiện lưu trữ CSDL về người học có nhu cầu đặc biệt, đồng thời phối hợp Phòng TC-KT lưu trữ dữ liệu theo dõi, đánh giá, cải thiện hiệu quả đầu tư cải tiến môi trường, sức khỏe, an toàn của người học và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt của Trường. Phòng CTCT&QLSV tiến hành thống kê số lượng người học có nhu cầu đặc biệt của Trường. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2018-2023, Trường không có người học là những người có nhu cầu đặc biệt. Hằng năm, Trường còn ban hành kế hoạch khảo sát hài lòng của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát về môi trường tâm lý xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu, trong đó đạt tỷ lệ hài lòng trên 80% của CB, GV, NV, 84,8% của cựu SV và từ 53,4 – 66,2% của SV đang học tại Trường [H9.09.05.10].

2. Điểm mạnh

Trường quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB, GV, SV, đặc biệt là nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật.

Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường và các đơn vị triển khai nhiều hoạt động về môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của người học có nhu cầu đặc biệt.

Môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của người học có nhu cầu đặc biệt của Trường được đảm bảo và cải thiện.

Ý kiến khảo sát của GV, SV Nhà trường hài lòng về môi trường, sức khỏe và an toàn, trong đó có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật.

3. Điểm tồn tại

CSVC của Trường chưa tối đa hóa các tiện ích đối với nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật. Không gian xanh trong khu vực làm việc, học tập và các khu vực sinh hoạt chung của trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Trường cải tiến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB, GV, nhân viên, SV, đặc biệt là nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, đối với CSVC tại phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Trường tăng cường các tiện ích phù hợp với nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật. Trang bị thêm hệ thống cây xanh trong tất cả khu vực, tạo môi trường thân thiện, thoải mái phục vụ tốt cho hoạt động dạy và học. Trường sẽ triển khai đầy đủ các quy định về an toàn, sức khỏe và môi trường đến các bên liên quan, có lưu ý đến người có nhu cầu đặc biệt. Bên cạnh đó tiến hành thu thập ý kiến cũng như khảo sát các bên liên quan về môi trường, sức khỏe, an toàn để có những cải tiến, điều chỉnh phù hợp.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Những điểm mạnh nổi bật

Trường có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỷ lệ diện tích/người học theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT ngành KHMT theo quy định hiện hành. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn,...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT ngành KHMT. Hằng năm, Trường dành kinh phí cho hoạt động nâng cấp CSVC và trang thiết bị cho phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng nhằm phục vụ hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

Trường đầu tư nâng cấp thư viện, trang bị phòng đọc máy lạnh, phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT. Trường ban hành nội quy, quy định, hướng dẫn sử dụng thư viện, thư viện số và các trang thiết bị. Thư viện Trường có đủ học liệu bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành KHMT. Hằng năm, Trường dành kinh phí chi cho việc mua sắm, bổ sung nguồn học liệu của Thư viện. Thư viện Trường có đầy đủ sổ sách, dữ liệu theo dõi về hoạt động của thư viện để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trường đầu tư, mua sắm đảm bảo có đủ phòng thực hành và trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành KHMT. Phòng thí nghiệm, thực hành của Trường được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hiện tại, ngành KHMT được trang bị 10 phòng máy tính cấu hình cao đáp ứng hầu hết các mục tiêu dạy các môn thực hành chung của ngành. Hằng năm, Trường tiến hành kiểm kê tài sản, rà soát, đánh giá trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, phòng thực hành để có kế hoạch duy tu, bảo dưỡng và cập nhật, nâng cấp để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu. Trường có phân công cụ thể người

phụ trách phòng thí nghiệm, thực hành và ở mỗi phòng thí nghiệm, thực hành đều có hồ sơ theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị. Trong giai đoạn 2018 - 2023, hằng năm, Trường đầu tư, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của các CTĐT nói chung và CTĐT ngành KHMT nói riêng. Trường đầu tư hạ tầng CNTT và truyền thông (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử,...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trường thành lập Ban Quản trị HTTT và giao nhiệm vụ vận hành, khai thác, hướng dẫn sử dụng hệ thống CNTT và truyền thông đảm bảo hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hằng năm, Trường luôn rà soát hệ thống CNTT và truyền thông để kịp thời sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trường triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ. Trong giai đoạn 2018 - 2023, ý kiến của GV, SV hài lòng về mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ.

Trường quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB, GV, SV, đặc biệt là nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường và các đơn vị triển khai nhiều hoạt động về môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của người học có nhu cầu đặc biệt. Môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của người học có nhu cầu đặc biệt của Trường được đảm bảo và cải thiện. Ý kiến khảo sát của NV, GV, SV Nhà trường hài lòng về môi trường, sức khỏe và an toàn, trong đó có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật.

Những tồn tại cơ bản

Những khó khăn về giải phóng mặt bằng nên việc phát triển đầu tư Cơ sở II với 17.690 m^2 tại phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ bị chậm so với tiến độ. Số lượng giáo trình, tài liệu tham khảo do GV biên soạn còn hạn chế. Do khó khăn về kinh phí nên việc mua sắm mới các trang thiết bị hiện đại còn chậm so với tiến độ. Vẫn còn trường hợp SV chưa khai thác tối đa các ứng dụng hiện có trên hệ thống quản lý giáo dục của Trường. CSVC của Trường chưa tối đa hóa các tiện ích đối với nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn

Có 4/5 tiêu chí đạt 5,0 điểm, 1/5 tiêu chí đạt 4,0 điểm. Mức trung bình của tiêu chuẩn đạt: 4,80 điểm; Số tiêu chí đạt: 5/5; Tỉ lệ số tiêu chí đạt: 100%

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Mở đầu: Hiện nay, Trường và Khoa CNTT rất chú trọng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo. Điều này thể hiện rõ thông qua việc xây dựng hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ để thiết kế và phát triển CTDH đến việc đảm bảo chất

lượng trong kiểm tra, đánh giá. Áp dụng các kết quả NCKH trong toàn Trường để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ, tiện ích và tạo cơ chế phản hồi thuận lợi, hiện đại cho các BLQ.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.

1. Mô tả hiện trạng

Trường và Khoa có hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các BLQ (gồm các chuyên gia, nhà quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên, người học, nhà tuyển dụng, HĐKH & ĐT cấp Khoa, Trường). Căn cứ vào Quy trình xây dựng và đánh giá CTDH, Trường đã xây dựng hệ thống quy trình khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ SV về hoạt động (i) giảng dạy của GV và (ii) tổ chức đào tạo của Trường trước khi tốt nghiệp [H10.10.01.01]. Trước khi thiết kế, xây dựng và phát triển CTDH, Khoa CNTT phải hoàn thành phiếu khảo sát và lập kế hoạch khảo sát, tiến hành tổ chức khảo sát các đối tượng: GV, SV, nhà tuyển dụng,… bằng nhiều hình thức khác nhau: tổ chức hội thảo, phỏng vấn trực tiếp, qua điện thoại hoặc qua email. Sau khi hoàn thành khảo sát, Tổ soạn thảo tiến hành tổng hợp các dữ liệu đã thu thập, phân tích và báo cáo kết quả khảo sát [H10.10.01.02]. VD: Kết quả khảo sát ý kiến doanh nghiệp về nhu cầu tuyển dụng và chất lượng đào tạo năm 2021, mức độ hài lòng của Nhà tuyển dụng đối với mục tiêu, CĐR, bản mô tả CTĐT, phương pháp dạy và học, đánh giá kết quả học tập, đa số đều hài lòng với mức độ đạt đến 82% [H10.10.01.02](3). Đối với nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội, Trường và Khoa CNTT cũng tiến hành khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực chuyên ngành KHMT, làm cơ sở để thiết kế và phát triển CTDH thông qua Bảng thống kê nhu cầu nguồn nhân lực ngành KHMT [H10.10.01.03]. VD: Quy trình lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ về CTDH được thể hiện qua Bảng mô tả sau:

Bảng 10.1.1. Bảng mô tả yêu cầu của các bên liên quan làm căn cứ thiết kế và phát triển CTDH

Bên liên quan	Yêu cầu	Cách thức tổ chức	Kết quả
Chuyên gia	Tập huấn các phương pháp/ cách tiếp cận trong thiết kế CTDH	Tổ chức Hội thảo/tập huấn	Quyết định phân công nhân sự tổ soạn thảo chương trình/Bảng phân công nhân sự soạn thảo ĐCCT
Nhà tuyển dụng	- Xác định các năng lực và tố chất cần thiết của SV tốt nghiệp để đáp ứng với yêu cầu	Tổ chức lấy ý kiến khảo sát	Báo cáo năng lực của SV tốt nghiệp để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động

	của thị trường lao động - Đánh giá mức độ đáp ứng của SV tốt nghiệp về kiến thức chuyên môn, kỹ năng, thái độ		
GV	- Thiết kế CĐR của CTDH, môn học. - Thiết kế ĐCCT, Phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá.	Tổ chức họp nhóm thiết kế CTDH, Bộ môn	CĐR của CTDH CĐR của môn học Các phương pháp giảng dạy, kiểm tra - đánh giá ĐCCT môn học
Người học	- SV phản hồi về nội dung giảng dạy, tài liệu học tập, phương pháp giảng dạy của các môn học trong CTDH; - SV tốt nghiệp phản hồi về chương trình của toàn khóa học	Tổ chức khảo sát ý kiến NH về PP dạy học, kiểm tra đánh giá	Tổng hợp ý kiến đóng góp của SV
Các cơ sở đào tạo: Trường ĐHCT (CTU), Trường Đại học Công nghiệp TP. HCM (IUH) và Utah Valley University (UVU)	Mục tiêu đào tạo, CĐR. Cấu trúc CTDH ngành KHMT có liên quan	Đối sánh giữa các nội dung trong CTDH	Bảng đối sánh giữa CTDH KHMT của Khoa so với các cơ sở đào tạo: Trường ĐHCT (CTU), Trường Đại học Công nghiệp TP. HCM (IUH) và Utah Valley University (UVU)
Hội đồng Khoa học cấp Khoa	Thống nhất CĐR của CTDH, khung CTĐT dự kiến, CTDH, ĐCCT môn học,…	Tổ chức họp Hội đồng KH Khoa thông qua CTDH	Dự thảo toàn bộ CTDH

Trường	Sự phù hợp của CĐR với Chiến lược phát triển của Trường	Họp BGH và lãnh đạo các phòng ban có liên quan	Phê duyệt và ban hành CTDH mới

Qua Bảng 10.1.1 cho thấy việc thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực và phản hồi của các BLQ được thực hiện theo một quy trình có tính hệ thống. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được sử dụng làm căn cứ để thiết kế CTDH. Trường đã ban hành các quy định, quy trình gồm: khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các BLQ, tiến hành thu thập, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi của các BLQ [H.10.10.01.01]. Theo Bảng mô tả trên cho thấy việc thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ đã được thu thập và sử dụng để thiết kế CTDH, cụ thể:

i) Đối với các chuyên gia: Trường, Khoa đã tổ chức hội thảo, tập huấn về các phương phương pháp, cách tiếp cận trong thiết kế CTDH. Dựa trên thông tin thu thập được từ các buổi hội thảo, tập huấn, Trường và Khoa đưa ra các quyết định thiết kế CTDH, đồng thời phân công nhân sự tổ chức thực hiện [H.10.10.01.04].

ii) Đối với các nhà tuyển dụng: Trường, Khoa đã ban hành quy trình nhà tuyển dụng đánh giá chất lượng sinh viên tốt nghiệp [H.10.10.01.05]. VD: đối với Khảo sát ý kiến của sinh viên năm cuối – khóa 2015, dữ liệu khảo sát SV ngành KHMT được thu thập tổng số 16 mẫu. Kết quả trên 7 tiêu chí, đa số các câu trả lời có điểm trung bình dao động từ 3.36 đến 4.19 trên thang điểm 5, nghĩa là ở giữa mức bình thường và hài lòng; Trong đó tiêu chí "Tác phong sư phạm của giảng viên" được đánh giá hài lòng nhất, tiêu chí "Chất lượng mạng wifi phục vụ cho công tác học tập nghiên cứu" được đánh giá hài lòng thấp nhất [H10.10.01.05](3). Căn cứ quy trình này, Trường tổ chức lấy ý kiến khảo sát nhằm xác định các năng lực và tố chất cần thiết của SV tốt nghiệp để đáp ứng với yêu cầu của thị trường lao động. Dựa trên kết quả khảo sát, Trường, Khoa CNTT thực hiện báo cáo đánh giá mức độ đáp ứng của SV tốt nghiệp ngành KHMT về kiến thức chuyên môn, kỹ năng, thái độ trong hành nghề và năng lực của SV tốt nghiệp để thiết kế CTDH phù hợp.

iii) Đối với GV: Khoa tổ chức họp Bộ môn, GV để thiết kế CTDH, thảo luận nhằm làm cơ sở thiết kế CĐR của CTDH, thiết kế ĐCCT, Phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá,…[H10.10.01.06].

iv) Đối với người học: Trường/Khoa tổ chức khảo sát ý kiến người học về phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá. Những phản hồi của người học được thu thập và xem xét để thiết kế và phát triển CTDH [H.10.10.01.05].

v) Đối với các cơ sở đào tạo khác trong nước: như Trường ĐHCT (CTU), Trường Đại học Công nghiệp TP. HCM (IUH); Trường, Khoa đã có tổ chức đối sánh giữa các nội

dung trong CTDH về Mục tiêu đào tạo, CĐR, Cấu trúc CTDH ngành KHMT có liên quan. Kết quả đối sánh được tham khảo để thiết kế CTDH phù hợp [H10.10.01.06].

vi) Đối với HĐKH & ĐT cấp Khoa: HĐKH & ĐT cấp Khoa họp để thảo luận thống nhất CĐR của CTDH, khung CTDH dự kiến, ĐCCT môn học. Từ đó, Khoa đã xây dựng dự thảo toàn bộ CTDH và ĐCCT [H10.10.01.07].

vii) Đối với Trường: Trường đã tổ chức họp BGH và lãnh đạo các phòng ban có liên quan, mà dại diện là HĐKH cấp Trường, thảo luận sự phù hợp của CĐR ngành với Chiến lược phát triển của Trường. Căn cứ vào kết quả tổng hợp ý kiến các BLQ, Trường đã phê duyệt và ban hành CTDH mới cho Khoa và ĐCCT các học phần thuộc ngành KHMT [H10.10.01.08].

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được sử dụng làm căn cứ để phát triển CTDH. Định kỳ, Khoa thực hiện rà soát và chỉnh sửa CTDH theo ý kiến khảo sát của các BLQ về: thay đổi thiết kế CĐR theo tiêu chuẩn mới, bổ sung một môn học cần thiết, tăng thời lượng thực hành cho một số môn học, tích hợp một số môn học để có môn học mới, thay đổi thời gian đào tạo phù hợp với số tín chỉ trong CTDH [H10.10.01.08], [H10.10.01.09]. Việc thay đổi tập trung theo hướng phát huy tính ứng dụng, thực hành trong đào tạo. Khoa thống kê kết quả khảo sát ý kiến của nhà tuyển dụng, sinh viên tốt nghiệp, giảng viên, chuyên gia về những điểm mạnh, điểm tồn tại của CTDH để cải tiến và phát triển, áp dụng cho đào tạo sinh viên khóa tiếp theo. VD: đối với Kết quả khảo sát ý kiến của cựu sinh viên năm 2020, về chất lượng đào tạo của Trường, dựa trên 15 tiêu chí, đa số các câu trả lời có điểm trung bình dao động từ 3.59 đến 3.82 trên thang điểm 5, nghĩa là ở giữa mức bình thường và hài lòng; Trong đó tiêu chí "Phương pháp kiểm tra, đánh giá học phần của giảng viên" được đánh giá hài lòng nhất, tiêu chí "Năng lực ngoại ngữ được tích lũy tại Trường đáp ứng nhu cầu công việc" được đánh giá hài lòng thấp nhất [H10.10.01.05](3). Bên cạnh đó, kết quả khảo sát góp phần phản ánh rõ nhu cầu của thị trường lao động ở từng giai đoạn và sự phù hợp phương pháp đào tạo, chất lượng đào tạo của CTDH ngành KHMT [H10.10.01.05]. CTDH ngành KHMT được ban hành lần đầu vào năm 2015 và các phiên bản điều chỉnh vào các năm 2018, 2020, 2022 [H10.10.01.09].

2. Điểm mạnh

Quá trình phát triển CTDH tuân thủ nghiêm ngặt theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như của Trường. Mỗi khi có điều chỉnh trong CTĐT, Khoa luôn tiến hành thu thập ý kiến đóng góp từ các BLQ theo quy trình đã được đề ra. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được tổ chức và triển khai một cách hiệu quả.

Các ý kiến phản hồi đều được Khoa tổng hợp, phân tích và vận dụng vào quá trình thiết kế, xây dựng, phát triển CTĐT, CTDH ngành KHMT của Khoa CNTT; Đảm bảo đủ cơ sở, có tính khoa học, có tính khách quan và độ tin cậy khi phát triển CTDH.

3. Điểm tồn tại

Các ý kiến đóng góp vào quá trình xây dựng CTĐT, CTDH hiện chỉ dừng lại ở mức độ góp ý cơ bản, thiếu đi sự phân tích sâu sắc và chuyên sâu.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Phòng ĐT phối hợp với Khoa tiếp tục thực hiện khảo sát các BLQ về CTDH theo kế hoạch hằng năm của Khoa. Dựa trên Bảng khảo sát các BLQ đã được kiểm chứng, Khoa tiếp tục sử dụng phản hồi của các BLQ làm cơ sở để điều chỉnh CTDH ngày càng phù hợp với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024-2025, Khoa có kế hoạch tiếp tục đẩy mạnh cải tiến các kênh trực tuyến để lấy ý kiến phản hồi về CTDH. Trên cơ sở đó, Khoa sẽ định kỳ họp chuyên môn để tổng hợp các ý kiến đóng góp về CTDH, đẩy mạnh hơn nữa việc tổ chức gặp gỡ, trao đổi với người có ý kiến phản hồi để thu thập thêm những ý kiến đóng góp chuyên sâu.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Phòng ĐT là đơn vị tham mưu BGH để phối hợp các Khoa rà soát quy trình thiết kế và quy trình đánh giá CTDH của Trường. Năm 2015, lần đầu tiên, Trường ban hành Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT của Trường [H10.10.02.01](1); Trong đó thể hiện các bước cụ thể của quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Phòng Đào tạo tổ chức cuộc họp với các đơn vị để rà soát Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CTĐT của Trường. Từ ý kiến góp ý của các đơn vị, Trường đã điều chỉnh và cập nhật Quy định, bao gồm quy trình thiết kế và phát triển CTDH với các biểu mẫu cụ thể. Sau đó, Quy định đã được trình Hiệu trưởng ký ban hành trong các năm 2018, 2020, 2021 và 2023. VD: Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT năm 2015 căn cứ theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ban hành ngày 16 tháng 04 năm 2015 [H10.10.02.01](1); Quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT năm 2018 căn cứ theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ban hành ngày 19 tháng 05 năm 2017 [H10.10.02.01](2). Các thay đổi này nhằm đảm bảo tính hiệu quả và phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động, đồng thời cải tiến và phát triển CTĐT cho sinh viên các khóa tiếp theo [H10.10.02.01].

Trước khi CTĐT được xây dựng, cập nhật, đánh giá, Trường tiến hành rà soát Quy trình này bằng việc ban hành Kế hoạch rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo đại học chính quy năm 2019 và các phiên bản năm 2020, 2022 [H10.10.02.02]. Theo kế hoạch, Phòng ĐT thực hiện tiến hành rà soát và báo cáo với Hiệu trưởng các thay đổi quan trọng trong Quy định về xây dựng xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT đại học;

đề xuất Bản dự thảo về Hướng dẫn xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT đại học; tiến hành lấy ý kiến đóng góp của các cá nhân và đơn vị có liên quan trong toàn Trường đối với bản dự thảo [H10.10.02.03]; Hoàn thiện Bản dự thảo về Hướng dẫn xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT đại học theo các ý kiến đóng góp và trình Hiệu trưởng xem xét, ký ban hành Quy trình mới. CTĐT của ngành KHMT đã được xây dựng và điều chỉnh, cập nhật vào các năm 2018, 2020 và 2022 theo các Quy trình này. VD: Quy trình xây dựng CTĐT năm 2020 được thực hiện cụ thể và chi tiết theo 8 bước [H10.10.02.01](4); Trong khi đó, phiên bản 2021 đã có sự cải tiến chi tiết hơn; Quy trình xây dựng CTĐT được cụ thể trong Chương III: Xây dựng, cải tiến, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra chương trình đào tạo [H10.10.02.01](5). Theo các Quy trình đã ban hành, khi nhận được thông báo về kế hoạch điều chỉnh CTĐT, Quyết định thành lập Tổ soạn thảo, cập nhật, đánh giá CTĐT trình độ đại học, Khoa CNTT triển khai Kế hoạch thông qua các cuộc họp và xây dựng kế hoạch thực hiện [H10.10.02.02], [H10.10.02.03], [H10.10.02.04], [H10.10.02.05]. Bộ môn KHMT triển khai đến các GV về việc xây dựng đề cương học phần theo CĐR [H10.10.02.06]. CTĐT ngành KHMT cũng được các BLQ đóng góp, xây dựng thông qua những khảo sát các đối tượng: GV, SV, cựu SV và NTD [H10.10.02.07]. Việc ban hành CTĐT được thực hiện trên cơ sở có sự cho phép của Bộ GD & ĐT [H10.10.02.08], sau đó là sự thông qua của HĐ KH & ĐT Trường [H10.10.02.09].

Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường ban hành kế hoạch rà soát, điều chỉnh, cải tiến CTDH của các CTĐT vào các năm 2018, 2020 và 2022, đồng thời thông báo đến các Khoa để triển khai rà soát các CTĐT đã ban hành [H10.10.02.10]. Trong kế hoạch rà soát, cập nhật, đánh giá CTDH, Trường yêu cầu các Khoa trong quá trình điều chỉnh CTDH phải tham khảo các CTDH của các Trường khác có uy tín trong nước và quốc tế, đồng thời lấy kiến phản hồi của các BLQ. Trong kế hoạch lấy ý kiến các BLQ của Trường có nội dung khảo sát về mục tiêu, CĐR của CTĐT và Đề cương học phần [H10.10.02.07]. VD: Trong Kế hoạch khảo sát ý kiến của sinh viên năm cuối – khóa 2015, có tiêu chí khảo sát về Mục tiêu và nội dung chương trình đào tạo [H10.10.02.07](2). Kết quả khảo sát ý kiến của các BLQ về CTDH được các Khoa tham khảo và sử dụng trong quá trình điều chỉnh CTDH. Ngoài ra, tại các hội nghị, hội thảo do Trường tổ chức, các khoa triển khai lấy ý kiến của các doanh nghiệp sử dụng lao động về các ngành có liên quan đến CTDH cần cải tiến [H10.10.02.07](4). CTDH ngành KHMT cũng đã tham khảo các CTDH của các Trường có uy tín trong nước và quốc tế, tiếp thu ý kiến của các BLQ khi điều chỉnh CTDH. Nhiệm vụ quan trọng của quá trình cập nhật gồm: cập nhật về CĐR CTĐT theo quy định tại Khung trình độ quốc gia Việt Nam (theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ), cập nhật chương trình khung, cập nhật CĐR học phần, ma trận CĐR, cập nhật đề cương các môn học phù hợp với CĐR CTĐT [H10.10.02.10].

2. Điểm mạnh

Việc thiết kế, xây dựng, cập nhật và đánh giá CTDH được thực hiện thống nhất trong toàn Trường theo quy trình, đảm bảo đúng quy định của Bộ GDĐT;

Hằng năm, Trường thực hiện rà soát và cập nhật lại quy trình xây dựng, thiết kế, cũng như quy trình cập nhật và đánh giá CĐR, CTĐT. Điều này đảm bảo phù hợp với yêu cầu của Bộ GDĐT, nhu cầu của các BLQ và thực tế hiện tại.

3. Điểm tồn tại

Ý kiến đóng góp từ các BLQ về quy trình thiết kế, xây dựng và quy trình cập nhật, đánh giá CĐR, CTĐT được thu thập chưa nhiều.

Một số bước và biểu mẫu trong quy trình rà soát, cập nhập CTĐT chưa được triển khai đầy đủ và hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Định kỳ mỗi HK, năm học, Khoa phối hợp với Phòng Đào tạo, Phòng Thanh tra - Pháp chế - Khảo thí - Đảm bảo chất lượng mở rộng và tăng cường lấy ý kiến các BLQ khi thiết kế và phát triển chương trình dạy học.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024-2025, Khoa CNTT sẽ phối hợp với Phòng Đào tạo tổ chức tập huấn kỹ các bước thực hiện quy trình xây dựng cũng như rà soát CTDH nhằm giúp GV hiểu rõ các nội dung để từ đó có những ý kiến đóng góp điều chỉnh thiết thực hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Để đảm bảo công tác dạy và học đảm bảo sự tương thích, phù hợp với CĐR của ngành KHMT, Trường đã sớm ban hành các văn bản, quy định liên quan đến quá trình dạy và học, KTĐG KQHT của người học; trong đó yêu cầu các Khoa thường xuyên rà soát và đánh giá quá trình dạy và học; việc đánh giá KQHT của SV phải đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR [H10.10.03.01], [H10.10.03.02]. Định kỳ hằng năm, Khoa CNTT thường xuyên tiến hành dự giờ GV của Khoa [H10.10.03.03]. Ngoài ra, từ năm học 2019-2020, P. TT-PC-KT-ĐBCL thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động giảng dạy của GV [H10.10.03.04]. Trong các Kết luận kiểm tra tình hình dạy - học qua các HK đều có các tiêu chí cụ thể như: Kiểm tra, giám sát việc thực hiện văn hóa công sở; Kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện giờ giảng thực tế theo Kế hoạch;… [H10.10.03.04]. Phòng ĐT là đơn vị giám sát về kết quả học tập của SV toàn Trường và Khoa CNTT giám sát kết quả học tập của SV do Khoa quản lý [H10.10.03.05]. Định kỳ hằng năm, Phòng CTCT & QLSV thống kê danh sách SV bị cảnh báo học vụ và trình Hiệu trưởng ra quyết định cảnh báo học vụ SV, trong đó có SV ngành KHMT [H10.10.03.06]. VD: Trong Quyết định về việc cảnh

báo học vụ đối với 270 sinh viên hệ chính quy của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ ngày 27/4/2023, có 21 SV ngành KHMT bị cảnh cáo học vụ [H10.10.03.06](8).

Năm học 2023- 2024, Khoa CNTT đã triển khai biên soạn tài liệu giảng dạy, giáo trình theo CĐR, giảng dạy môn học theo CĐR; Đây là công tác quan trọng trong việc đảm bảo sự tương thích và phù hợp của hoạt động dạy và học theo CĐR [H10.10.03.07]. Hằng năm, Trường luôn triển khai khảo sát chất lượng học phần giảng dạy của GV, đồng thời tiến hành hội nghị đối thoại giữa BGH với SV để làm cơ sở rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV [H10.10.03.08]. VD: Tổng hợp ý kiến khảo sát năm 2019, sinh viên Khóa 2015 có ý kiến về CĐR Ngoại ngữ, nội dung giảng dạy,… [H10.10.03.08](1).

Nội dung khảo sát ý kiến của GV, SV về chất lượng các hoạt động của Trường có nội dung khảo sát về độ tin cậy và độ chính xác của những loại hình, phương pháp KTĐG và KQHT của người học [H10.10.03.08](1). Trong Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ và Quy định về biên soạn, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần của Trường ban hành có quy định rõ về quy trình thi và hướng đến đạt CĐR của ngành [H10.10.03.09]. Bên cạnh đó, Trường đã tổ chức tập huấn cho GV cách thức xây dựng chuẩn đầu ra; Xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT; Thiết kế Rubrics và ban hành ngân hàng câu hỏi [H10.10.03.09](5).

2. Điểm mạnh

Việc dạy và học được quy định cụ thể bằng văn bản. Hoạt động giảng dạy được phản ánh kịp thời qua nhiều kênh thông tin, tạo cơ sở để giảng viên điều chỉnh phương pháp dạy, cập nhật kiến thức thực tiễn, nhằm phục vụ tốt hơn cho công tác giảng dạy.

Trường thường xuyên thực hiện việc lấy ý kiến người học về việc đánh giá KQHT.

Hoạt động tập huấn phát triển chuyên môn, sinh hoạt chuyên đề về cải tiến phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá đáp ứng CĐR được thực hiện thường xuyên theo từng học kỳ.

3. Điểm tồn tại

Một số học phần, tỷ lệ người học hài lòng về phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập chưa đạt mức cao.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Định kỳ, Khoa CNTT và Phòng Đào tạo sẽ tiếp tục cải tiến và hoàn thiện hoạt động đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Mục tiêu là tạo ra một quá trình đánh giá đa dạng và linh hoạt hơn, nhằm bao quát và đảm bảo tính chuẩn xác trong việc đánh giá.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024-2025, Khoa CNTT sẽ tăng cường tổ chức các buổi trao đổi, thảo luận và đánh giá để rút kinh nghiệm từ giảng viên và các BLQ. Mục tiêu là tìm ra phương pháp dạy, học và đánh giá kết quả học tập hiệu quả hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả hiện trạng

Xác định hoạt động NCKH là một trong những nhiệm vụ quan trọng góp phần đổi mới nội dung CTDH và phương pháp dạy học, Trường ban hành Quy định chế độ làm việc đối với GV [H10.10.04.01](1), [H10.10.04.01](2), trong đó bao gồm các nhiệm vụ cụ thể của GV, trọng tâm là giảng dạy và NCKH; Các loại hình NCKH được cụ thể trong Quy định về việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Trường [H10.10.04.01](3), [H10.10.04.01](4). Trong đó, Trường đã quy định rõ về 7 loại nhiệm vụ KH&CN như: Nhiệm vụ KH&CN cấp Nhà nước, Nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ và tương đương, Nhiệm vụ KH&CN cấp Tỉnh/Thành phố,… [H10.10.04.01](3). Hoạt động NCKH của các GV tham gia giảng dạy CTĐT ngành KHMT được Trường quan tâm, tạo điều kiện thực hiện. Theo đó, mỗi GV của Trường tối thiểu mỗi năm phải có một công trình khoa học được công bố dưới dạng đề tài NCKH, bài báo khoa học, tham luận hội thảo,… được quy đổi đến 250 giờ hoạt động NCKH. Nhờ vào những chính sách đó của Trường, số lượng sinh viên, giảng viên của Khoa CNTT tham gia nghiên cứu khoa học ngày càng nhiều. Trong giai đoạn 2018 - 2023, GV và SV Khoa CNTT đã thực hiện 37 đề tài NCKH với nhiều loại hình khác nhau. Cụ thể: 01 đề tài cấp TP, 27 đề tài cấp Trường, 01 bài báo và các công trình khác [H10.10.04.02](1), [H10.10.04.02](2).

Chuyển tải sản phẩm NCKH vào nội dung bài giảng là một quá trình quan trọng để áp dụng kiến thức nghiên cứu vào việc giảng dạy. Trên cơ sở các đề tài NCKH đã được nghiệm thu, thông qua Khoa, các chủ nhiệm đề tài chuyển tải đề tài NCKH thành nội dung bài giảng, chuyên đề và áp dụng vào quá trình dạy học. Các đề tài NCKH đều mang tính thực tiễn rất cao, có thể liệt kê vài đề tài như: "Xây dựng và triển khai ứng dụng lớp học trực tuyến hỗ trợ hoạt động dạy học, giai đoạn 1 áp dụng tại khoa Công nghệ thông tin, Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ"; "Xây dựng phần mềm thi trắc nghiệm Trung tâm sát hạch ứng dụng CNTT Trường ĐHKTCNCT"; "Ứng dụng máy học xây dựng ứng dụng Android cập nhật danh bạ qua hình chụp danh thiếp tiếng Anh: Ứng dụng ở phòng NCKH-HTQT-DA"; "Hệ thống Quản lý Thư viện khoa Công nghệ thông tin ứng dụng mã vạch";… [H10.10.04.03](1). Trong đó, đóng góp rất lớn vào ý tưởng cho các NCKH của Khoa CNTT là đề tài cấp TP "Xây dựng hệ thống truy xuất dữ liệu lớn cho trường đại học, cao đẳng" [H10.10.04.03](1).

Trước mỗi học kỳ các GV tham gia giảng dạy cùng một học phần phải tiến hành họp để thống nhất đề cương, tài liệu giảng dạy [H10.10.04.04]. Hội thảo khoa học cấp Khoa là các hoạt động giới thiệu các kết quả NCKH của GV và SV nhằm tạo môi trường trao đổi học thuật và áp dụng kết quả nghiên cứu [H10.10.04.05]. Thông qua các hoạt động sinh hoạt chuyên môn, Seminar chuyên đề với chuyên gia trong ngoài nước và hội thảo khoa học cấp khoa hàng tháng, hàng quý, hàng năm đã giúp ích rất nhiều cho GV trong việc cải tiến phương pháp giảng dạy, cập nhật tài liệu giảng dạy và hoàn thiện đề cương, bài giảng [H10.10.04.05]. Các hoạt động NCKH này cung cấp cho SV cơ hội tham khảo và mở rộng kiến thức ngoài phạm vi bài giảng, giáo trình. Tham gia vào các hoạt động này, SV đã áp dụng ý tưởng và kết quả từ các đề tài vào khóa luận tốt nghiệp của mình, từ đó hoàn thiện và khắc phục những hạn chế trong quá trình học tập và nghiên cứu [H10.10.04.06].

2. Điểm mạnh

Trường đã ban hành văn bản quy định về công tác NCKH của giảng viên và tiến hành triển khai thực hiện theo quy định.

Trong giai đoạn 2018 - 2023, GV và SV Khoa CNTT đã thực hiện 37 đề tài NCKH với nhiều loại hình khác nhau. Cụ thể: 01 đề tài cấp TP, 27 đề tài cấp Trường, 01 bài báo và các công trình khác.

Trường và Khoa CNTT đã tổ chức các hội thảo, sáng kiến kinh nghiệm để áp dụng kết quả NCKH, đồng thời có sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV.

3. Điểm tồn tại

Số lượng bài báo và công trình NCKH của giảng viên hiện vẫn còn khiêm tốn và chưa phản ánh đúng tiềm năng, khả năng của giảng viên Khoa CNTT.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Định kỳ mỗi năm học, Khoa và GV tiếp tục đăng ký biên soạn các giáo trình, tài liệu học tập phục vụ việc dạy và học. Bên cạnh đó, Khoa tiếp tục phối hợp với doanh nghiệp thực hiện các đề tài, đề án có tính ứng dụng cao.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa sẽ đẩy mạnh hoạt động NCKH, khuyến khích giảng viên và sinh viên tham gia NCKH, tích cực viết bài nghiên cứu. Khoa cũng có kế hoạch tổ chức thêm nhiều hội thảo cấp trường có quy mô, mời được các chuyên gia quốc tế tham gia để chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm.

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, trung tâm phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ hoạt động dạy và học tại Trường bao gồm thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác. Trường đã ban hành các văn bản, quy định về công tác CVHT [H10.10.05.01](3), quy chế quản lý, sử dụng tài sản của Trường [H10.10.05.01](1), Quy định tổ chức và hoạt động thư viện Trường [H10.10.05.01](2). Trong kế hoạch ngân sách hằng năm của Trường luôn dành kinh phí cho đầu tư, bảo trì, nâng cấp CSVC, trang thiết bị dạy học. Kế hoạch về CSVC của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ giai đoạn 2020-2025 nêu rõ mục tiêu đầu tư CSVC cho Cơ sở I với số tiền 12 tỷ đồng nhằm đáp ứng nhu cầu giảng dạy và đảm bảo chất lượng đào tạo của Trường [H10.10.05.02](2).

Quy định về khảo sát ý kiến của các BLQ trong công tác ĐBCL của Trường ban hành có nội dung đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác [H10.10.05.03](1). VD: Trong Quyết định ban hành Quy định về khảo sát ý kiến các bên liên quan trong công tác đảm bảo chất lượng giáo dục năm 2019, có nội dung khảo sát ý kiến của sinh viên về cơ sở vật chất phục vụ dạy học [H10.10.05.03](1). Căn cứ kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ về hoạt động của Trường đã được ban hành, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp với các Khoa thực hiện khảo sát ý kiến của GV, SV về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường [H10.10.05.03]. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ được Phòng TT-PC-KT-ĐBCL gửi đến các đơn vị để có cơ sở áp dụng các biện pháp cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường [H10.10.05.04]. Trong giai đoạn 2018 - 2023, ý kiến khảo sát của GV và SV thể hiện mức độ hài lòng đối với các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường.VD: trong Báo cáo kết quả phân tích dữ liệu khảo sát sinh viên năm cuối trước khi tốt nghiệp năm 2019, Tiêu chí "Tài liệu học tập và cơ sở vật chất" được đánh giá mức độ hài lòng thấp nhất trong các tiêu chí khảo sát [H10.10.05.04](1). Tương tự, trong Báo cáo phân tích thống kê ý kiến của cán bộ, viên chức về mức độ đáp ứng nhu cầu của thư viện và thư viện số của Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ năm 2020, tiêu chí mức độ đáp ứng về cơ sở vật chất và không gian phục vụ, trong 57 mẫu kết quả thu về, đa số CBVC đánh giá mức độ hài lòng không cao với tỷ lệ như sau: Hoàn toàn không hài lòng (1.75%), Không hài lòng (19.3%), Không ý kiến (35.09%), Hài lòng (42.11%), Hoàn toàn hài lòng (1.75%) [H10.10.05.04](3).

Kết quả khảo sát và dữ liệu khảo sát là một trong những thông tin đầu vào để giúp các đơn vị trong Trường đánh giá và đưa ra các hoạt động cải tiến thể hiện qua các Báo cáo tổng kết năm học và Kế hoạch năm học tiếp theo của Trường và các đơn vị [H10.10.05.05]. Trên cơ sở khảo sát ý kiến của các BLQ và kết quả các cuộc họp tổng kết năm học, các dịch vụ hỗ trợ đã được cải tiến và nâng cao chất lượng phục vụ. Năm 2023, Trường đầu tư, nâng cấp hạ tầng CNTT - TT, với chi phí là 69.184.500 đồng [H10.10.05.06](1).

Với phương châm lấy người học làm trung tâm, Trường rất chú trọng trong việc xây dựng CSVC phục vụ tốt cho SV. Những năm qua, Trường và khoa CNTT thường xuyên phối hợp với các phòng ban chức năng tổ chức hội nghị đối thoại với SV nhằm lấy ý kiến phản hồi trực tiếp từ SV để có giải pháp điều chỉnh, cải tiến CSVC tốt nhất cho SV. Ngoài ra, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL còn tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV về cơ sở vật chất và trang thiết bị [H10.10.05.04]. Kết quả thu được từ khảo sát này cũng là cơ sở để Khoa và Trường đầu tư mạnh mẽ hơn vào việc nâng cấp, cải thiện cơ sở vật chất để phục vụ SV ngày càng tốt hơn [H10.10.05.07].

2. Điểm mạnh

Các văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của Thư viện, phòng thực hành, hệ thống thông tin ngày càng được hoàn thiện.

Hệ thống CSVC, trang thiết bị dạy, chất lượng các dịch vụ, tiện ích được định kỳ rà soát, đánh giá mức độ đáp ứng và có kế hoạch cải tiến, sửa chữa, cải tạo để nâng cao chất lượng phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập.

Hằng năm, Trường và Khoa CNTT thực hiện khảo sát ý kiến của các BLQ về mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác (tư vấn người học, công tác sinh viên, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa, …).

Hoạt động rà soát nhằm đánh giá chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ ngày càng được chú trọng, được thực hiện một cách thường xuyên và bằng nhiều hình thức đa dạng khác nhau nhằm thu được kết quả phản hồi đáng tin cậy và đúng với thực tế.

Trường thực hiện nhiều cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm phục vụ tốt hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

3. Điểm tồn tại

Thông tin phản hồi về kết quả khảo sát chất lượng các dịch vụ hỗ trợ đến các BLQ được Trường thường xuyên thực hiện. Tuy nhiên, kết quả cải tiến từ các đơn vị trực tiếp phụ trách chưa được phản hồi cụ thể và đầy đủ đến các BLQ.

Một số nhu cầu hỗ trợ của người học mặc dù được đáp ứng đầy đủ nhưng đôi khi chưa kịp thời do cần phải chờ kết quả thẩm định từ các phòng ban liên quan.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Định kỳ mỗi năm học, Trường tiếp tục rà soát nhằm đánh giá chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ, đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ của Thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin,…

Khắc phục tồn tại:

Từ năm 2024-2025, ngay sau khi có kết quả hồi của các BLQ về chất lượng dịch vụ, Trường sẽ tổng hợp và gửi ý kiến đến các đơn vị trực tiếp phụ trách; thực hiện cải tiến và phản hồi cụ thể hơn đến các BLQ.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Trường đã ban hành văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc, trong đó có phân công Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp các đơn vị triển khai khảo sát ý kiến các BLQ về các hoạt động của Trường [H10.10.06.01]. Quy định hoạt động ĐBCL bên trong của Trường có thể hiện rõ ràng về sự tham gia của các BLQ. Bên cạnh đó, Trường cũng đã ban hành quy định về khảo sát ý kiến của các BLQ trong công tác ĐBCL, trong đó quy định trách nhiệm của đơn vị, cá nhân triển khai công tác khảo sát các BLQ. Cụ thể:

i) Phòng TT-PC-KT-ĐBCL: phối hợp các đơn vị xây dựng các biểu mẫu khảo sát, xây dựng kế hoạch khảo sát các BLQ, triển khai, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện của các đơn vị liên quan, hỗ trợ các đơn vị phân tích số liệu khảo sát, lưu trữ toàn bộ kế hoạch, biên bản, các văn bản triển khai thực hiện, phiếu khảo sát, dữ liệu thống kê, các báo cáo, văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện cải tiến chất lượng về công tác khảo sát trong thời hạn 05 năm [H10.10.06.01](2).

ii) Phòng TC-HC: có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến các BLQ về tầm nhìn sứ mạng, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục; khảo sát ý kiến của viên chức về môi trường làm việc, chế độ chính sách, nhu cầu học tập, đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H10.10.06.01](2).

iii) Phòng ĐT: có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến của SV năm thứ nhất về công tác tuyển sinh, công tác nhập học [H10.10.06.01](2).

iv) Phòng QLKH-HTQT: có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến của cán bộ, giảng viên, sinh viên về công tác quản lý khoa học và công nghệ [H10.10.06.01](2).

v) Phòng CTCT&QLSV: có trách nhiệm triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến của cựu sinh viên về việc làm; khảo sát ý kiến của nhà tuyển dụng về chất lượng sinh viên tốt nghiệp [H10.10.06.01](2).

vi) Các Khoa: Điều 19 trong Quyết định ban hành Quy định về hoạt động khảo sát phục vụ công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ năm 2021, nêu rõ trách nhiệm của các Khoa trong việc triển khai, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá cải tiến, báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến của sinh viên về chất lượng học phần đồ án, tiểu luận, luận văn tốt nghiệp; khảo sát ý kiến SV năm cuối về chất lượng đào tạo; khảo sát mở ngành đào tạo mới; khảo sát ý kiến về cập nhật chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra; khảo sát ý kiến của sinh viên về chất lượng giảng dạy của giảng viên, hoạt động dạy học và phương pháp đánh giá học phần, giáo trình, cơ sở vật chất phục vụ dạy học [H10.10.06.02](1).

Hằng năm, Trường ban hành và triển khai kế hoạch khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ trong công tác ĐBCL của Trường [H10.10.06.02](2). Ngoài ra, Trường cũng đã ban hành Sổ tay ĐBCL, trong đó thể hiện rõ sự tham gia của các BLQ trong các hoạt động ĐBCL của Trường [H10.10.06.03].

Bảng 10.6.1. Quy trình thu thập thông tin phản hồi theo hệ thống

STT	Nội dung khảo sát	Thời gian thực hiện	Đơn vị phụ trách chính
1	Ý kiến của cán bộ, viên chức, giảng viên về các lĩnh vực hoạt động của Trường	1 lần/năm	Phòng TT-PC-KT-ĐBCL
2	Ý kiến của sinh viên về các lĩnh vực hoạt động của Trường	1 lần/năm	Phòng TT-PC-KT-ĐBCL
3	Ý kiến của cựu sinh viên về tình hình việc làm và chất lượng đào tạo	1 lần/năm	Phòng TT-PC-KT-ĐBCL
4	Ý kiến của nhà tuyển dụng về nhu cầu việc làm và chất lượng đào tạo	1 lần/năm	Phòng TT-PC-KT-ĐBCL
5	Điều chỉnh CTĐT (dành cho sinh viên)	ít nhất 1 lần / 2 năm	Các khoa
6	Điều chỉnh CTĐT (dành cho cựu sinh viên)	ít nhất 1 lần / 2 năm	Các khoa
7	Điều chỉnh CTĐT (dành cho nhà tuyển dụng)	ít nhất 1 lần / 2 năm	Các khoa
8	Ý kiến của sinh viên năm thứ nhất về công tác tuyển sinh, nhập học	1 lần/năm	Các khoa
9	Ý kiến của sinh viên về chất lượng học phần lý thuyết và thực hành	1 lần/học kỳ	Các khoa
10	Ý kiến của sinh viên về chất lượng học phần đồ án, khóa luận	1 lần/học kỳ	Các khoa

Qua Bảng 10.6.1, ta thấy rằng các BLQ đã thực hiện cơ chế phản hồi về các thông tin tương ứng, bao gồm về môn học, toàn khóa học, dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, thu nhập, cũng như chất lượng của sinh viên tốt nghiệp. Các văn bản quy định cụ thể và có tính hệ thống đã được áp dụng trong quá trình này.

Cơ chế phản hồi của các BLQ luôn được đánh giá. Hằng năm, Trường và Khoa tổ chức khảo sát toàn diện về môn học, về toàn khóa học, về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ, về tình hình việc làm sau khi ra trường, về chất lượng SV tốt nghiệp [H10.10.06.02], [H10.10.06.04]. Trong Quyết định ban hành Quy định về khảo sát ý kiến các BLQ trong công tác đảm bảo chất lượng giáo dục năm 2020, nêu rõ vai trò của Phòng TT-PC-KT-ĐBCL trong công tác tổ chức, phối hợp với các đơn vị trong việc triển khai, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện công tác đảm bảo chất lượng của các đơn vị có liên quan [H10.10.06.02](1). Dựa trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các đơn vị, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL xây dựng quy định về khảo sát ý kiến của các BLQ trong công tác ĐBCL, trình Hiệu trưởng

ký ban hành vào các năm 2019, 2020 và 2021 [H10.10.06.02](1). Định kỳ hằng năm, căn cứ Quyết định ban hành các mẫu phiếu khảo sát sự hài lòng các BLQ [H10.10.06.02](1), Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp các đơn vị triển khai khảo sát các BLQ về các hoạt động của Trường [H10.10.06.02](2). Kết quả khảo sát được báo cáo BGH và gửi đến các phòng, khoa, trung tâm tham khảo, sử dụng trong quá trình cải tiến các lĩnh vực hoạt động được phân công phụ trách. Bên cạnh đó, Kết quả khảo sát ý kiến của các BLQ được gửi đến các Khoa để tham khảo, sử dụng trong quá trình điều chỉnh CĐR, CTĐT của Trường [H10.10.06.04].

Cơ chế phản hồi của các BLQ được đánh giá và cải tiến. Quy định về khảo sát ý kiến của các BLQ trong công tác ĐBCL của Trường đã điều chỉnh được gửi đến các đơn vị để thông báo đến GV, SV biết và thực hiện. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường triển khai thực hiện tốt hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ [H10.10.06.04]. VD: Phòng TT-PC-KT-ĐBCL đã thực hiện khảo sát sinh viên năm cuối trước khi tốt nghiệp, kết quả được thể hiện qua Báo cáo kết quả phân tích dữ liệu khảo sát sinh viên năm cuối trước khi tốt nghiệp năm 2018; năm 2020, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL đã thực hiện khảo sát và có Báo cáo kết quả phân tích dữ liệu khảo sát ý kiến cán bộ viên chức về môi trường làm việc năm 2019 [H10.10.06.04]. Kết quả tổng hợp qua các đợt khảo sát lấy ý kiến các BLQ được gửi đến cho các khoa, các đơn vị có liên quan để xem xét, làm cơ sở cho kế hoạch cải tiến chất lượng giảng dạy, và chất lượng đào tạo [H10.10.06.04].

2. Điểm mạnh.

Nhà trường đã ban hành cụ thể các văn bản quy định, hướng dẫn thực hiện việc lấy ý kiến các BLQ và giao nhiệm vụ cho đơn vị chuyên trách thực hiện công tác này.

Quy trình lấy ý kiến các BLQ được rà soát và cập nhật hằng năm phù hợp với tình hình thực tế của Trường.

3. Điểm tồn tại

Việc thiết kế các công cụ khảo sát chưa hoàn toàn hiệu quả và chưa thể đối sánh đầy đủ ý kiến các BLQ.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Định kỳ, Trường sẽ tiếp tục giám sát việc thực hiện cơ chế, quy trình phản hồi của các BLQ. Kể từ năm học 2024 - 2025, Khoa sẽ phối hợp với đơn vị liên quan xây dựng các biện pháp nhằm tăng cường tính khách quan và liên tục của thông tin thu thập từ ý kiến phản hồi của các BLQ.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024-2025, Trường sẽ xây dựng và ban hành hướng dẫn cụ thể cách thức thực hiện khảo sát và xử lý kết quả khảo sát. Đồng thời, tăng cường công tác tập huấn về khảo sát và thiết kế công cụ khảo sát.

Thực hiện đối sánh ý kiến các BLQ để điều chỉnh CTĐT, điều chỉnh hoạt động dạy học, hoạt động hỗ trợ đáp ứng yêu cầu của các BLQ.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận Tiêu chuẩn 10

Những điểm mạnh nổi bật:

Việc phát triển CTDH tuân thủ theo quy định của Trường và Bộ GDĐT, có kế hoạch rõ ràng. Mỗi đợt điều chỉnh CTĐT, Khoa đều tổ chức thực hiện lấy ý kiến phản hồi của các bên liên theo đúng quy trình. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được tổ chức và thực hiện tốt. Các ý kiến phản hồi đều được Khoa tổng hợp, phân tích và vận dụng vào quá trình thiết kế, xây dựng, phát triển CTĐT, CTDH của Khoa, đảm bảo đủ cơ sở, có tính khoa học, có tính khách quan và độ tin cậy khi phát triển CTDH.

Việc thiết kế, xây dựng, cập nhật và đánh giá CTDH được thực hiện thống nhất trong toàn trường theo quy trình, đảm bảo đúng quy định của BGDĐT. Hàng năm, Trường đều thực hiện rà soát, cập nhật lại QT xây dựng, thiết kế và QT cập nhật, đánh giá CĐR, CTĐT, phù hợp với yêu cầu của BGDĐT, nhu cầu của các BLQ và với thực tế của Trường.

Việc dạy và học được quy định cụ thể. Hoạt động giảng dạy được phản ánh kịp thời qua nhiều kênh thông tin làm cơ sở để GV điều chỉnh kịp thời phương pháp, cập nhật kiến thức thực tiễn phục vụ tốt hơn công tác giảng dạy. Trường thường xuyên thực hiện việc lấy ý kiến người học về việc đánh giá KQHT. Hoạt động tập huấn phát triển chuyên môn, sinh hoạt chuyên đề về cải tiến phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá đáp ứng CĐR được thực hiện thường xuyên theo từng học kỳ.

Trường ban hành văn bản quy định về công tác NCKH của GV và triển khai thực hiện. Trong giai đoạn 2018 - 2023, GV và SV Khoa CNTT đã thực hiện 37 đề tài NCKH với nhiều loại hình khác nhau. Cụ thể: 01 đề tài cấp TP, 27 đề tài cấp Trường, 01 bài báo và các công trình khác. Trường và Khoa CNTT tổ chức các hội thảo, sáng kiến kinh nghiệm để áp dụng kết quả NCKH, đồng thời có sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV.

Các văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của Thư viện, phòng thực hành, hệ thống thông tin ngày càng được hoàn thiện. Hệ thống CSVC, trang thiết bị dạy, chất lượng các dịch vụ, tiện ích được định kỳ rà soát, đánh giá mức độ đáp ứng và có kế hoạch cải tiến, sửa chữa, cải tạo để nâng cao chất lượng phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập định kỳ. Hằng năm, Trường và Khoa CNTT thực hiện khảo sát ý kiến của GV, SV về mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác (tư vấn người học, công tác sinh viên, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa, …). Hoạt động rà soát nhằm đánh giá chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ ngày càng được chú trọng, được thực hiện một cách thường xuyên và bằng nhiều hình thức đa dạng khác nhau nhằm thu được kết quả

phản hồi đáng tin cậy và đúng với thực tế. Trường thực hiện nhiều cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm phục vụ tốt hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

Trường đã ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn thực hiện việc lấy ý kiến các BLQ và giao cho đơn vị chuyên trách thực hiện công tác này. Quy trình lấy ý kiến các BLQ được rà soát và cập nhật hằng năm phù hợp với tình hình thực tế của trường.

Những tồn tại cơ bản:

Việc đóng góp ý kiến để xây dựng CTDH chỉ mới ở mức độ góp ý mà thiếu sự phân tích chuyên sâu. Ý kiến đóng góp từ các đơn vị về quy trình thiết kế, xây dựng và quy trình cập nhật, đánh giá CĐR, CTĐT chưa nhiều. Một số bước và biểu mẫu trong quy trình rà soát, cập nhập CTĐT chưa được triển khai đầy đủ và hiệu quả. Một số học phần, tỷ lệ người học hài lòng về phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập còn chưa cao. Số lượng bài báo, công trình NCKH của GV còn ít và chưa tương xứng với tiềm năng của GV. Thông tin phản hồi về kết quả khảo sát chất lượng các dịch vụ hỗ trợ đến các BLQ được Nhà trường thường xuyên thực hiện. Tuy nhiên, kết quả cải tiến từ các đơn vị trực tiếp phụ trách chưa được phản hồi cụ thể và đầy đủ đến các BLQ. Một số nhu cầu của người học mặc dù được đáp ứng đầy đủ nhưng đôi khi chưa kịp thời do cần phải chờ kết quả thẩm định từ phòng ban liên quan. Việc thiết kế các công cụ khảo sát chưa hoàn toàn hiệu quả và chưa thể đối sánh đầy đủ ý kiến các BLQ.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn:

Có 5/6 tiêu chí đạt 5,0 điểm, 1/6 tiêu chí đạt 4,0 điểm. Mức trung bình của tiêu chuẩn đạt: 4,83 điểm; Số tiêu chí đạt: 6/6; Tỉ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Mở đầu: Đánh giá chất lượng đầu ra của SV có vai trò quan trọng trong hệ thống đảm bảo chất lượng của Trường. Hằng năm, Phòng CTCT & QLSV đã tổ chức thống kê tỷ lệ SV tốt nghiệp, thời gian hoàn thành chương trình, tỷ lệ SV thôi học, lượng SV tốt nghiệp xin được việc làm cũng được cập nhật thông qua sự kết nối chặt chẽ với cựu SV. Các hoạt động NCKH cho SV được quy định với trình tự chặt chẽ, đảm bảo phù hợp với CĐR của ngành KHMT. Các hướng nghiên cứu ưu tiên của Trường được lên kế hoạch hàng năm và khuyến khích thực hiện. Trường và Khoa CNTT cũng đã xây dựng hệ thống thu thập và phân tích sự hài lòng của các BLQ là cơ sở quan trọng cho việc cải tiến chương trình, hoạt động và chất lượng của hệ thống đảm bảo chất lượng.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn (không kể thời gian kéo dài) được xác lập. Danh sách thôi học, tốt nghiệp được cập nhật hằng năm. Thực tế, năm học đầu tiên luôn luôn là

năm học có nhiều sự biến động lớn về tỷ lệ thôi học của SV. Chính vì vậy, Khoa CNTT theo dõi tỷ lệ SV đang theo học tại Khoa thông qua các kênh thông tin, số liệu khảo sát của Phòng ĐT, Phòng CTCT & QLSV và báo cáo sinh hoạt CVHT mỗi tháng. Định kỳ hằng năm, trước khi bắt đầu năm học mới, Phòng ĐT xây dựng dự thảo kế hoạch đào tạo năm học và gửi đến các viên chức, giảng viên trong toàn Trường để lấy ý kiến góp ý [H11.11.01.01]. Theo đó, mỗi năm học, Khoa CNTT phối hợp chặt chẽ với Phòng ĐT, Phòng CTCT & QLSV để theo dõi, giám sát tỷ lệ SV theo học bao gồm số lượng đầu vào của SV, tỷ lệ thôi học của SV [H11.11.01.02]. VD: Quyết định về việc buộc thôi học đối với 124 sinh viên đại học hệ chính quy Học kỳ I, năm học 2022-2023 đã liệt kê thông tin, lý do của các sinh viên vi phạm quy chế, bị buộc thôi học. Theo danh sách này, có 13 sinh viên ngành KHMT thuộc các Khóa bị buộc thôi học [H11.11.01.02](2). Tất cả các số liệu trên đều được Phòng ĐT quản lý thông qua Hệ thống quản lý giáo dục với độ tin cậy và tính chính xác cao [H11.11.01.03].

Trong giai đoạn 2018-2019, Phòng ĐT chịu trách nhiệm thống kê tình hình SV tốt nghiệp, thôi học, học lại và thi lại của sinh viên Trường [H11.11.01.04]. Từ năm 2020 về sau, nhiệm vụ đó được BGH phân công cho Phòng CTCT & QLSV [H11.11.01.05]. Phòng CTCT & QLSV giám sát chặt chẽ tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp của SV toàn Trường nhằm có sự đối sánh để cải tiến chất lượng ĐT. Ngoài ra, Phòng CTCT & QLSV cũng phụ trách nhiệm vụ khảo sát ý kiến SV, thống kê tình hình tốt nghiệp, việc làm SV,… [H11.11.01.05]. Các chỉ số về tốt nghiệp và thôi học được xác lập như sau:

Bảng 11.1.1 Bảng thống kê các chỉ số về tốt nghiệp và thôi học

TT	Chỉ số hoạt động chính (KPIs) (%)	Công thức tính
1	Tỷ lệ SV tốt nghiệp so với số tuyển vào (tính theo khóa học)	Tổng số SV tốt nghiệp /số SV nhập học
2	Tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng tiến độ và sớm tiến độ (tính theo ngành học, khóa học, khoa quản lý ngành)	Tổng số SV tốt nghiệp đúng tiến độ và sớm tiến độ/Tổng số SV hiện tại (theo ngành học, khóa học, khoa quản lý ngành)
3	Tỷ lệ SV thôi học của từng học kỳ, năm học so với đầu vào (tính theo ngành học, khóa học, khoa quản lý ngành)	Tổng số SV thôi học của từng học kỳ, năm học/Tổng số SV nhập học đầu vào (tính theo ngành học, khóa học, khoa quản lý ngành)
4	Tỷ lệ SV thôi học của từng học kỳ, năm học so với tổng số SV của học kỳ, năm học liền kề trước	Tổng số SV thôi học của từng học kỳ, năm học/Tổng số SV của học kỳ, năm học liền kề trước

Trường áp dụng Hệ thống quản lý giáo dục để lưu trữ thông tin liên quan đến sinh viên, bao gồm kết quả quá trình đào tạo, học phí, học bổng, tình hình học tập rèn luyện, theo dõi điểm số của sinh viên, và xem xét tỷ lệ đậu rớt, bỏ học, cũng như xét tốt nghiệp,…

[H11.11.01.03]. Thông qua hệ thống, SV có thể tra cứu nhanh (trực tuyến) KQHT, lịch học, lịch thi, điểm thi, đăng ký học phần và theo dõi, giám sát sự tiến bộ của mình một cách hiệu quả. Bên cạnh đó, Trường liên kết với công ty phát triển phần mềm xây dựng thêm một số tính năng nhằm phục vụ cho công tác tổng hợp thống kê báo cáo, công tác quản lý và điều hành của lãnh đạo Trường [H11.11.01.05].

Mỗi học kỳ, tỷ lệ SV tốt nghiệp và thôi học của các Khoa được xác lập và giám sát chặt chẽ thông qua các báo cáo, phân tích kết quả của Phòng ĐT, Phòng CTCT & QLSV [H11.11.01.04], [H11.11.01.05].

Bảng 11.1.2. Tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành KHMT của 5 Khóa

Khóa học	Số lượng cuối khóa	Thời gian hoàn thành chương trình đào tạo											
		3 năm		4 năm		4,25 năm		4,5 năm		Trên 4,5 năm		Tổng	
		SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
2015	42	0	0	8	19,0	0	0,0	3	7,1	31	73,8	42	100,0
2016	22	0	0	12	54,5	0	0,0	0	0,0	7	31,8	19	86,4
2017	23	0	0	9	39,1	2	8,7	0	0,0	5	21,7	16	69,6
2018	57	0	0	22	38,6	1	1,8	14	24,6	10	17,5	47	82,5
2019	51	0	0	0	0,0	24	47,1	0	0,0	0	0,0	24	47,1

(Số liệu cập nhật đến 31/12/2023)

Qua bảng số liệu về tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành KHMT, tính đến thời điểm hiện tại, ngành đã có 05 Khóa có SV tốt nghiệp. Trong đó, tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn dao dộng từ 19% (Khóa 2015), cũng là Khóa đầu tiên đào tạo ngành KHMT, đến 54,5% (Khóa 2016).

Bảng 11.1.3 Tỷ lệ SV thôi học ngành KHMT của 5 Khóa

Khóa học	Số lượng nhập học	SV thôi học									
		Năm thứ 1		Năm thứ 2		Năm thứ 3		Năm thứ 4		Năm thứ 5	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
2015	65	0	-	0	-	6	9	0	-	8	12,31
2016	25	0	-	0	-	0	-	3	12,00	0	-
2017	33	0	-	0	-	5	15	5	15,15	0	-
2018	68	0	-	0	-	8	12	2	2,94	1	1,47
2019	65	0	-	10	15,38	0	-	2	3,08	2	3,08

(Số liệu cập nhật đến 31/12/2023)

Dựa vào Bảng số liệu trên, cho thấy tỷ lệ sinh viên thôi học ngành KHMT qua từng năm không quá cao, nằm trong giới hạn mà ngành học có thể chấp nhận được. Trong năm thứ nhất, hầu hết các Khóa đều không có sinh viên thôi học, điều này có thể do sinh viên mới nhập học còn nhiều động lực và hứng thú với ngành học. Rải rác từ năm thứ 3 trở đi bắt đầu có sinh viên thôi học do nhiều nguyên nhân khác nhau. Dưới đây là một số lý do phổ biến:

i) Chọn sai ngành: Nhiều sinh viên chọn ngành học không phù hợp với sở thích và khả năng của mình, thường do áp lực từ gia đình hoặc bạn bè. Điều này dẫn đến sự chán nản và quyết định bỏ học.

ii) *Khó khăn trong học tập*: KHMT là một ngành đòi hỏi nhiều kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về toán học, lập trình và các công nghệ mới. Nhiều sinh viên gặp khó khăn trong việc theo kịp chương trình học và cảm thấy quá tải.

Trong khi đó, các Khóa từ 2018 đến 2019, tỷ lệ sinh viên thôi học có xu hướng giảm dần. Đây là một dấu hiệu tích cực, cho thấy Trường đã thành công trong việc giảm thiểu các yếu tố dẫn đến việc sinh viên thôi học.

Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của SV ngành KHMT được đánh giá, phân tích, giám sát. Nhằm giảm thiểu số lượng SV thôi học từ khóa 2020 trở đi, Ban chủ nhiệm khoa CNTT đã tiến hành rà soát dữ liệu tình hình học tập của từng niên khóa do giáo vụ Khoa cung cấp. Hoạt động quản lý SV thôi học/SV tốt nghiệp được thực hiện qua nhiều cấp độ khác nhau: cấp Khoa và cấp Trường. Khoa là đầu mối thông tin về tình trạng sinh viên, tỷ lệ SV tốt nghiệp, thôi học, đang theo học. Thống kê của Phòng ĐT, Phòng CTCT & QLSV mỗi học kỳ cũng là kết quả quan trọng thể hiện chính xác số liệu trạng thái SV [H11.11.01.05]. Dự đoán tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của SV tham gia CTĐT cũng là căn cứ quan trọng để Khoa CNTT xây dựng các giải pháp phù hợp nhằm giảm thiểu tỷ lệ thôi học và hỗ trợ SV tiếp tục quá trình học tập [H11.11.01.06]. Đối với các trường hợp SV có kết quả thuộc diện

cảnh báo buộc thôi học, Phòng ĐT phối hợp Khoa CNTT đề xuất giải pháp thông qua CVHT để trao đổi trực tiếp với SV về vấn đề học vụ; phối hợp với GV phụ trách để hỗ trợ thêm cho SV các phương pháp cải thiện kết quả học tập, hạn chế tình trạng cảnh báo học vụ. Các biện pháp này được triển khai cụ thể tại báo cáo đánh giá dự đoán tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của SV tham gia CTĐT và các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp [H11.11.01.06].

Hằng năm, Khoa CNTT đối sánh về tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp để cải tiến chất lượng CTĐT. Việc đối sánh về tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp được Phòng ĐT thực hiện với các ngành đào tạo khác trong phạm vi toàn Trường [H11.11.01.08].

Bảng 11.1.4. Đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp của 5 Khóa giữa ngành KHMT với ngành KTPM

	Khóa học	SL đầu vào	Tốt nghiệp trong thời gian						
			3 năm	4 năm	4,25 năm	4,5 năm	> 4,5 năm	Tổng	Tỷ lệ (%)
Ngành KHMT	2015	65	0	8	0	3	31	42	100,0
	2016	25	0	12	0	0	7	19	86,4
	2017	33	0	9	2	0	5	16	69,6
	2018	68	0	22	1	14	10	47	82,5
	2019	65	0	0	24	0	0	24	47,1
Ngành KTPM	2015	58	0	26	0	5	27	58	100
	2016	42	0	26	0	2	7	35	83,33
	2017	75	0	23	9	6	26	64	85,33
	2018	77	0	37	7	9	9	62	80,52
	2019	71	0	0	38	0	0	38	53,52

(Số liệu cập nhật đến 31/12/2023)

Sau mỗi năm học, Phòng ĐT tiến hành đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp so với cùng kỳ các năm trước. Đồng thời sau mỗi học kỳ, Phòng ĐT tiến hành đối sánh tỷ lệ SV học lại, phổ điểm kết quả học tập so với cùng kỳ các năm trước [H11.11.01.08]. Ngoài ra, Phòng ĐT đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV học lại học phần của các CTĐT tương ứng với Trường Đại học Cần Thơ. Kết quả đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SV học lại, thi lại học phần của Trường được báo cáo BGH và gửi đến các Khoa [H11.11.01.08]. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường tập trung tăng cường đầu tư CSVC, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu dạy và học, rà soát, điều chỉnh CTĐT nhằm phù hợp

với yêu cầu xã hội, đổi mới PPDH, KTĐG, tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp, giảm tỷ lệ SV thôi học cũng như giảm tỷ lệ SV học lại, thi lại các học phần của Trường [H11.11.01.09], [H11.11.01.10], [H11.11.01.11].

2. Điểm mạnh

Trường có đội ngũ và công cụ theo dõi, cập nhật danh sách về tỷ lệ thôi học và tốt nghiệp. Danh sách này thường xuyên được cập nhật sau mỗi học kỳ. Đồng thời, Khoa CNTT cũng sẽ phố hợp với các Phòng có liên quan tiến hành tìm hiểu và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc thôi học.

3. Điểm hạn chế

SV tốt nghiệp đúng tiến độ vẫn còn chiếm tỷ trọng tương đối thấp trong tổng số lượng SV đã tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Định kỳ hằng năm, Trường tăng cường kinh phí để nâng cấp phần mềm quản lý giáo dục. Trong quá trình này, chúng tôi đặc biệt tập trung vào việc phân công theo dõi và giám sát tỷ lệ thôi học và tốt nghiệp đúng hạn, cũng như quản lý danh sách thôi học và tốt nghiệp.

Khắc phục tồn tại:

Kể từ năm học 2024 - 2025, các CVHT của từng lớp giám sát tình hình học tập của SV do mình phụ trách, nắm bắt nguyên nhân của từng trường hợp cụ thể bị chậm tiến độ để có các giải pháp giúp SV tốt nghiệp đúng tiến độ.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Trường đã ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị, trong đó giao nhiệm vụ cho Phòng ĐT là đơn vị chủ trì phối hợp với Phòng CTCT&QLSV, các Khoa theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV trong các ngành đào tạo của Trường [H11.11.02.01]. BGH phân công 01 thành viên BGH quản lý công tác đào tạo, chỉ đạo chung về hệ thống theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV [H11.11.02.01](3). Thời gian tốt nghiệp trung bình của hình thức đào tạo chính quy ngành KHMT được Khoa CNTT tính toán cụ thể**.** Qua đó, Khoa CNTT kết hợp với các Phòng có liên quan, thống nhất thời gian đào tạo tối thiểu và tối đa của ngành KHMT. Theo quy định của BGD & ĐT và căn cứ vào quy chế đào tạo tín chỉ của Trường, thời gian đào tạo trung bình của trình độ đại học ngành KHMT được xác lập là 4 năm, thời gian đào tạo tối đa cho phép là 8 năm áp dụng cho các khóa từ 2019 trở về trước [H11.11.02.02](1). Đối với các khóa từ 2020, thời gian đào tạo trung bình là 4,5 năm, thời gian đào tạo tối đa là 9 năm. VD: Quy chế đào tạo trình độ đại học năm 2021 cụ thể Thời gian học tập chuẩn, tối thiểu

và tối đa của loại hình đào tạo kỹ sư, chính quy là 4,5 năm - 4 năm và 9 năm [H11.11.02.02](2). Thời gian tốt nghiệp trung bình được giám sát thường xuyên thông qua sự phối hợp của Phòng ĐT, Khoa; Được theo dõi trên Hệ thống quản lý giáo dục và được báo cáo định kỳ [H11.11.02.03], [H11.11.02.04].

Mỗi năm học, Phòng ĐT phối hợp Khoa CNTT tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình trên thực tế so với thời gian trung bình trong kế hoạch đào tạo. Bên cạnh đó, Phòng ĐT tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình trên thực tế so với thời gian tốt nghiệp trung bình của năm học trước [11.11.02.05]. Ngoài ra, Phòng ĐT còn đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình với các CTĐT tương ứng của các trường ĐH trên địa bàn thành phố Cần Thơ và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long [11.11.02.05]. Việc thực hiện giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình được thực hiện theo Quy định về đối sánh về chất lượng giáo dục của Trường ban hành [11.11.02.07]. Định kỳ hằng năm, Trường tổ chức hội nghị đối thoại giữa BGH với SV để nắm bắt tâm tư nguyện vọng của SV, đồng thời trao đổi, hướng dẫn, hỗ trợ SV rút ngắn thời gian tốt nghiệp [11.11.02.08].

Căn cứ kết quả theo dõi, giám sát, đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của SV, Phòng ĐT chủ trì và phối hợp với các Khoa đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng để nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp và rút ngắn thời gian tốt nghiệp của SV các ngành. Các nội dung đó được thể hiện trong kế hoạch năm học của Trường và của Khoa CNTT [11.11.02.09], [11.11.02.10]. Trong giai đoạn 2018 - 2023, các báo cáo tổng kết năm học của Trường có nội dung đảm bảo chất lượng hướng đến nâng cao chất lượng, rút ngắn thời gian đào tạo [11.11.02.11], [11.11.02.12]. VD: trong Báo cáo tổng kết năm học 2019 – 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm học 2020 – 2021, nêu rõ nội dung Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục thông qua các văn bản đã ban hành trong năm. Trường cũng định kỳ điều chỉnh, ban hành chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học phù hợp với tình hình thực tế của Trường thông qua các Quy định chuẩn đầu ra ngoại ngữ và chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cho sinh viên đại học chính quy năm 2018, 2019, 2020 và 2022 [11.11.02.13]. VD: Về chuẩn đầu ra ngoại ngữ tiếng Nhật, phiên bản năm 2020 quy định chuẩn N3, trong khi phiên bản năm 2022 quy định chuẩn N4 [11.11.02.13](3), [11.11.02.13](4). Bên cạnh đó, Trường cũng có chính sách hỗ trợ nhằm tạo điều kiện để SV rút ngắn thời gian tốt nghiệp thông qua các khóa bồi dưỡng ngoại ngữ, kỹ năng mềm cho SV [11.11.02.14]. Trong giai đoạn 2018 - 2023, thời gian tốt nghiệp trung bình ngành KHMT Khóa 1 (2015) là 5,35 năm.

2. Điểm mạnh

Trường và Khoa CNTT có bộ phận, công cụ để theo dõi, thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của SV. Có các biện pháp hỗ trợ người học học vượt tiến độ và tìm hiểu nguyên nhân người học tốt nghiệp chưa đúng tiến độ.

3. Điểm tồn tại

Một số SV chưa biết cách sắp xếp kế hoạch học tập cá nhân hiệu quả, bị ảnh hưởng bởi việc làm thêm nên không theo kịp tiến độ học tập ở những năm cuối.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Hằng năm Trường và Khoa CNTT tiếp tục tăng cường các biện pháp cải tiến chất lượng để rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình của người học.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024-2025, Khoa kết hợp với Phòng ĐT định kỳ tổng kết, đánh giá về người học tốt nghiệp trước hạn, đúng hạn, trễ hạn so với kế hoạch CTĐT để có những điều chỉnh phù hợp. Bên cạnh đó, các hoạt động giảng dạy, đánh giá người học, hoạt động hỗ trợ được triển khai một cách phù hợp, kịp thời giúp người học tốt nghiệp đúng hạn.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Phòng CTCT&QLSV là đơn vị có chức năng theo dõi, giám sát tỷ lệ có việc làm của người học sau 01 năm tốt nghiệp của tất cả các ngành đào tạo. Phòng CTCT&QLSV phối hợp với các Khoa để theo dõi, liên hệ với SV tốt nghiệp và hỗ trợ SV tốt nghiệp chưa có việc làm [H11.11.03.01]. Định kỳ hằng năm, Phòng CTCT&QLSV thống kê và gửi kết quả khảo sát việc làm của SV tốt nghiệp đến các Khoa để tham khảo [H11.11.03.02]. Bên cạnh đó, các báo cáo kết quả khảo sát cựu SV của Trường thể hiện loại hình cơ quan/doanh nghiệp đang công tác, vị trí làm việc, mức thu nhập bình quân của SV,… [H11.11.03.03].

Giai đoạn 2018 - 2023, Trường đã ban hành các kế hoạch khảo sát các BLQ về các lĩnh vực hoạt động của Trường theo từng năm, trong đó có nội dung khảo sát về tình hình việc làm của SV sau khi tốt nghiệp [H11.11.03.04]. Kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV sau 01 năm tốt nghiệp được gửi đến các Khoa chuyên môn [H11.11.03.05]. Qua kết quả khảo sát sinh viên tốt nghiệp năm 2020, xét riêng SV ngành KHMT, có 32/34 (đạt 94,11%) ý kiến cựu SV phản hồi, trong đó có việc làm đúng ngành đào tạo 10/32 (đạt 31,25%); Liên quan đến ngành đào tạo 16/32 (đạt 50%); không liên quan đến ngành đào tạo 5/32 (đạt 15,63%); tiếp tục học nâng cao trình độ 0/32 (0%); chưa có việc làm 1/32 (đạt 3,12%) [H11.11.03.05].

Ngoài ra, Trường cũng đã phối hợp các tổ chức xã hội nghề nghiệp, doanh nghiệp và nhà tuyển dụng thông qua các hoạt động như: tổ chức hội thảo, hội nghị việc làm,… nhằm tư vấn, hỗ trợ SV có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp [H11.11.03.06], [H11.11.03.08], [H11.11.03.09]. Căn cứ kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV sau 01 năm tốt nghiệp , Phòng CTCT&QLSV tiến hành đối sánh tỷ lệ SV có việc làm sau 01 năm

tốt nghiệp của SV các CTĐT của Trường tương ứng với các trường ĐH trên địa bàn thành phố Cần Thơ [H11.11.03.07]

Bảng 11.3.1. Hiện trạng việc làm của SV ngành KHMT sau 1 năm ra Trường

Năm tốt nghiệp	SV phản hồi	Hiện trạng việc làm		
		Đã có việc làm	Chưa có việc làm	Tỷ lệ (%)
2019	8	8	0	100
2020	32	31	1	96,88
2021	21	19	2	90,47
2022	36	33	3	91,67

(Số liệu cập nhật đến 31/12/2023)

Kết quả từ Bảng 11.3.1, cho thấy tỷ lệ sinh viên ngành KHMT có việc làm sau khi tốt nghiệp sau 1 năm ở các Khóa đều đạt mức cao. Điều đó khẳng định nhu cầu nguồn nhân lực của XH đối với ngành KHMT luôn đạt mức cao; Cũng như khẳng định các ưu thế vốn có của SV ngành KHMT như: cơ hội nghề nghiệp đa dạng, tiềm năng phát triển và thăng tiến,… Những con số này cho thấy rằng mặc dù đạt tỷ lệ việc làm rất cao, nhưng vẫn còn nhiều thách thức trong việc đảm bảo tất cả sinh viên đều có việc làm sau khi tốt nghiệp.

Về khu vực làm việc theo các lĩnh vực được cụ thể hóa qua Bảng số liệu 11.3.2:

Bảng 11.3.2. Thống kê môi trường làm việc của SV ngành KHMT sau khi tốt nghiệp

Năm tốt nghiệp	SV phản hồi	Môi trường làm việc của SV tốt nghiệp											
		DN tư nhân		DN có vốn đầu tư nước ngoài		Các cơ quan Nhà nước		DN quốc doanh		Tự làm chủ		Loại hình khác	
		SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
2019	8	5	62,5	1	12,5	0	0	0	0	2	25	1	12,5
2020	32	25	78,12	5	15,62	1	3,12	0	0	0	0	1	3,13
2021	21	16	76,2	0	0	1	4,76	0	0	2	9,52	2	9,52
2022	36	24	66,67	3	8,33	3	8,33	0	0	2	5,55	4	11,11

(Số liệu cập nhật đến 31/12/2023)

Theo phân tích, hầu hết sinh viên ngành KHMT tốt nghiệp làm việc tại khu vực tư nhân, tỷ lệ này dao động từ 66,67% (năm 2022) và cao nhất là 78,12% (năm 2020). Tiếp

theo là tỷ lệ làm việc tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài dao động từ 0% (2021) đến 15,62% (2020).

Căn cứ kết quả theo dõi, giám sát, đối sánh tỷ lệ SV có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp, Phòng CTCT&QLSV chủ trì và phối hợp với các Khoa đề xuất các biện pháp hướng nghiệp và hỗ trợ tìm việc làm cho SV để nâng cao tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H11.11.03.06], [H11.11.03.08], [H11.11.03.09]. Các biện pháp hướng nghiệp và hỗ trợ tìm việc làm cho SV để nâng cao tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT được thông qua cuộc họp giao ban giữa BGH Trường với lãnh đạo các đơn vị và thể hiện trong kết luận cuộc họp với việc phân công cụ thể các đơn vị thực hiện. Hằng năm, Trường dành kinh phí chi cho các hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm cho SV, tổ chức Ngày hội việc làm đồng thời thông tin kịp thời các thông tin tuyển dụng đến SV [H11.11.03.09], [H11.11.03.10]. Bên cạnh đó, Nhà trường tăng cường đầu tư CSVC, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu dạy và học, rà soát, điều chỉnh CTĐT nhằm phù hợp với yêu cầu xã hội, đổi mới PPDH, KTĐG,... nhằm nâng cao tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT [H11.11.03.11], [H11.11.03.12], [H11.11.03.13]. Tất cả các thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp có liên hệ với Trường được thông tin đầy đủ trên website của Trường [H11.11.03.14]. Ngoài ra, Trường đã ký hợp tác với các cơ sở đào tạo, các khu công nghiệp nhằm thúc đẩy cơ hội tìm việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp [H11.11.03.15].

2. Điểm mạnh

Khoa thực hiện khảo sát người học tốt nghiệp về việc cải thiện cơ hội việc làm sau tốt nghiệp trong thời gian đánh giá. Dữ liệu thu thập về việc làm của người học được tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân, cùng với việc đề xuất các biện pháp khắc phục.

Tỷ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập và giám sát. Người học được đánh giá năng động, có kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu công việc.

Có sự gắn kết tốt giữa Trường và DN trong hợp tác đào tạo, hoạt động kiến tập, thực tập của người học cũng như chia sẻ thông tin tuyển dụng.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay số lượng cựu SV phản hồi khảo sát về việc làm sau khi tốt nghiệp còn còn chưa đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Hằng năm Trường và Khoa CNTT tăng cường các biện pháp cải tiến tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của các CTĐT, mức độ hài lòng của các BLQ đối với chất lượng của người học tốt nghiệp của các CTĐT.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024-2025, Trường phối hợp cùng các Khoa đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động gắn kết với cựu SV để đánh giá rõ nét kết quả ĐT của Trường, từ đó tiếp tục đổi mới CTĐT nhằm đáp ứng nhu cầu lao động hiện tại của XH.

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Các loại hình và số lượng hoạt động nghiên cứu của SV đã được xác lập. Mục tiêu chính của NCKH ở bậc đại học là hình thành và phát triển năng lực NCKH cho sinh viên; góp phần phát hiện và bồi dưỡng các nhà khoa học trẻ tài năng, đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân lực trình độ cao [H11.11.04.01](3). Sản phẩm từ các hoạt động NCKH của SV là tiêu chí quan trọng thể hiện chất lượng đào tạo của Khoa CNTT nói chung và của ngành KHMT nói riêng. Với những ý nghĩa quan trọng trên, Trường luôn quan tâm và chú trọng công tác NCKH của SV thông qua việc ban hành Quy định quản lý hoạt động NCKH của SV, trong đó nêu rõ mục tiêu, yêu cầu, kinh phí,…về hoạt động NCKH của SV [H11.11.04.01](3). Bên cạnh đó, trong quy chế rèn luyện của SV có điểm thưởng dành cho SV có tham gia NCKH [H11.11.04.02](1). Trong Kế hoạch chiến lược về công tác phát triển KHCN-HTQT của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 nêu rõ mục tiêu đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu của cá nhân (cán bộ, giảng viên), các nhóm nghiên cứu và sinh viên Trường, đặc biệt là nghiên cứu ứng dụng; Trở thành Trường đại học định hướng ứng dụng, đạt các tiêu chí cơ bản của Trường đại học chuyên ngành kỹ thuật công nghệ trong hệ thống giáo dục quốc dân [H11.11.04.03](2). Hằng năm, Khoa CNTT đều có báo cáo về số lượng và chất lượng NCKH của SV [H11.11.04.04].

Trường đã thiết lập hệ thống theo dõi và giám sát về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu; đặc biệt là các hoạt động NCKH của người học. Trong đó, cấp trường do Phòng QLKH-HTQT thực hiện, còn cấp Khoa do Khoa và Bộ môn thực hiện. Ban Giám hiệu Trường đã phân công 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách hoạt động NCKH của Trường. Trên cơ sở đó, Phòng QLKH-HTQT đã phân công 01 chuyên viên thực hiện việc theo dõi và giám sát hoạt động NCKH của SV [H11.11.04.05]. Theo đó, hoạt động NCKH của SV ngành KHMT được thực hiện với nhiều loại hình khác nhau như: Khóa luận tốt nghiệp, Đề tài NCKH, Bài kỷ yếu hội thảo khoa học,… mang lại những ý nghĩa thiết thực cho SV [H11.11.04.06].

Bảng 11.4.1. Bảng thống kê số lượng và loại hình NCKH của SV Khoa CNTT qua các năm

Chỉ tiêu	2018	2019	2020	2021	2022	2023	Tổng

Loại hình NCKH	Bản tin Khoa học - Công nghệ cấp Trường	0	0	0	0	0	0	**0**
	Bài báo quốc tế	0	0	0	0	0	0	**0**
	NCKH cấp cơ sở	0	1	1	2	4	0	**8**
Số SV tham gia NCKH	Bản tin Khoa học - Công nghệ cấp Trường	0	0	0	0	0	0	**0**
	Bài báo quốc tế	0	0	0	0	0	0	**0**
	NCKH cấp cơ sở	0	2	2	4	11	0	**19**

Kết quả từ Bảng 11.4.1 cho thấy sinh viên của Khoa CNTT chủ yếu tập trung làm NCKH dưới sự hướng dẫn của GV thông qua các Đề tài cấp cơ sở. Các loại hình NCKH khác không có sự tham gia qua các năm thống kê. Để hiểu rõ hơn về số liệu của Bảng trên cần có 1 khảo sát chuyên sâu vì sao SV chỉ tập trung vào NCKH cấp cơ sở. Tuy nhiên, có thể liệt kê một vài lý do sau đây:

i) Thời gian:

· Khối lượng học tập: SV thường phải đối mặt với lịch học dày đặc và nhiều bài tập, khiến họ không có đủ thời gian để tham gia các hoạt động NCKH khác.

· Công việc làm thêm: Nhiều SV phải làm thêm để trang trải chi phí sinh hoạt, dẫn đến việc không có thời gian cho NCKH.

ii) Tài chính:

- Chi phí nghiên cứu: Một số hoạt động NCKH yêu cầu chi phí cho vật liệu, thiết bị, và các chi phí khác mà sinh viên không thể tự trang trải.

- Hỗ trợ tài chính hạn chế: Các khoản hỗ trợ từ Trường hoặc các tổ chức bên ngoài có thể không đủ để khuyến khích sinh viên tham gia NCKH.

iii) Hỗ trợ:

- Hướng dẫn và cố vấn: Thiếu sự hướng dẫn từ GV hoặc CVHT có kinh nghiệm có thể làm giảm động lực của sinh viên.

- Cơ sở vật chất: Cơ sở vật chất và trang thiết bị nghiên cứu không đầy đủ cũng là một rào cản lớn.

Để khắc phục những rào cản này, Trường cần tăng cường hỗ trợ tài chính, cung cấp cơ sở vật chất tốt hơn, và tạo ra môi trường học tập khuyến khích NCKH. Đồng thời, việc nâng cao nhận thức về lợi ích của NCKH và cung cấp hướng dẫn cụ thể cho sinh viên cũng rất quan trọng.

Hằng năm, Phòng QLKH-HTQT tiến hành xây dựng CSDL về kết quả NCKH của SV toàn trường dựa trên các báo cáo đã nghiệm thu. Định kỳ từng học kỳ và đặc biệt là cuối mỗi năm học, các Khoa tiến hành báo cáo kết quả thực hiện NCKH của SV về Phòng

QLKH-HTQT để cập nhật CSDL cấp trường [H11.11.04.07], [H11.11.04.08], [H11.11.04.09]. Trường phân công nhiệm vụ cho Phòng TT-PC-KT-ĐBCL là đơn vị chủ trì việc thực hiện khảo sát các BLQ về chất lượng NCKH của SV Trường. Trong Báo cáo Kết quả khảo sát ý kiến của cựu sinh viên về tình hình việc làm và chất lượng chương trình đào tạo năm 2023, thể hiện rõ tỷ lệ hài lòng về chất lượng GV và cán bộ NCKH đạt 89,2% [H11.11.04.10](2).

Hằng năm, Phòng QLKH-HTQT thực hiện đối sánh kết quả NCKH mà SV Trường đạt được so với quy định về loại hình, số lượng và chất lượng NCKH mà SV Trường phải thực hiện. Bên cạnh đó, Phòng QLKH-HTQT tiến hành đối sánh kết quả NCKH của SV đạt được so với các chỉ tiêu về NCKH của SV đã xác định trong kế hoạch năm học. Các Khoa chuyên môn đồng thời đối sánh kết quả NCKH SV của khoa đạt được so với các chỉ tiêu về NCKH của SV được xác định trong kế hoạch năm học của đơn vị. Ngoài ra, hằng năm, Trường thực hiện đối sánh kết quả NCKH của SV với các tiêu chí về NCKH trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD do Bộ GD&ĐT ban hành [H11.11.04.11].

Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh kết quả NCKH của SV Trường đạt được hằng năm, BGH Nhà trường họp với lãnh đạo các đơn vị để rà soát loại hình và khối lượng nghiên cứu của SV và xác định các biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của SV [H11.11.04.12]. Trong kết luận cuộc họp thể hiện các biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của SV và phân công cụ thể để các đơn vị thực hiện. Bên cạnh đó, trong kế hoạch năm học của Trường, của Phòng QLKH-HTQT và của các Khoa có các nội dung, biện pháp cải tiến hoạt động NCKH của SV. Ngoài ra, Trường luôn cải tiến các chính sách về tài chính nhằm động viên, khuyến khích SV tham gia NCKH, đầu tư CSVC trang thiết bị phục vụ hoạt động NCKH của SV [H11.11.04.13]. Trong giai đoạn 2018 - 2023, hoạt động NCKH của đội ngũ SV Trường tăng lên qua từng năm về loại hình, số lượng, chất lượng nghiên cứu [H11.11.04.14].

2. Điểm mạnh

Trường đã xây dựng kế hoạch hoạt động NCKH của SV và thiết lập hệ thống theo dõi, giám sát về loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của SV từ cấp Trường tới cấp Khoa. Khoa đã tổ chức hỗ trợ tư vấn đề tài nghiên cứu cho SV; Các phòng chức năng luôn quan tâm hỗ trợ SV trong quá trình thực hiện đề tài.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn một số sinh viên chưa hiểu rõ vai trò của nghiên cứu khoa học trong quá trình học tập và chưa nhiệt tình tham gia hoạt động này.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Định kỳ mỗi năm học, Khoa và Phòng QLKH-HTQT tiếp tục chuẩn hóa quy định NCKH, đẩy mạnh và thường xuyên tổ chức các buổi chuyên đề về NCKH cho sinh viên.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024-2025, Trường sẽ tăng cường việc hỗ trợ tài chính cho sinh viên tham gia vào các dự án nghiên cứu khoa học. Đồng thời, Trường cùng các Khoa liên quan sẽ duy trì việc tổ chức hội đồng tư vấn để hướng dẫn và nâng cao chất lượng các đề tài NCKH của SV. Thêm vào đó, thông qua các tổ chức Đoàn - Hội, Khoa sẽ chú trọng phát triển các chiến dịch truyền thông và cung cấp tư vấn nhằm nhấn mạnh tầm quan trọng của NCKH đối với SV.

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7)

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

BGH đã giao nhiệm vụ cho Phòng TT-PC-KT-ĐBCL là đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch và phối hợp với các Phòng, Khoa triển khai khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ. Các BLQ bao gồm cán bộ nhân viên, giảng viên, người học đã tốt nghiệp và nhà tuyển dụng [H11.11.05.01]. Trong Quyết định ban hành Quy định về khảo sát ý kiến các BLQ trong công tác đảm bảo chất lượng giáo dục năm 2020, nêu rõ vai trò của Phòng TT-PC-KT-ĐBCL trong công tác tổ chức, phối hợp với các đơn vị trong việc triển khai, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện công tác đảm bảo chất lượng của các đơn vị có liên quan [H11.11.05.01](2). Dựa trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các đơn vị, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL xây dựng quy định về khảo sát ý kiến của các BLQ trong công tác ĐBCL, trình Hiệu trưởng ký ban hành vào các năm 2019, 2020 và 2021 [H11.11.05.01](1). Mục tiêu của khảo sát là đánh giá hoạt động NCKH và dịch vụ hỗ trợ cho giảng viên và sinh viên, cũng như kiểm tra tình trạng cơ sở vật chất. Định kỳ hàng năm, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL sẽ thực hiện khảo sát dựa trên quy định, biểu mẫu khảo sát đã được ban hành [H11.11.05.01](4). Sau đó, Phòng sẽ xây dựng kế hoạch khảo sát và triển khai thu thập ý kiến phản hồi từ các BLQ [H11.11.05.02]. Kết quả khảo sát được báo cáo BGH và gửi đến các phòng, khoa, trung tâm tham khảo, sử dụng trong quá trình cải tiến các lĩnh vực hoạt động được phân công phụ trách [H11.11.05.03]. VD: Phòng TT-PC-KT-ĐBCL đã thực hiện khảo sát sinh viên năm cuối trước khi tốt nghiệp, kết quả được thể hiện qua Báo cáo kết quả phân tích dữ liệu khảo sát sinh viên năm cuối trước khi tốt nghiệp năm 2018 [H11.11.05.03](1). Trong kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ bao gồm các hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, SV, cơ sở vật chất, … có phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị trực thuộc thực hiện và phối hợp thực hiện khảo sát [H11.11.05.02]. Việc thực hiện khảo sát ý kiến của cựu SV, các nhà tuyển dụng còn được thực hiện thông qua Ngày hội việc làm, các hội nghị, hội thảo do Trường, Khoa tổ chức hoặc những dịp cựu SV về thăm Trường [H11.11.05.04].

Kế hoạch công tác hằng năm của Trường, của Phòng TT-PC-KT-ĐBCL có nội dung giám sát sự hài lòng của các BLQ về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, người học, cơ sở vật chất. Kết quả kiểm tra, giám sát sự hài lòng của các bên liên về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, người học, cơ sở vật chất,… được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của Trường và của Phòng TT-PC-KT-ĐBCL, đồng thời thể hiện trong báo cáo tại Hội nghị viên chức và người lao động hằng năm và trong báo cáo kết quả khảo sát các BLQ [H11.11.05.04] [H11.11.05.05]. Phòng ĐT phối hợp các Khoa thực hiện đối sánh sự hài lòng của các BLQ đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Trường đạt được so với các chỉ tiêu về sự hài lòng của các BLQ về chất lượng của SV tốt nghiệp của tất cả các CTĐT của Trường đã xác định trong kế hoạch năm học [H11.11.05.06](1). Các Khoa đồng thời đối sánh kết quả sự hài lòng của các BLQ đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của các CTĐT đạt được so với các chỉ tiêu đã được xác định trong kế hoạch năm học của đơn vị [H11.11.05.06](2). Ngoài ra, Trường thực hiện đối sánh sự hài lòng của các BLQ đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của các CTĐT mà Trường đạt được so với các tiêu chí về sự hài lòng của các BLQ đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của các CTĐT trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường ĐH do Bộ GD&ĐT ban hành [H11.11.05.06](1).

Căn cứ kết quả giám sát, đối sánh, khảo sát ý kiến của các BLQ đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của CTĐT ngành KHMT, Phòng ĐT phối hợp với Khoa CNTT đề xuất các biện pháp cải tiến để nâng cao sự hài lòng của các BLQ đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của CTĐT, thông qua cuộc họp giao ban giữa BGH với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc và thể hiện trong kết luận cuộc họp với sự phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị thực hiện [H11.11.05.07]. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường áp dụng nhiều biện pháp cải tiến để nâng cao sự hài lòng của các BLQ đối với chất lượng của SV tốt nghiệp của Trường nói chung và của ngành KHMT nói riêng. Kết quả khảo sát ý kiến của cựu SV, các nhà tuyển dụng thể hiện mức độ hài lòng về chất lượng của SV tốt nghiệp CTĐT ngành KHMT. VD:

2. Điểm mạnh

Trường và Khoa CNTT có bộ phận, quy trình, công cụ và phương pháp triển khai, tiếp nhận và giám sát sự phản hồi từ các BLQ. Ý kiến của các BLQ được khai thác đầy đủ ở nhiều khía cạnh khác nhau và đều được sử dụng trong cải tiến chất lượng các hoạt động ĐT, hỗ trợ người học và điều chỉnh CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Mức độ hài lòng của các BLQ chưa được rà soát, đánh giá chuyên sâu để nâng cao hơn chất lượng ĐT và phục vụ.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh:

Trong giai đoạn sắp tới, Khoa CNTT sẽ tiến hành hoàn thiện CTDH và tập trung vào việc nâng cao chất lượng đào tạo. Điều này sẽ được thực hiện thông qua việc khảo sát các BLQ, từ đó đưa ra các cải tiến cụ thể để đáp ứng nhu cầu xã hội.

Khắc phục tồn tại:

Từ năm học 2024-2025, Trường sẽ tăng cường đánh giá hệ thống trong rà soát, đánh giá mức độ hài lòng của các BLQ để chất lượng ĐT, phục vụ người học ngày càng được nâng cao.

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)

Kết luận Tiêu chuẩn 11

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Trường có bộ phận chuyên trách, công cụ để theo dõi, cập nhật danh sách, theo dõi tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp, từ đó thực hiện tốt việc phân tích, đối sánh qua các năm. Triển khai nhiều biện pháp hiệu quả nhằm chăm sóc, hỗ trợ người học trong học tập và rèn luyện. Trường có bộ phận chuyên trách để theo dõi, thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của người học các khóa học. Có các biện pháp hỗ trợ người học học vượt tiến độ và tìm hiểu nguyên nhân người học tốt nghiệp muộn. Tỷ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập và giám sát. Qua khảo sát của nhà tuyển dụng đánh giá SV năng động, có kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu công việc. Có sự gắn kết tốt giữa Trường và DN trong hoạt động kiến tập, thực tập của người học cũng như chia sẻ thông tin chuyên đề và tuyển dụng. SV ngành KHMT nói riêng và SV của Khoa CNTT nói chung, tham gia hoạt động NCKH dưới nhiều hình thức khác nhau. Loại hình và số lượng NCKH của SV luôn được Khoa và Nhà trường hỗ trợ, giám sát bởi một hệ thống các văn bản, quy trình rõ ràng, được đối sánh và cải tiến hàng năm. Có bộ phận, quy trình, công cụ và phương pháp triển khai, tiếp nhận và giám sát sự phản hồi từ các BLQ. Ý kiến của các BLQ được khai thác đầy đủ ở nhiều khía cạnh khác nhau và đều được sử dụng trong cải tiến chất lượng các hoạt động ĐT, hỗ trợ người học và điều chỉnh CTĐT.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Chưa đối sánh chất lượng đầu ra của người học với các trường trong và ngoài nước. Một số SV chưa biết cách sắp xếp kế hoạch học tập cá nhân hiệu quả, bị ảnh hưởng bởi việc làm thêm nên không theo kịp tiến độ học tập ở những năm cuối. Hiện nay, số lượng cựu SV phản hồi khảo sát về việc làm sau khi tốt nghiệp còn còn chưa đầy đủ. Vẫn còn một số SV còn chưa hiểu rõ vai trò của NCKH, chưa hào hứng với hoạt động NCKH. Mức độ hài lòng của các BLQ chưa được rà soát, đánh giá về tính hệ thống để nâng cao hơn chất lượng ĐT và phục vụ.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn:

Có 3/5 tiêu chí đạt 5,0 điểm, 2/5 tiêu chí đạt 4,0 điểm. Mức trung bình của tiêu chuẩn đạt: 4,60 điểm; Số tiêu chí đạt: 5/5; Tỉ lệ số tiêu chí đạt: 100%.

PHẦN III. KẾT LUẬN

1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT

1.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT KHMT được xây dựng rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn đã được tuyên bố; phù hợp với mục tiêu của giáo dục ĐH quy định tại Luật Giáo dục ĐH hiện hành và Khung trình độ quốc gia Việt Nam; Mục tiêu của CTĐT KHMT được thông báo, phổ biến bằng nhiều hình thức khác nhau. CĐR của CTĐT ngành KHMT được xác định rõ ràng, đảm bảo khối lượng kiến thức và kỹ năng NH học cần đạt sau khi hoàn thành CTĐT; CĐR phản ánh được mục tiêu giáo dục của Khoa, của Trường; chỉ rõ được triển vọng việc làm trong tương lai của SV sau khi tốt nghiệp; được xây dựng nghiêm túc, đảm bảo đúng quy định của BGD&ĐT. CĐR của CTĐT ngành KHMT đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan do có tham khảo các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, SV, cựu SV và nhu cầu của thị trường lao động. CĐR được định kỳ rà soát, cập nhật ít nhất 2 năm một lần theo kế hoạch của trường dựa trên quy định của Bộ GDĐT. CĐR của CTĐT ngành KHMT các khóa đã ban hành được công bố công khai cho các bên liên quan trên các phương tiện thông tin và luôn được thể hiện trong CTĐT, ĐCCT học phần.

Để phát huy điểm mạnh, Trường và Khoa CNTT tiếp tục tiếp thu ý kiến của các bên liên quan trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTĐT, đồng thời phổ biến mục tiêu CTĐT bằng nhiều hình thức đa dạng. Định kỳ hằng năm Trường và Khoa CNTT tiếp tục rà soát CĐR của CTĐT ngành KHMT phản ánh được mục tiêu của CTĐT; xác định cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp. Định kỳ hằng năm, Trường và Khoa CNTT tiếp tục rà soát cập nhật CĐR của CTĐT đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan, có tham khảo các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, SV, cựu SV và nhu cầu của thị trường lao động, đồng thời công bố công khai cho các bên liên quan trên các phương tiện thông tin và luôn được thể hiện trong CTĐT, trong đề cương học phần theo hướng tiếp cận của BGD&ĐT.

1.2. Về bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT ngành KHMT thể hiện đầy đủ nội dung và thông tin cần thiết theo quy định, được ban hành chính thức. Bản mô tả CTĐT được điều chỉnh, cập nhật định kỳ theo kết quả rà soát định kỳ và ý kiến phản hồi của các BLQ một cách rõ ràng thông qua nhiều hình thức khác nhau. ĐCCT HP có đầy đủ các thông tin được yêu cầu, trong đó thể hiện rõ CĐR môn học gắn kết với CĐR của CTĐT. Các đề cương học phần được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các học phần, danh mục tài liệu tham khảo, đáp ứng xu thế hiện nay về lĩnh vực ngành KHMT. Mọi thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá... của học phần đều được cung cấp đầy đủ để NH đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa học. Trường,

Khoa CNTT xây dựng và ban hành Bản mô tả CTĐT ngành KHMT với đầy đủ các thông tin theo đúng quy định và được công bố, công khai bằng nhiều hình thức khác nhau, thông báo trực tiếp đến SV ngay tại buổi học đầu tiên. Các BLQ dễ dàng tiếp cận giúp cho NH nắm được các học phần để xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học.

Để phát huy điểm mạnh, định kỳ Nhà trường và Khoa CNTT rà soát, cập nhật, ban hành Bản mô tả CTĐT ngành KHMT và thông báo đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài trường bằng nhiều hình thức khác nhau. Định kỳ Trường và Khoa CNTT tiếp tục rà soát, ban hành hành đầy đủ ĐCCT HP ngành KHMT và đảm bảo đầy đủ thông tin theo quy định. Trường và Khoa CNTT tiếp tục rà soát Bản Mô tả hiện trạng CTĐT, ĐCCT học phần ngành KHMT và công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau.

1.3. Về cấu trúc và nội dung CTDH

Chương trình dạy học ngành KHMT được thiết kế với cấu trúc phù hợp, cân đối giữa các khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo thực hiện các CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm. Mỗi HP trong CTDH đều được xác định đạt CĐR. Việc xác định tổ hợp các PPGD, học tập, phương pháp KTĐG kết quả học tập của NH được quy định rõ nhằm hỗ trợ cho việc đạt được CĐR của NH. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng. 100% các học phần có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR. ĐCCT của mỗi học phần trong khối kiến thức đều thể hiện tính gắn kết giữa hoạt động dạy, học và PP KTĐG để đạt được CĐR. Các HP trong CTDH ngành KHMT được thiết kế có 3 khối kiến thức: Khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành đảm bảo sự gắn kết và liền mạch tạo thành một khối thống nhất.

Để phát huy điểm mạnh, Trường và Khoa CNTT tiếp tục triển khai xây dựng, rà soát, cập nhật CTDH theo văn bản của Bộ GD&ĐT. Chương trình dạy học ngành KHMT được thiết kế với cấu trúc phù hợp, cân đối giữa các khối kiến thức, đảm bảo thực hiện các CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm. Trường và Khoa CNTT tiếp tục rà soát CTDH, trong đó bảo đảm tất cả ĐCCT học phần trong CTDH ngành KHMT xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp KTĐG phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Định kỳ, Trường và Khoa CNTT tiếp tục rà soát CTDH ngành KHMT đảm bảo sự gắn kết và liền mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất, trong đó tham khảo CTĐT của các trường ĐH trong nước và quốc tế để điều chỉnh CTDH đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

1.4. Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học

TLGD của Trường được thảo luận, thống nhất để phù hợp và đặc trưng với môi trường, GV, NH của Trường, được công bố công khai đến các BLQ bằng nhiều hình thức. Hằng năm, trong nội dung khảo sát ý kiến của các bên liên quan về hoạt động của Nhà trường có khảo sát về TLGD của Trường. GV Khoa CNTT xác định hoạt động dạy học, PPGD phù hợp để đạt được CĐR ngành KHMT và được thể hiện trong các ĐCCT HP. Trường tạo điều kiện để GV Khoa CNTT tham dự các khóa tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học và trên cơ sở đó, GV áp dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại. GV Khoa CNTT tích cực hướng dẫn NH sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. GV, NH Khoa CNTT hài lòng với các hoạt động dạy và học, các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT ngành KHMT. Các hoạt động dạy và học tạo điều kiện cho NH ngành KHMT rèn luyện các kỹ năng mềm, kỹ năng cần thiết và nâng cao khả năng học tập suốt đời. GV sử dụng đa dạng và phù hợp các PPGD để đạt CĐR. Môi trường học tập được tổ chức đa dạng, khuyến khích tinh thần tự học, tự nghiên cứu của SV. Tất cả ĐCCT học phần ngành KHMT mô tả và nhấn mạnh đến hoạt động tự học nhằm hướng đến nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH.

Để phát huy điểm mạnh, Khoa và Trường tiếp tục thực hiện theo đúng những nội dung đã tuyên bố với người học và tăng cường tổ chức hội thảo, tọa đàm, báo cáo chuyên đề để tiếp nhận ý kiến của nhà khoa học, chuyên gia, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, giảng viên về mục tiêu giáo dục. Định kỳ hằng năm Trường và Khoa CNTT tiếp tục tạo điều kiện để GV Khoa CNTT tham dự các khóa tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học và chính sách khuyến khích GV áp dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR. Trường và Khoa tiếp tục tăng cường tạo môi trường chia sẻ tri thức giữa các GV trong và ngoài khoa, ngoài trường thông qua các hội thảo chuyên đề của Khoa và mời các chuyên gia, DN tham gia giảng dạy, đánh giá kết quả học tập và Khóa luận/Đồ án tốt nghiệp. Phát huy điểm mạnh, định kỳ hằng năm Trường và Khoa CNTT tiếp tục rà soát ĐCCT học phần bảo đảm mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy và học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho SV, đồng thời tăng cường ký kết hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước và triển khai nhiều hoạt động đào tạo nhằm hỗ trợ SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Khoa CNTT tiếp tục phối hợp với các phòng QLKH-HTQT, phòng CTCT-QLSV và phòng QTTB trong duy trì môi trường học tập sinh hoạt, các hoạt động hỗ trợ NH.

1.5. Về đánh giá kết quả học tập của người học

Trường ban hành đầy đủ quy định về việc tổ chức thi, kiểm tra nhằm đánh giá KQHT. Các quy định về kiểm tra, đánh giá được thông báo rộng rãi đến VC, GV, NH để thực hiện. Trường tổ chức tập huấn các nội dung về xác định loại hình, phương pháp kiểm

tra, đánh giá phù hợp CĐR và Khoa tổ chức triển khai thực hiện. ĐCCT thể hiện rõ các hình thức thi, KTĐG và được GV giảng dạy thông báo đến SV trong các buổi học đầu tiên. Trường ban hành Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ, trong đó xác định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và KQHT của người học. Trong Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ do Trường ban hành có quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và KQHT của người học. Trường tổ chức tập huấn về nội dung xác định loại hình, phương pháp KTĐG phù hợp CĐR và yêu cầu Khoa CNTT triển khai thực hiện. Áp dụng nhiều hình thức thông báo, phổ biến đến SV Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ do Trường ban hành. Trường ban hành Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần - hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường, trong đó có quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các phương pháp KTĐG người học, quy trình xây dựng đề thi, đánh giá đề thi. GV Khoa CNTT sử dụng đa dạng các phương pháp KTĐG khác nhau để kiểm tra, đánh giá KQHT của SV. Kết thúc mỗi học kỳ, Trường tiến hành nghiên cứu, đánh giá phổ điểm của các học phần cũng như sự phù hợp về trọng số điểm trong KTĐG KQHT của người học. Các phương pháp KTĐG KQHT được sử dụng đảm bảo đo lường được các yêu cầu, CĐR; đảm bảo độ tin cậy và có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng. Tiêu chí KTĐG KQHT của NH được xác định rõ và có phân định mức độ/không đạt qua đánh giá liên tục của GV. Tất cả các hình thức thi đều được bố trí 02 cán bộ coi thi đảm bảo tính công bằng và độ tin cậy về kết quả thi của NH. Trường đã ban hành Quy chế đào tạo, các quy trình liên quan đến các công tác đào tạo, trong đó nêu rõ quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH. Các quy chế quy định này được công bố công khai trên các phương tiện truyền thông của Khoa/Trường. Các thông tin phản hồi kết quả đánh giá kịp thời đã giúp NH biết để cải thiện việc học tập của mình. Trong giai đoạn đánh giá, tất cả các trường hợp NH phản hồi về kết quả đánh giá được Trường và Khoa giải quyết kịp thời. NH hài lòng về cách thức, thời gian phản hồi KQHT. Trường có đầy đủ các quy định, quy trình khiếu nại về KQHT và công bố công khai để NH dễ dàng tiếp cận. NH được Khoa, Trường phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình khiếu nại về KQHT trước mỗi khóa học, mỗi học kỳ. Trong giai đoạn đánh giá không có trường hợp khiếu nại về KQHT.

Để phát huy điểm mạnh, từ năm học 2024-2025, hằng năm, Trường và Khoa CNTT tiếp tục áp dụng các hình thức thi, KTĐG học phần phù hợp và đo lường mức độ đạt CĐR, tiếp tục rà soát Quy định về tổ chức thi kết thúc học phần hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường phù hợp với quy định hiện hành. Hằng năm, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp các Khoa tiến hành rà soát Quy định về việc tổ chức thi kết thúc học phần

hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ do Trường ban hành và phổ biến đến SV bằng nhiều hình thức khác nhau. CVHT tăng cường tiếp xúc, quan tâm đến những NH cá biệt, nhắc nhỡ, tư vấn các HP điểm thấp để NH có kế hoạch học tập tốt hơn, tốt nghiệp đúng tiến độ. Hằng năm, Khoa CNTT tiếp tục sử dụng đa dạng các phương pháp KTĐG khác nhau để kiểm tra, đánh giá KQHT của NH. Từ năm học 2024 – 2025, Trường và Khoa CNTT tiếp tục triển khai hiệu quả hơn việc phản hồi kết quả đánh giá của người học, nhằm góp phần cải thiện việc học tập của NH; tiếp tục cập nhật, rà soát bổ sung Quy chế thi kết thúc HP theo Quy chế đào tạo của Bộ. Từ năm học 2024 – 2025, Trường và Khoa CNTT tiếp tục tuyên truyền, phổ biến các quy định, quy trình về khiếu nại KQHT đến SV thông qua nhiều hình thức khác nhau; giải quyết kịp thời và hợp lý các trường hợp phúc khảo về kết quả thi, KTĐG KQHT của NH.

1.6. Về đội ngũ GV, nghiên cứu viên

Trường ban hành đầy đủ quy chế, quy định về phát triển đội ngũ GV và thông báo, phổ biến đến toàn thể GV biết và thực hiện. Trường thực hiện quy hoạch phát triển đội ngũ GV công khai, minh bạch, theo đúng quy định và đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH, PVCĐ. Đội ngũ GV Khoa CNTT có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng các yêu cầu giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác. Bộ môn KHMT có đủ GV cơ hữu có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng các yêu cầu giảng dạy, NCKH. Tỉ lệ GV/người học của CTĐT ngành KHMT đáp ứng yêu cầu theo quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học hiện hành. Trường ban hành văn bản liên quan đến việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV theo giờ chuẩn được hướng dẫn chi tiết và được triển khai thực hiện. Quy định chế độ làm việc của GV được Trường ban hành, trong đó có quy định về số giờ giảng/khối lượng công việc tiêu chuẩn/tối thiểu quy đổi đối với đội ngũ GV. Khối lượng công việc của đội ngũ GV được đo lường, giám sát cụ thể làm căn cứ để có kế hoạch phân công, giám sát và kiểm tra chuyên môn định kỳ nhằm cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc đánh giá GV có tiêu chí rõ ràng, cụ thể tạo điều kiện để GV có những điều chỉnh phù hợp và tạo được động lực phát triển cho GV. GV Khoa CNTT luôn tích cực hưởng ứng và tham gia đầy đủ các hoạt động PVCĐ do Trường, phòng CTCT&QLSV cũng như các cơ quan đoàn thể phát động và tổ chức. Trong giai đoạn 2018 - 2023, GV Khoa CNTT được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và hầu hết các ý kiến của SV ngành KHMT hài lòng về hoạt động giảng dạy của GV. Trường ban hành đầy đủ các tài liệu, văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm, điều chuyển. Việc tuyển dụng GV hằng năm được tổ chức đúng theo quy định, nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật để bổ nhiệm, điều chuyển được phổ biến và thông báo công khai thông qua trang thông tin nội bộ, Website của Trường và của Phòng TC-HC. Trường ban hành đầy đủ văn bản, quy định về quản lý nhân sự, trong

đó thể hiện rõ về tiêu chuẩn, năng lực của đội ngũ GV. Hằng năm, Trường luôn triển khai đánh giá năng lực của GV để xem xét đề cử, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ kế thừa. Kết quả đánh giá hiệu quả công việc của GV được thông báo đến GV và lưu trữ trong dữ liệu về kết quả đánh giá hiệu quả công việc của GV hằng năm. Trường triển khai khảo sát, đánh giá nhu cầu ĐT, BD chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV. Hằng năm, Trường xây dựng kế hoạch về ĐT, BD và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV dựa trên yêu cầu của CTĐT. Kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được triển khai thực hiện theo kế hoạch hằng năm. Kết quả thực hiện kế hoạch ĐT, BD và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được Trường giám sát, đánh giá hằng năm thông qua báo cáo tổng kết năm học, báo cáo hội nghị CB, CC, VC. Trường ban hành đầy đủ hệ thống văn bản quản lý nhân sự và triển khai quản trị theo công việc. Hằng năm, GV Khoa CNTT thực hiện đăng ký thi đua vào đầu năm học. Trường phân công Phòng TC-HC là đơn vị tham mưu và giúp việc cho BGH triển khai công tác đánh giá hằng năm của GV. Hằng năm, Trường triển khai đánh giá kết quả công việc của GV và thông báo đến các đơn vị để thực hiện. GV Khoa CNTT hài lòng về kết quả đánh giá đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền. Trong giai đoạn 2018 - 2023, đội ngũ GV của Trường và của Khoa CNTT đạt được nhiều hình thức, danh hiệu khen thưởng các cấp. Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV Khoa CNTT được cải tiến hàng năm. Hoạt động NCKH của GV đa dạng về nội dung và hình thức, Trường có chính sách để thu hút GV tiếp tục tham gia viết bài trên các tạp chí quốc tế.

Để phát huy điểm mạnh, Trường và Khoa CNTT tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV cơ hữu có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng các yêu cầu giảng dạy, NCKH và PVCĐ. Trường và Khoa CNTT tiếp tục triển khai giám sát khối lượng công việc đối với đội ngũ GV để cải tiến chất lượng hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ. Từ năm học 2024 - 2025, Trường tăng cường chế độ chính sách nhằm tăng cường số lượng GV có học hàm, học vị cao cho Khoa CNTT. Khoa tiến hành xây dựng các tiêu chí đánh giá mang tính định lượng trong việc thực hiện các nhiệm vụ PVCĐ và nhiệm vụ chuyên môn khác của GV. Trường và Khoa CNTT rà soát văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV của Trường để bổ nhiệm, điều chuyển đúng theo quy định, nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Trường và Khoa CNTT tiếp tục nâng cao hiệu quả đánh giá năng lực của GV để xem xét đề bạt, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ kế thừa. Trường và Khoa CNTT tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV. Trường và Khoa CNTT phát động phong trào thi đua dạy tốt, học tốt trong toàn thể viên chức, GV. Nhiều chính sách khen thưởng, động viên kịp thời, tạo động lực cho GV hoàn thành khối lượng công việc theo quy định. Trường và Khoa CNTT luôn cải tiến các chính sách về tài chính nhằm động viên, khuyến khích GV tham gia NCKH, đầu tư CSVC trang thiết bị phục vụ hoạt động NCKH của GV.

1.7. Đội ngũ nhân viên

Đội ngũ NV cấp Trường có trình độ và kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu của từng chức danh và vị trí công việc tại các phòng ban. Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của NV không ngừng được hoàn thiện nhờ công tác tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên. Việc giải đáp thắc mắc của SV được thực hiện tích cực bởi đội ngũ NV, giúp SV học tập và rèn luyện tốt hơn. Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng trong quy định, được công bố và phổ biến rộng rãi. Các tiêu chí tuyển dụng NV được điều chỉnh kịp thời, cập nhật thường xuyên để phù hợp với nhu cầu thực tế. Trường đã có quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí rõ ràng để đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên. Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ CB hỗ trợ của Khoa đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Trường. Trường có các kế hoạch để đánh giá nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV. Công tác đào tạo, bồi dưỡng NV luôn được Trường đầu tư và quan tâm. Bên cạnh cán bộ hỗ trợ của Khoa, còn có đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên của Nhà trường đảm bảo đủ về số lượng, có năng lực chuyên môn phù hợp, hỗ trợ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và NCKH tại trường. Các khóa đào tạo được tổ chức với nhiều nội dung khác nhau, từ nghiệp vụ hành chính, an toàn lao động, kỹ năng mềm, đến bồi dưỡng chuyên môn, đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu phát triển của nhân viên. Các quy định của Trường về đánh giá, quản lý NV được quy định rõ ràng, công khai và có ghi nhận ý kiến đóng góp của người lao động. NV được tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng tiêu chí đánh giá của Trường.

Để phát huy điểm mạnh, Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh đội ngũ CB thư viện, CNTT và các bộ phận dịch vụ hỗ trợ NH thành thạo nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT ngành. Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh công tác phổ biến công khai các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển rộng rãi trên các kênh thông tin đại chúng và thời gian đăng tuyển dài hơn. Điều này giúp đảm bảo tính minh bạch và công bằng trong công tác tuyển dụng. Các tiêu chí tuyển dụng được xác định rõ ràng và cụ thể, giúp lựa chọn đúng người phù hợp với từng vị trí công việc. Điều này đảm bảo rằng đội ngũ nhân viên đáp ứng tốt các yêu cầu về phẩm chất chính trị, đạo đức và chuyên môn. Việc lấy ý kiến từ các bên liên quan (giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên) trong quá trình xây dựng tiêu chí tuyển dụng giúp đảm bảo rằng các tiêu chí này phù hợp với thực tế và nhu cầu của các đơn vị trong trường. Nhà trường tiếp tục điều chỉnh, bổ sung đầy đủ các tiêu chuẩn nhằm đánh giá, phân loại đội ngũ CB hỗ trợ, có chế độ khen thưởng CB, NV hoàn thành tốt nhiệm vụ. Chính sách đào tạo, nâng cao năng lực của đội ngũ nhân viên về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học để đáp ứng CV hỗ trợ NH tốt hơn. Nhà trường tiếp tục giám sát, đánh giá hiệu quả của các loại hình đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ, các buổi tập huấn, tọa đàm, chuyên đề, phân tích, đối sánh mức độ tham dự để đánh giá, cải

tiến. Nhà trường tiếp tục nâng cao công tác quản lý cán bộ hỗ trợ có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng. Các tiêu chí khen thưởng và công nhận được quy định rõ ràng, khuyến khích NV nỗ lực làm việc và đóng góp tích cực cho tổ chức.

1.8. Về người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng. Trường sử dụng nhiều nhiều phương thức tuyển sinh giúp cho thí sinh dễ dàng tiếp cận thông tin và có nhiều cơ hội trong việc nâng cao trình độ chuyên môn nhằm hỗ trợ trong quá trình làm việc. Hằng năm, Nhà trường tổ chức họp tổng kết công tác tuyển sinh, trong đó tiếp thu ý kiến góp ý, trao đổi, thảo luận của các đơn vị và CB, GV tham gia công tác tuyển sinh của Trường. Trường xác định tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học rõ ràng, khách quan đảm bảo tuân thủ các quy định của Bộ GD&ĐT. Việc đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được tiến hành định kỳ để có những điều chỉnh nâng cao thế mạnh, đồng thời phù hợp với đặc thù của từng ngành đào tạo của Trường. Hằng năm, Trường rà soát các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn người học và trên cơ sở đó có những điều chỉnh kịp thời để nâng cao chất lượng tuyển sinh. Kết quả tuyển sinh của Trường luôn đạt chỉ tiêu đề ra, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của Trường. Trường có phân công trách nhiệm rõ ràng cho Phòng ĐT giám sát về kết quả học tập của SV; Phòng CTCT&QLSV giám sát kết quả rèn luyện của SV; các Khoa đồng thời giám sát kết quả học tập và rèn luyện của SV do Khoa quản lý; ở lớp học, CVHT giám sát kết quả học tập và rèn luyện của SV được phân công phụ trách. Trường có cơ chế và hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của người học. Các đơn vị, cá nhân được phân công cụ thể để hỗ trợ SV. Cơ sở dữ liệu về sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện được quản lý đồng bộ thông qua việc áp dụng công nghệ giúp mang lại hiệu quả cao nhất và được sử dụng để cải tiến nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ. Các biện pháp khắc phục nhằm giảm thiểu tỷ lệ bỏ học, nâng cao KQHT và rèn luyện của SV được áp dụng và điều chỉnh phù hợp. Nhờ đó, tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp của SV được cải thiện. Trường có văn bản quy định các đơn vị, bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác cũng như chịu trách nhiệm tư vấn việc làm cho NH. Trường và Khoa có nhiều hoạt động ngoại khóa mang tính học thuật, phát triển kỹ năng giúp NH tăng trải nghiệm thực tế. Trường và Khoa có mối quan hệ, kết nối với doanh nghiệp tốt, từ đó hỗ trợ hiệu quả NH trong việc kiến tập, thực tập và tăng cơ hội việc làm. Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập của NH. Khoa CNTT có kế hoạch và triển khai nhiều hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm cho NH. Với phương châm "Tất cả vì Sinh viên thân yêu!", Trường luôn tạo môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Đảng ủy, BGH Trường luôn

quan tâm xây dựng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho người học. Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể các đơn vị xây dựng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học. Trường có hợp đồng thuê Công ty TNHH một thành viên XD-TM-DV Thành Đồng, Công ty CP ĐTPT Giáo dục TPN để chăm lo cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn Trường.

Để phát huy điểm mạnh, Trường và Khoa CNTT tiếp tục cải tiến chính sách và quy định về tuyển sinh phù hợp theo quy định hiện hành. Hằng năm Trường và Khoa CNTT cải tiến các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, tuyển chọn người học và trên cơ sở đó có những điều chỉnh kịp thời để nâng cao chất lượng tuyển sinh. Phát huy hơn nữa hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá đa dạng sao cho phản ánh đúng sự tiến bộ của NH trong rèn luyện và học tập. Hằng năm Trường và Khoa CNTT cải tiến văn bản của Trường quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của SV; đồng thời nâng cấp phần mềm quản lý giáo dục để quản lý hiệu quả hơn kết quả học tập và rèn luyện của SV. Hằng năm Trường và Khoa CNTT tăng cường nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, tư vấn hỗ trợ học tập, việc làm giúp NH nâng cao thành tích học tập, nâng cao kỹ năng mềm, kỹ năng nghề, tự tin. Hằng năm Trường và Khoa CNTT đẩy mạnh hơn môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

1.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Trường có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỉ lệ diện tích/người học theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT ngành KHMT theo quy định hiện hành. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn,...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT ngành KHMT. Hằng năm, Trường dành kinh phí cho hoạt động nâng cấp CSVC và trang thiết bị cho phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng nhằm phục vụ hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ. Trường đầu tư nâng cấp thư viện, trang bị phòng đọc máy lạnh, phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT. Trường ban hành nội quy, quy định, hướng dẫn sử dụng thư viện, thư viện số và các trang thiết bị. Thư viện Trường có đủ học liệu bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành KHMT. Nguồn học liệu (giấy và điện tử, CSDL trực tuyến) phù hợp, đầy đủ và được cập nhật, đảm bảo phục vụ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, định kỳ được bổ sung. Tài liệu học tập và nghiên cứu được cung cấp đầy đủ theo từng học kỳ bao gồm cả nguồn bên ngoài và nội sinh của trường. Hằng năm, Trường dành kinh phí chi cho

việc mua sắm, bổ sung nguồn học liệu của Thư viện. Thư viện Trường có đầy đủ sổ sách, dữ liệu theo dõi về hoạt động của thư viện để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trường đầu tư, mua sắm đảm bảo có đủ phòng thực hành máy tính và trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành KHMT. Phòng thực hành máy tính của Trường được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hằng năm, Trường tiến hành kiểm kê tài sản, rà soát, đánh giá trang thiết bị trong phòng thực hành máy tính để có kế hoạch duy tu, bảo dưỡng và cập nhật, nâng cấp để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu. Trường có phân công cụ thể đơn vị phụ trách thực hành máy tính và ở mỗi phòng đều có hồ sơ theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường đầu tư, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của các CTĐT nói chung và CTĐT ngành KHMT nói riêng. Trường đầu tư hạ tầng CNTT và truyền thông (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trường thành lập Ban Quản trị hệ thống thông tin và giao nhiệm vụ vận hành, khai thác, hướng dẫn sử dụng hệ thống CNTT và truyền thông đảm bảo hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hằng năm, Trường luôn rà soát hệ thống CNTT và truyền thông để kịp thời sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trường triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan, trong đó có nội dung khảo sát mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ. Trong giai đoạn 2018 - 2023, ý kiến của GV, SV hài lòng về mức độ đáp ứng của các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường đối với hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ. Trường quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB, GV, SV, đặc biệt là nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Trường và các đơn vị triển khai nhiều hoạt động về môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của người học có nhu cầu đặc biệt. Môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận của người học có nhu cầu đặc biệt của Trường được đảm bảo và cải thiện. Ý kiến khảo sát của GV, SV Nhà trường hài lòng về môi trường, sức khỏe và an toàn, trong đó có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật.

Để phát huy điểm mạnh, Trường và Khoa CNTT cải tiến hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỉ lệ diện tích/người học theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT ngành KHMT theo quy định hiện hành. Hằng năm Trường cải tiến đầu tư nâng cấp thư viện, bố trí phòng đọc, phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT. Thư viện tiếp tục kết nối chặt chẽ với các Khoa trong vấn đề bổ sung, cập nhật tài liệu tham khảo về chuyên ngành đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Trường tăng cường kinh phí đầu tư, mua sắm đảm bảo có đủ phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên

cứu của CTĐT cho tất cả ngành đào tạo. Trường tăng cường đầu tư hạ tầng CNTT và truyền thông (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống mạng Internet, trang thông tin điện tử, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trường cải tiến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB, GV, nhân viên, SV, đặc biệt là nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật.

1.10. Nâng cao chất lượng

Quá trình phát triển CTDH tuân thủ nghiêm ngặt theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như của Trường. Mỗi khi có điều chỉnh trong CTĐT, Khoa luôn tiến hành thu thập ý kiến đóng góp từ các BLQ theo quy trình đã được đề ra. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được tổ chức và triển khai một cách hiệu quả. Các ý kiến phản hồi đều được Khoa tổng hợp, phân tích và vận dụng vào quá trình thiết kế, xây dựng, phát triển CTĐT, CTDH ngành KHMT của Khoa CNTT; Đảm bảo đủ cơ sở, có tính khoa học, có tính khách quan và độ tin cậy khi phát triển CTDH. Việc thiết kế, xây dựng, cập nhật và đánh giá CTDH được thực hiện thống nhất trong toàn Trường theo quy trình, đảm bảo đúng quy định của Bộ GDĐT. Hằng năm, Trường thực hiện rà soát và cập nhật lại quy trình xây dựng, thiết kế, cũng như quy trình cập nhật và đánh giá CĐR, CTĐT. Điều này đảm bảo phù hợp với yêu cầu của Bộ GDĐT, nhu cầu của các BLQ và thực tế hiện tại. Việc dạy và học được quy định cụ thể bằng văn bản. Hoạt động giảng dạy được phản ánh kịp thời qua nhiều kênh thông tin, tạo cơ sở để giảng viên điều chỉnh phương pháp dạy, cập nhật kiến thức thực tiễn, nhằm phục vụ tốt hơn cho công tác giảng dạy. Trường thường xuyên thực hiện việc lấy ý kiến người học về việc đánh giá KQHT. Hoạt động tập huấn phát triển chuyên môn, sinh hoạt chuyên đề về cải tiến phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá đáp ứng CĐR được thực hiện thường xuyên theo từng học kỳ. Trường đã ban hành văn bản quy định về công tác NCKH của giảng viên và tiến hành triển khai thực hiện theo quy định. Trong giai đoạn 2018 - 2023, GV và SV Khoa CNTT đã thực hiện 37 đề tài NCKH với nhiều loại hình khác nhau. Cụ thể: 01 đề tài cấp TP, 27 đề tài cấp Trường, 01 bài báo và các công trình khác. Trường và Khoa CNTT đã tổ chức các hội thảo, sáng kiến kinh nghiệm để áp dụng kết quả NCKH, đồng thời có sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV. Các văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của Thư viện, phòng thực hành, hệ thống thông tin ngày càng được hoàn thiện. Hệ thống CSVC, trang thiết bị dạy, chất lượng các dịch vụ, tiện ích được định kỳ rà soát, đánh giá mức độ đáp ứng và có kế hoạch cải tiến, sửa chữa, cải tạo để nâng cao chất lượng phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập. Hằng năm, Trường và Khoa CNTT thực hiện khảo sát ý kiến của các BLQ về mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác (tư vấn người học, công tác sinh viên, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa, …). Hoạt động rà soát nhằm đánh giá chất lượng của các dịch vụ hỗ

trợ ngày càng được chú trọng, được thực hiện một cách thường xuyên và bằng nhiều hình thức đa dạng khác nhau nhằm thu được kết quả phản hồi đáng tin cậy và đúng với thực tế. Trường thực hiện nhiều cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm phục vụ tốt hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ. Nhà trường đã ban hành cụ thể các văn bản quy định, hướng dẫn thực hiện việc lấy ý kiến các BLQ và giao nhiệm vụ cho đơn vị chuyên trách thực hiện công tác này. Quy trình lấy ý kiến các BLQ được rà soát và cập nhật hằng năm phù hợp với tình hình thực tế của Trường.

Để phát huy điểm mạnh, Phòng ĐT phối hợp với Khoa tiếp tục thực hiện khảo sát các BLQ về CTDH theo kế hoạch hằng năm của Khoa. Dựa trên Bảng khảo sát các BLQ đã được kiểm chứng, Khoa tiếp tục sử dụng phản hồi của các BLQ làm cơ sở để điều chỉnh CTDH ngày càng phù hợp với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp. Định kỳ mỗi HK, năm học, Khoa phối hợp với Phòng Đào tạo, Phòng Thanh tra - Pháp chế - Khảo thí - Đảm bảo chất lượng mở rộng và tăng cường lấy ý kiến các BLQ khi thiết kế và phát triển chương trình dạy học. Định kỳ, Khoa CNTT và Phòng Đào tạo sẽ tiếp tục cải tiến và hoàn thiện hoạt động đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Mục tiêu là tạo ra một quá trình đánh giá đa dạng và linh hoạt hơn, nhằm bao quát và đảm bảo tính chuẩn xác trong việc đánh giá. Định kỳ mỗi năm học, Khoa và GV tiếp tục đăng ký biên soạn các giáo trình, tài liệu học tập phục vụ việc dạy và học. Bên cạnh đó, Khoa tiếp tục phối hợp với doanh nghiệp thực hiện các đề tài, đề án có tính ứng dụng cao. Định kỳ mỗi năm học, Trường tiếp tục rà soát nhằm đánh giá chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ, đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ của Thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin,… Định kỳ, Trường sẽ tiếp tục giám sát việc thực hiện cơ chế, quy trình phản hồi của các BLQ. Kể từ năm học 2024 - 2025, Khoa sẽ phối hợp với đơn vị liên quan xây dựng các biện pháp nhằm tăng cường tính khách quan và liên tục của thông tin thu thập từ ý kiến phản hồi của các BLQ.

1.11. Kết quả đầu ra

Trường có đội ngũ và công cụ theo dõi, cập nhật danh sách về tỷ lệ thôi học và tốt nghiệp. Danh sách này thường xuyên được cập nhật sau mỗi học kỳ. Đồng thời, Khoa CNTT cũng sẽ phối hợp với các Phòng có liên quan tiến hành tìm hiểu và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc thôi học. Trường và Khoa CNTT có bộ phận, công cụ để theo dõi, thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của SV. Có các biện pháp hỗ trợ người học học vượt tiến độ và tìm hiểu nguyên nhân người học tốt nghiệp chưa đúng tiến độ. Khoa thực hiện khảo sát người học tốt nghiệp về việc cải thiện cơ hội việc làm sau tốt nghiệp trong thời gian đánh giá. Dữ liệu thu thập về việc làm của người học được tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân, cùng với việc đề xuất các biện pháp khắc phục. Tỷ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập và giám sát. Người học được đánh giá năng động, có kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu công việc. Có sự gắn kết tốt giữa Trường và DN trong hợp tác đào

tạo, hoạt động kiến tập, thực tập của người học cũng như chia sẻ thông tin tuyển dụng. Trường đã xây dựng kế hoạch hoạt động NCKH của SV và thiết lập hệ thống theo dõi, giám sát về loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của SV từ cấp Trường tới cấp Khoa. Khoa đã tổ chức hỗ trợ tư vấn đề tài nghiên cứu cho SV; Các phòng chức năng luôn quan tâm hỗ trợ SV trong quá trình thực hiện đề tài. Trường và Khoa CNTT có bộ phận, quy trình, công cụ và phương pháp triển khai, tiếp nhận và giám sát sự phản hồi từ các BLQ. Ý kiến của các BLQ được khai thác đầy đủ ở nhiều khía cạnh khác nhau và đều được sử dụng trong cải tiến chất lượng các hoạt động ĐT, hỗ trợ người học và điều chỉnh CTĐT.

Để phát huy điểm mạnh, định kỳ hằng năm, Trường tăng cường kinh phí để nâng cấp phần mềm quản lý giáo dục. Trong quá trình này, chúng tôi đặc biệt tập trung vào việc phân công theo dõi và giám sát tỷ lệ thôi học và tốt nghiệp đúng hạn, cũng như quản lý danh sách thôi học và tốt nghiệp. Hằng năm Trường và Khoa CNTT tiếp tục tăng cường các biện pháp cải tiến chất lượng để rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình của người học. Hằng năm Trường và Khoa CNTT tăng cường các biện pháp cải tiến tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng yêu cầu công việc sau tốt nghiệp của các CTĐT, mức độ hài lòng của các BLQ đối với chất lượng của người học tốt nghiệp của các CTĐT. Định kỳ mỗi năm học, Khoa và Phòng QLKH-HTQT tiếp tục chuẩn hóa quy định NCKH, đẩy mạnh và thường xuyên tổ chức các buổi chuyên đề về NCKH cho sinh viên. Trong giai đoạn sắp tới, Khoa CNTT sẽ tiến hành hoàn thiện CTDH và tập trung vào việc nâng cao chất lượng đào tạo. Điều này sẽ được thực hiện thông qua việc khảo sát các BLQ, từ đó đưa ra các cải tiến cụ thể để đáp ứng nhu cầu xã hội.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT

2.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Việc lấy ý kiến các bên liên quan đối với mục tiêu của CTĐT đảm bảo đầy đủ các đối tượng, tuy nhiên đối tượng người sử dụng lao động chủ yếu tập trung ở Cần Thơ và một số tỉnh lân cận.

Việc lấy ý kiến các BLQ đối với CĐR của CTĐT tập trung chủ yếu dựa trên 5 mức độ nên tỷ lệ không có ý kiến nhiều và chưa thu thập được nhiều ý kiến điều chỉnh cụ thể.

Số lượng các nhà tuyển dụng tham gia khảo sát, đóng góp ý kiến trong việc rà soát, cập nhật CĐR của CTĐT tập trung chủ yếu ở Cần Thơ và các tỉnh lân cận.

2.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Khoa CNTT chưa tham khảo nhiều Bản mô tả CTĐT của các trường ĐH trong và ngoài nước đào tạo cùng chuyên ngành để điều chỉnh Bản mô tả CTĐT.

Việc lấy ý kiến của các BLQ đối với ĐCCT HP tập trung chủ yếu vào đối tượng GV và NH, đối với Cựu NH, Nhà tuyển dụng chưa có nhiều góp ý dạng đề xuất, kiến nghị tập trung vào mức độ đồng ý.

Khoa và Trường chưa đánh giá tính hiệu quả của các hình thức phổ biến Bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần ngành KHMT đến các bên liên quan.

2.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Các phương pháp giảng dạy hiện đại được GV Khoa CNTT xác định trong ĐCCT học phần chưa nhiều.

Số lượng các góp ý về PP dạy và học, PP KTĐG trong CTDH ngành KHMT tại các hội nghị, hội thảo do Khoa CNTT tổ chức chưa nhiều.

Số lượng CTĐT của các trường ĐH quốc tế được Khoa CNTT tham khảo để điều chỉnh CTDH ngành KHMT chưa nhiều.

2.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

TLGD cần có nhiều thời gian hơn để hiểu và chuyển tải đồng bộ đối với các bên liên quan. Số lượng doanh nghiệp và nhà tuyển dụng tham gia khảo sát về TLGD của Trường còn hạn chế.

Một số SV năm thứ nhất chưa thật sự thích nghi với phương pháp học ở bậc đại học.

Số lượng các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học do Khoa CNTT tổ chức chưa nhiều..

2.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Các phương pháp KTĐG được xác định phù hợp và đo lường mức độ đạt CĐR nhưng số lượng các phương pháp KTĐG chưa nhiều.

Khoa CNTT chưa đánh giá mức độ hiểu biết của NH đối với các văn bản quy định về KTĐG KQHT của Trường.

Ngân hàng đề thi được triển khai từ năm 2019 và chưa có nhiều ngân hàng đề thi cho tất cả các học phần của ngành KHMT.

Khoa CNTT chưa đánh giá mức độ NH sử dụng thông tin phản hồi về kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập.

Một số học phần công bố điểm kết thúc học phần còn chậm so với kế hoạch, quy định của Trường.

2.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Tình hình hiện tại cho thấy rằng việc nâng cao trình độ tiến sĩ trong lĩnh vực KTMT vẫn đang gặp phải nhiều khó khăn. Mặc dù đã có các quy định để đảm bảo chất lượng tiến sĩ theo quy định, nhưng trong thực tế, việc này vẫn còn nhiều thách thức. Ngoài ra, kế hoạch phát triển của Khoa cũng chưa thể hiện rõ sự quy hoạch đội ngũ để thực hiện các hoạt động phục vụ cộng đồng như làm đề tài địa phương hoặc thành phố. Chính sách hiện tại về bồi dưỡng cho đội ngũ nhằm nâng cao trình độ và thực hiện nghiên cứu khoa học cũng đã được ban hành, tuy nhiên, chúng vẫn chưa đáp ứng đầy đủ và đang được cải tiến để mang lại hiệu quả cao hơn trong thời gian sắp tới.

Trong giai đoạn từ 2018 đến 2023, Khoa CNTT đã có sự tăng lên đáng kể trong số

lượng GV sở hữu học hàm và học vị cao. Điều này thể hiện sự đầu tư và cam kết của Khoa trong việc nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học trong đội ngũ GV. Tuy nhiên, mặc dù đã có sự tăng trưởng đáng kể, nhưng vẫn còn cần phải bổ sung thêm số lượng GV có học hàm TS để đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo được duy trì và cải thiện theo thời gian.

Mặc dù có tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV được đề ra, bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật, nhưng vẫn còn xuất hiện sự thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng dù đã có chính sách ưu tiên tuyển dụng nhân lực có trình độ cao cho ngành KHMT. Việc thu hút và giữ chân các nhân sự có trình độ cao vẫn đang gặp khó khăn. Trường chưa thể tuyển được nhiều giảng viên có học hàm, học vị cao do nhiều lý do khách quan khác nhau bởi các khó khăn trong chính sách thu hút, chính sách đãi ngộ chưa hấp dẫn.

Mặc dù có văn bản đầy đủ về tiêu chuẩn và yêu cầu tuyển dụng, nhưng nội dung của văn bản chưa đủ chi tiết và cụ thể đến mức đủ để đảm bảo việc tuyển dụng GV đáp ứng đúng tiêu chí chuyên ngành được đào tạo, từ đó gây ra khó khăn trong quá trình tìm kiếm và thu hút các ứng viên phù hợp.

Năng lực ngoại ngữ của một số GV Khoa CNTT còn hạn chế nhất định. Việc đánh giá GV có nhiều tiêu chí tương tự đánh giá NV, chưa xây dựng hoàn chỉnh bộ tiêu chí đánh giá đặc thù cho GV.

Hoạt động đánh giá hiệu quả sau mỗi khóa/ đợt tập huấn/ đào tạo hoặc sau mỗi đợt cử người đi tập huấn/đào tạo tuy có thực hiện nhưng chưa có chiều sâu, chi tiết.

Các hình thức khen thưởng cao của GV Khoa CNTT còn chưa nhiều, chưa nổi bật. Lực lượng GV kiêm nhiệm NCV chiếm số lượng nhiều trong Khoa, chưa có đội ngũ NCV chuyên trách.

Hiện nay, số lượng giảng viên Khoa CNTT có đề tài nghiên cứu khoa học cấp thành phố còn hạn chế do cơ sở vật chất và đội ngũ nhân sự chưa đáp ứng đủ yêu cầu.

2.7. Đội ngũ nhân viên

Trường đã xây dựng các chính sách và chế độ tuyển dụng nhân viên, quy hoạch nhân sự cho các phòng ban. Tuy nhiên, các chính sách này chưa thực sự đảm bảo được sự ổn định về số lượng nhân sự dài hạn, dẫn đến tình trạng biến động nhân sự giữa các phòng ban. Ngoài ra, chính sách hiện tại cũng chưa đủ tính cạnh tranh để thu hút và giữ chân nhân tài, gây khó khăn trong việc duy trì và phát triển đội ngũ nhân viên chất lượng cao.

Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển đã được xác định rõ ràng trong các quy định, nhưng vẫn thiếu sự cụ thể về số lượng nhân sự cần thiết. Hoạt động đánh giá hiệu quả của các công tác bổ nhiệm và điều chuyển đã được thực hiện nhưng chưa được tiến hành thường xuyên, dẫn đến việc chậm trễ trong việc điều chỉnh khi cần thiết. Thêm vào đó, các quy định chi tiết về đào tạo dành cho cán bộ nằm trong diện quy hoạch chưa được công khai đầy đủ và rộng rãi cho toàn bộ viên chức, giảng viên biết

đến.

Năng lực chuyên môn, ngoại ngữ, tin học của cán bộ hỗ trợ tại Khoa ở các đơn vị chưa đồng đều dẫn đến mức độ hài lòng chung của toàn trường chưa đạt yêu cầu.

Chưa thực hiện khảo sát việc áp dụng các nội dung đã được tập huấn vào công việc của nhân viên. Chưa có cơ chế khuyến khích nhân viên đóng góp ý kiến và phản hồi về các khóa đào tạo để cải thiện chất lượng và nội dung. Việc hợp tác với các đơn vị đào tạo uy tín để nâng cao chất lượng khóa học và đảm bảo nhân viên tiếp cận với những kiến thức, kỹ năng tiên tiến nhất vẫn chưa được triển khai hiệu quả.

Lịch công tác hàng tuần của đội ngũ nhân viên đã được lên kế hoạch nhưng vẫn chưa cụ thể, chi tiết gây khó khăn cho việc quản lý, giám sát. Ngoài ra, chưa có báo cáo công việc hàng tuần, dẫn đến hiệu quả công việc chưa được nâng cao như mong muốn.

2.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chưa khai thác triệt để kênh thông tin từ các cựu SV và NTD trong việc quảng bá rộng rãi hơn nữa thông tin tuyển sinh của Khoa/Trường.

Điểm tuyển sinh đầu vào có cải thiện so với các năm trước, tuy nhiên điểm chất lượng đầu vào ngành KHMT vẫn chưa cao như các trường đại học danh tiếng trên địa bàn.

Việc tổ chức hội nghị CVHT toàn trường chưa được duy trì định kỳ thường xuyên.

Vẫn còn một số hoạt động phong trào chưa thu hút đông đảo NH tham gia.

Khuôn viên chưa có nhiều cây xanh, thiếu không gian sinh hoạt chung, không gian làm việc mở đôi khi tạo ra sự bất tiện trong công việc (không tập trung, ồn ào,…).

2.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Do những khó khăn về giải phóng mặt bằng nên việc phát triển đầu tư Cơ sở II với 17,72ha tại phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ bị chậm so với tiến độ.

Số lượng giáo trình, tài liệu tham khảo do GV biên soạn còn hạn chế. Công tác liên kết với các các tổ chức Thông tin - Thư viện quốc tế chưa được phát triển đúng tiềm lực.

Do còn khó khăn về kinh phí nên việc mua sắm mới các trang thiết bị hiện đại còn chậm so với tiến độ. Nhiều ý kiến phản hồi của NH về CSVC chưa được kịp thời cập nhật.

Vẫn còn trường hợp SV chưa khai thác tối đa các ứng dụng hiện có trên hệ thống quản lý giáo dục của Trường. Do số lượng người dùng lớn, khối lượng và số lượng các hoạt động nhiều nên có đôi lúc việc truy cập wifi và internet còn chậm.

CSVC của Trường chưa tối đa hóa các tiện ích đối với nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật. Không gian xanh trong khu vực làm việc, học tập và các khu vực sinh hoạt chung của trường còn hạn chế.

2.10. Nâng cao chất lượng

Các ý kiến đóng góp vào quá trình xây dựng CTĐT, CTDH hiện chỉ dừng lại ở mức độ góp ý cơ bản, thiếu đi sự phân tích sâu sắc và chuyên sâu.

Ý kiến đóng góp từ các BLQ về quy trình thiết kế, xây dựng và quy trình cập nhật, đánh giá CĐR, CTĐT được thu thập chưa nhiều.

Một số bước và biểu mẫu trong quy trình rà soát, cập nhập CTĐT chưa được triển khai đầy đủ và hiệu quả.

Một số học phần, tỷ lệ người học hài lòng về phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập chưa đạt mức cao.

Số lượng bài báo và công trình NCKH của giảng viên hiện vẫn còn khiêm tốn và chưa phản ánh đúng tiềm năng, khả năng của giảng viên Khoa CNTT.

"Thông tin phản hồi về kết quả khảo sát chất lượng các dịch vụ hỗ trợ đến các BLQ được Trường thường xuyên thực hiện. Tuy nhiên, kết quả cải tiến từ các đơn vị trực tiếp phụ trách chưa được phản hồi cụ thể và đầy đủ đến các BLQ.

Một số nhu cầu hỗ trợ của người học mặc dù được đáp ứng đầy đủ nhưng đôi khi chưa kịp thời do cần phải chờ kết quả thẩm định từ các phòng ban liên quan.

Việc thiết kế các công cụ khảo sát chưa hoàn toàn hiệu quả và chưa thể đối sánh đầy đủ ý kiến các BLQ.

2.11. Kết quả đầu ra

SV tốt nghiệp đúng tiến độ vẫn còn chiếm tỷ trọng tương đối thấp trong tổng số lượng SV đã tốt nghiệp.

Một số SV chưa biết cách sắp xếp kế hoạch học tập cá nhân hiệu quả, bị ảnh hưởng bởi việc làm thêm nên không theo kịp tiến độ học tập ở những năm cuối.

Hiện nay số lượng cựu SV phản hồi khảo sát về việc làm sau khi tốt nghiệp còn còn chưa đầy đủ.

Vẫn còn một số sinh viên chưa hiểu rõ vai trò của nghiên cứu khoa học trong quá trình học tập và chưa nhiệt tình tham gia hoạt động này.

Mức độ hài lòng của các BLQ chưa được rà soát, đánh giá chuyên sâu để nâng cao hơn chất lượng ĐT và phục vụ.

3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT

3.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Năm học 2024 - 2025, Khoa CNTT phối hợp Phòng TT-PC-KT-ĐBCL mở rộng phạm vi khảo sát; phối hợp Phòng CTCT&QLSV, Phòng QLKH-HTQT đẩy mạnh hoạt động nối kết doanh nghiệp, nhà tuyển dụng thông qua hội thảo khoa học, ngày hội việc làm để nắm bắt nhu cầu thị trường lao động và góp ý về CTĐT.

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa CNTT phối hợp Phòng TT-PC-KT-ĐBCL cải tiến mẫu phiếu khảo sát các BLQ về CĐR của CTĐT ngành KHMT.

Từ năm học 2024 - 2025, Trường mở rộng quan hệ hợp tác, đối tác với doanh nghiệp, nhà tuyển dụng trên phạm vi cả nước. Trên cơ sở đó, Khoa CNTT tăng cường ký kết hợp tác với các nhà tuyển dụng hàng đầu trong ngành KHMT.

3.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Từ năm học 2024 - 2025, Trường mở rộng quan hệ hợp tác, đối tác với các cơ sở đào tạo cùng chuyên ngành trong và ngoài nước. Trên cơ sở đó, Khoa CNTT tham khảo Bản mô tả CTĐT của các trường để điều chỉnh Bản mô tả CTĐT.

Từ năm học 2024 – 2025, Khoa CNTT phối hợp Phòng TT-PC-KT-ĐBCL cải tiến mẫu phiếu khảo sát các BLQ để tổ chức khảo sát lấy ý kiến các nội dung liên quan đến ĐCCT các HP.

Hằng năm, từ năm học 2024 - 2025 trở đi, Khoa CNTT phối hợp với các đơn vị liên quan đánh giá tính hiệu quả của các hình thức phổ biến Bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần ngành KHMT đến các bên liên quan.

3.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa CNTT triển khai để GV tăng cường xác định các PPGD hiện đại trong ĐCCT HP để từ đó áp dụng trong quá trình giảng dạy nhằm đạt CĐR.

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa CNTT tiếp tục tổ chức hội nghị, hội thảo và tăng cường số lượng các bên tham gia tại các hội nghị, hội thảo do Khoa tổ chức nhằm tăng số lượng nhà tuyển dụng và cựu SV góp ý về CTDH ngành KHMT, đặc biệt có những chuyên đề thảo luận về cải tiến PP dạy và học, PP kiểm tra đánh giá

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa CNTT tăng cường tham khảo CTĐT của các trường ĐH quốc tế để điều chỉnh CTDH ngành KHMT.

3.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Từ năm học 2024 – 2025, hằng năm, Trường tăng cường mời số lượng doanh nghiệp, nhà tuyển dụng tham gia các hội thảo, hội nghị, các ngày hội việc làm. Trên cơ sở đó, Phòng TT-PC-KT-ĐBCL phối hợp các đơn vị trong trường tiến hành khảo sát ý kiến của các nhà tuyển dụng về các lĩnh vực hoạt động của Trường, trong đó có nội dung khảo sát về TLGD của Trường. Trường và Khoa sẽ thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng, doanh nghiệp, NH trong việc xây dựng và hoàn thiện TLGD.

Từ năm học 2024 – 2025, Trường và Khoa CNTT tăng cường bồi dưỡng, tập huấn cho SV, đặc biệt SV năm thứ nhất về phương pháp học ở bậc đại học.

Từ năm học 2024 - 2025, hằng năm, Khoa CNTT tổ chức hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy học.

3.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Từ năm học 2024-2025, Trường và Khoa CNTT triển khai để GV tiếp tục rà soát các phương pháp KTĐG, bổ sung các phương pháp KTĐG phù hợp và đo lường CĐR.

Từ năm học 2024 -2025, Khoa CNTT triển khai khảo sát, đánh giá mức độ hiểu biết của NH Khoa CNTT đối với các văn bản quy định về KTĐG KQHT của Trường.

Từ năm học 2024 - 2025, Trường chỉ đạo các khoa tăng cường xây dựng ngân hành đề thi cho các học phần trong CTĐT, đồng thời chỉ đạo Phòng QLKH-HTQT phối hợp Khoa CNTT tiến hành triển khai nghiệm thu ngân hàng đề thi cho các học phần.

Từ năm học 2024 – 2025, Khoa CNTT phối hợp với Phòng TT-PC-KT-ĐBCL khảo sát đánh giá mức độ NH sử dụng thông tin phản hồi về kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập.

Trong năm học 2024 - 2025, Khoa CNTT có kế hoạch giám sát, kiểm tra GV nhập điểm giữa kỳ, cuối kỳ đúng theo kế hoạch và quy định của Trường.

3.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Từ năm học 2024 - 2025, Trường và Khoa tăng cường các hình thức hỗ trợ GV học tập nâng cao trình độ và đẩy mạnh kế hoạch sắp xếp GV đăng ký ngành học TS đúng với các chuyên ngành đang đào tạo.

Khoa cần đẩy mạnh việc tuyển dụng thêm GV có học vị Tiến sĩ, đặc biệt trong các lĩnh vực chuyên môn còn thiếu hụt. Chính sách tuyển dụng cần có những ưu đãi và điều kiện hấp dẫn để thu hút các ứng viên có trình độ cao. Đối với các GV hiện đang công tác, Khoa cần tạo điều kiện và hỗ trợ họ trong việc học tập, nghiên cứu để nâng cao học vị. Có thể đưa ra các chương trình hỗ trợ tài chính, thời gian, hoặc hợp tác quốc tế để GV theo đuổi các chương trình Tiến sĩ trong và ngoài nước. Thực hiện giám sát và đánh giá định kỳ hiệu quả của các chính sách hỗ trợ đào tạo GV, từ đó có những điều chỉnh kịp thời để đảm bảo các chương trình này đạt được mục tiêu nâng cao chất lượng đội ngũ GV.

Từ năm học 2024 - 2025, Trường tăng cường chế độ chính sách nhằm tuyển dụng, thu hút GV có học hàm, học vị cao. Khoa CNTT rà soát, đổi mới các phương thức, hình thức thông báo tuyển dụng nhằm tăng số lượng ứng tuyển. Mặt khác, sẽ cụ thể hóa tiêu chí tuyển dụng GV đảm bảo đúng yêu cầu tuyển dụng về chuyên ngành được đào tạo để đáp ứng ngay được yêu cầu của CTĐT.

Từ năm học 2024 - 2025, Trường tăng cường chế độ hỗ trợ GV học ngoại ngữ và chỉ đạo Trung tâm NNTH thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng ngoại ngữ nhằm nâng cao năng lực ngoại ngữ cho GV Khoa CNTT. Khoa đang tiến hành rà soát, đánh giá lại năng lực của GV. Đồng thời, Khoa sẽ kết hợp nhiều hình thức khảo sát để đạt hiệu quả cao trong việc đánh giá GV.

Từ năm học 2024 - 2025, Trường, Khoa CNTT tăng cường chính sách khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện kết hợp chế tài để các GV học tập nghiên cứu sinh kết hợp công tác thu hút, tuyển dụng GV có học hàm, học vị cao đúng chuyên ngành đào tạo.

Khoa tiến hành đánh giá hiệu quả sau mỗi khóa/đợt tập huấn/đào tạo hoặc sau mỗi đợt cử người đi tập huấn/đào tạo và sử dụng kết quả này để hoạch định và triển khai kế hoạch tiếp theo.

Từ năm học 2024 - 2025, Trường tiếp tục duy trì các chính sách về chế độ thi đua khen thưởng để tạo động lực cho GV tích cực tham gia NCKH và các hoạt động PVCĐ. Cần có chính sách về cơ chế phối hợp nghiên cứu, đăng tải công trình nghiên cứu giữa các tổ bộ môn và các GV của khoa CNTT. Trường, Phòng TC-HC, Khoa CNTT tăng cường động viên, khuyến khích GV mạnh dạn tham gia các hình thức khen thưởng cao.

Từ năm học 2024 - 2025, Trường có chính sách động viên, khuyến khích GV thực hiện các đề tài NCKH cấp Bộ, cấp thành phố và tương đương, đồng thời tăng cường các đề tài NCKH từ các cấp với sự tham gia thực hiện của SV và tăng cường đăng tải kết quả các công trình khoa học lên các tạp chí trong nước và quốc tế có chỉ số cao. Đồng thời kiến nghị Trường có thêm các chính sách hỗ trợ cho các GV có nhiều công trình NCKH.

3.7. Đội ngũ nhân viên

Trường thực hiện rà soát định kỳ việc quy hoạch đội ngũ NV tại các đơn vị, phòng ban để có kế hoạch phân bổ, cơ cấu NV đảm bảo tính hợp lý và hiệu quả của công việc hỗ trợ. Từ năm học 2024 - 2025, Khoa sẽ phối hợp với Phòng TT-PC-KT-ĐBCL đề xuất Trường triển khai các kế hoạch khảo sát nhu cầu của thị trường lao động nhằm đề ra những giải pháp, chính sách thu hút, tuyển dụng nhân sự trình độ cao; tiến tới mục tiêu đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Trong năm học 2024 - 2025, Trường cần tập trung vào những giải pháp: (1) Trong các văn bản quy định về công tác cán bộ được điều chuyển nên được lượng hóa cụ thể hơn và thường xuyên đánh giá hiệu quả của công tác bổ nhiệm, điều chuyển; (2) Cần công khai những quy định về đào tạo đối với cán bộ nằm trong quy hoạch để những cán bộ còn lại có hướng tiếp cận và tự đào tạo bản thân phù hợp với yêu cầu luân chuyển, bổ nhiệm.

Cần xây dựng và triển khai các chính sách thu hút và giữ chân nhân tài hiệu quả hơn, bao gồm các chế độ đãi ngộ, phúc lợi hấp dẫn và môi trường làm việc thuận lợi. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ thường phải làm việc ngoài giờ hành chính để hoàn thành nhiệm vụ, cần có các chính sách hỗ trợ và cân bằng công việc và cuộc sống để đảm bảo sức khỏe và tinh thần làm việc của nhân viên.

Cần có sự phối hợp chặt chẽ hơn giữa các khoa, phòng ban và trung tâm để đảm bảo sự thống nhất và hiệu quả trong công tác hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Các quy trình và chính sách cần được đồng bộ hóa để tránh sự chồng chéo và bất cập.

Khoa đề xuất Trường tiếp tục có các hoạt động rà soát, đánh giá năng lực của đội ngũ NV, có chính sách đào tạo bồi dưỡng, tập huấn và khuyến khích NV tự trau dồi, nâng cao năng lực.

Khuyến khích sự tham gia tích cực của nhân viên trong quá trình tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau, điều này sẽ giúp cải thiện tính toàn diện và khách quan của quy trình đánh giá.

Từ năm 2024 - 2025, Khoa đề xuất Trường có kế hoạch khảo sát việc áp dụng các nội dung tập huấn vào công việc của NV sau các đợt tập huấn.

Từ năm học 2024 - 2025, Trường và Khoa nên đưa ra các yêu cầu cụ thể hơn để lịch công tác hàng tuần của đội ngũ nhân viên rõ ràng và chi tiết hơn, thuận lợi cho công tác giám sát, quản lý.

Áp dụng phương pháp đánh giá đa chiều, bao gồm đánh giá từ đồng nghiệp, cấp dưới và các bên liên quan để có cái nhìn toàn diện và chính xác hơn về hiệu quả công việc của NV.

3.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Từ năm học 2024 – 2025, ngoài việc khảo sát thêm nhu cầu nguồn nhân lực của NTD, Khoa/Trường cần quảng bá rộng rãi thông tin tuyển sinh nhằm tận dụng hiệu quả kênh truyền thông từ các đối tượng này như giới thiệu đầy đủ, chi tiết và tích cực về Khoa. Từ đó, các cựu SV và NTD có sự hiểu biết sâu sắc và ấn tượng tốt về Khoa, chuyên ngành ĐT và họ sẵn sàng truyền thông cho Khoa/Trường.

Từ năm học 2024 - 2025, Trường đa dạng hóa các phương thức tuyển sinh đồng thời tăng cường công tác truyền thông nhằm cải thiện điểm chuẩn đầu vào của Trường.

Từ năm học 2024 - 2025, Trường, Phòng CTCT&QLSV thường xuyên tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng cho CVHT và dành thời gian để CVHT tăng cường giám sát, hỗ trợ NH. Hoàn thiện hơn nữa hệ thống giám sát NH.

Từ năm học 2024 - 2025, Phòng CTCT&QLSV phối hợp Đoàn TN, Hội SV, các Khoa đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng nhằm thu hút đông đảo SV tham gia, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của NH.

Từ năm học 2024 - 2025, Trường tích cực đề nghị UBND thành phố Cần Thơ đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng Cơ sở II tại phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

3.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Từ năm học 2024 - 2025, Trường tích cực làm việc với UBND thành phố Cần Thơ đẩy nhanh việc giải phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng Cơ sở II với 17,72 ha tại phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Từ năm học 2024 - 2025, tiếp tục đề xuất đầu tư kinh phí, trang bị hạ tầng đủ tiêu chuẩn kết nối với các trung tâm thư viện lớn trong và ngoài nước. Trường tăng cường áp dụng các chế độ động viên, khuyến khích GV biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo. Bên cạnh đó sẽ tăng cường liên kết sử dụng chung cơ sở dữ liệu; xây dựng kế hoạch tham gia làm thành viên các tổ chức, hiệp hội lớn về thư viện, các trung tâm chuyên đào tạo ngành KHMT trong nước và quốc tế.

Từ năm học 2024 - 2025, Trường đã có định hướng trang bị thêm phòng máy hiện đại phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành KHMT nói riêng và khoa

CNTT nói chung. Ngoài ra, BGH còn có những chỉ đạo để phối hợp với các phòng chức năng tiến hành báo cáo phân tích chi tiết khảo sát hiệu quả sử dụng phòng thực hành máy tính theo công năng và hạng mục sử dụng. Đồng thời tăng cường theo dõi tình trạng sử dụng, nghiên cứu nhu cầu sử dụng phòng thực hành và TTB để có những bổ sung, cải tiến kịp thời.

Từ năm học 2024 - 2025, Trường, Khoa CNTT, CVHT tăng cường hướng dẫn để SV hiểu rõ và khai thác tối đa các ứng dụng hiện có trên hệ thống quản lý giáo dục của Trường. Thường xuyên nâng cấp hệ thống CNTT, nâng cao hơn nữa tốc độ đường truyền giúp cho việc tìm kiếm thông tin và phục vụ hoạt động dạy và học hiệu quả hơn. Tăng cường sử dụng thông tin phản hồi của các BLQ để phục vụ cho việc rà soát, điều chỉnh, cải tiến hệ thống CNTT bên trong.

Từ năm học 2024 - 2025, đối với CSVC tại phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ, Trường tăng cường các tiện ích phù hợp với nhu cầu đặc thù của người học khuyết tật. Trang bị thêm hệ thống cây xanh trong tất cả khu vực, tạo môi trường thân thiện, thoải mái phục vụ tốt cho hoạt động dạy và học. Trường sẽ triển khai đầy đủ các quy định về an toàn, sức khỏe và môi trường đến các BLQ, có lưu ý đến người có nhu cầu đặc biệt. Bên cạnh đó tiến hành thu thập ý kiến cũng như khảo sát các bên liên quan về môi trường, sức khỏe, an toàn để có những cải tiến, điều chỉnh phù hợp.

3.10. Nâng cao chất lượng

Từ năm học 2024-2025, Khoa có kế hoạch tiếp tục đẩy mạnh cải tiến các kênh trực tuyến để lấy ý kiến phản hồi về CTDH. Trên cơ sở đó, Khoa sẽ định kỳ họp chuyên môn để tổng hợp các ý kiến đóng góp về CTDH, đẩy mạnh hơn nữa việc tổ chức gặp gỡ, trao đổi với người có ý kiến phản hồi để thu thập thêm những ý kiến đóng góp chuyên sâu.

Từ năm học 2024-2025, Khoa CNTT sẽ phối hợp với Phòng Đào tạo tổ chức tập huấn kỹ các bước thực hiện quy trình xây dựng cũng như rà soát CTDH nhằm giúp GV hiểu rõ các nội dung để từ đó có những ý kiến đóng góp điều chỉnh thiết thực hơn.

Từ năm học 2024-2025, Khoa CNTT sẽ tăng cường tổ chức các buổi trao đổi, thảo luận và đánh giá để rút kinh nghiệm từ giảng viên và các BLQ. Mục tiêu là tìm ra phương pháp dạy, học và đánh giá kết quả học tập hiệu quả hơn.

Từ năm học 2024 - 2025, Khoa sẽ đẩy mạnh hoạt động NCKH, khuyến khích giảng viên và sinh viên tham gia NCKH, tích cực viết bài nghiên cứu. Khoa cũng có kế hoạch tổ chức thêm nhiều hội thảo cấp trường có quy mô, mời được các chuyên gia quốc tế tham gia để chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm.

Từ năm 2024-2025, ngay sau khi có kết quả hồi của các BLQ về chất lượng dịch vụ, Trường sẽ tổng hợp và gửi ý kiến đến các đơn vị trực tiếp phụ trách; thực hiện cải tiến và phản hồi cụ thể hơn đến các BLQ.

Từ năm học 2024-2025, Trường sẽ xây dựng và ban hành hướng dẫn cụ thể cách thức thực hiện khảo sát và xử lý kết quả khảo sát. Đồng thời, tăng cường công tác tập huấn về khảo sát và thiết kế công cụ khảo sát.

Thực hiện đối sánh ý kiến các BLQ để điều chỉnh CTĐT, điều chỉnh hoạt động dạy học, hoạt động hỗ trợ đáp ứng yêu cầu của các BLQ.

3.11. Kết quả đầu ra

Kể từ năm học 2024 - 2025, các CVHT của từng lớp giám sát tình hình học tập của SV do mình phụ trách, nắm bắt nguyên nhân của từng trường hợp cụ thể bị chậm tiến độ để có các giải pháp giúp SV tốt nghiệp đúng tiến độ.

Từ năm học 2024-2025, Khoa kết hợp với Phòng ĐT định kỳ tổng kết, đánh giá về người học tốt nghiệp trước hạn, đúng hạn, trễ hạn so với kế hoạch CTĐT để có những điều chỉnh phù hợp. Bên cạnh đó, các hoạt động giảng dạy, đánh giá người học, hoạt động hỗ trợ được triển khai một cách phù hợp, kịp thời giúp người học tốt nghiệp đúng hạn.

Từ năm học 2024-2025, Trường phối hợp cùng các Khoa đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động gắn kết với cựu SV để đánh giá rõ nét kết quả ĐT của Trường, từ đó tiếp tục đổi mới CTĐT nhằm đáp ứng nhu cầu lao động hiện tại của XH.

Từ năm học 2024-2025, Trường sẽ tăng cường việc hỗ trợ tài chính cho sinh viên tham gia vào các dự án nghiên cứu khoa học. Đồng thời, Trường cùng các Khoa liên quan sẽ duy trì việc tổ chức hội đồng tư vấn để hướng dẫn và nâng cao chất lượng các đề tài NCKH của SV. Thêm vào đó, thông qua các tổ chức Đoàn - Hội, Khoa sẽ chú trọng phát triển các chiến dịch truyền thông và cung cấp tư vấn nhằm nhấn mạnh tầm quan trọng của NCKH đối với SV.

Từ năm học 2024-2025, Trường sẽ tăng cường đánh giá hệ thống trong rà soát, đánh giá mức độ hài lòng của các BLQ để chất lượng ĐT, phục vụ người học ngày càng được nâng cao.

4. Tổng hợp kết quả TĐG CTĐT

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ**

Mã: **KCC**

Tên CTĐT: **KHOA HỌC MÁY TÍNH**

Mã CTĐT: **7480101**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	**Thang đánh giá**							**Tổng hợp theo tiêu chuẩn**		
	Chưa đạt			**Đạt**				**Mức trung bình**	**Số tiêu chí đạt**	**Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)**
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chuẩn 1								5,00	3	100%

Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2								5,00	3	100%
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
Tiêu chuẩn 3								5,00	3	100%
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
Tiêu chuẩn 4								4,66	3	100%
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3				4						
Tiêu chuẩn 5					5			5,00	5	100%
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
Tiêu chuẩn 6								5,00	7	100%
Tiêu chí 6.1					5					

Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7					5					
Tiêu chuẩn 7								5,00	5	100%
Tiêu chí 7.1					5					
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5					5					
Tiêu cuẩn 8								5,00	5	100%
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5					
Tiêu chuẩn 9								4,80	5	100%
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					

Tiêu chuẩn 10								4,83	6	100%
Tiêu chí 10.1					5					
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4				4						
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6					5					
Tiêu chuẩn 11								4,60	5	100%
Tiêu chí 11.1					5					
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3				4						
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5					5					
Đánh giá chung CTĐT								**4,90**	**50**	**100%**

Cần Thơ, ngày 05 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

NGND.PGS.TS. Huỳnh Thanh Nhã

PHẦN IV. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/12/2023

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

- Tiếng Việt: Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ
- Tiếng Anh: Can Tho University of Technology

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

- Tiếng Việt: ĐHKTCNCT
- Tiếng Anh: CTUT

3. Tên trước đây: Không

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ

5. Địa chỉ: 256 Nguyễn Văn Cừ, P. An Hòa, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

6. Thông tin liên hệ:

E-mail: 0292 3894050 - Website: http://ctuet.edu.vn

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 2013

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 09/2013

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: Đại học: 10/2018

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thục ☐

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ)

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

- Tiếng Việt: Khoa Công nghệ thông tin/Bộ môn Khoa học máy tính
- Tiếng Anh: Faculty of Information Technology/Department of Computer Science

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

- Tiếng Việt: Khoa CNTT/BM. KHMT
- Tiếng Anh: Không

14. Tên trước đây: Không

15. Mã CTĐT: 7480101

16. Tên trước đây của CTĐT: Không

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: 256 Nguyễn Văn Cừ, P. An Hòa. Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

18. Số điện thoại liên hệ: 091 5116207

E-mail: khoacntt@ctuet.edu.vn Website: https://khoacntt.ctuet.edu.vn/

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 2013/2015

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 09/2015

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 10/2019

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

1. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT

Khoa CNTT được thành lập theo Quyết định số 66/QĐ-ĐHKTCN ngày 11 tháng 4 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ. Tổng số VCGV của Khoa tính đến thời điểm tháng 12/2023 là 58 người, trong đó có 35 VCGV nam và 23 VCGV nữ. Cơ cấu tổ chức của Khoa gồm Ban Chủ nhiệm Khoa có 01 VCGV giữ nhiệm vụ Trưởng Khoa, 01 VCGV giữ chức vụ Phó trưởng khoa và 01 VCGV được giao kiêm nhiệm công tác Trợ lý Khoa. Khoa có 04 Bộ môn là Bộ môn Hệ thống thông tin, Bộ môn Khoa học máy tính, Bộ môn Kỹ thuật phần mềm (theo các quyết định số 29/QĐ-ĐHKTCNCT, 28/QĐ-ĐHKTCNCT, 27/QĐ-ĐHKTCNCT ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ) và Bộ môn Toán – Tin học ứng dụng (theo Quyết định số 359/QĐ-ĐHKTCNCT ngày 31 tháng 7 năm 2021 của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ). Mỗi bộ môn đều có 01 CBGV giữ nhiệm vụ Trưởng/Phó bộ môn. Tổ chức Đoàn Khoa CNTT gồm 01 Chi đoàn CBGV và 22 Chi đoàn sinh viên, 01 Liên chi hội sinh viên Khoa CNTT, 01 Tổ Công đoàn Khoa có 58 công đoàn viên. Về trình độ chuyên môn: 01 VCVC có trình độ Phó giáo sư, 16 VCGV có trình độ Tiến sĩ, 40 VCGV có trình độ Thạc sĩ; 01 VCGV có trình độ Đại học. Về cơ sở vật chất, Khoa được trang bị Văn phòng Khoa và các phòng thí nghiệm thực hành đáp ứng yêu cầu công tác giảng dạy và NCKH.

Khoa CNTT đang phụ trách đào tạo 05 ngành trình độ đại học: Hệ thống thông tin, Khoa học máy tính, Kỹ thuật phần mềm, Khoa học dữ liệu, Công nghệ thông tin. Hiện nay, tổng số quy mô sinh viên của khoa là 1563, trong đó có 267 SV ngành Khoa học máy tính.

Thường xuyên thực hiện phương châm "Tất cả vì Sinh viên thân yêu!", hằng năm Khoa tổ chức cho các sinh viên đi thực tập tốt nghiệp tại các cơ quan, công ty, doanh nghiệp. Từ năm 2018 đến năm 2023, Khoa có khoảng 603 sinh viên đi thực tập thực tế trên nhiều cơ quan, doanh nghiệp. Sinh viên của Khoa nhận được sự hài lòng của cơ sở thực tập cả về kiến thức chuyên môn lẫn đạo đức, tác phong trong công việc. Công tác gắn kết doanh nghiệp, giới thiệu việc làm cho sinh viên được đặc biệt quan tâm. Trong các buổi Chào đón tân sinh viên hằng năm, Khoa đều mời các doanh nghiệp, các cựu sinh viên đến chia sẻ kinh nghiệm, giới thiệu các xu hướng công nghệ cũng như có những phần thưởng, học bổng nhằm khuyến khích, động viên sinh viên của các ngành đào tạo do Khoa quản lý.

Tính đến tháng 12/2023, Khoa CNTT đã có 148 sinh viên tốt nghiệp ngành Khoa học máy tính. Tập thể Khoa luôn hoàn thành tốt công việc được giao, 100% VCGV hoàn thành và vượt định mức giờ chuẩn giảng dạy được giao. Năm học 2019 - 2020, Khoa được

tặng danh hiệu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Trong năm học 2020 – 2021, 01 giảng viên của Khoa cũng nhận được danh hiệu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ do UBND thành phố Cần Thơ trao tặng.

2. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT

a) Cơ cấu tổ chức của Trường ĐHKTCNCT

Cơ cấu tổ chức Trường ĐHKTCNCT gồm Hội đồng trường, Ban giám hiệu, 07 phòng (phòng Đào tạo, phòng Thanh tra - Pháp chế - Đảm bảo chất lượng và Khảo thí, phòng Công tác chính trị và Quản lý sinh viên, phòng Tổ chức hành chính, phòng Tài chính - Kế toán, phòng Quản trị thiết bị, phòng Quản lý khoa học - Hợp tác quốc tế), 07 khoa (Khoa Điện - Điện tử - Viễn Thông, Khoa Khoa học xã hội – nhân văn, Khoa Quản lý công nghiệp, Khoa Kỹ thuật xây dựng, Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Kỹ thuật cơ khí và Khoa Công nghệ thực phẩm và Công nghệ sinh học), 03 trung tâm (trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, trung tâm Đào tạo - Bồi dưỡng, trung tâm Thí nghiệm - Kỹ thuật năng lượng - Chuyển giao công nghệ), Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức đoàn thể hội, các Hội đồng tư vấn gồm Hội đồng trường, Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Hội đồng Đảm bảo chất lượng, Hội đồng tuyển dụng, Hội đồng tuyển sinh, Hội đồng Lương, Hội đồng Sáng kiến, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng kiểm tra đánh giá kết thúc học phần (Hình 1).

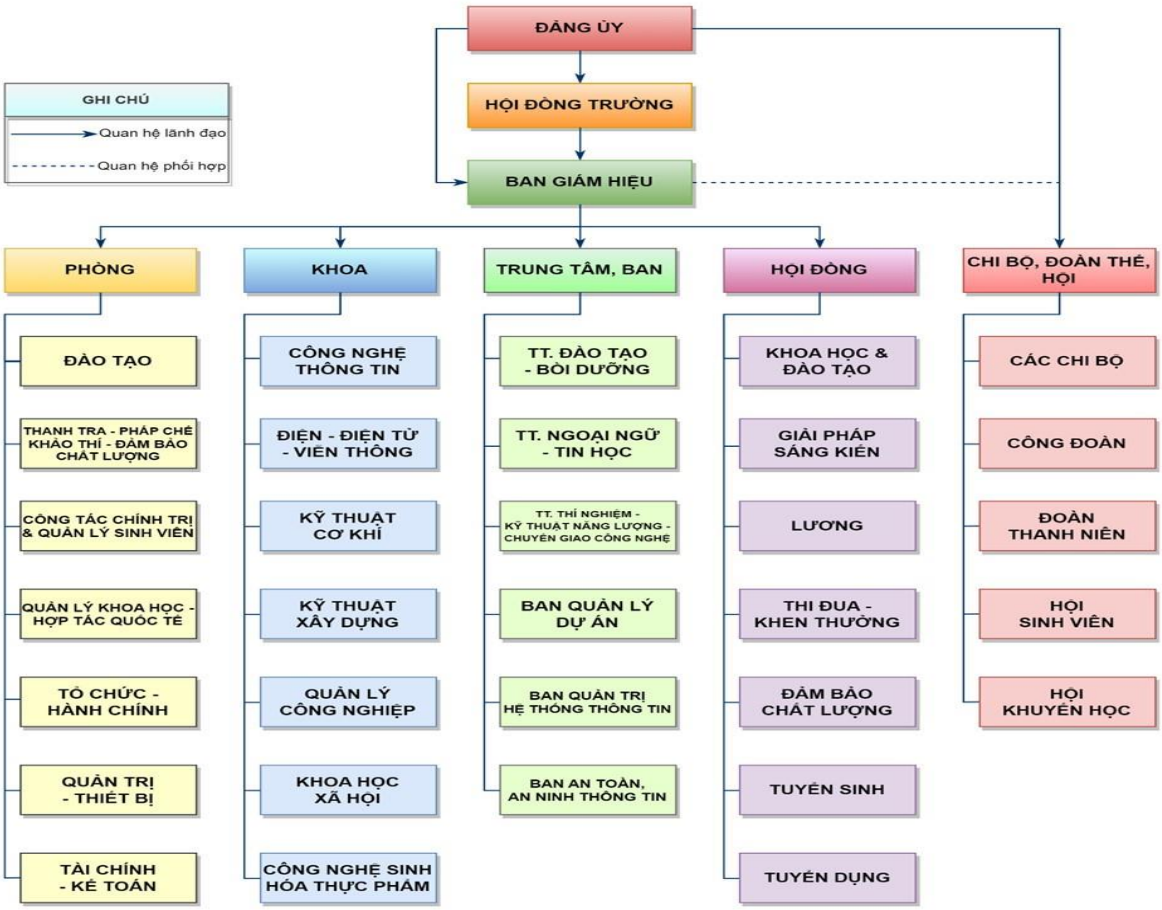

Hình 1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trường ĐHKTCNCT

b) Cơ cấu tổ chức của Khoa CNTT

Cơ cấu tổ chức của Khoa CNTT gồm BCN Khoa; Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp khoa; Trợ lý khoa; các Bộ môn; các tổ chức Đảng, Đoàn thể, Hội gồm Chi bộ Khoa CNTT, Đoàn Thanh niên, Tổ Công Đoàn Khoa, Chi hội khuyến học (Hình 2).

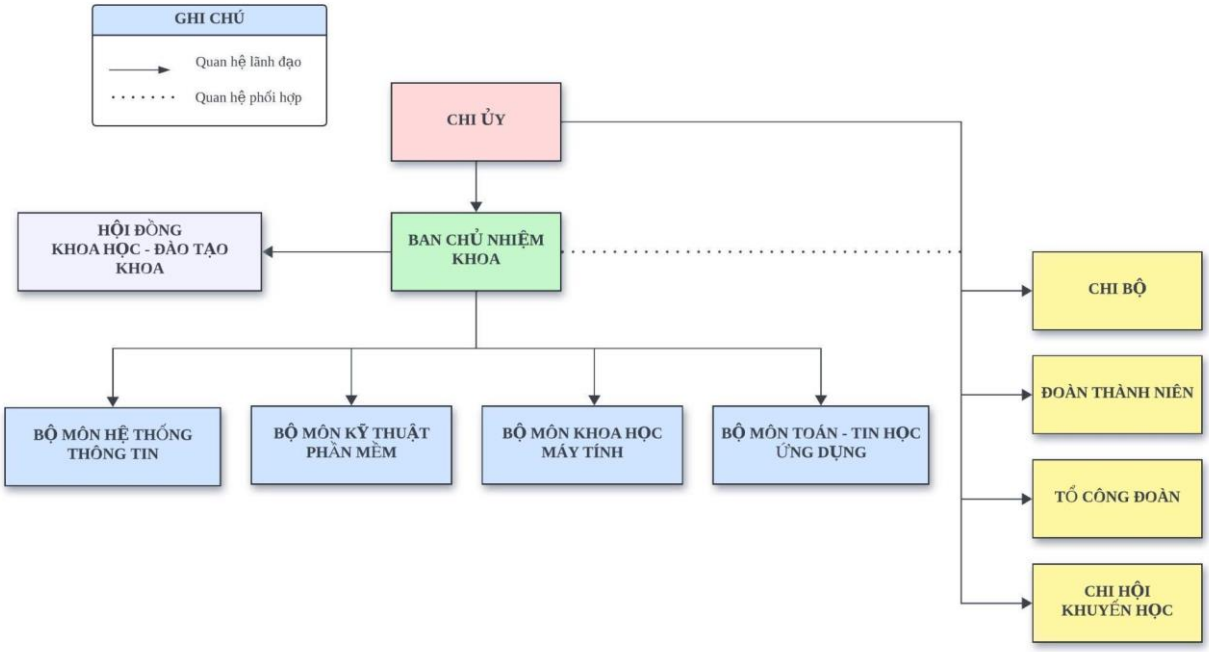

Hình 2. Sơ đồ Cơ cấu tổ chức của Khoa CNTT

3. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục					
1.	Chủ tịch hội đồng Trường	Đỗ Thị Tuyết Nhung	1975	Giảng viên chính, TS	0983006563	dttnhung@ctuet.edu.vn
2.	Hiệu trưởng	Huỳnh Thanh Nhã	1965	Giảng viên cao	0919209555	htnha@ctuet.edu.vn

				cấp, PGS. TS		
3.	Phó Hiệu trưởng	Trương Minh Nhật Quang	1965	Giảng viên chính, Tiến sĩ	0918192592	tmnquang@ctuet.edu.vn
4.	Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Thị Yên Chi	1974	Giảng viên chính, Thạc sĩ	0907389111	ntychi@ctuet.edu.vn
	Đơn vị thực hiện CTĐT					
I.	**Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị**					
1.	Trưởng khoa	Trương Minh Nhật Quang	1965	Giảng viên chính, Tiến sĩ	0918192592	tmnquang@ctuet.edu.vn
2.	Phó trưởng khoa	Hà Lê Ngọc Dung	1987	Giảng viên, Thạc sĩ	0386762646	hlndung@ctuet.edu.vn
II.	**Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội**					
1.	Bí thư chi bộ Khoa CNTT	Trương Minh Nhật Quang	1965	Giảng viên chính, Tiến sĩ	0918192592	tmnquang@ctuet.edu.vn
2.	Bí thư Đoàn TNCS Khoa CNTT	Nguyễn Nhựt Quỳnh	1996	Giảng viên, Thạc sĩ	0832629228	nnquynh@ctuet.edu.vn
3.	Công đoàn	Đặng Trung Tín	1989	Giảng viên, Thạc sĩ	0836709246	dttin@ctuet.edu.vn

III.	**Các phòng, ban**					
1.	Trưởng Phòng Đào tạo	Nguyễn Minh Tuấn	1971	GV, Tiến sĩ	0913185666	nmtuan@ctuet.edu.vn
2.	Trưởng phòng TCHC	Nguyễn Thị Yên Chi	1974	Giảng viên chính, Thạc sĩ	0907389111	ntychi@ctuet.edu.vn
3.	PT Phòng QLKH-HTQT	Nguyễn Đăng Hoa Nghiêm	1984	GV, Tiến sĩ	0935611408	ndhnghiem@ctuet.edu.vn
4.	Trưởng phòng CTCT&QLSV	Nguyễn Chí Hiếu	1976	CV, Thạc sĩ	0931771517	nchieu@ctuet.edu.vn
5.	Trưởng phòng QTTB	Võ Khắc Tâm	1970	CVC, Thạc sĩ	0913530530	vktam@ctuet.edu.vn
6.	Trưởng phòng TCKT	Trần Long Hải	1978	CV, Thạc sĩ	0983891457	tlhai@ctuet.edu.vn
7.	Trưởng Phòng TT-PC-KT-ĐBCL	Lê Anh Tuấn	1967	GV, Thạc sĩ	0918280455	latuan@ctuet.edu.vn
IV.	**Các bộ môn**					
1.	Trưởng bộ môn HTTT	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	1983	Giảng viên, Tiến sĩ	0903347296	nthhanh@ctuet.edu.vn

2.	Phó trưởng bộ môn HTTT	Nguyễn Trung Việt	1987	Giảng viên, Thạc sĩ	0949179289	ntviet@ctuet.edu.vn
3.	Trưởng bộ môn KTPM	Trần Văn Út	1977	Giảng viên, Tiến sĩ	0388868345	tvut@ctuet.edu.vn
4.	Phó trưởng bộ môn KTPM	Đinh Thành Nhân	1992	Giảng viên, Thạc sĩ	0907700659	dtnhan@ctuet.edu.vn
5.	Trưởng bộ môn KHMT	Dương Trung Nghĩa	1985	Giảng viên, Tiến sĩ		dtnghia@ctuet.edu.vn
6.	Phó trưởng bộ môn KHMT	Nguyễn Trung Kiên	1991	Giảng viên, Thạc sĩ	0986232860	ntkien@ctuet.edu.vn
7.	Trưởng bộ môn Toán – Tin học ứng dụng	Lê Anh Xuân	1980	Giảng viên, Tiến sĩ	0919333680	laxuan@ctuet.edu.vn

4. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT: Hệ thống thông tin, Kỹ thuật phần mềm, Khoa học máy tính, Khoa học dữ liệu, Công nghệ thông tin

5. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

6. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 0

7. Số lượng ngành đào tạo đại học: 05

8. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

9. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác: 01 (HTTT Văn bằng 2)

10. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☐	☐
Từ xa	☐	☐
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☐
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☐

Các loại hình đào tạo khác: Văn bằng 2

11. Tổng số các ngành đào tạo: 05

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

1. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	**Đội ngũ cơ hữu** *Trong đó:*	35	23	58
I.1	Đội ngũ trong biên chế	28	17	45
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	07	06	13
II	**Các đối tượng khác** Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)	11	04	15
	Tổng số	**46**	**27**	**73**

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có sơ sở dữ liệu về đội ngũ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên)

2. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	-	-	-	-	-	-
2	Phó Giáo sư	1	-	1	-	-	-
3	Tiến sĩ khoa học	-	-	-	-	-	-

4	Tiến sĩ	21	11	03	02	05	-
5	Thạc sĩ	50	29	09	02	10	-
6	Đại học	01	01	-	-	-	-
7	Cao đẳng	-	-	-	-	-	-
8	Trình độ khác	-	-	-	-	-	-
	Tổng số	**73**	**41**	**13**	**04**	**15**	

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 58 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 100 %.

3. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 35).

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 35 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với cơ sở giáo dục đại học, học viện: áp dụng Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT).

TT	**Trình độ, học vị, chức danh**	**Hệ số quy đổi**	**Số lượng GV**	**GV cơ hữu**			**GV thỉnh giảng**	**GV quốc tế**	**GV quy đổi**
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	**GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy**	**GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý**			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	-	-	-	-	-	-	0

2	Phó Giáo sư	3,0	1	-	1	-	-	1	3.6
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	-	-	-	-	-	-	0
4	Tiến sĩ	2	21	11	03	02	05	21	39.6
5	Thạc sĩ	1	50	29	09	02	10	50	50.6
6	Đại học	0,3	01	01	-	-	-	01	0.36
	Tổng		**73**	**41**	**13**	**04**	**15**	**73**	

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

4. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	**Trình độ / học vị**	**Số lượng, người**	**Tỷ lệ (%)**	**Phân loại theo giới tính (ng)**		**Phân loại theo tuổi (người)**				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Phó Giáo sư	1	1.72	-	1	-	-	-	-	1
3	Tiến sĩ khoa học	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Tiến sĩ	16	27.59	08	8	1	10	03	02	-
5	Thạc sĩ	40	68.97	27	13	05	26	06	02	1
6	Đại học	01	1.72	-	01	-	-	01	-	-
	Tổng	58	**100**	**35**	**23**	**06**	**36**	**10**	**04**	**2**

4.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 38,57 tuổi

4.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 27,59%.

4.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 68,97%.

5. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	3,5	100,0
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	60,3	-
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	36,2	-
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	-	-
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	-	-
	Tổng	100,0	100,0

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

1. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm (30)	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2018-2019	-	96	-	68	14,5 (THPT)	-	0
2019-2020	-	114	-	65	13,5 (THPT) 18 (học bạ)	-	0

2020-2021	143 (THPT) 143 (học bạ)	35 (THPT) 75 (học bạ)	1:4,91 (THPT) 1:1,91 (học bạ)	63	19,7 (THPT) 18 (học bạ)	19,88 (THPT) 21,23 (học bạ)	0
2021–2022	125 (THPT) 140 (Học bạ)	13 (THPT) 58 (học bạ)	1:9,62 (THPT) 1:2,41 (học bạ)	61	23,25 (THPT) 18,5 (học bạ)	23,87 (THPT) 21,47 (học bạ)	0
2022–2023	220 (THPT) 131 (Học bạ) 4 (ĐGNL)	10 (THPT) 58 (học bạ) 1 (ĐGNL)	1:22 (THPT) 1:2,26 (học bạ) 1:4 (ĐGNL)	63	24,15 (THPT) 23,4 (học bạ) 738 (ĐGNL)	24,38 (THPT) 25,62 (học bạ) 738 (ĐGNL)	0

2. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	**2018-2019**	**2019-2020**	**2020-2021**	**2021-2022**	**2022-2023**
1. Nghiên cứu sinh	-	-	-	-	-
2. Học viên cao học	-	-	-	-	-
3. Sinh viên đại học Trong đó:	168	217	211	252	267
Hệ chính quy	168	217	211	252	267
Hệ không chính quy	-	-	-	-	-
4. Sinh viên cao đẳng Trong đó:	-	-	-	-	-
Hệ chính quy	-	-	-	-	-

Các tiêu chí	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Hệ không chính quy	-	-	-	-	-
5. Học sinh TCCN Trong đó:	-	-	-	-	-
Hệ chính quy	-	-	-	-	-
Hệ không chính quy	-	-	-	-	-
6. Khác:	-	-	-	-	-

3. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
Số lượng (người)	-	-	-	-	-
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	-	-	-	-	-

4. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1. Tổng diện tích phòng ở (m^2)	-	-	-	-	-
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	-	-	-	-	-
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	-	-	-	-	-
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m^2/người)	-	-	-	-	-

5. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2018-2019	**2019-2020**	**2020-2021**	**2021-2022**	**2022-2023**
Số lượng (người)		5	-	2	4
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	-	2.,30%	-	0.79 %	1.49 %

6. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	**Năm tốt nghiệp**				
	2018-2019	**2019-2020**	**2020-2021**	**2021-2022**	**2022-2023**
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	-	-	-	-	-
2. Học viên tốt nghiệp cao học	-	-	-	-	-
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:	8	31	20	36	53
Hệ chính quy	8	31	20	36	53
Hệ không chính quy	-	-	-	-	-
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:	-	-	-	-	-
Hệ chính quy	-	-	-	-	-
Hệ không chính quy	-	-	-	-	-
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp. Trong đó:	-	-	-	-	-
Hệ chính quy	-	-	-	-	-
Hệ không chính quy	-	-	-	-	-
6. Khác:	-	-	-	-	-

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

7. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	**Năm tốt nghiệp**				
	2018-2019	**2019-2020**	**2020-2021**	**2021-2022**	**2022-2023**
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	8	31	20	36	53
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%),	11,76	47,7	31,74	59,01	84,12
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này điền các thông tin dưới đây:	-	-	-	-	-
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%),	-	25	49	-	74
3.2. Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%),	-	75	45	-	23
3.3. Tỷ lệ người học trả lời không học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp.	-	0	6	-	3
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:	8	30	18	33	-

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018-2019	**2019-2020**	**2020-2021**	**2021-2022**	**2022-2023**
A, Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%), - Sau 6 tháng tốt nghiệp, - Sau 12 tháng tốt nghiệp,	- 50	- 33,33	- 50	- 39,39	- -
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%),	25	16,67	38,89	21,21	-
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	-	5.125.000	10.650.000	-	-
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này chuyển xuống kết thúc bảng này, B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này điền các thông tin dưới đây:	-	-	-	-	-
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%),	-	-	25	22	-

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%),	-	-	71	78	-
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	-	-	3	0	-

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm,
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp,
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

V. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

1. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 6 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng						
			2018	2019	2020	2021	2022	2023	Tổng (đã quy đổi)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Đề tài cấp NN	2,0	-	-	-	-		-	
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0	01	-	-	-		-	**01**
3	Đề tài cấp trường	0,5	3	2	8	4	3	4	**12**
	Tổng		**4**	**2**	**8**	**4**	**3**	**4**	**13**

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8 + cột 9)

** Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước,*

***Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh),*

Tổng số đề tài quy đổi: 10,5

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 0,18

2. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2018 - 2019	13,31	-	0,459
2	2019 - 2020	-	-	-
3	2020 - 2021	-	-	-
4	2021 - 2022	50	-	0,926
5	2022 - 2023	-	-	-

3. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	-		16	
Từ 4 đến 6 đề tài	-	-	03	
Trên 6 đề tài	-	-	-	
Tổng số cán bộ tham gia	**-**		**19**	

** Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước*

4. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng						
			2018	2019	2020	2021	2022	2023	Tổng (đã quy đổi)
1	Sách chuyên khảo	2,0	-	-	-	-			0,0
2	Sách giáo trình	1,5		1	02	-			4,5
3	Sách tham khảo	1,0	-	-	-	-	-		-
4	Sách hướng dẫn	0,5	-	-	-	-	-		-
	Tổng		**-**	**-**	**02**	**-**	**-**	**-**	**4,5**

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh),

Tổng số sách (quy đổi): 4,5

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.078

5. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	-	04	-	-
Từ 4 đến 6 cuốn sách	-	-	-	-
Trên 6 cuốn sách	-	-	-	-
Tổng số cán bộ tham gia	**-**	**04**	**-**	**-**

6. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					
			2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	Tổng (đã quy đổi)
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	9	4	3		1	**25,5**
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	1	3	5	1	4	**14**
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	-	-	-	-	-	-
	Tổng		**10**	**07**	**08**	**01**	**05**	**39,5**

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh),

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 39,5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.68

7. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây: (2019-2023)

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	13	5	-
Từ 6 đến 10 bài báo	-	2	-
Từ 11 đến 15 bài báo	-	-	-
Trên 15 bài báo	-	-	-
Tổng số cán bộ tham gia	**13**	**7**	**-**

8. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					
			2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021 - 2022	2022 - 2023	Tổng (đã quy đổi)
1	Hội thảo quốc tế	1,0	9	4	3		1	**17**
2	Hội thảo trong nước	0,5	1	3	5	1	4	**7**
3	Hội thảo cấp trường	0,25	-	-	-	-	-	-
4	**Tổng**		**10**	**07**	**08**	**01**	**05**	**24**

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh),

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 24

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0.41

9. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	13	07	-
Từ 6 đến 10 báo cáo	-	-	-
Từ 11 đến 15 báo cáo	-	-	-
Trên 15 báo cáo	-	-	-
Tổng số cán bộ tham gia	**13**	**07**	**-**

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

10. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	**Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)**
2016 - 2017	-
2017 - 2018	-
2018 - 2019	-
2019 - 2020	-
2020 - 2021	-

11. Nghiên cứu khoa học của người học

11.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	**Số lượng người học tham gia**			**Ghi chú**
	Đề tài cấp NN	**Đề tài cấp Bộ***	**Đề tài cấp trường**	
Từ 1 đến 3 đề tài	-	-	16	
Từ 4 đến 6 đề tài	-	-	3	
Trên 6 đề tài	-	-	-	
Tổng số người học tham gia	-	-	19	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

11.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	**Thành tích nghiên cứu khoa học**	**Số lượng**					
		2018	**2019**	**2020**	**2021**	**2022**	**2023**
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	-	-	-	-	-	

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng					
		2018	2019	2020	2021	2022	2023
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	1	6	2	0	0	

VI. Cơ sở vật chất, thư viện

1. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m2): Cơ sở I diện tích 12.521,5 m2, Cơ sở II diện tích: 17.690 m2

2. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m2): 128 m2 (Văn phòng khoa), Diện tích phòng thực hành máy tính khoa quản lý 924 m2

3. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m2):

- Nơi làm việc: 5.041 m2 Nơi học: 19.283 m2 Nơi vui chơi giải trí: 7.021 m2

4. Diện tích phòng học (tính bằng m2)

- Tổng diện tích phòng học: 8.529,4 m2
- Tỷ lệ diện tích phòng học trên người học chính quy: 31,94 m2

5. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin – Thư viện: 7.132 đầu sách (thư viện) và 7.271 đầu sách (thư viện số)

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 0

6. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 60 máy
- Dùng cho người học học tập: 300 máy
- Tỷ lệ số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 1,12

VII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 58

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 100%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 29.31%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 68.97%

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 267

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 4,6

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 77.09%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 43%

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 54%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 43%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 48%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 10,6 triệu VNĐ

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 80.43%

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 28.26%

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,34

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0,6

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,15

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,18

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,56

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 1,12

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 31,94 m2

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 0,0

Phụ lục 2. Các tư liệu, tài liệu liên quan

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ **TRƯỜNG ĐẠI HỌC** **KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 738 /QĐ-ĐHKTCN	*Cần Thơ, ngày 30 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh, bổ sung Hội đồng tự đánh giá chương trình Khoa học máy tính, trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

Căn cứ Quyết định số 249/QĐ-TTg ngày 29 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu trình kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Theo đề nghị của Trưởng khoa Công nghệ thông tin và và Trưởng phòng Thanh tra - Pháp chế - Khảo thí - Đảm bảo chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Hội đồng Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Khoa hoc máy tính gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình Khoa học máy tính theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT của Cục Quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Trưởng khoa Công nghệ thông tin, các đơn vị có liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Đăng website;
- Lưu VT. LeAnhTuan.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

Huỳnh Thanh Nhã

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KHOA HỌC MÁY TÍNH
(Kèm theo Quyết định số 738/QĐ-ĐHKTCN ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Huỳnh Thanh Nhã	PGS. TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Ông Trương Minh Nhật Quang	TS, Phó Hiệu trưởng, Trưởng khoa Công nghệ thông tin	Phó chủ tịch
3	Ông Lê Anh Tuấn	ThS, Trưởng phòng Thanh tra - Pháp chế - Khảo thí - Đảm bảo chất lượng	Thư ký
4	Ông Nguyễn Minh Tuấn	TS, Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
5	Ông Nguyễn Đăng Hoa Nghiêm	TS, Phó Trưởng phòng Quản lý khoa học - Hợp tác quốc tế	Thành viên
6	Ông Nguyễn Chí Hiếu	ThS, Trưởng phòng Công tác chính trị và Quản lý sinh viên	Thành viên
7	Ông Lê Anh Xuân	TS, Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính	Thành viên
8	Ông Võ Khắc Tâm	ThS, Trưởng phòng Quản trị - Thiết bị	Thành viên
9	Ông Trần Long Hải	ThS, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán	Thành viên
10	Ông Nguyễn Hoàng Viện	ThS, Thư ký Hội đồng Trường	Thành viên
11	Bà Hà Lê Ngọc Dung	ThS, Phó Trưởng khoa Công nghệ thông tin	Thành viên
12	Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	TS, Trưởng Bộ môn Hệ thống thông tin	Thành viên
13	Ông Đinh Thành Nhân	ThS, Phó Trưởng Bộ môn Kỹ thuật phần mềm	Thành viên
14	Ông Nguyễn Trung Kiên	ThS, Phó Trưởng Bộ môn Khoa học máy tính	Thành viên
15	Ông Hồng Thanh Luận	ThS, Giảng viên	Thành viên
16	Bà Đặng Thị Dung	ThS, Giảng viên	Thành viên
17	Bà Trần Thị Hồng Nga	ThS, Giảng viên	Thành viên
18	Bà Lê Anh Nhã Uyên	ThS, Giảng viên	Thành viên
19	Ông Nguyễn Văn Chí	ThS, Giảng viên	Thành viên
20	Ông Lâm Thanh Toản	ThS, Giảng viên	Thành viên
21	Ông Phan Nguyễn Thanh Hùng	Sinh viên lớp KHMT0121	Thành viên

(Danh sách có 21 người)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số: 738/QĐ-ĐHKTCN ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Lê Anh Tuấn	ThS, Trưởng phòng Thanh tra - Pháp chế - Khảo thí - Đảm bảo chất lượng	Trưởng Ban
2	Ông Nguyễn Trung Kiên	ThS, Phó trưởng Bộ môn Khoa học máy tính	Phó Trưởng ban
3	Ông Diệp Bình Nguyên	ThS, Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
4	Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh	ThS, Phó Trưởng phòng Quản lý khoa học - Hợp tác quốc tế	Thành viên
5	Bà Nguyễn Thị Mai Khanh	ThS, Phó Trưởng phòng Công tác chính trị - Quản lý sinh viên	Thành viên
6	Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	ThS, Phó Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính	Thành viên
7	Ông Hồ Chí Linh	TS, Phó Trưởng phòng Quản trị - Thiết bị	Thành viên
8	Bà Bùi Thái Bình	ThS, Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế toán	Thành viên
9	Bà Phạm Thị Bích Ngân	ThS, Phó Trưởng khoa Khoa học xã hội	Thành viên
10	Bà Đặng Thị Dung	ThS, Giảng viên	Thành viên
11	Bà Trần Thị Hồng Nga	ThS, Giảng viên	Thành viên
12	Ông Hồng Thanh Luận	ThS, Giảng viên	Thành viên
13	Ông Nguyễn Văn Chí	ThS, Giảng viên	Thành viên

(Danh sách gồm 13 thành viên)

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 798/QĐ-ĐHKTCN ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1 (TC 1, 2, 3)	Ông Nguyễn Trung Kiên	ThS, Phó Trưởng BM KHMT	Trưởng nhóm
	Bà Đặng Thị Dung	ThS, Giảng viên	Thư ký
	Bà Hà Lê Ngọc Dung	ThS, Phó Trưởng khoa CNTT	Thành viên
	Bà Lê Anh Nhã Uyên	ThS, Giảng viên	Thành viên
	Ông Nguyễn Văn Chí	ThS, Giảng viên	Thành viên
	Ông Lâm Thanh Toản	ThS, Giảng Viên	Thành viên
Nhóm 2 (TC 4, 5)	Ông Nguyễn Trung Kiên	ThS, Giảng viên	Trưởng nhóm
	Bà Đặng Thị Dung	ThS, Giảng viên	Thư ký
	Bà Lê Anh Nhã Uyên	ThS, Giảng viên	Thành viên
	Ông Nguyễn Văn Chí	ThS, Giảng viên	Thành viên
	Ông Hồng Thanh Luận	ThS, Giảng viên	Thành viên
Nhóm 3 (TC 6, 7)	Ông Lê Anh Xuân	TS, Trưởng Phòng TC-HC	Trưởng nhóm
	Bà Trần Thị Hồng Nga	ThS, Giảng viên	Thư ký
	Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	ThS, Phó Trưởng Phòng TC-HC	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh	ThS, Phó Trưởng Phòng QLKH-HTQT	Thành viên
	Ông Lâm Thanh Toản	ThS, Giảng viên	Thành viên
Nhóm 4 (TC 8)	Ông Nguyễn Chí Hiếu	ThS, Trưởng Phòng CTCT&QLSV	Trưởng nhóm
	Ông Nguyễn Văn Chí	ThS, Giảng viên	Thư ký
	Bà Nguyễn Thị Mai Khanh	ThS, Phó Trưởng Phòng CTCT&QLSV	Thành viên
	Bà Hoàng Thị Phương Thảo	ThS, Giảng viên	Thành viên
Nhóm 5 (TC 9)	Ông Võ Khắc Tâm	ThS, Trưởng Phòng QT-TB	Trưởng nhóm
	Ông Nguyễn Văn Chí	ThS, Giảng viên	Thư ký
	Ông Hồ Chí Linh	TS, Phó Trưởng Phòng QT-TB	Thành viên
	Bà Ngô Thị Ngọc Tuyết	CN, Thư viện viên	Thành viên
	Ông Lâm Thanh Toản	ThS, Giảng viên	Thành viên
Nhóm 6 (TC 10, 11)	Ông Lê Anh Tuấn	ThS, Trưởng Phòng TT-PC- KT -ĐBCL	Trưởng nhóm
	Ông Hồng Thanh Luận	ThS, Giảng viên	Thư ký
	Bà Hà Lê Ngọc Dung	ThS, Phó Trưởng khoa CNTT	Thành viên
	Bà Lê Thị Thảo	ThS, Giảng viên	Thành viên
	Bà Ngô Thị Cẩm Tú	ThS, Giảng viên	Thành viên
	Bà Trần Thị Thanh Thảo	ThS, Giảng viên	Thành viên

(Danh sách gồm 21 người)

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

Số: 938 /KH - ĐHKTCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 29 tháng 9 năm 2022

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ
Chương trình đào tạo: KHOA HỌC MÁY TÍNH
trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy

I. Mục đích tự đánh giá

Nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng CTĐT và để đăng ký KĐCLGD.

II. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ KĐCLGD.

III. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT gồm 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn sau:

- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 về việc thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD
- Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT.
- Công văn số 744/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 của Cục Quản lý chất lượng về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD.

IV. Hội đồng tự đánh giá

1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT Khoa học máy tính được thành lập theo Quyết định số 680/QĐ-ĐHKTCN ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Trường Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ. Hội đồng gồm có 19 thành viên (Danh sách kèm theo).

Chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng tự đánh giá theo Điều 8, Thông tư 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013.

2. Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách

Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách được thành lập theo Quyết định số 680/QĐ-ĐHKTCN ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ (Danh sách kèm theo).

3. Phân công thực hiện nhiệm vụ

a) Nhóm thư ký

Trưởng, phó ban thư ký: chịu trách nhiệm chung về việc biên tập, tổng hợp các báo cáo từ các nhóm thành bản dự thảo báo cáo và chỉnh sửa theo góp ý để hoàn thiện báo cáo.

Lập kế hoạch hoạt động của Hội đồng theo phân công của Chủ tịch hội đồng; giám sát việc thực hiện kế hoạch của các thành viên trong hội đồng và các nhóm công tác chuyên trách.

b) Các nhóm công tác, cá nhân

Trưởng nhóm điều hành chung, chủ động tổ chức họp nhóm để phân công công việc cụ thể cho các thành viên, cung cấp cách thức tìm thông tin, minh chứng; chịu trách nhiệm về các tiêu chuẩn, kế hoạch thực hiện và báo cáo cuối cùng của tiêu chuẩn được phân công; biên tập các báo cáo của thành viên trong nhóm theo kế hoạch tự đánh giá của Trường và gửi cho Trưởng ban thư ký.

Các thành viên nhóm công tác chuyên trách: tìm thông tin, minh chứng, xử lý số liệu, dữ liệu, viết báo cáo theo từng tiêu chí do trưởng nhóm phân công.

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1.	Tiêu chuẩn 1, 2, 3	Nhóm 1	Từ 01/10/2022 đến 15/11/2022	
2.	Tiêu chuẩn 4, 5	Nhóm 2		
3.	Tiêu chuẩn 6, 7	Nhóm 3		
4.	Tiêu chuẩn 8	Nhóm 4		
5.	Tiêu chuẩn 9	Nhóm 5		
6.	Tiêu chuẩn 10, 11	Nhóm 6		

V. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá

1. Thời gian: tháng 10/2022

2. Thành phần: Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, các nhóm công tác chuyên trách.

3.Nội dung, chương trình tập huấn:

- Phổ biến các văn bản tự đánh giá CTĐT
- Quy trình và thủ tục tự đánh giá
- Hướng dẫn phân tích tiêu chí, tìm thông tin và minh chứng; đánh giá tiêu chí; viết báo cáo tự đánh giá.

VI. Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, tài chính, ...) và thời điểm cần huy động / cung cấp

1. Nhân lực

Các thành viên Hội đồng Tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách (trưởng, phó đơn vị, giảng viên, chuyên viên; các tổ chức đoàn thể: tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên,…)

2. Cơ sở vật chất

Tận dụng cơ sở vật chất sẵn có của Nhà trường và các đơn vị; Có thể mua sắm thêm các dụng cụ văn phòng phẩm cần thiết cho công tác tự đánh giá trên cơ sở lập dự trù mua sắm.

3. Tài chính

Các mức kinh phí chi cho hoạt động tự đánh giá bao gồm: Các phiên họp, xây dựng báo cáo, tìm minh chứng, biên tập, sửa chữa, đánh giá, văn phòng phẩm trên cơ sở lập dự trù kinh phí và xét duyệt của Nhà trường.

VII. Dự kiến thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (nếu có)

Tùy tình hình thực tế, các nhóm công tác chuyên trách có nhu cầu thu thập thông tin minh chứng từ nguồn ngoài trường theo các đề xuất sau:

- Các lĩnh vực cần khảo sát.
- Các đối tượng/ các bên liên quan cần khảo sát.
- Các thông tin/ dữ liệu cần cho so sánh, đối sánh và so chuẩn.

VIII. Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp Hội đồng triển khai tự đánh giá

Dự kiến tháng 12/2022, Nhà trường mời chuyên gia tư vấn đến tập huấn công tác tự đánh giá với các nội dung về kỹ thuật tìm minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá theo từng tiêu chuẩn, chia sẻ những kinh nghiệm trong công tác tự đánh giá và giải quyết những vấn đề phát sinh trong lúc triển khai công tác tự đánh giá.

IX. Lập bảng danh mục mã minh chứng

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng.

Bảng danh mục mã minh chứng được trình bày bảng theo chiều ngang của khổ A4 (có thể để riêng và để ở phần Phụ lục của báo cáo TĐG).

X. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 1 – 2 (Từ 19/9/2022 đến 02/10/2022)	1. Họp Lãnh đạo Trường và lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng TĐG CTĐT. 2. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng TĐG CTĐT. 3. Họp Hội đồng TĐG CTĐT để: • Công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG • Tập huấn về quy trình TĐG và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; • Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; • Dự thảo kế hoạch TĐG CTĐT.
Tuần 3 – 4 (Từ 03/10/2022 đến 1610/2022)	1. Phổ biến chủ trương triển khai TĐG đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. 2. Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai TĐG cho đội ngũ chủ chốt liên quan. 3. Họp Hội đồng TĐG CTĐT để thông qua: • Bản kế hoạch TĐG CTĐT; • Dự thảo đề cương báo cáo TĐG (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ GDĐT và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT); • Trình Hiệu trưởng đề nghị ban hành kế hoạch TĐG.
Tuần 5 – 8 (Từ 17/10/2022 đến 13/11/2022)	1. Công bố kế hoạch TĐG đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. 2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. 3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. 4. Mô tả thông tin và minh chứng thu được. 5. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 9 - 15 (Từ 14/11/2022 đến 01/01/2023)	1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 16 (Từ 02/01/2023 đến 08/01/2023)	Hội đồng tự đánh giá CTĐT: • Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; • Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG; • Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; • Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; • Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.
Tuần 17 - 18 (Từ 09/01/2023 đến 22/01/2023)	1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 2. Hội đồng TĐG CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, … để thảo luận về báo cáo TĐG, xin ý kiến góp ý.
Tuần 19 - 21 (Từ 23/01/2023 đến 12/02/2023)	1. Công bố bản báo cáo TĐG (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban, …) trong nội bộ Nhà trường và đơn vị thực hiện CTĐT. 2. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học, …. đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo TĐG
Tuần 22 - 23 (Từ 13/02/2023 đến 26/02/2023)	1. Hội đồng TĐG CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến phản biện; 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo TĐG lần cuối và nộp báo cáo TĐG cho lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT và Hiệu trưởng để xem xét. 3. Hoàn thiện báo cáo TĐG
Tuần 24 (Từ 27/02/2023 đến 05/3/2023)	1. Nhà trường gửi báo cáo TĐG và công văn cho cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2. Nhà trường bảo quản báo cáo TĐG, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo TĐG.

Nơi nhận:
- UBND TPCT (để b/c);
- Hội đồng TĐG (để th/h);
- Các đơn vị trong trường (để th/h);
- Lưu VT, P.TTPCKTĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG

Phụ lục 3. Danh mục minh chứng